

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7700/BTC-CST
V/v xin ý kiến thẩm định về dự
án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt
(sửa đổi).

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 8/6/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Theo đó, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi) đã được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, 2025 trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) và gửi các Bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội có liên quan và đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân (công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024).

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 93 văn bản tham gia ý kiến. Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến đóng góp, tham gia để hoàn thiện hồ sơ xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi).

Theo Bản phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 (kèm theo Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ), đối với dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi), thời hạn trình Chính phủ là tháng 7/2024.

Để đảm bảo tiến độ trình dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) lên các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đúng thời hạn quy định, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) (gửi kèm) gồm:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ kèm theo Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi);
- Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi);
- Báo cáo đánh giá tác động Luật thuế TTĐB (sửa đổi);
- Báo cáo rà soát Luật thuế TTĐB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật thuế TTĐB (sửa đổi);

- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân về dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ. / *ay*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TCT, TCHQ, Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (P2). *(8/10)*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



***Cao Anh Tuấn**

Số: 178 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 8/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THUẾ TTĐB (SỬA ĐỔI)

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Một là, thực hiện các chủ trương, giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

+ Ngày 18/11/2016, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung "Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...".

+ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: "Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng".

+ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025,

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau:

"Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế".

"Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân, doanh nghiệp".

+ Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đưa ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau: *"Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu NSNN. Khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện một số luật thuế, nhất là Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... Chú trọng các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản để tránh thất thoát. Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế".*

+ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã đưa ra phương hướng huy động nguồn lực: *"Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; xây dựng phương án tăng thuế TTĐB đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình".*

+ Điểm b khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: *"rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB".*

+ Khoản 1 Mục III Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã giao nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách về dinh dưỡng gồm: “a) *Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về ... xây dựng chính sách, cơ chế tài chính bao gồm cả việc chi trả của bảo hiểm y tế cho các hoạt động dinh dưỡng trong cơ sở y tế và trường học; xây dựng quy định về ghi nhãn dinh dưỡng ở mặt trước bao bì sản phẩm đóng gói sẵn, hạn chế quảng cáo đối với thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, đặc biệt đối với trẻ em, áp thuế TTĐB với đồ uống có đường...*”

+ Khoản 5 Mục V Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: “b) *Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.*”

+ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu “Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023-2025 và giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026-2030; Ngăn ngừa việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha và các sản phẩm thuốc lá mới khác trong cộng đồng”; Yêu cầu “Xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới; quy định mức giá bán tối thiểu các sản phẩm thuốc lá, nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của phương án tính thuế các sản phẩm thuốc lá trên giá bán lẻ để đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá” và giao Bộ Tài chính “Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan xây dựng lộ trình tăng thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá của Chiến lược; xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới để đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá; nghiên cứu và đánh giá hiệu quả của phương án tính thuế các sản phẩm thuốc lá trên giá bán lẻ hoặc phương án sử dụng cơ cấu thuế hỗn hợp; xây dựng Đề án cải cách thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá, trình Chính phủ trước năm 2025”.

- Hai là, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng tại các văn bản: (i) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó có yêu cầu không được: “*chi đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ*” - điểm d khoản 2 Điều 9); (ii) Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ

đạo: "...*Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan đến ngân hàng, tài chính... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất*"; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV (yêu cầu: "*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*" - Mục 3); (iv) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: "*Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*" - Mục 2.1); (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- *Ba là*, thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15 Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã có Báo cáo số 587/BC-CP ngày 20/12/2023 về kết quả rà soát. Theo đó, ngày 29/11/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 110/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, trong đó đã "*... đề nghị Chính phủ chỉ đạo khẩn trương xem xét, xử lý kết quả rà soát và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 đối với nội dung do Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước kiến nghị; có giải pháp khắc phục ngay các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, vướng mắc, bất cập đã được chỉ ra trong các văn bản dưới luật; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh có liên quan theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2024 và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV*".

- *Bốn là*, thực hiện cam kết quốc tế: Điều 6 Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC) mà Việt Nam là thành viên từ 2005, quy định các nước thành viên phải áp dụng các biện pháp làm tăng giá thuốc lá và tăng thuế thuốc lá để giảm tiêu thụ thuốc lá hiệu quả.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB những năm qua

Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009 thay thế cho Luật thuế TTĐB năm 1998, Luật sửa đổi một số điều của Luật thuế TTĐB năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT năm 2005. Luật thuế TTĐB năm 2008 đã qua 04 lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2014 (02 lần), 2016 và năm 2022 để xử lý các bất cập phát

sinh trong thực tiễn và phù hợp với yêu cầu quản lý thuế từng giai đoạn¹. Qua 16 năm thực hiện, Luật thuế TTĐB đã đạt được các kết quả quan trọng như sau:

- Một là, Luật thuế TTĐB đã có những thay đổi theo đúng định hướng cải cách chính sách của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020; như xây dựng lộ trình điều chỉnh thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô để điều tiết tiêu dùng của xã hội và thực hiện cam kết quốc tế, góp phần định hướng sản xuất, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội, góp phần bảo vệ môi trường, cụ thể:

Luật thuế TTĐB đã sửa đổi quy định lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu bia để góp phần điều tiết tiêu dùng và thực hiện cam kết quốc tế. Đối với mặt hàng thuốc lá, mức thuế suất được quy định tăng theo lộ trình từ 65% lên 70% (từ ngày 01/01/2016 - 31/12/2018) và lên 75% (từ ngày 01/01/2019) để thực hiện cam kết của Việt Nam tại Công ước khung về kiểm soát thuốc lá và mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá tại Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đối với mặt hàng rượu bia: Trước ngày 01/01/2010, thuế TTĐB đối với bia được phân biệt theo loại bia: bia chai, bia lon áp dụng các mức thuế suất 75% đối với bia chai; bia tươi, bia hơi áp dụng 30% trong năm 2006, 2007 và 40% từ năm 2008. Để thực hiện yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quốc hội đã thông qua Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định áp dụng thống nhất một mức thuế suất đối với tất cả loại bia là 45% từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2012 và 50% từ ngày 01/01/2013. Theo đó, mặt hàng bia chai đã được giảm từ 75% xuống 45% - 50%. Việc giảm thuế suất đối với mặt hàng bia đã làm tăng sức mua (tiêu thụ) đối với bia (theo Euromonitor, năm 2010 tổng sản lượng bia tiêu thụ tại Việt Nam đạt khoảng 2,4 tỷ lít, với dân số 88,5 triệu người thì bình quân đầu người là 27,1 lít. Theo Hiệp hội Bia rượu nước giải khát thì sản lượng bia tiêu thụ năm 2013 là trên 3 tỷ lít và tính bình quân đầu người là 32 lít/người).

Để thực hiện mục tiêu giảm tiêu thụ rượu, bia và hạn chế lạm dụng rượu, bia, tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TTĐB năm 2014 đã quy định lộ trình tăng thuế như sau:

Rượu từ 20 độ trở lên: tăng từ 50% lên 55% (từ 01/01/2016-31/12/2016), tăng lên 60% (từ 01/01/2017-31/12/2017) và tăng lên 65% (từ 01/01/2018); Rượu dưới 20 độ: tăng từ 25% lên 30% từ ngày 01/01/2016 và tăng lên 35% từ ngày 01/01/2018; Bia: từ ngày 01/01/2016 tăng từ 50% lên 55%, từ ngày 01/01/2017 tăng lên 60%, từ ngày 01/01/2018 tăng lên 65%.

¹ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đầu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế TTĐB và Luật thi hành án dân sự.

- Hai là, Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng tiêu dùng tiết kiệm đối với nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường:

Để khuyến khích người dân tiêu dùng các loại xăng thân thiện môi trường, Luật thuế TTĐB quy định thuế suất đối với xăng sinh học (mức thuế suất 8% đối với xăng E5 và mức thuế suất 7% đối với xăng E10) thấp hơn mức thuế suất áp dụng đối với xăng khoáng (thuế suất 10%).

Để khuyến khích sử dụng các chủng loại xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, tại Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 đã quy định giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô dưới 9 chỗ có dung tích xi lanh từ 2.000 cm³ trở xuống, cụ thể như sau: Giảm thuế suất thuế TTĐB đối với dòng xe ô tô có dung tích xi lanh dưới 2.000 cm³ và chia thành các nhóm nhỏ: (1) Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm³ trở xuống: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 35% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại trên 1.500 cm³ đến 2.000 cm³: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 40% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13). Đối với xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe chạy điện, Luật thuế TTĐB quy định xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện áp dụng thuế suất chỉ bằng 70% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học áp dụng mức thuế suất chỉ bằng 50% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện: (1) Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống áp dụng thuế suất 15% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ: áp dụng thuế suất 10% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (3) Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ: áp dụng thuế suất 5% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13).

Để sớm cụ thể hoá được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tận dụng cơ hội hình thành chuỗi cung ứng vững chắc cho các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất xe ô tô điện trong nước và xuất khẩu, góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong ngành giao thông, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích phát triển nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo, tại Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đầu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế TTĐB và Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy pin theo lộ trình: từ ngày 01/3/2022 là 3%, 2%, 1% và từ ngày 01/3/2027 là 11%, 7%, 4% tùy theo số chỗ ngồi.

- Ba là, Luật thuế TTĐB đã góp phần điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao:

Để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, Luật thuế TTĐB quy định thu thuế TTĐB đối với mặt hàng ô tô chở người “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có

thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chờ người và khoang chờ hàng" và một số hàng hoá, dịch vụ cao cấp vượt trên nhu cầu thông thường của đời sống xã hội với việc quy định thuế suất cao đối các hàng hoá, dịch vụ cao cấp như ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống có dung tích xi lanh trên 4.000cm³ áp dụng mức thuế suất từ 110%-150%; tàu bay, du thuyền áp dụng mức thuế suất 30%; kinh doanh dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng áp dụng mức thuế suất 35%; kinh doanh vũ trường áp dụng mức thuế suất 40%... để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

- *Bốn là*, sửa đổi quy định về giá tính thuế TTĐB là giá nhà nhập khẩu và nhà sản xuất trong nước bán ra, đồng thời bổ sung quy định nhằm chống chuyển giá qua các khâu kinh doanh thương mại như giá bán ra để tính thuế TTĐB không thấp hơn tỷ lệ phần trăm do Chính phủ quy định. Cụ thể, trường hợp hàng hoá chịu thuế TTĐB được bán cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm so với giá bình quân của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua trực tiếp của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu bán ra. Hàng hoá chịu thuế TTĐB nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra.

- *Năm là*, Luật thuế TTĐB góp phần ổn định nguồn thu cho NSNN, đảm bảo tỉ lệ động viên hợp lý cho NSNN theo hướng bền vững, giảm dần sự phụ thuộc nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản (dầu thô) và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Tỷ trọng số thu thuế TTĐB trên tổng thu NSNN hàng năm chiếm khoảng từ 8-9%. Cụ thể, cơ cấu số thu thuế TTĐB trên tổng thu NSNN từ năm 2017-2023 như sau: Năm 2017 chiếm khoảng 8,32% tổng thu NSNN và 1,71% GDP; năm 2018 chiếm khoảng 8,52% tổng thu NSNN và 1,74% GDP; năm 2019 chiếm khoảng 9,21% tổng thu NSNN và 1,86% GDP; năm 2020 chiếm khoảng 8,27% tổng thu NSNN và 1,55% GDP; năm 2021 chiếm khoảng 8,21% tổng thu NSNN và 1,54% GDP; năm 2022 chiếm khoảng 9,6% tổng thu NSNN và 1,84% GDP; năm 2023 chiếm khoảng 8,8% tổng thu NSNN và 1,36% GDP.

Ngoài ra, thuế TTĐB đã cùng với các sắc thuế khác như thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng tạo nên một hệ thống chính sách thuế gián thu tương đối đồng bộ để áp dụng có hiệu quả vào việc điều tiết hàng hoá, dịch vụ, vừa tạo thành nguồn thu ổn định cho ngân sách, vừa thể hiện được vai trò của hệ thống thuế gián thu nói riêng và hệ thống thuế nói chung là một trong những công cụ ổn định kinh tế vĩ mô.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, qua quá trình tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB trong giai đoạn qua, cùng với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và thời gian tới, chính sách thuế TTĐB cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế:

- *Một là*, đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế. Theo Luật thuế TTĐB hiện hành có 10 nhóm hàng hóa và 6 nhóm dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Tham khảo chính sách các nước cho thấy, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB của các nước rất đa dạng, ví dụ Trung Quốc thu thuế TTĐB đối với 15 nhóm hàng hóa gồm: thuốc lá, đồ uống có cồn, mỹ phẩm; đồ trang sức và đá quý, pháo hoa, sản phẩm xăng dầu, xe máy, ô tô, bóng chơi gôn (golf) và dụng cụ chơi gôn, đĩa dùng một lần, du thuyền, đồng hồ đeo tay cao cấp; thuyền sử dụng trong du thuyền, sàn gỗ. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với 17 nhóm hàng hóa và dịch vụ gồm: Dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ, nước giải khát, thiết bị điện tử, sản phẩm bằng pha lê, ô tô, du thuyền, nước hoa và mỹ phẩm, thảm sàn và vật liệu trải sàn làm bằng lông động vật, xe máy, pin, vũ trường và hộp đêm, xông hơi, các khóa học về đua ngựa, các khóa học gôn, rượu, bia, thuốc lá, bài chơi poker...

- *Hai là*, một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng, chưa đồng bộ với pháp luật chuyên ngành dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện.

- *Ba là*, thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, ô tô, còn thấp chưa đủ tác dụng để hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội.

- *Bốn là*, chưa thực hiện được một số mục tiêu đề ra của chính sách thuế TTĐB nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 là nghiên cứu áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng có hại cho sức khỏe và môi trường.

- *Năm là*, chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

2.2. Tạo môi trường pháp luật thống nhất và đồng bộ áp dụng trong nền kinh tế và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Thuế TTĐB hiện hành. Từ ngày Luật thuế TTĐB ban hành đến nay, có nhiều Luật liên quan đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, đòi hỏi Luật thuế TTĐB phải sửa đổi để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật như: Luật Hải quan năm 2014; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô.

2.3. Phù hợp xu hướng cải cách thuế TTĐB của các nước

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy có 04 nhóm hàng hóa cơ bản mà pháp luật thuế TTĐB ở hầu hết các nước được quy định là đối tượng chịu thuế gồm: (1) các sản phẩm thuốc lá; (2) các sản phẩm đồ uống có cồn (rượu, bia) và các sản phẩm nước giải khát có đường hoặc có ga; (3) các sản phẩm dầu mỏ (xăng, dầu); (4) ô tô, đặc biệt là ở các nước trong khu vực châu Á như Trung Quốc và tất cả các nước Đông Nam Á. Xu thế chung về cải cách thuế TTĐB ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay là mở rộng cơ sở tính thuế nhằm hạn chế

việc tiêu dùng một số loại hàng hóa có hại cho sức khỏe cộng đồng, trẻ em, môi trường hoặc nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ mới vào đối tượng chịu thuế TTĐB (như nước giải khát có đường).

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ TTĐB (SỬA ĐỔI)

1. Mục đích ban hành Luật thuế TTĐB (sửa đổi)

- Hoàn thiện quy định về chính sách thuế TTĐB để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện luật nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN, đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

- Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định, luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật; góp phần cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

- Khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế TTĐB thời gian qua; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật thuế TTĐB và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật có liên quan; bảo đảm tính khả thi và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Điều chỉnh tăng mức thuế đối với các mặt hàng có hại cho sức khỏe theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) để góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và điều tiết tiêu dùng của xã hội phù hợp xu hướng cải cách thuế của các nước cũng như thực hiện cam kết quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung những quy định tại luật để phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi)

- Việc xây dựng dự án Luật nhằm thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế TTĐB hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.
- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, giá tính thuế, thời điểm xác định thuế TTĐB, thuế suất, hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế TTĐB.

2. Đối tượng áp dụng

- Đối tượng chịu thuế TTĐB gồm 11 nhóm hàng hóa (Thuốc lá; Rượu; Bia; Xe có động cơ dưới 24 chỗ; Xe mô tô hai bánh, Xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm³; Máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền; Xăng các loại; Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống; Bài lá; Vàng mã, hàng mã; Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml và 6 nhóm dịch vụ (Kinh doanh vũ trường; Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê; Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng; Kinh doanh đặt cược; Kinh doanh gôn (golf); Kinh doanh xổ số).

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Ngày 08/06/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Theo đó, Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và 2025 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) (Quyết định số 1447/QĐ-BTC ngày 26/6/2024). Ban soạn thảo đã tiến hành các hoạt động triển khai nghiên cứu xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được gửi xin ý kiến các tổ chức, cá nhân, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để

xin ý kiến rộng rãi (Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024). Các ý kiến đóng góp đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình.

Ngày .../.../2024, hồ sơ dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được Hội đồng thẩm định do Bộ Tư pháp thành lập tiến hành thẩm định và có Báo cáo thẩm định. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) gồm 04 Chương, 12 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4).

Chương II. Căn cứ tính thuế, gồm 04 điều (từ Điều 5 đến Điều 8).

Chương III. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế gồm 02 điều (Điều 9 và Điều 10).

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 11 và Điều 12).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật sửa đổi 10 Điều của Luật Thuế TTĐB hiện hành: gồm các Điều quy định về đối tượng chịu thuế (Điều 2); đối tượng không chịu thuế (Điều 3); người nộp thuế (Điều 4); căn cứ tính thuế (Điều 5); giá tính thuế (Điều 6); thuế suất (Điều 8); hoàn thuế, khấu trừ thuế (Điều 9); giảm thuế (Điều 10); hiệu lực thi hành (Điều 11); Tổ chức thực hiện (Điều 12) và bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB (Điều 7).

Đối với những nội dung sửa đổi, bổ sung, dự thảo Luật đã bám sát theo 07 nhóm chính sách tại hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) và Quốc hội đồng ý thông qua gồm: (1) Hoàn thiện các quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB; (2) Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB; (3) Hoàn thiện quy định về căn cứ tính thuế TTĐB; (4) Hoàn thiện quy định về giá tính thuế TTĐB; (5) Hoàn thiện quy định về thuế suất thuế TTĐB; (6) Hoàn thiện quy định về hoàn thuế, khấu trừ thuế TTĐB; (7) Hoàn thiện quy định về điều khoản thi hành. Đồng thời, thực hiện ý kiến của Lãnh đạo Quốc hội, dự thảo Luật quy định luật hóa một số nội dung đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật thuộc các nhóm chính sách nêu trên.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) cụ thể như sau:

2.1. Về đối tượng chịu thuế TTĐB

Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định 10 nhóm hàng hóa và 6 nhóm dịch vụ chịu thuế TTĐB. Để mở rộng cơ sở thuế, đồng bộ với pháp luật chuyên

ngành có liên quan và luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật (Nghị định, Thông tư), Bộ Tài chính đề xuất:

a) Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thành “*thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác*” để đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “rượu” thành “*rượu theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia*” để đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “bia” thành “*bia theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia*” để đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “*xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng*” để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại Luật Đường bộ năm 2024 và Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải (nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật). Đồng thời, sửa đổi nội dung mô tả mặt hàng tương ứng tại cột Hàng hóa, dịch vụ của Biểu thuế suất thuế TTĐB (nội dung quy định tại cột Hàng hóa, dịch vụ của Biểu thuế suất thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật).

- Thay quy định “tàu bay” bằng quy định “*máy bay, trực thăng, tàu lượn*” và bổ sung hướng dẫn rõ các mặt hàng *máy bay, trực thăng, tàu lượn* và du thuyền chịu thuế TTĐB là loại *sử dụng cho mục đích dân dụng* để làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội (nội dung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống chịu thuế TTĐB như sau: “*Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, máy bay. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)*” để luật hóa quy định

đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật² (nội dung quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “hàng mã” chịu thuế TTĐB *không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học* để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật³ (nội dung quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml, vào đối tượng chịu thuế TTĐB để thực hiện các chủ trương chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân, khuyến cáo của WHO, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF và Bộ Y tế về thực tế bệnh tật liên quan đến nước giải khát có đường tại Việt Nam, kịp thời ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng thừa cân, béo phì đáng báo động ở trẻ em và thanh thiếu niên, nhằm dự phòng giảm thiểu rủi ro bệnh tật và gánh nặng y tế đối với bệnh không lây nhiễm, nâng cao nhận thức và hạn chế tiêu thụ nước giải khát có đường, mang lại lợi ích về sức khỏe cộng đồng, đặc biệt đối với giới trẻ, thế hệ tương lai của quốc gia, phù hợp với thông lệ quốc tế (nội dung quy định tại điểm l khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

b) Đối với dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

- Sửa đổi quy định rõ kinh doanh đặt cược *bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật* để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật⁴ (nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ hoạt động kinh doanh *gôn bao gồm cả kinh doanh sân tập gân, phòng tập gân điện tử* để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật⁵ và giải quyết vướng mắc phát sinh trong thực tiễn (nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật).

2.2. Về đối tượng không chịu thuế TTĐB

- Sửa đổi quy định rõ hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, *thuê gia công* trực tiếp xuất khẩu *ra nước ngoài* hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB để đảm bảo minh bạch chính sách (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

+ Sửa đổi quy định rõ hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ nhân đạo, quà biếu, quà tặng không chịu thuế TTĐB để luật hóa quy định đang thực hiện

² Quy định Điều 2 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

³ Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ.

⁴ Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ.

⁵ Quy định tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

ôn định tại văn bản dưới Luật⁶ và đồng bộ với pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như sau:

++ Sửa đổi quy định rõ về hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại *bao gồm hàng viện trợ nhân đạo, hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh.*

++ Sửa đổi quy định “quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân” thành “*quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*”.

++ Sửa đổi quy định “quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ” thành “*quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*”.

Nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật.

+ Sửa đổi quy định “hàng hóa vận chuyển quá cảnh, hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ” thành “*hàng hóa quá cảnh theo quy định pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương, hàng hóa chuyển khẩu, trung chuyển theo quy định của pháp luật hải quan*” để đồng bộ với quy định của pháp luật chuyên ngành (nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

+ Sửa đổi quy định rõ đối với hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong *trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế TTĐB* (nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

+ Sửa đổi, quy định rõ “hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế *nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* và hàng nhập khẩu đã bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB (nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

+ Bổ sung quy định “*hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu*” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB để xử lý đúng bản chất của giao dịch và phù hợp đạo lý không thu cùng một loại thuế 02

⁶ Quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm 2.1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

lần đối với cùng 01 hàng hóa như đã được quy định tại pháp luật về thuế GTGT và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định về tàu bay, du thuyền thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau: "*Máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho các mục đích an ninh, quốc phòng, huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ*" để phù hợp với mục tiêu thu thuế TTĐB đối với tàu bay là những mặt hàng cao cấp, phục vụ nhu cầu cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật⁷, đảm bảo tính ổn định của chính sách, xử lý những bất cập phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định "*xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học*" và "*xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ*" vào đối tượng không chịu thuế TTĐB để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật).

- Bổ quy định "*Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ*" ra khỏi đối tượng không chịu thuế để mở rộng cơ sở thuế và đảm bảo minh bạch chính sách (bỏ nội dung quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành).

2.3. Về người nộp thuế

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ về người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân sản xuất, *gia công*, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB để bao quát các trường hợp.

- Sửa đổi quy định rõ "*trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB của tổ chức, cá nhân sản xuất để xuất khẩu ra nước ngoài nhưng không xuất khẩu ra nước ngoài mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB*" để đảm bảo minh bạch chính sách (nội dung quy định tại Điều 4 dự thảo Luật)

- Đồng thời, sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định tại Luật về "*cơ sở*" sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh/sản xuất kinh doanh thành "*tổ chức, cá nhân*" sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh/sản xuất kinh doanh để thống nhất, đồng bộ về khái niệm.

⁷ Quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.

2.4. Về căn cứ tính thuế TTĐB

Sửa đổi, bổ sung quy định về căn cứ tính thuế TTĐB để bao quát trường hợp bổ sung áp dụng thuế tuyệt đối, áp dụng thuế hỗn hợp như sau:

1. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm* là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối* là lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và mức thuế tuyệt đối. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối.

3. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp* là tổng của số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và số thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Nội dung quy định tại Điều 5 dự thảo Luật.

2.5. Về giá tính thuế TTĐB

- Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu như sau: “Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá đo tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế” để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật⁸ (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là *trị* giá tính thuế nhập khẩu *theo quy định pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, cộng với thuế nhập khẩu, *cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có)* để đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* thì giá tính thuế *tiêu thụ đặc biệt* không bao gồm số thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* được miễn, giảm (nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật).

Đồng thời chuyển quy định “Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra” tại khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành sang Điều khoản về hoàn thuế, khấu trừ thuế để phù hợp với kết cấu của dự thảo Luật (nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật).

⁸ Quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Bổ sung quy định “Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân sản xuất và tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam” để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật⁹ (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó thì giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương, có bao gồm giá của bộ phận được cho thuê, được bán tại thời điểm phát sinh để bao quát trường hợp phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ về giá tính thuế đối với kinh doanh gôn để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật¹⁰ như sau: “Đối với kinh doanh gôn là giá bán thẻ hội viên, giá bán vé chơi gôn bao gồm cả tiền phí chơi gôn, tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn và tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn” (nội dung quy định tại điểm a khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có) (nội dung quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật¹¹ (nội dung quy định tại điểm c khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định giá tính thuế đối với kinh doanh xổ số thì giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn

⁹ Quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

¹⁰ Quy định tại điểm a khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

¹¹ Quy định tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

bản dưới Luật¹² (nội dung quy định tại điểm d khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để *khuyến mại* là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (tương tự như đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho) để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật¹³ (nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định “*Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế để ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp*” để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật¹⁴ (nội dung quy định khổ cuối tại Điều 6 dự thảo Luật).

2.6. Về thời điểm xác định thuế TTĐB

Bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật¹⁵ như sau:

“- Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.”

Nội dung quy định tại Điều 7 dự thảo Luật.

2.7. Về thuế suất thuế TTĐB

a) Đối với mặt hàng thuốc lá: Giữ nguyên mức thuế suất 75% và bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình với 02 phương án như sau:

Mức thuế tuyệt đối được quy định theo lộ trình tăng từng năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 để góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023 – 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Chiến lược Phòng chống tác hại của thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO (75%).

¹² Quy định tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

¹³ Quy định tại khoản 8 Điều 4 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và khoản 7 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

¹⁴ Quy định tại khoản 11 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

¹⁵ Quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương án bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với các mặt hàng thuốc lá như sau:

	Phương án 1	Phương án 2
- Đối với thuốc lá điếu:		
Từ năm 2026	2.000 đồng/bao	5.000 đồng/bao
Từ năm 2027	4.000 đồng/bao	6.000 đồng/bao
Từ năm 2028	6.000 đồng/bao	7.000 đồng/bao
Từ năm 2029	8.000 đồng/bao	8.000 đồng/bao
Từ năm 2030	10.000 đồng/bao	10.000 đồng/bao
- Đối với xì gà		
Từ năm 2026	20.000 đồng/điếu	50.000 đồng/điếu
Từ năm 2027	40.000 đồng/điếu	60.000 đồng/điếu
Từ năm 2028	60.000 đồng/điếu	70.000 đồng/điếu
Từ năm 2029	80.000 đồng/điếu	80.000 đồng/điếu
Từ năm 2030	100.000 đồng/điếu	100.000 đồng/điếu
- Thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác		
Từ năm 2026	20.000 đồng/100g hoặc 100ml	50.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2027	40.000 đồng/100g hoặc 100ml	60.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2028	60.000 đồng/100g hoặc 100ml	70.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2029	80.000 đồng/100g hoặc 100ml	80.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2030	100.000 đồng/100g hoặc 100ml	100.000 đồng/100g hoặc 100ml

Đánh giá tác động:

Theo mô hình đánh giá tác động TAXim của WHO, dự kiến tác động của việc bổ sung thuế tuyệt đối đối với thuốc lá theo 02 phương án nêu trên như sau:

Đối với Phương án 1: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 41,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,5%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 44% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,4%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 23,7 nghìn tỷ năm 2026 và 39,1 nghìn tỷ năm 2030.

Đối với Phương án 2: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 30 nghìn tỷ năm 2026 và 39,2 nghìn tỷ năm 2030.

Việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá sẽ góp phần tăng tính hiệu quả của chính sách thuế TTĐB đối với mục tiêu tăng giá, góp phần giảm tiêu dùng sản phẩm thuốc lá giá rẻ, chất lượng thấp do cấu phần thuế tuyệt đối sẽ giúp thu hẹp sự chênh lệch giá. Áp dụng thuế hỗn hợp, mức tăng giá ở các nhãn hiệu thuốc lá giá rẻ chiếm tỷ lệ lớn hơn so với các nhãn hiệu thuốc lá đắt tiền, từ đó sẽ ít có sự chuyển đổi sang các nhãn hiệu rẻ hơn, phù hợp mục tiêu “*chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông*” tại Quyết định số 1988/QĐ-BCT

ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc lá Việt Nam, các chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Phân tích tác động của 02 Phương án nêu trên cho thấy cả 02 Phương án đều tăng giá cho tất cả các nhãn hiệu thuốc lá (bao gồm các sản phẩm ở cả hai phân khúc bình dân và cao cấp), nhưng Phương án 2 sẽ tác động làm tăng mức giá cao hơn. Theo Nghiên cứu của Trường Đại học Johns Hopkins về phản ứng của người tiêu dùng đối với giá cả cho thấy người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn với mức tăng giá lớn hơn bằng cách giảm lượng tiêu thụ nhiều hơn. Do vậy, Phương án 2 tạo ra hiệu quả tức thời (ngay năm đầu tiên Luật có hiệu lực) về sức khỏe cộng đồng cao hơn so với Phương án 1 do sẽ làm giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn.

So sánh tác động của 02 Phương án đối với mục tiêu giảm tỷ lệ hút thuốc, tăng tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cho thấy Phương án 2 tác động hiệu quả hơn, do đó Bộ Tài chính nghiêng về Phương án 2.

Nội dung quy định tại điểm 1 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

b) Đối với mặt hàng rượu, bia

- Về phương pháp tính thuế:

Trong quá trình lập Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi), có ý kiến đề nghị nghiên cứu thêm về phương pháp đánh thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia: Đối với mặt hàng rượu, có một vài doanh nghiệp chuyên kinh doanh, nhập khẩu rượu cao cấp, giá cao của Anh, Pháp đề nghị xem xét áp dụng thuế hỗn hợp đối với rượu. Đối với mặt hàng bia, chỉ có 01 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bia cao cấp, cận cao cấp giá cao đề nghị nghiên cứu xem xét áp dụng thuế TTĐB theo phương pháp tính thuế hỗn hợp (Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam). Tuy nhiên có nhiều ý kiến (Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Hiệp hội Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài, Hiệp hội Các nhà đầu tư Tài chính Việt Nam (VAFI), Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội và nhiều (hơn 20) doanh nghiệp sản xuất bia, rượu ...) đề nghị không áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp mà tiếp tục áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán ra của nhà sản xuất và nhà nhập khẩu như hiện hành đối với mặt hàng bia do phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay, đặc thù thị trường bia trong nước với 80% thị phần tiêu thụ là bia phổ thông và bia địa phương giá thấp trong khi có sự chênh lệch lớn về giá bán giữa sản phẩm cao cấp, cận cao cấp và sản phẩm phổ thông.

Theo thông lệ quốc tế¹⁶, các nước phát triển thường áp dụng thu thuế

¹⁶ Có ba phương thức đánh thuế chủ yếu: (1) Thuế tỷ lệ phần trăm; (2) Thuế tuyệt đối (Mức tiền cụ thể/đơn vị hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB); và (3) Thuế hỗn hợp: Áp dụng đồng thời cả thuế tỷ lệ phần trăm và thuế tuyệt đối. Ba phương thức đánh thuế này được các nước áp dụng tùy chọn theo điều kiện phù hợp của mỗi nước. Không có phương thức nào tiên tiến, hiện đại hơn. Mỗi phương thức đều có các ưu, nhược điểm riêng.

TTĐB tuyệt đối hoặc thuế hỗn hợp với mặt hàng đồ uống có cồn, bia, rượu vì giá bán và chất lượng tương đồng, ít sự khác biệt; các nước đang phát triển thường áp dụng thu thuế TTĐB theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán đối với mặt hàng này vì giá bán có sự chênh lệch lớn và chất lượng không tương đồng, đặc biệt có sự khác biệt rất lớn giữa rượu, bia phổ thông, địa phương giá thấp với rượu, bia cao cấp. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, giá bán của rượu, bia phổ thông thấp hơn nhiều so với giá rượu, bia cao cấp thì việc thu thuế TTĐB hỗn hợp hay thu thêm một khoản thuế tuyệt đối (thu thuế theo một mức tiền nhất định trên cùng một đơn vị sản phẩm), sẽ tạo áp lực lớn đối với các sản phẩm giá thấp do: Việc áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối (sản phẩm có mức giá bán khác nhau đều chịu một khoản tiền thuế như nhau) sẽ dẫn đến tăng giá bán của dòng sản phẩm phổ thông nhiều hơn đáng kể so với sản phẩm giá cao. Do vậy, mặt hàng cao cấp, giá cao sẽ có thể thay thế chiếm lĩnh thị trường, từ đó gây áp lực với sản phẩm bia, rượu phổ thông, bình dân, ảnh hưởng đến sản xuất, khả năng cạnh tranh và ảnh hưởng công ăn việc làm (do thị phần bia phổ thông và bia địa phương giá thấp đang chiếm khoảng 80%). Vì vậy, phương thức tính thuế hỗn hợp hay bổ sung thuế tuyệt đối đối với mặt hàng rượu và bia chưa phù hợp trong điều kiện của Việt Nam hiện nay.

Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam (toàn bộ Báo cáo về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 28/11/2006 và Đại hội đồng WTO thông qua), tại Đoạn 198, 199, Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO đã ghi nhận cam kết của Việt Nam như sau:

“ 198. Cuối cùng, đại diện của Việt Nam xác nhận thêm rằng, trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, tất cả các loại rượu chung cất có nồng độ cồn từ 20 độ trở lên sẽ chịu một mức thuế tuyệt đối trên một lít cồn nguyên chất hoặc một mức thuế suất phần trăm duy nhất.

199. Ngoài ra, đại diện của Việt Nam xác nhận rằng, trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng *một mức thuế suất phần trăm thống nhất với tất cả các sản phẩm bia (apply a single ad valorem rate to all beer products)* không phân biệt bao bì đóng gói sản phẩm, nghĩa là bia tươi, bia hơi, bia chai hoặc bia lon. Ban công tác ghi nhận cam kết này.”

Theo cam kết gia nhập WTO, Việt Nam cam kết áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với bia và việc áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với bia, rượu là hoàn toàn phù hợp cam kết của Việt Nam.

Chính vì vậy, Chính phủ đã thảo luận kỹ về lựa chọn phương pháp tính thuế đối với rượu, bia. Trên cơ sở cân nhắc các yếu tố tác động đến ngành sản xuất rượu, bia trong nước và cam kết quốc tế khi gia nhập WTO, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 27/02/2024 trong đó nêu rõ: “*Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp*

với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO”.

Ngoài ra, việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá có tính đặc thù và khác biệt đối với bia, rượu bởi vì phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá để thực hiện cam kết quốc tế, phù hợp với kinh nghiệm của các nước trên thế giới và đặc thù của Việt Nam, cụ thể: (i) Thuốc lá là một mặt hàng đặc biệt, khác với tất cả các mặt hàng khác, nên chính sách quản lý hoàn toàn khác biệt. Sử dụng thuốc lá gây ra gánh nặng về bệnh tật, tử vong và kinh tế không chỉ với người sử dụng mà còn với gia đình và toàn xã hội; (ii) Thực hiện Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC). Công ước Khung FCTC tạo ra những khuôn khổ để các nước thành viên sửa đổi, ban hành những biện pháp kiểm soát thuốc lá nhằm giảm thiểu một cách liên tục và mạnh mẽ việc sử dụng thuốc lá để hạn chế các hậu quả về xã hội, kinh tế và môi trường của việc tiêu dùng thuốc lá; (iii) Giá thuốc lá ở Việt Nam thuộc hàng thấp nhất trên thế giới, tỷ lệ hút thuốc vẫn cao và lượng thuốc lá tiêu thụ ngày càng tăng.

- Về mức thuế suất: quy định thuế suất theo tỷ lệ phần trăm tăng theo lộ trình từng năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 để đạt mục tiêu tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của WHO. Cụ thể:

+ Đối với mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	70%	80%
Từ năm 2027	75%	85%
Từ năm 2028	80%	90%
Từ năm 2029	85%	95%
Từ năm 2030	90%	100%

+ Đối với mặt hàng rượu dưới 20 độ:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	40%	50%
Từ năm 2027	45%	55%
Từ năm 2028	50%	60%
Từ năm 2029	55%	65%
Từ năm 2030	60%	70%

+ Đối với mặt hàng bia:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	70%	80%
Từ năm 2027	75%	85%
Từ năm 2028	80%	90%
Từ năm 2029	85%	95%
Từ năm 2030	90%	100%

Đánh giá tác động:

Đối với Phương án 1: Giá bán năm 2026 sẽ tăng khoảng 2-3% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

Đối với Phương án 2: Giá bán năm 2026 sẽ tăng khoảng 10% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

So sánh tác động của 02 Phương án cho thấy, với Phương án 2 sẽ có tác động tăng giá, giảm khả năng chi trả của các sản phẩm rượu, bia mạnh hơn, tác động cao hơn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia và giảm các tác hại liên quan do việc lạm dụng rượu, bia gây ra. Do vậy, Bộ Tài chính nghiêng về Phương án 2.

Nội dung quy định tại điểm 2, 3 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

c) Sửa đổi, bổ sung mô tả và mức thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng thân thiện với môi trường như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe có động cơ dưới 24 chỗ	
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện (xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng), xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này.

Nội dung quy định tại điểm 4đ Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

d) Sửa đổi, bổ sung mô tả mặt hàng ô tô, quy định rõ thuế suất đối với xe ô tô pick-up chở người thuộc nhóm xe ô tô chở người và xe bốn bánh chở người có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, và áp dụng thuế suất phù hợp đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe có động cơ dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người và xe bốn bánh chở người có gắn	

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	<i>động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	
	
	<i>d) Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	<i>Bằng 60% mức thuế suất áp dụng cho xe quy định tại điểm 4a của Biểu thuế quy định tại Điều này.</i>

Nội dung quy định tại điểm 4d Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

đ) Quy định mức thuế suất đối với nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml là 10% do đây là mặt hàng mới bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB.

Nội dung quy định tại điểm 12 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

2.8. Về hoàn thuế, khấu trừ thuế TTĐB

- Bổ quy định cho phép hoàn thuế đối với “hàng hóa tạm nhập, tái xuất” tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt”.

- Sửa đổi quy định rõ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài và việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu ra nước ngoài (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyên đổi sở hữu, chuyên đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động và bổ sung quy định người nộp thuế sẽ được chuyển số thuế TTĐB chưa được khấu trừ khi quyết toán thuế do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyên đổi loại hình doanh nghiệp, chuyên đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động cho Công ty mới thành lập/Công ty được chuyển đổi/Doanh nghiệp (đối với trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc chấm dứt hoạt động) để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, hạn chế lợi dụng chính sách

hoàn thuế và bao quát các trường hợp như sau:

“b) Quyết toán thuế khi giải thể, phá sản, có số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết.

Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.”

Nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật.

- Bổ sung quy định hoàn thuế đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật¹⁷ như sau:

Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết của kỳ khai thuế trước đó liền kề) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn trả.

Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật.

2.9. Về giảm thuế

Bổ sung quy định: *Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành để luật hóa các quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật¹⁸ (nội dung quy định tại Điều 10 dự thảo Luật).*

2.10. Về điều khoản thi hành

Sửa đổi, bổ sung về điều khoản thi hành để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật trong trường hợp pháp luật chuyên ngành cho phép sản phẩm thuốc lá mới được nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thì cần quy định dự phòng chính sách thu thuế đối với mặt hàng này tại Luật thuế TTĐB (sửa đổi) như sau:

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 9 của Luật này.

Trường hợp các sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc

¹⁷Quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ

¹⁸ Quy định tại Điều 9 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính

lá và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, các sản phẩm thuốc lá mới sẽ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt như mức thuế tiêu thụ đặc biệt quy định đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà và thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm. Giao Chính phủ quy định mức thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với từng loại sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

3. Tính tương thích, sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với các cam kết quốc tế của Việt Nam

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, Bộ Tài chính thấy rằng các nội dung sửa đổi tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thuế TTĐB.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Tổng hợp ý kiến tham gia về dự thảo Luật thuế TTĐB cho thấy các ý kiến cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo luật và có 2 luồng ý kiến về phương án lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia. Cụ thể như sau:

1. Đối với mặt hàng thuốc lá

- Tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến theo 02 Phương án bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình tăng từng năm trong giai đoạn từ năm 2026 – 2030 đối với thuốc lá điều như sau:

+ Phương án 1: 2.000 đồng/bao (năm 2026), 4.000 đồng/bao (năm 2027), 6.000 đồng/bao (năm 2028), 8.000 đồng/bao (năm 2029), 10.000 đồng/bao (năm 2030).

+ Phương án 2: 5.000 đồng/bao (năm 2026), 6.000 đồng/bao (năm 2027), 7.000 đồng/bao (năm 2028), 8.000 đồng/bao (năm 2029), 10.000 đồng/bao (năm 2030).

- Ý kiến các đơn vị

+ Hiệp hội sản xuất và tiêu thụ thuốc lá, các doanh nghiệp thuốc lá đề xuất giãn lộ trình tăng thuế và áp dụng mức thuế tuyệt đối thấp hơn cả 02 Phương án xin ý kiến.

+ Bộ Y tế, Tổ chức Y tế thế giới, Ngân hàng Thế giới và một số tổ chức bảo vệ sức khỏe: Ủng hộ Phương án 2 của Bộ Tài chính và đề xuất thêm Phương án 3 với mức thuế cao hơn. Cụ thể, bên cạnh thuế tỷ lệ 75%, bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình: 5.000 đồng/bao từ năm 2026, 7.000 đồng/bao từ năm 2027, 10.000 đồng/bao từ năm 2028, 12.500 đồng/bao từ năm 2029 và 15.000 đồng/bao từ năm 2030.

- Ý kiến của Bộ Tài chính

+ Cả 02 phương án về lộ trình tăng mức thuế tuyệt đối tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến đã được cân nhắc tính toán trên cơ sở các yếu tố như giá thuốc lá tại Việt Nam đang ngày càng rẻ so với thu nhập, dẫn đến sức mua thuốc lá tăng; Gánh nặng chi phí y tế liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra (theo Bộ Y tế, tại Việt Nam, mặt hàng thuốc lá là nguyên nhân gây 40.000 người tử vong mỗi năm cùng chi phí y tế có liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra là 1 tỷ USD).

Theo Phương án 2 thì tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Như vậy, Phương án 2 có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn để gần tiếp cận đến mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên đề ra tại Chiến lược

Phòng chống tác hại của thuốc lá (xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030) và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO (75%).

Đối với Phương án 3 của Nhóm bảo vệ sức khỏe (Bộ Y tế, các tổ chức bảo vệ sức khỏe cộng đồng) dù đáp ứng tốt hơn về các yêu cầu hạn chế tiêu dùng, tăng giá bán sản phẩm, đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cao hơn Phương án 2 của Bộ Tài chính và góp phần phòng chống ảnh hưởng của thuốc lá đến môi trường, sức khỏe của người dân nhưng sẽ có tác động lớn hơn nhiều đến doanh nghiệp. Còn 02 Phương án do Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam đề xuất thì mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.

Do vậy, Bộ Tài chính nghiêng theo Phương án 2.

2. Đối với mặt hàng rượu, bia

a) Tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến theo 02 phương án tăng thuế suất đối với mặt hàng rượu, bia như sau:

- *Đối với mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên:*

+ Phương án 1: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 70%, 75%, 80%, 85%, 90% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

+ Phương án 2: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 80%, 85%, 90%, 95%, 100% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

- *Đối với mặt hàng rượu dưới 20 độ:*

+ Phương án 1: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 35% lên 40%, 45%, 50%, 55%, 60% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

+ Phương án 2: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 35% lên 50%, 55%, 60%, 65%, 70% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

- *Đối với mặt hàng bia:*

+ Phương án 1: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 70%, 75%, 80%, 85%, 90% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

+ Phương án 2: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 80%, 85%, 90%, 95%, 100% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

b) Ý kiến tham gia

- Các Bộ (Bộ Y tế, Nội vụ, Công an), địa phương (Yên Bái, Quảng Bình, Quảng Trị, Vĩnh Long, Lạng Sơn, Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Phú Yên,...), Tổ chức Y tế Thế giới và các tổ chức bảo vệ sức khỏe nhất trí theo Phương án 2.

- Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam và các doanh nghiệp bia, rượu đề nghị xem xét giảm mức tăng thuế và giãn lộ trình tăng.

- Công ty bia Heinekens Việt Nam, Liên minh các doanh nghiệp rượu quốc tế tại Châu Á đề nghị cân nhắc áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối theo nồng độ cồn đối với sản phẩm bia.

Theo Phương án 2 thì giá bán năm 2026 sẽ tăng khoảng 10% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo. Với Phương án 2 sẽ có tác dụng giảm khả năng chi trả đối với các sản phẩm rượu, bia mạnh hơn, tác động tốt hơn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia và giảm các tác hại liên quan do việc lạm dụng rượu, bia gây ra. Bộ Tài chính nghiêng theo Phương án 2.

Bộ Tài chính xin ý kiến Chính phủ xem xét, quyết định về phương án lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Phụ lục Bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Báo cáo đánh giá tác động Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế TTĐB; Báo cáo rà soát Luật Thuế TTĐB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Đề cương chi tiết Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (9 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



R. Cao Anh Tuấn

Handwritten notes in the top right corner, including the number "14" and some illegible scribbles.



Phụ lục
BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT
Nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)
(kèm theo Tờ trình Chính phủ số 178 /TTr-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2024
của Bộ Tài chính)

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

1.1. Đối với nhóm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

1.1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”

- Điểm a khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Khoản 1 và 3 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về giải thích từ ngữ như sau:

“1. Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác”.

“3. Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tấm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá”.

- Để phù hợp với quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB như sau: “*Thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm*” (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật).

1.1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với mặt hàng “rượu”

- Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “rượu” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau:

“1. Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.

- Để phù hợp với quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB như

sau: “Rượu theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia” (nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

1.1.3. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với mặt hàng “bia”

- Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “bia” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau:

“2. *Bia* là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước.”

- Để phù hợp với quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “*Bia theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia*” (nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

1.1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng xe ô tô dưới 24 chỗ

- Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng thì không có phân loại xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng mà quy định cụ thể tên xe pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN 2 hàng ghế (xe có kiểu dáng xe chở người nhưng có vách ngăn cố định với khoang chở hàng).

- Thực tế thực hiện đã có phát sinh vướng mắc việc xác định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay không do: (i) Theo quy định tại Luật Đường bộ, Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, hoạt động trên đường bộ trong phạm vi hạn chế; (ii) Theo TCVN thì xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không được gọi là ô tô.

- Theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ được phân loại vào nhóm xe có động cơ mã HS 8703, 8702.

- Để minh bạch chính sách, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB và Điều 8 dự thảo Luật như

sau: “Xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” (nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật và nội dung mô tả mặt hàng tương ứng tại cột Hàng hóa, dịch vụ của Biểu thuế suất thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật).

1.1.5. Sửa đổi quy định về tàu bay

- Tại điểm e khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “Tàu bay, du thuyền” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng chịu thuế đối với tàu bay, du thuyền như sau: “a) Đối với tàu bay, du thuyền quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB là loại sử dụng cho mục đích dân dụng”.

- Tại khoản 1 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng quy định: “1. Tàu bay là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí, bao gồm máy bay, trực thăng, tàu lượn, khí cầu và các thiết bị bay khác, trừ thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí phản lại từ bề mặt trái đất”.

Như vậy, theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, khái niệm về tàu bay rất rộng bao gồm tất cả những thiết bị bay như Flycam để quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, thiết bị bay điều khiển từ xa dùng để phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em điều khiển từ xa... nếu thu thuế TTĐB đối với các thiết bị bay, khí cầu, máy bay, đồ chơi trẻ em thì chưa phù hợp với mục tiêu của chính sách thuế TTĐB.

- Để làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ, chở được người và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, đồng thời luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất thay quy định “tàu bay” tại điểm e khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB bằng quy định “máy bay, trực thăng, tàu lượn” và bổ sung quy định rõ các mặt hàng máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền chịu thuế TTĐB là loại sử dụng cho mục đích dân dụng (nội dung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

1.1.6. Sửa đổi quy định về mặt hàng điều hòa nhiệt độ

- Tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “h) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại Điều 2 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định: “Đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB: trường hợp cơ sở sản xuất bán hoặc cơ sở nhập khẩu nhập tách

riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)”.

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “h) Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống *trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, máy bay. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)*” (nội dung quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

1.1.7. Sửa đổi quy định về hàng mã

- Tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB quy định “k) Vàng mã, hàng mã” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định: “b) Đối với hàng mã quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học”.

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định mặt hàng hàng mã tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “k) Vàng mã, hàng mã, *không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học*” (nội dung quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

1.1.8. Bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB

Theo TCVN 12828:2019, nước giải khát¹ bao gồm đồ uống hương liệu (kể cả nước uống tăng lực, nước uống thể thao, nước uống điện giải và các đồ uống đặc biệt khác), nước giải khát có chứa cà phê, nước giải khát có chứa chè, đồ uống thảo mộc, nước giải khát có chứa nước trái cây và các loại đồ uống từ ngũ cốc và không áp dụng đối với các sản phẩm: sữa và sản phẩm từ sữa; thực phẩm dạng lỏng dùng với mục đích dinh dưỡng; nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; nước rau, quả nguyên chất và nectar (mật) rau, quả và sản phẩm từ cacao.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), nước giải khát có đường là nguyên nhân chính gây nên tình trạng thừa cân và béo phì, là một trong những yếu tố nguy cơ hàng đầu gây bệnh không lây nhiễm như tim mạch, đái tháo đường, hội

¹ Nước giải khát là sản phẩm pha sẵn để uống với mục đích giải khát, được chế biến từ nước, có thể chứa đường, phụ gia thực phẩm, hương liệu, có thể bổ sung các thành phần nguyên liệu có nguồn gốc từ tự nhiên, vitamin và khoáng chất, có ga hoặc không có ga.

chúng rối loạn chuyển hóa, tim mạch, đái tháo đường, bệnh lý thận, tiết niệu, ảnh hưởng đường tiêu hóa, ung thư đường tiêu hóa, tai biến mạch máu não, sa sút trí tuệ, ảnh hưởng đến hệ xương răng² do tăng lượng đường nạp vào cơ thể nhiều hơn nhiều lần mức cần thiết. Việc gia tăng sử dụng nước giải khát có đường khiến cho tình trạng các bệnh không lây nhiễm ở Việt Nam hiện đang có mức tăng bùng nổ trong vài thập kỷ qua.³ Tỷ lệ thừa cân, béo phì ở trẻ em Việt Nam đã tăng gấp đôi từ 8,5% năm 2010 lên 19% năm 2020. Theo Bộ Y tế, có bằng chứng gần đây cho thấy mối liên quan giữa tiêu thụ nước giải khát có đường với bệnh không lây nhiễm, gây ra tổn thất kinh tế, gánh nặng chi phí y tế và tỷ lệ tử vong. Theo đó, giảm tiêu thụ nước giải khát có đường có thể dự phòng tử vong do góp phần làm giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, rối loạn đường máu, mỡ máu và tăng huyết áp, là các yếu tố nguy cơ gây tử vong phổ biến tại các nước có thu nhập thấp và trung bình. Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cho thấy tổn thất rất lớn về kinh tế - xã hội do bệnh không lây nhiễm gây ra và theo Viện Dinh dưỡng quốc gia, tỷ lệ hộ gia đình tiêu thụ nước giải khát có đường đã tăng từ 56,22% năm 2010 lên 69,76% năm 2016 và tỷ lệ tiêu thụ nước ngọt bình quân đầu người năm 2013 là 47,65 lít/người tăng lên 70,56 lít/người năm 2020. Nhiều nhóm nước giải khát có đường được tiêu thụ trong năm 2022 tăng trưởng mạnh so với năm 2021: đồ uống có ga (16,7%), nước tăng lực (25,5%), nước rau và quả (16,92%), nước uống thể thao (35,6%), trà pha sẵn (9,8%). Dự kiến các sản phẩm này sẽ tiếp tục tăng trưởng 6,4-8,7% trong năm 2023. Với tỷ lệ thừa cân và béo phì đáng báo động ở trẻ em Việt Nam từ 5-19 tuổi tăng từ 8,5% vào năm 2010 lên 19% vào năm 2020. Đây là mức cao hơn tỷ lệ trung bình của khu vực Đông Nam Á (17,3%) và cao hơn tỷ lệ tại các quốc gia có mức thu nhập thấp và thu nhập trung bình của khu vực (13,4% tại Cam-pu-chia, 16,6% tại Lào, 14,1% tại Mi-an-ma, 14,5% tại Phi-líp-pin, 18% tại In-đô-nê-xi-a).

WHO khuyến nghị lượng đường tự do trong khẩu phần mỗi ngày chỉ nên chiếm dưới 25g-50g/người lớn và dưới 12g - 25g/trẻ em; Trẻ em dưới 2 tuổi KHÔNG nên tiêu thụ bất kỳ loại thực phẩm hoặc đồ uống nào có thêm đường. Đồng thời WHO đã chính thức khuyến nghị tới Chính phủ các nước để tiến hành nhiều hành động nhằm khuyến khích người dân tiếp cận thức ăn lành mạnh thông qua biện pháp đánh thuế vào nước giải khát có đường để định hướng tiêu dùng. Nhiều nước đã dần bổ sung nước giải khát có đường vào đối tượng chịu thuế TTĐB: năm 2012 chỉ có khoảng 15 quốc gia, nhưng hiện nay đã có khoảng 85 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường và đã mang lại hiệu quả cả về nhận thức và hành động từ phía người tiêu dùng cũng như nhà sản xuất về việc giảm lượng đường trong nước giải khát cũng như giảm

² Bleich & Vercammen, 2018; Centers for Disease Control and Prevention, 2017.

³ Theo Bộ Y tế, có nhiều nghiên cứu quy mô lớn trong thời gian dài đã cho thấy sử dụng nước giải khát có đường bất hợp lý được xác định là *một trong những nguyên nhân chính gây ra thừa cân, béo phì* và các rối loạn chuyển hóa cả ở người trưởng thành và trẻ em, làm tăng nguy cơ bị rối loạn đường huyết, mỡ máu và huyết áp, từ đó, *gia tăng tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu cũng như các biến chứng về tim mạch, đột quỵ và tử vong*; đồng thời là *một trong những nguyên nhân chính gây ra các bệnh về răng miệng* và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

tiêu thụ nước giải khát có đường⁴. Trong ASEAN có 06/10 nước⁵ đã thu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường. Nhiều nước đánh thuế nước giải khát có đường theo tiêu chí hàm lượng đường là trên 5g đường/100ml. Theo Quy định ghi nhãn của EU thì hàm lượng đường trong nước giải khát là dưới 5g đường/100ml nước giải khát được coi là nước giải khát ít đường nên một số nước trong EU áp dụng ngưỡng này để đánh thuế nước giải khát. Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nêy đánh thuế TTĐB nước giải khát có hàm lượng đường từ trên 5g/100ml và chia các mức thuế cao hơn với các ngưỡng hàm lượng đường cao hơn như 7g/100ml, 8g/100ml, 10g/100ml hay 12g/100ml; Pháp đánh thuế nước giải khát có hàm lượng đường trên 11g/100ml; Ai-len và Anh đánh thuế nước giải khát theo 2 ngưỡng hàm lượng đường, bao gồm thuế suất thuế TTĐB thấp hơn đối với nước giải khát có hàm lượng đường từ 5g đến 8g đường/100ml và thuế suất cao hơn 1,5 lần đối với nước giải khát có hàm lượng đường trên 8g/100ml. Ét-tô-ni-a đánh thuế với nước giải khát có hàm lượng trên 5g/100ml. Chile: đánh thuế TTĐB 10% với nước giải khát có hàm lượng đường thấp hơn 6,25g/100ml và 18% với nước giải khát có hàm lượng đường cao hơn 6,25g/100ml.

Về quy định liên quan đến công bố hàm lượng đường của sản phẩm: Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm thì tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến theo Mẫu quy định, trong đó có tiêu chí về hàm lượng đường của sản phẩm phải được công bố. Sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn

⁴ Mê-xi-co: sau 2 năm áp dụng thuế TTĐB các hộ gia đình đã giảm 11,7% mua nước giải khát có đường, tăng thu thuế thêm 2,6 tỷ đô la Mỹ; Theo Cục thuế TTĐB Thái Lan: sau 5 năm áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường, các công ty đã cải tiến công thức sản xuất nước giải khát, giảm đáng kể lượng đường trong mỗi 100ml, lượng đường trong nước uống tăng lực giảm từ 16,7 gam xuống 6,1 gam/100 ml, nước giải khát có ga giảm từ 9,2 gam xuống còn gần 4,6 gam/100 ml, cà phê đóng sẵn có đường giảm từ 8 gam xuống còn 3,4 gam/100 ml, các loại trà từ 8,7 xuống 4,3 gam/100 ml, nước ép trái cây giảm từ 10,6 gam xuống còn gần 6,4 gam/100 ml, đồ uống khác giảm từ 9 gam xuống 3,4 gam/100 ml. Lượng nước giải khát có hàm lượng đường cao và thuộc các ngưỡng đánh thuế TTĐB cao hơn đã giảm đáng kể xuống các ngưỡng đường thấp hơn với mức thuế TTĐB thấp hơn. Số thu thuế TTĐB nước giải khát có đường trong năm đầu tiên áp dụng tăng thêm 3 tỷ Bạt/năm 2018 nhưng giảm dần vào các năm sau xuống 1,4 tỷ Bạt vào 2022 do các doanh nghiệp điều chỉnh công thức sản phẩm với hàm lượng đường giảm dần xuống ngưỡng thuế thấp và lượng tiêu thụ giảm đáng kể.

⁵ Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma đã áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với các loại nước giải khát không cồn là 14% và thu bổ sung thuế tuyệt đối theo hàm lượng đường với các ngưỡng từ trên 6g đến dưới 8g đường/100ml (0,1 Bạt/lít năm 2023 và tăng lên 1 Bạt/lít năm 2025), trên 8g đến dưới 10g đường/100ml (0,3 Bạt/lít năm 2023 và tăng lên 3 Bạt/lít năm 2025), trên 10g đến dưới 14g đường/100ml (1 Bạt/lít năm 2023 và tăng lên 5 Bạt/lít năm 2025), trên 14g đến dưới 18g đường/100ml (3 Bạt/lít năm 2023 và tăng lên 5 Bạt/lít năm 2025), trên 18g đường/100ml (5 Bạt/lít); In-đô-nê-xi-a kiến nghị thu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường và ga từ 1,500 rupiah đến 2,500 rupiah cho mỗi lít tùy loại đồ uống. Cam-pu-chia thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga không cồn và tương tự với thuế suất 10%. Phi-líp-pin thu thuế TTĐB: 6 peso/lít đối với đồ uống sử dụng chất làm ngọt hoàn toàn calo và chất làm ngọt hoàn toàn không calo hoặc hỗn hợp chất làm ngọt có calo và không calo; 12 peso/lít đối với đồ uống sử dụng xi-rô ngô có hàm lượng fructose cao hoặc kết hợp với bất kỳ chất làm ngọt có calo hoặc không calo nào. Kenya áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có ga, các loại nước hoa quả là 7%. Pháp thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga là 0,0716 Euro/lít. Anh thu 0,18 bảng Anh/ lít đối với đồ uống có 5-8g đường/trên 100 ml; 0,24 bảng Anh/ lít với đồ uống có lượng đường > 8g/100 ml. Ai-len thu 16,26 EUR/héc-tô-lit đối với đồ uống có hàm lượng đường từ 5g đến dưới 8g/100ml, 24,39 EUR/héc-tô-lit với đồ uống có hàm lượng đường trên 8g/100ml.

của sản phẩm đó. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm, bao gồm cả tiêu chí về hàm lượng đường⁶ (Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024).

Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung mặt hàng “nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml” vào đối tượng chịu thuế TTĐB (nội dung quy định tại điểm l khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

1.2. Đối với nhóm dịch vụ chịu thuế TTĐB

1.2.1. Đối với dịch vụ kinh doanh đặt cược

- Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “d) Kinh doanh đặt cược” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/20/2015 của Chính phủ quy định: “c) Đối với kinh doanh đặt cược quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 2 của Luật thuế TTĐB bao gồm: Đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật”.

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định rõ kinh doanh đặt cược tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “d) Kinh doanh đặt cược *bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật*” (nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật).

1.2.2. Đối với kinh doanh gôn

- Tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “đ) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn,…”

- Hiện nay trên thực tế xuất hiện hoạt động kinh doanh Phòng tập gôn 3D (phòng golf điện tử) là hệ thống mô phỏng, tái tạo lại các hoạt động, khung cảnh giống như chơi gôn ngoài thực tế. Người chơi sẽ sử dụng gậy đánh gôn và đánh vào màn hình phía trước mặt y như đang đứng trên sân tập thông thường. Nhiều cơ sở kinh doanh phòng tập này cho rằng đây là loại hình kinh doanh trò

⁶ Thông tư số 29/2023/TT-BYT quy định:

- “Nước giải khát, sửa chế biến cho thêm đường quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và thực phẩm cho thêm đường khác: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và đường tổng số”.

- “Đường tổng số (Total Sugars) là tổng lượng đường đơn, đường đôi có trong thực phẩm (bao gồm cả đường tự nhiên và đường cho thêm vào trong thực phẩm)”.

chơi điện tử hoặc kinh doanh doanh dịch vụ thể thao, dẫn đến vướng mắc trong thực tế.

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật và giải vướng mắc trong thực tế, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định hoạt động kinh doanh gôn tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “đ) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm *kinh doanh sân tập gôn, phòng tập gôn điện tử*, bán thẻ hội viên, vé chơi gôn” (nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật).

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB

2.1. Sửa đổi quy định về hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu

- Tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “1. Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“6. Doanh nghiệp chế xuất được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan và đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ hoạt động chế xuất phải bảo đảm ngăn cách với khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác;

b) Hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động chế xuất và các hoạt động kinh doanh khác;

c) Không được sử dụng tài sản, máy móc thiết bị được hưởng ưu đãi về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh khác. Trường hợp sử dụng tài sản, máy móc thiết bị được hưởng ưu đãi về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác thì phải hoàn trả ưu đãi về thuế đã được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nội địa đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa sản xuất, kinh

doanh trong nội địa. Do vậy, cần quy định rõ chỉ có hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài mới thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Bên cạnh đó, thực tế cũng phát sinh vướng mắc trường hợp doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất, gia công mà mang đi thuê gia công ở các doanh nghiệp khác sau đó trực tiếp xuất khẩu thì cũng cần được áp dụng bình đẳng như doanh nghiệp trực tiếp sản xuất với mục tiêu xuất khẩu ra nước ngoài.

Vì vậy, để đảm bảo thống nhất và phù hợp thực tiễn, cần thiết bổ sung quy định hàng hóa do tổ chức, cá nhân *thuê gia công* để trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Để đảm bảo minh bạch chính sách, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “1. Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, *thuê gia công* trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài” (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật).

2.2. Sửa đổi quy định về hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, quà biếu, quà tặng

- Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế đối với hàng nhập khẩu bao gồm: “a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ”.

- Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định:

“1. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế TTĐB quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB, bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo, hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh;

b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật”.

+ Tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng không chịu thuế như sau:

“2.1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng, quà biếu bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo và hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng nhập khẩu bằng nguồn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hàng trợ giúp nhân đạo, cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh.

b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật

...

Hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết không thu thuế TTĐB đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện như quy định về giải quyết không thu thuế, miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...”.

- Để luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật và phù hợp với thực tế phát sinh, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau:

“a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại *bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh*; quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu” (nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

2.3. Sửa đổi quy định về hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ

- Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Tại khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp “a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển”. Hiện pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không còn có khái niệm “Hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam”.

- Theo pháp luật về thương mại:

+ Điều 241 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định về quá cảnh hàng hóa như sau:

“Quá cảnh hàng hóa là việc vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam, kể cả việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác được thực hiện trong thời gian quá cảnh”.

+ Tại khoản 1 và 2 Điều 30 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định về chuyển khẩu hàng hóa như sau:

“1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;

b) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam; -

c) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.”

- Theo pháp luật về quản lý ngoại thương:

+ Khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định: *“Hoạt động ngoại thương là hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; chuyển khẩu; quá cảnh và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

+ Điều 44, 45, 46, 47 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định về cho phép, nguyên tắc, cửa khẩu, tuyến đường, thời gian... quá cảnh.

- Theo pháp luật về hải quan:

+ Tại khoản 1 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 có quy định như sau:

“1. Chuyển cửa khẩu là việc chuyển hàng hóa, phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác.”

+ Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục

hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển như sau:

“1. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu vực trung chuyển, sau đó được đưa ra nước ngoài trực tiếp từ khu vực trung chuyển này; không được vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu qua cửa khẩu khác trừ trường hợp thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng hóa trung chuyển được đưa ra nước ngoài toàn bộ hoặc từng phần của lô hàng đã chuyển vào cảng.

2. Hàng hóa trung chuyển phải được thông báo với cơ quan hải quan, chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

...”

- Để đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật hải quan, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “Hàng hóa quá cảnh *theo quy định của pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương, hàng hóa chuyển khẩu, trung chuyển theo quy định của pháp luật hải quan*” (nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

2.4. Sửa đổi quy định đối với hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập

- Tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”.

- Tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP) quy định về khai hải quan như sau:

“5. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế; áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan; hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập - tái xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng

ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.”

- Để đảm bảo chặt chẽ trong quá trình thực hiện, minh bạch chính sách, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. *Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt*” (nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

2.5. Sửa đổi quy định về hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế và hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế

- Tại điểm d khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo quy định của pháp luật”.

- Tại khoản 1 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có quy định về miễn thuế như sau: “1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế”.

- Để phù hợp với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 2 Luật thuế TTĐB như sau: “d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế *nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*; hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật” (nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

2.6. Bổ sung quy định hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế

Căn cứ Điều 2 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật thuế số 70/2014/QH13) quy định đối tượng chịu thuế TTĐB; Điều 3 Luật thuế TTĐB quy định các loại hàng hóa và trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB; Điều 8 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định các trường hợp được hoàn thuế/khấu trừ thuế TTĐB, trường hợp hàng hóa (thuộc đối tượng nộp thuế TTĐB) xuất bán ra nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì phải nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa này sau đó lại tiếp tục xuất khẩu ra nước ngoài thì không được hoàn thuế TTĐB.

Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập khẩu được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu.

Pháp luật về thuế giá trị gia tăng (GTGT) quy định không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng nhập khẩu trở lại do bị phía nước ngoài trả lại.

Luật thuế bảo vệ môi trường quy định hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài.

Để xử lý đúng bản chất của giao dịch và phù hợp đạo lý không thu cùng một loại thuế 02 lần đối với cùng 01 hàng hóa (như đã được quy định tại pháp luật về thuế GTGT và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường), Bộ Tài chính đề xuất bổ sung điểm đ vào khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “*đ) Hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu*” (nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

2.7. Sửa đổi quy định về tàu bay thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB

- Tại khoản 3 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật thuế TTĐB hiện hành, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ có quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

“3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.

Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

Ngoài các trường hợp tàu bay sử dụng cho các mục đích đã nêu tại Nghị định số 14/2019/NĐ-CP, trên thực tế có phát sinh trường hợp doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không nhập khẩu máy bay để phục vụ đào tạo phi công. Loại máy bay huấn luyện này không sử dụng cho mục đích dân dụng, không phải hàng hóa, dịch vụ xa xỉ nhưng đang phải chịu thuế TTĐB. Quy định như hiện hành sẽ làm tăng chi phí đầu tư, nâng cao chi phí giảng dạy và gây khó khăn cho việc thu hút học viên trong bối cảnh phải cạnh tranh với các trường bay của nước ngoài. Đồng thời, không khuyến khích phát triển nguồn nhân sự kỹ thuật cao (phi công) phục vụ cho sự phát triển của ngành hàng không.

- Để phù hợp với mục tiêu thu thuế TTĐB đối với tàu bay là những mặt hàng cao cấp, phục vụ nhu cầu cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, đảm bảo tính ổn định của chính sách, xử lý những bất cập pháp sinh trong thực tế, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “3. *Máy bay, trực thăng, tàu lượn*, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và *máy bay, trực thăng, tàu lượn* sử dụng cho các mục đích an ninh, quốc phòng, *huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ*” (nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật). Quy định này không làm thu hẹp phạm vi đánh thuế TTĐB trên thực tế và vẫn đang thực hiện ổn định trong thời gian qua.

2.8. Bổ sung “xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học” và “xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ” vào đối tượng không chịu thuế TTĐB

- Tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau: “4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông”.

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định như sau: “4. Đối với xe ô tô quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là các loại xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương, xe chở phạm nhân, xe tang lễ; xe thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông và các loại xe chuyên dụng, xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông do Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan quy định cụ thể”.

- Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc đối với một số xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ chạy trong khu di tích lịch sử, trường học, bệnh viện không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và xe ô tô chuyên dụng phục vụ cho mục đích an ninh quốc phòng, căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2015/NĐ-CP được hướng dẫn thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Ngoài ra, cũng có phát sinh các trường hợp cần được hướng dẫn về xe ô tô chuyên dụng không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Để bao quát các trường hợp, cần thiết quy định bổ sung, làm rõ về loại hình xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông, chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe chuyên dụng khác do Chính phủ quy định thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chờ được từ 24 người trở lên; xe ô tô *chở người*, *xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành*, không tham gia giao thông và *chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ*” (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật).

2.9. Về hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau

- Tại khoản 5 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa nhập khẩu vào nội địa.

- Do vậy, để thực hiện chủ trương mở rộng cơ sở thuế, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành: “*Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ*” ra khỏi đối tượng không chịu thuế TTĐB.

3. Về người nộp thuế

- Tại Điều 4 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về người nộp thuế như sau:

“Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu

nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt”.

- Luật thuế TTĐB có quy định về giá tính thuế đối với hoạt động gia công nhưng tại Điều 4 quy định về người nộp thuế chưa có quy định người nộp thuế là tổ chức, cá nhân gia công. Theo đó, cần bổ sung cụm từ “gia công” tại Điều 4 dự thảo Luật.

- Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa nhập khẩu vào nội địa.

- Tại điểm 2.1 nêu trên, Bộ Tài chính đã đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế TTĐB, bổ sung quy định hàng hóa do tổ chức, cá nhân *thuê gia công* để trực tiếp xuất khẩu *ra nước ngoài* thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Để đảm bảo thống nhất, bao quát các trường hợp, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật thuế TTĐB về người nộp thuế như sau:

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, *gia công*, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của *tổ chức, cá nhân* sản xuất để xuất khẩu *ra nước ngoài* nhưng không xuất khẩu *ra nước ngoài* mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Ngoài ra, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định tại Luật về “cơ sở” sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh/sản xuất kinh doanh thành “tổ chức, cá nhân” sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh/sản xuất kinh doanh để đảm bảo thống nhất, đồng bộ về khái niệm.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về căn cứ tính thuế TTĐB

Điều 5 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về căn cứ tính thuế chỉ áp dụng đối với phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm.

Trên thế giới các nước đang áp dụng 03 phương pháp tính thuế bao gồm: (1) Áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (ad valorem tax rate); (2) Áp dụng mức thu tuyệt đối (specific tax rate) và (3) Áp dụng đồng thời cả thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thu tuyệt đối (phương thức hỗn hợp).

Ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp (kết hợp thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá để giảm thiểu tác hại của thuốc lá giá rẻ, thấp cấp đối với sức khỏe cộng đồng. Số lượng các nước áp dụng hệ thống thuế hỗn hợp đối với thuốc lá tăng từ 48 nước năm 2008 lên 65 nước năm 2021⁷.

Để phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như bối cảnh của Việt Nam về hạn chế tiếp cận của giới trẻ, người có thu nhập thấp với thuốc lá giá rẻ cũng như giảm thiểu tác hại của thuốc lá giá rẻ, thấp cấp đối với sức khỏe cộng đồng, cần thiết áp dụng thuế hỗn hợp, bổ sung thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá và sửa đổi, bổ sung căn cứ tính thuế để bao quát trường hợp bổ sung áp dụng thuế tuyệt đối, áp dụng thuế hỗn hợp.

Để quy định rõ căn cứ tính thuế theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm, bổ sung căn cứ tính thuế theo phương pháp thuế tuyệt đối, phương pháp thuế hỗn hợp (áp dụng đồng thời cả phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và phương pháp thuế tuyệt đối), Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 5 Luật thuế TTĐB về căn cứ tính thuế như sau:

1. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm* là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. *Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối* là lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và mức thuế tuyệt đối. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối.

3. *Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp* là tổng của số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và số thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

(nội dung quy định tại Điều 5 dự thảo Luật).

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB

5.1. Bổ sung quy định cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế trong trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường

- Tại Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế như sau:

⁷ Theo WHO

“Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra”.

- Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế”.

+ Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 01/7/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“Giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ là giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ của cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế giá trị gia tăng, được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế...”

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung khổ thứ nhất khoản 1 Điều 6 Luật thuế TTĐB như sau: “1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do *tổ chức, cá nhân* sản xuất, *tổ chức, cá nhân* nhập khẩu bán ra. *Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế*” (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Luật).

5.2. Sửa đổi quy định về giá tính thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu

- Tại khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu công với thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm. Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra”.

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định về trị giá tính thuế nhập khẩu (không dùng khái niệm giá tính thuế nhập khẩu) và có quy định về các khoản thuế nhập khẩu bổ sung bao gồm thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.

- Để thống nhất với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB về giá tính thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu đồng thời chuyển quy định về khâu trừ thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu của hàng hoá chịu TTĐB nhập khẩu sang Điều khoản về hoàn thuế, khấu trừ thuế (khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật) để phù hợp với kết cấu dự thảo Luật, cụ thể như sau:

“Điều 6. Giá tính thuế

...

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là *trị* giá tính thuế nhập khẩu *theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, cộng với thuế nhập khẩu, *cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có)*. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* thì giá tính thuế *tiêu thụ đặc biệt* không bao gồm số thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* được miễn, giảm.

...”

“Điều 9. Hoàn thuế, khấu trừ thuế

3. *Người nộp thuế nhập khẩu hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp ở khâu bán ra.*”

Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật.

5.3. Bổ sung quy định đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu)

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định:

“5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam...”

- Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán ra chưa có thuế

GTGT và thuế bảo vệ môi trường (nếu có) của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp các cơ sở này bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại thì giá tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 1 Điều này”.

- Để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định *“Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân sản xuất và tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam”* (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật).

5.4. Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với cả trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hàng hóa đó

Tại khoản 4 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định giá tính thuế TTĐB: “4. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá bán theo phương thức bán trả tiền một lần của hàng hóa đó không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm”.

Ngoài các trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được bán theo phương thức trả góp, trả chậm thì thực tế phát sinh trường hợp hàng được bán (mua đứt bán đoạn hoặc trả góp, trả chậm) nhưng có kèm theo dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó. Nhiều trường hợp giá bộ phận của hàng hóa chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành. Do đó cần thiết phải bổ sung quy định về giá tính thuế đối với trường hợp này.

Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương, có bao gồm giá của bộ phận được cho thuê, được bán tại thời điểm phát sinh để bao quát trường hợp phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật).

5.5. Sửa đổi quy định rõ về giá tính thuế đối với kinh doanh gôn

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại điểm a khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày

28/10/2015 của Chính phủ có quy định như sau:

“a) Đối với kinh doanh gôn là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: Khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB”.

- Tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính có quy định như sau:

“a) Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp khoản ký quỹ được trả lại người ký quỹ thì cơ sở sẽ được hoàn lại số thuế đã nộp bằng cách khấu trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu không khấu trừ thì cơ sở sẽ được hoàn theo quy định. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB.”

- Để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi giá tính thuế đối với kinh doanh gôn như sau: “Đối với kinh doanh gôn là giá bán thẻ hội viên, giá bán vé chơi gôn bao gồm cả tiền phí chơi gôn, tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn và tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn” (nội dung quy định tại điểm a khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

5.6. Sửa đổi về giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược

- Tại điểm b khoản 5 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế TTĐB đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược như sau: “Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 39/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài quy định: “Doanh thu trực tiếp từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là toàn bộ số tiền thu được do đổi đồng tiền quy ước cho

người chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết".

Theo đó, đề luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định và bao quát quy định có liên quan cũng như phù hợp thực tiễn và thống nhất với dự thảo quy định tại Luật thuế GTGT (sửa đổi), Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định giá tính thuế đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có) (nội dung quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

5.7. Sửa đổi giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê

- Tại điểm c khoản 5 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định giá tính thuế như sau: "c) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, cơ sở kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê".

- Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: "d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá tính thuế TTĐB là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm".

+ Tại điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: "d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là doanh thu chưa có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm (ví dụ: tắm, xông hơi trong cơ sở mát-xa)."

- Đề luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm (nội dung quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật).

5.8. Bổ sung quy định giá tính thuế đối với kinh doanh xổ số

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại điểm đ khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: "đ) Đối với kinh doanh xổ số giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật".

- Tại điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “đ) Đối với kinh doanh xổ số, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (doanh thu chưa có thuế GTGT)”.

- Để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định đối với kinh doanh xổ số thì giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (nội dung quy định tại điểm d khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật).

5.9. Bổ sung quy định giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại

- Tại khoản 6 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “6. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này”.

- Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “8. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại các hàng hóa, dịch vụ này”.

+ Tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “7. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này”.

- Để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (tương tự như đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho) (nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Luật).

5.10. Bổ sung quy định cơ quan thuế ấn định trong trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không thực hiện đúng chế độ hóa đơn, chứng từ

- Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại khoản 11 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định như sau: “11. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế để ấn định doanh thu theo quy định của Luật Quản lý thuế và xác định số thuế TTĐB phải nộp”.

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định “*Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế để ấn định theo quy định của pháp luật quản lý thuế và xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp*” (nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Luật).

6. Bổ sung quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB

- Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB như sau:

+ Đối với hàng hóa: thời điểm phát sinh doanh thu đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với dịch vụ: thời điểm phát sinh doanh thu là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.”

- Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, đề xuất bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB như sau:

- *Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.*

- *Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.*

- *Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.*

Nội dung quy định tại Điều 7 dự thảo Luật.

7. Sửa đổi, bổ sung quy định về thuế suất thuế TTĐB

7.1. Quy định bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “*Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm*” áp dụng mức thuế suất 75%.

- Điều 6 Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC) mà Việt Nam là thành viên từ 2005 quy định các nước thành viên phải áp dụng các biện pháp làm tăng giá thuốc lá và tăng thuế thuốc lá để giảm tiêu thụ thuốc lá hiệu quả.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: “*Tăng thuế TTĐB đối với các*

hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng”.

Điều b khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: *“rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khoẻ nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB”.*

Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu *“Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023 – 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030”*, giao Bộ Tài chính *“xây dựng lộ trình tăng thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá của Chiến lược; xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của WHO; nghiên cứu phương án sử dụng cơ cấu thuế hỗn hợp”.*

- Thực hiện mục tiêu *“chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông”* (Quyết định số 1988/QĐ-BCT ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc lá Việt Nam).

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Ngân hàng Thế giới (WB) khuyến nghị tỷ trọng thuế tiêu dùng nên chiếm từ 66% đến 75% (từ 2/3 đến 3/4) giá bán lẻ thuốc lá để đạt hiệu quả hạn chế tiêu dùng, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

Tại Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được UBTVQH nhất trí thông qua nguyên tắc tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá: Quy định phương pháp tính thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối) đối với mặt hàng thuốc lá. Mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO.

Theo WHO, khói thuốc gây nên những tác động tàn phá tới trẻ em trong suốt giai đoạn từ khi thụ thai, thơ ấu và thanh thiếu niên. Trẻ em phơi nhiễm với khói thuốc thụ động có thể bị viêm đường hô hấp, hen, viêm tai giữa, đột tử ở trẻ sơ sinh, kém phát triển chức năng phổi và làm tăng nguy cơ mắc nhiều loại bệnh khác. Việc sử dụng thuốc lá sớm ở trẻ em và thanh thiếu niên gây ra nhiều hậu quả: nghiện sớm, khó cai, ảnh hưởng sớm đến sức khỏe, sự phát triển não bộ,

khả năng học tập, khả năng lao động. WHO, Tổ chức Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã nêu rõ sử dụng thuốc lá đe dọa sức khỏe, sự sống còn và phát triển của trẻ em; kiểm soát thuốc lá là giải pháp can thiệp để giảm sử dụng thuốc lá nói chung và đảm bảo quyền của trẻ em nói riêng. Trong đó, thuế thuốc lá là giải pháp hiệu quả nhất để giảm sử dụng thuốc lá.

Theo đánh giá của WHO, WB, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các đối tác phòng chống tác hại của thuốc lá thì giá bán thuốc lá của Việt Nam vẫn còn thấp do tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ chỉ chiếm khoảng 38,85% năm 2020 khi áp dụng thuế suất thuế TTĐB 75% trong khi tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ các nước trong khu vực là: Brunei 81%, Thái Lan 70%, Singapore 69%, Malaysia 57%, Indonesia 51%, Myanmar 50% và các nước phát triển Úc: 62%, Đức: 75%, Pháp 80%,...

Giá thuốc lá đang ngày càng rẻ so với thu nhập, dẫn đến sức mua thuốc lá tăng: Theo phân tích của WHO dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê, từ năm 2010 đến 2022 thu nhập đầu người tăng 203% (từ 31,5 triệu đồng lên 95,6 triệu đồng) trong khi giá thuốc lá chỉ tăng 56%. Xu hướng giảm giá thực của thuốc lá và sức mua của thuốc lá tăng theo thời gian là vấn đề rất đáng lo ngại vì nó làm tăng khả năng tiếp cận thuốc lá của người dân, đặc biệt là đối với giới trẻ và người nghèo. Giá thuốc lá ở Việt Nam hiện nay rất thấp, khoảng 3,19 đô la 1 bao (giá sức mua tương đương PPP 2018). Mức chuẩn tối thiểu trong Bảng Xếp hạng để đạt hiệu quả cao là 10 đô la 1 bao, các nhà nghiên cứu đã quan sát các mức giá khác nhau và nhận thấy đây là mức giá đủ cao giúp ngăn cản các cá nhân hút thuốc, điều này được thể hiện qua việc giảm tỷ lệ thanh thiếu niên bắt đầu hút thuốc, tăng tỷ lệ bỏ thuốc và giảm lượng tiêu thụ ở người đang hút thuốc. Mức đánh thuế thấp là lý do giá thuốc lá thấp, vì giá thuốc lá ở Việt Nam tương đối rẻ so với các nước thu nhập trung bình khác, và mức tăng trưởng thu nhập ở Việt Nam trong thập kỷ qua đã làm cho thuốc lá ngày càng rẻ và trở nên dễ mua hơn. Theo Bộ Y tế, tại Việt Nam, mặt hàng thuốc lá là nguyên nhân gây 40.000 người tử vong mỗi năm và chi phí y tế có liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra là 1 tỷ USD.

Bên cạnh đó, mặc dù mặt hàng thuốc lá đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình vào năm 2016 và 2019, tuy nhiên, trong thời gian qua, tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam vẫn ở mức cao, có xu hướng gia tăng. Việt Nam vẫn là một trong 15 nước có số nam giới trưởng thành hút thuốc lá nhiều nhất trên thế giới và mức giảm vẫn chưa đạt được mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá trong nam giới xuống còn 39% trong Chiến lược Quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến năm 2020. Như vậy, việc sử dụng thuốc lá, cần được tiếp tục kiểm soát hơn nữa và lộ trình tăng thuế TTĐB trong thời gian vừa qua vẫn chưa đạt mục tiêu giảm sử dụng như đã đề ra.

Theo Báo cáo điều tra của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2011, 2016⁸ và 2021), khoảng 90% số nước (194 nước được điều tra) áp dụng thuế TTĐB đối

⁸ WHO tổ chức Điều tra định kỳ 5 năm 1 lần và tổng hợp, công bố kết quả Báo cáo vào năm tiếp theo. Các Báo cáo gần đây nhất của WHO công bố vào năm 2011, 2016 và 2021.

với thuốc lá. Với xu hướng ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá (từ 48 nước năm 2008 lên 65 nước năm 2021). Trong khu vực Đông Nam Á, đa số các quốc gia (8/10 nước) hiện đang áp dụng thuế tuyệt đối hoặc hỗn hợp đối với thuốc lá. Chỉ còn lại duy nhất 02 quốc gia còn đang áp dụng thuế theo tỷ lệ bao gồm Campuchia và Việt Nam.

Việc áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng thuốc lá góp phần hạn chế sự tiếp cận của giới trẻ, đối tượng mới hút thuốc thường tiếp cận thuốc lá bắt đầu từ thuốc lá giá thấp, bị nghiện sớm, khó cai/bỏ thuốc cũng như đối tượng thu nhập thấp, người nghèo hút thuốc, nghiện thuốc lá, khả năng chi cho chăm sóc sức khỏe hạn chế hơn nên gánh nặng bệnh tật và kinh tế sẽ nghiêm trọng hơn. Do vậy, các nước tăng cường áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) và gắn theo các điều kiện về định kỳ tăng thuế theo hoặc cao hơn tốc độ lạm phát và mức tăng trưởng để đảm bảo giá thuốc lá tăng cao hơn hoặc bằng với tốc độ gia tăng thu nhập, sức mua của người hút thuốc.

Việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá sẽ đảm bảo cho chính sách thuế TTĐB hiệu quả đối với mục tiêu tăng giá, góp phần định hướng giảm tiêu dùng sản phẩm thuốc lá giá rẻ, chất lượng thấp do cấu phần thuế tuyệt đối sẽ giúp thu hẹp sự chênh lệch giá, vì mức tăng giá ở các nhãn hiệu thuốc lá giá rẻ chiếm tỷ lệ lớn hơn so với các nhãn hiệu thuốc lá đắt tiền, từ đó sẽ ít có sự chuyển đổi sang các nhãn hiệu rẻ hơn và ngăn ngừa người trẻ tuổi bắt đầu hút thuốc.

Tại Quyết định số 1988/QĐ-BCT ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc lá Việt Nam đã đưa ra mục tiêu “*chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông*”.

Do vậy, cần thiết sửa đổi phương pháp tính thuế đối với mặt hàng thuốc lá theo phương pháp tính thuế hỗn hợp nhằm tăng tính hiệu quả của chính sách thuế TTĐB và phù hợp với xu hướng cải cách thuế thuốc lá của thế giới cũng như bối cảnh Việt Nam.

Để giảm tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam, mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để góp phần đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% vào 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá; và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá (75%) theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Bộ Tài chính đề xuất bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với các mặt hàng thuốc lá như sau:

	Phương án 1	Phương án 2
- Đối với thuốc lá điếu:		
Từ năm 2026	2.000 đồng/bao	5.000 đồng/bao
Từ năm 2027	4.000 đồng/bao	6.000 đồng/bao

	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2028	6.000 đồng/bao	7.000 đồng/bao
Từ năm 2029	8.000 đồng/bao	8.000 đồng/bao
Từ năm 2030	10.000 đồng/bao	10.000 đồng/bao
- Đối với xì gà		
Từ năm 2026	20.000 đồng/điếu	50.000 đồng/điếu
Từ năm 2027	40.000 đồng/điếu	60.000 đồng/điếu
Từ năm 2028	60.000 đồng/điếu	70.000 đồng/điếu
Từ năm 2029	80.000 đồng/điếu	80.000 đồng/điếu
Từ năm 2030	100.000 đồng/điếu	100.000 đồng/điếu
- Thuốc lá sợi, thuốc lá hào hoặc các dạng khác		
Từ năm 2026	20.000 đồng/100g hoặc 100ml	50.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2027	40.000 đồng/100g hoặc 100ml	60.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2028	60.000 đồng/100g hoặc 100ml	70.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2029	80.000 đồng/100g hoặc 100ml	80.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2030	100.000 đồng/100g hoặc 100ml	100.000 đồng/100g hoặc 100ml

Đánh giá tác động:

Theo mô hình đánh giá tác động TAXim của WHO, dự kiến tác động của việc đánh thuế hỗn hợp (bổ sung thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá theo 02 phương án nêu trên như sau:

Đối với Phương án 1: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 41,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,5%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 44% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,4%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 23,7 nghìn tỷ năm 2026 và 39,1 nghìn tỷ năm 2030.

Đối với Phương án 2: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 30 nghìn tỷ năm 2026 và 39,2 nghìn tỷ năm 2030.

Phân tích tác động của 02 Phương án nêu trên cho thấy cả hai phương án đều tăng giá cho tất cả các nhãn hiệu thuốc lá (bao gồm các sản phẩm ở cả hai phân khúc bình dân và cao cấp), nhưng Phương án 2 sẽ dẫn đến mức tăng cao hơn. Điều này phù hợp với các thực tiễn tốt nhất về thuế thuốc lá, khuyến nghị tăng thuế cao thay vì tăng nhiều lần nhỏ sẽ tạo ra rào cản lớn hơn với những người hiện đang hút thuốc và những người có khả năng bắt đầu hút thuốc. Theo Nghiên cứu của Trường Đại học Johns Hopkins về phản ứng của người tiêu dùng đối với giá cả cho thấy người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn với mức

tăng giá lớn hơn bằng cách giảm lượng tiêu thụ nhiều hơn. Phương án 2 tạo ra hiệu quả tức thời (ngay năm đầu tiên Luật có hiệu lực) về sức khỏe cộng đồng hơn so với Phương án 1 do có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn. Việc ngay lập tức tăng mức thuế 5.000 đồng sẽ tạo ra mức tăng giá ban đầu lớn hơn có thể khiến người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn và giảm nhu cầu sử dụng theo tỷ lệ tương ứng, tác động trực tiếp giúp người đang hút thuốc giảm lượng tiêu thụ và ngăn ngừa những người trẻ bắt đầu hút thuốc.

So sánh tác động của 02 Phương án đối với mục tiêu giảm tỷ lệ hút thuốc, tăng tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cho thấy Phương án 2 tác động hiệu quả hơn, do đó Bộ Tài chính nghiêng về Phương án 2.

Nội dung quy định tại điểm 1 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

7.2. Điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB (thuế tỷ lệ phần trăm) đối với mặt hàng rượu, bia

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định thuế suất thuế TTĐB đối với: (i) Rượu từ 20 độ trở lên: 65%; (ii) Rượu dưới 20 độ: 35%; (iii) Bia: 65%.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ: *“Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng”*.

Điểm b khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: *“rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030”*.

Khoản 5 Mục V Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: *“b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”*

Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới của Việt Nam (toàn bộ Báo cáo về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 28/11/2006), Việt Nam cam kết trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng *một mức thuế suất phần trăm thống nhất với tất cả các sản*

phẩm bia (apply a single ad valorem rate to all beer products) không phân biệt bao bì đóng gói sản phẩm, nghĩa là bia tươi, bia hơi, bia chai hoặc bia lon.

Theo Bộ Y tế, rượu, bia là yếu tố xếp thứ 02 trong 10 yếu tố nguy cơ gây bệnh tật và tử vong hàng đầu tại Việt Nam, là nguyên nhân liên quan đến chấn thương, tai nạn giao thông, rối loạn tâm thần, xơ gan, bệnh tim mạch, ung thư, một số bệnh truyền nhiễm. Việc sử dụng, lạm dụng rượu, bia gây nhiều hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội, bao gồm: tai nạn giao thông, chấn thương, bạo lực gia đình, mất an ninh trật tự, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Rượu, bia là một trong 03 nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ tai nạn giao thông ở nam giới độ tuổi 15-49. Rượu, bia cũng là nguyên nhân gây ra 30% các vụ gây rối trật tự xã hội và 33,7% các vụ bạo lực gia đình ở Việt Nam. Ước tính chi phí trực tiếp cho tiêu dùng rượu, bia ở Việt Nam vào năm 2017 là 4 tỷ USD, gần bằng 7% số thu ngân sách của nhà nước (chưa tính đến chi phí gián tiếp).

Mặc dù mặt hàng bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2018. Tuy nhiên, sức mua rượu, bia của người Việt Nam vẫn tăng do thu nhập tăng nhanh trong khi giá rượu, bia tăng rất chậm. Do vậy, trong thời gian qua, tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao⁹ và có xu hướng gia tăng nhanh¹⁰. Theo Bộ Y tế, mức tiêu thụ rượu bia bình quân/người trưởng thành quy đổi ra cồn nguyên chất ở người trưởng thành Việt Nam đã tăng từ 2,9 lít/người năm 2005 lên 7,9lít/người năm 2019¹¹. Tỷ lệ nam giới uống rượu bia ở mức cao, năm 2021 có 64,2% nam và 9,8% nữ hiện uống rượu bia trong 30 ngày qua. Tỷ lệ uống rượu bia ở mức nguy hại cũng đang rất phổ biến, đặc biệt ở nam giới (28,3% năm 2021)¹². Hiện nay, thuế và giá rượu, bia ở Việt Nam còn ở mức thấp, theo tính toán của WHO thuế rượu, bia của Việt Nam mới chiếm khoảng 30% giá bán lẻ, trong khi ở nhiều nước tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm từ 40-85% giá bán lẻ. Do vậy, lộ trình tăng thuế TTĐB đối với rượu và bia từ năm 2016-2018 chưa đủ mạnh để tác động đến giảm tiêu dùng rượu bia. Trước mắt, cần tiếp tục tăng thuế để tăng giá bán lẻ rượu, bia lên mức ít nhất tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm 40% giá bán lẻ.

Về nội dung phương pháp tính thuế đã được thảo luận kỹ trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật và trên cơ sở cân nhắc các yếu tố tác động đến ngành sản xuất rượu bia trong nước và cam kết khi gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế WTO, Chính phủ đã họp, lấy ý kiến các Thành viên Chính phủ và ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 27/02/2024 theo đó: “1. Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương

⁹ Việt Nam là nước tiêu thụ bia cao nhất Đông Nam Á và thứ 3 Châu Á sau Nhật Bản, Trung Quốc (Institute of Health Metrics and Evaluation (2013). Global burden of diseases study. <http://vizhub.healthdata.org/gbd-compare/>

¹⁰ Năm 2019, lượng bia tiêu thụ bình quân một người là 47,6 lít, bằng 1,2 lần năm 2015; rượu mạnh và rượu trắng là 3,4 lít, bằng 1,02 lần năm 2015.

¹¹ Thông tin từ Bài trình bày của Ths.Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế tại Hội nghị tập huấn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, rượu bia, đồ uống có đường, do Bộ Thông tin và truyền thông thực hiện vào 7/2022, trích nguồn từ WHO.Global Health Observatory data repository. Truy cập ngày 26/5/2022: <https://apps.who.int/gho/data/node.main.A1029SDG3?lang=en>

¹² Thông tin từ Bài trình bày của Ths.Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế tại Hội nghị tập huấn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có đường, do Bộ Thông tin và truyền thông thực hiện vào 7/2022, trích nguồn từ Điều tra yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm năm 2021 của Bộ Y tế.

pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO”.

Tại Đề nghị xây dựng Luật đã được UBTVQH nhất trí nguyên tắc tăng thuế: “Điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB (thuế tỷ lệ phần trăm) đối với mặt hàng rượu, bia theo lộ trình để tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của Tổ chức Y tế Thế giới”.

Căn cứ các cơ sở và nguyên tắc đã trình các cấp có thẩm quyền tại Đề nghị xây dựng Luật, Bộ Tài chính đề xuất phương án điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng rượu, bia theo lộ trình như sau:

- Đối với rượu từ 20 độ trở lên:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	70%	80%
Từ năm 2027	75%	85%
Từ năm 2028	80%	90%
Từ năm 2029	85%	95%
Từ năm 2030	90%	100%

- Đối với rượu dưới 20 độ:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	40%	50%
Từ năm 2027	45%	55%
Từ năm 2028	50%	60%
Từ năm 2029	55%	65%
Từ năm 2030	60%	70%

- Đối với mặt hàng bia:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	70%	80%
Từ năm 2027	75%	85%
Từ năm 2028	80%	90%
Từ năm 2029	85%	95%
Từ năm 2030	90%	100%

Đánh giá tác động:

Đối với Phương án 1: Giá bán năm 2026 sẽ tăng 2-3% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

Đối với Phương án 2: Giá bán năm 2026 sẽ tăng 10% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

Bộ Tài chính nghiên về Phương án 2.

Nội dung quy định tại điểm 2, 3 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

7.3. Sửa đổi, bổ sung mô tả và mức thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng thân thiện với môi trường

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng” áp dụng thuế suất thuế TTĐB “bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này”.

Quy định nêu trên nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các loại xe thân thiện với môi trường là loại xe có hai động cơ: động cơ xăng và động cơ điện. Trong điều kiện bình thường xe chủ yếu chạy bằng động cơ điện và động cơ xăng có tính chất dự phòng (khi ắc quy dùng để chạy động cơ điện hết điện), lượng khí thải ra môi trường thấp hơn nhiều so với loại xe ô tô thông thường khác. Tuy nhiên, để tránh nhầm lẫn với xe hybrid (xe có 02 động cơ và trong điều kiện bình thường thì xe chủ yếu chạy bằng động cơ xăng), cần bổ sung quy định rõ loại xe thân thiện với môi trường thuộc đối tượng ưu đãi thuế suất thuế TTĐB là xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng.

Đối với dòng xe thân thiện môi trường, ngoài xe chạy xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe điện, còn có loại xe sử dụng khí thiên nhiên, cũng cần có chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích sản xuất, lắp ráp và tiêu dùng.

Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung mô tả và mức thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng thân thiện với môi trường như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe có động cơ dưới 24 chỗ	
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện (xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng), xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này.

Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm 4đ Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

7.4. Sửa đổi thuế suất đối với mặt hàng xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng (xe ô tô pick-up cabin kép, xe VAN có hai hàng ghế trở lên...) áp dụng thuế suất thuế TTĐB từ 15-25% tùy theo dung tích xi-lanh, thấp hơn rất nhiều so với mức thuế suất thuế TTĐB áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 9 chỗ chạy bằng xăng, dầu (35-150%).

Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bảo hiệu đường bộ số QCVN 41:2019/BGTVT, loại xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe VAN có hai hàng ghế trở lên khi tham gia giao thông được áp dụng các hệ thống bảo hiệu đường bộ như ô tô con, không bị hạn chế về thời gian được phép lưu thông trong đô thị, được phép lưu thông vào làn đường dành cho ô tô con.

Qua nghiên cứu cho thấy các nước trong khu vực như Xinh-ga-po, Bru-nêy, Phi-líp-pin áp dụng thuế suất đối với ô tô pick-up vừa chở người, vừa chở hàng cũng giống như các dòng xe khác, không phân biệt giữa các chủng loại xe. Một số nước áp dụng thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép ở mức thấp hơn mức thuế suất đối với xe ô tô chở người dưới 9 chỗ (Thí dụ: Cam-pu-chia thấp hơn 30%; Thái Lan thấp hơn khoảng 17%...).

Để góp phần đảm bảo quản lý nhà nước đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép và điều tiết hạn chế sử dụng phương tiện giao thông tại các thành phố lớn, lệ phí trước bạ đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép cũng đã được điều chỉnh tăng theo Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ, theo đó, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

Để bảo đảm chính sách thuế phù hợp với mục đích sử dụng xe, cần thiết phải nghiên cứu mức thuế suất thuế TTĐB đối với các loại xe ô tô lưỡng dụng, vừa chở người, vừa chở hàng như xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép và xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng cho phù hợp với quy định của chính sách thuế, phí và lệ phí hiện hành. Đối với xe ô tô pick-up chở người theo Tiêu chuẩn Việt Nam được xếp vào nhóm xe ô tô con, do đó cần quy định rõ loại xe này áp dụng thuế suất cùng với nhóm xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

Bộ Tài chính đề xuất quy định cụ thể thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pick-up chở người, sửa đổi thuế suất đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép và xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe có động cơ dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn	

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	<i>động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	
	
	d) <i>Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	<i>Bằng 60% mức thuế suất áp dụng cho xe quy định tại điểm 4a của Biểu thuế quy định tại Điều này.</i>

Nội dung quy định tại điểm 4a, 4d Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

7.5. Đối với mặt nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml

Do đây là mặt hàng mới bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB, Bộ Tài chính đề xuất áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng này.

8. Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế, khấu trừ TTĐB

8.1. Về hàng hóa nhập khẩu, tái xuất khẩu

- Tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật đang đề xuất quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB đối với: “c) *Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì cơ sở kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.*”

- Để phù hợp với quy định nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định cho phép hoàn thuế đối với “hàng hóa tạm nhập, tái xuất” tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành.

8.2. Về hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu

Để minh bạch chính sách, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định rõ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài và việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu ra nước ngoài (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật).

8.3. Sửa đổi, bổ sung quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

- Điểm c khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về trường hợp người nộp thuế TTĐB được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp sau: "*c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa*".

- Tại Điều 202, Điều 203 và Điều 204 Luật Doanh nghiệp quy định: "*Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi*".

Thực tế, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp), mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết). Đồng thời, Luật doanh nghiệp chỉ quy định chấm dứt hoạt động đối với văn phòng hoặc chi nhánh, trường hợp văn phòng, chi nhánh chấm dứt hoạt động thì Công ty mẹ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của văn phòng, chi nhánh.

Để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật doanh nghiệp, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định về hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động (nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật).

Việc sửa đổi quy định này để thực hiện kiến nghị nêu tại Báo cáo số 587/BC-CP ngày 20/10/2023 của Chính phủ và xử lý kết quả rà soát theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội.

Ngoài ra, qua rà soát, trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã. Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thì không phát sinh số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết vì theo quy định pháp luật thuế TTĐB hiện hành thì hộ kinh doanh là đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. Đối với trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để tiếp tục khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

Theo đó, để bao quát hết các trường hợp, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật như sau: "*Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định*".

8.4. Bổ sung quy định hoàn thuế đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học

Tại khoản 4 Điều 1 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định thuế suất TTĐB đối với Xăng là 10%; xăng E5 là 8%; xăng E10 là 7%.

Tại Điều 8 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định: “Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp ở khâu sản xuất”.

Xăng sinh học E5, E10 được pha chế theo tỷ lệ tương ứng 95%, 90% xăng RON92 (mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB) và 5%, 10% cồn sinh học. Căn cứ vào quy định nêu trên, cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả của nguyên liệu xăng khoáng khi xác định số thuế TTĐB phải nộp của mặt hàng xăng sinh học. Do thuế suất thuế TTĐB của xăng nguyên liệu là 10% trong khi thuế suất của xăng sinh học chỉ là 8% hoặc 7% nên doanh nghiệp sản xuất, pha chế xăng sinh học luôn phát sinh số thuế TTĐB chưa được khấu trừ (khoảng 1,5%/giá bán xăng sinh học). Đây là khoản tiền thuế tương tự như tiền thuế nộp thừa và theo Luật quản lý thuế, số tiền thuế nộp thừa được xử lý hoàn. Do vậy, căn cứ thẩm quyền được giao, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết (Quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP).

Để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo tính ổn định của chính sách cũng như nâng cao tính pháp lý, minh bạch của chính sách, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định cho hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết vào Luật như sau:

“Đối với người nộp thuế được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết của kỳ khai thuế trước đó liền kề) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn trả.

Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.”

Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật.

9. Sửa đổi, bổ sung quy định về giảm thuế

- Điều 9 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giảm thuế như sau:

“Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế.

Mức giảm thuế được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có)”.

- Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại Điều 9 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giảm thuế như sau:

“Việc giảm thuế TTĐB được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12.

Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

- Để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định: *Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành (nội dung quy định tại Điều 10 dự thảo Luật).*

10. Sửa đổi, bổ sung quy định về điều khoản thi hành

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thuế suất 75%.

Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) quy định “Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác”.

Do vậy, hiện nay sản phẩm thuốc lá mới chưa có quy định tại Luật PCTHTL và Luật thuế TTĐB.

Để có căn cứ pháp lý thu thuế trong trường hợp pháp luật chuyên ngành cho phép sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thì cần quy định dự phòng chính sách thu thuế đối với mặt hàng này tại Luật thuế TTĐB (sửa đổi).

Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cần thiết giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều: Điều 2 về đối tượng chịu thuế, Điều 3 về đối tượng không chịu thuế, Điều 6 về giá tính thuế, Điều 9 về hoàn thuế, khấu trừ thuế.

Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 12 về tổ chức thực hiện như sau:

“Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 9 của Luật này.

Trường hợp các sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, các sản phẩm thuốc lá mới sẽ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt như mức thuế tiêu thụ đặc biệt quy định đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm. Giao Chính phủ quy định việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt cụ thể đối với từng loại sản phẩm thuốc lá mới trong trường hợp được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam”.

Nội dung quy định tại Điều 12 của dự thảo Luật.

Trên đây là Bản thuyết minh chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi)/.



Luật số 20/2002/QH15

DỰ THẢO 3 *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... thángnăm ...

LUẬT

THUẾ TIÊU THU ĐẶC BIỆT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng chịu thuế

1. Hàng hóa:

a) Thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm.

b) Rượu theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

c) Bia theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

d) Xe ô-tô có động cơ dưới 24 chỗ, kể cả bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng.

đ) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm³.

e) Tàu bay, Máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền sử dụng cho mục đích dân dụng.

g) Xăng các loại.

h) Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa

xe lửa, tàu, thuyền, máy bay. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh).

i) Bài lá.

k) Vàng mã, hàng mã, không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học.

l) Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN,) có hàm lượng đường trên 5g/100ml.

Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này là sản phẩm hoàn chỉnh, không bao gồm linh kiện để lắp ráp các hàng hóa này.

2. Dịch vụ:

a) Kinh doanh vũ trường.

b) Kinh doanh mát-xa (massage), ka-ra-ô-kê (karaoke).

c) Kinh doanh ca-si-nô (casino); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pốt (jackpot), máy sờ-lot (slot) và các loại máy tương tự.

d) Kinh doanh đặt cược bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật.

đ) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm kinh doanh sân tập gôn, phòng tập gôn điện tử, bán thẻ hội viên, vé chơi gôn.

e) Kinh doanh xổ số.

Điều 3. Đối tượng không chịu thuế

Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau:

1. Hàng hóa do ~~ese~~ *sở tổ chức, cá nhân* sản xuất, gia công, *thuê gia công* trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho ~~ese~~ *tổ chức, cá nhân* kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Hàng hóa nhập khẩu bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh; quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

~~nhập khẩu; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.~~

b) ~~Hàng hóa vận chuyển~~ quá cảnh ~~theo quy định của pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương, hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam,~~ hàng hóa chuyển khẩu, ~~trung chuyển~~ theo quy định của Chính phủ ~~theo quy định của pháp luật hải quan.~~

c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. ~~Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.~~

d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu ~~theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;~~ hàng nhập khẩu ~~để đã bán tại cửa hàng~~ miễn thuế theo quy định của pháp luật.

~~đ) Hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu.~~

3. ~~Tàu bay Máy bay, trực thăng, tàu lượn,~~ du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và ~~tàu bay máy bay, trực thăng, tàu lượn~~ sử dụng cho các mục đích an ninh, quốc phòng, huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ.

4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô ~~chở người chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ~~ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và ~~chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học~~ và xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ.

5. ~~Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ.~~

Điều 4. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của ~~ese~~ *tổ chức, cá nhân* sản xuất để xuất khẩu ra nước ngoài nhưng không xuất khẩu ra nước ngoài mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ

Điều 5. Căn cứ tính thuế

1. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm* là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. *Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối là lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và mức thuế tuyệt đối. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối.*

3. *Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp là tổng của số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và số thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.*

Điều 6. Giá tính thuế

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do ~~ese~~ *tổ chức, cá nhân* sản xuất, ~~ese~~ *tổ chức, cá nhân* nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của *tổ chức, cá nhân* sản xuất, *tổ chức, cá nhân* nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho ~~ese~~ *doanh nghiệp* kinh doanh thương mại là ~~ese~~ *doanh nghiệp* có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với ~~ese~~ *doanh nghiệp* sản xuất, ~~ese~~ *doanh nghiệp* nhập khẩu hoặc ~~ese~~ *doanh nghiệp* kinh doanh thương mại là ~~ese~~ *doanh nghiệp* có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm (%) so với giá bình quân của các ~~ese~~ *doanh nghiệp* kinh doanh thương mại mua trực tiếp của ~~ese~~ *doanh nghiệp* sản xuất, ~~ese~~ *doanh nghiệp* nhập khẩu bán ra theo quy định của Chính phủ.

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là *trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là *thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có)*. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không bao gồm số thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* được miễn, giảm. Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra.

3. Đối với hàng hóa gia công là giá tính thuế của hàng hóa bán ra của ~~ese~~ *tổ chức, cá nhân* giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm bán hàng.

4. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa *tổ chức, cá nhân sản xuất và tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất* thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của *tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất*. Trường hợp *tổ chức, cá nhân sản xuất* theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

4.5. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá bán theo phương thức bán trả tiền một lần của hàng hóa đó không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán kèm theo dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương được bán tại thời điểm phát sinh.

§ 6. Đối với dịch vụ là giá cung ứng dịch vụ của ~~ese~~ *tổ chức, cá nhân* kinh doanh. Giá cung ứng dịch vụ đối với một số trường hợp được quy định như sau:

a) Đối với kinh doanh gôn là giá bán thẻ hội viên, giá bán vé chơi gôn bao gồm cả tiền phí chơi gôn, tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn và tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho *tổ chức, cá nhân* kinh doanh gôn.

b) Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có).

c) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, ~~es-sê~~ kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm.

d) Đối với kinh doanh xổ số, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6 7. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, *khuyến mại* là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm, được thu (nếu có) mà ~~es-sê~~ tổ chức, cá nhân kinh doanh được hưởng.

Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế để ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp.

Điều 7. Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

3. Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Điều 7 8. Thuế suất

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ được quy định tại Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt sau đây:

BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất/Mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
I	Hàng hóa		
1	Thuốc lá	75	
	a) Thuốc lá điếu	75	<u>Phương án 1:</u> - Từ 2026: 2.000 đồng/bao - Từ 2027: 4.000 đồng/bao - Từ 2028: 6.000 đồng/bao

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất/Mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
			<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2029: 8.000 đồng/bao - Từ 2030: 10.000 đồng/bao <u>Phương án 2</u> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2026: 5.000 đồng/bao - Từ 2027: 6.000 đồng/bao - Từ 2028: 7.000 đồng/bao - Từ 2029: 8.000 đồng/bao - Từ 2030: 10.000 đồng/bao
	b) Xi gà	75	<u>Phương án 1:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2026: 20.000 đồng/điều - Từ 2027: 40.000 đồng/điều - Từ 2028: 60.000 đồng/điều - Từ 2029: 80.000 đồng/điều - Từ 2030: 100.000 đồng/điều <u>Phương án 2</u> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2026: 50.000 đồng/điều - Từ 2027: 60.000 đồng/điều - Từ 2028: 70.000 đồng/điều - Từ 2029: 80.000 đồng/điều - Từ 2030: 100.000 đồng/điều
	c) Thuốc lá sợi, thuốc láo hoặc các dạng khác	75	<u>Phương án 1:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2026: 20.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2027: 40.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2028: 60.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2029: 80.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2030: 100.000 đồng/100g hoặc 100ml <u>Phương án 2</u> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2026: 50.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2027: 60.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2028: 70.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2029: 80.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 2030: 100.000 đồng/100g hoặc 100ml

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
2	Rượu	
	a) Rượu từ 20 độ trở lên	65
		<u>Phương án 1:</u>

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
		- Từ 2026: 70 - Từ 2027: 75 - Từ 2028: 80 - Từ 2029: 85 - Từ 2030: 90 <u>Phương án 2</u> - Từ 2026: 80 - Từ 2027: 85 - Từ 2028: 90 - Từ 2029: 95 - Từ 2030: 100
	b) Rượu dưới 20 độ	35 <u>Phương án 1:</u> - Từ 2026: 40 - Từ 2027: 45 - Từ 2028: 50 - Từ 2029: 55 - Từ 2030: 60 <u>Phương án 2</u> - Từ 2026: 50 - Từ 2027: 55 - Từ 2028: 60 - Từ 2029: 65 - Từ 2030: 70
3	Bia	65 <u>Phương án 1:</u> - Từ 2026: 70 - Từ 2027: 75 - Từ 2028: 80 - Từ 2029: 85 - Từ 2030: 90 <u>Phương án 2</u> - Từ 2026: 80 - Từ 2027: 85 - Từ 2028: 90 - Từ 2029: 95 - Từ 2030: 100
4	Xe ô-tô có động cơ dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn	

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	<i>động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	
	- Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm ³ trở xuống	35
	- Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm ³ đến 2.000 cm ³	40
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm ³ đến 2.500 cm ³	50
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ đến 3.000 cm ³	60
	- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³ đến 4.000 cm ³	90
	- Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm ³ đến 5.000 cm ³	110
	- Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm ³ đến 6.000 cm ³	130
	- Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm ³	150
	b) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	15
	c) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 16 đến dưới 24 chỗ, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	10
	d) Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	Bằng 60% mức thuế suất áp dụng cho xe quy định tại điểm 4a của Biểu thuế quy định tại Điều này.
	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm³ trở xuống	15
	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm³ đến 3.000 cm³	20
	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm³	25
	d) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện (xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng), xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
		này.
	e) Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	Bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này
	g) Xe ô tô có động cơ dưới 24 chỗ chạy điện	
	* Xe ô tô có động cơ dưới 24 chỗ chạy bằng pin	
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người	
	+ Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027	3
	+ Từ ngày 01 tháng 3 năm 2027	11
	- Loại Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ	
	+ Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027	2
	+ Từ ngày 01 tháng 3 năm 2027	7
	- Loại Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 16 đến dưới 24 chỗ	
	+ Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027	1
	+ Từ ngày 01 tháng 3 năm 2027	4
	- Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng	
	+ Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027	2
	+ Từ ngày 01 tháng 3 năm 2027	7
	* Xe ô tô có động cơ dưới 24 chỗ chạy điện khác:	

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người	15
	- Loại Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ	10
	- Loại Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 16 đến dưới 24 chỗ	5
	- Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng	10
	h) Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh	75
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm ³	20
6	Tàu bay, Máy bay, trực thăng, tàu lượn	30
7	Du thuyền	30
8	Xăng các loại	
	a) Xăng	10
	b) Xăng E5	8
	c) Xăng E10	7
9	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10
10	Bài lá	40
11	Vàng mã, hàng mã	70
12	Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN, có hàm lượng đường trên 5g/100ml	10
II	Dịch vụ	
1	Kinh doanh vũ trường	40
2	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
3	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	
	Kinh doanh ca-si-nô	35

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng	35
4	Kinh doanh đặt cược	30
5	Kinh doanh gôn	20
6	Kinh doanh xổ số	15

CHƯƠNG III HOÀN THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ, GIẢM THUẾ

Điều 89. Hoàn thuế, khấu trừ thuế

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp sau:

a) ~~Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu;~~

b) Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài.

Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản này chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hoá thực tế xuất khẩu ra nước ngoài.

c) Quyết toán thuế khi ~~sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết nộp thừa.~~

Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

d) ~~Có quyết định hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và~~ Trường hợp hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

~~Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ thực hiện đối với hàng hoá thực tế xuất khẩu.~~

2. Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng nguyên liệu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp ở khâu sản xuất.

Đối với người nộp thuế được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, số

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết của kỳ khai thuế trước đó liền kề) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn trả.

Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Người nộp thuế nhập khẩu hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp ở khâu bán ra.

Điều 9 10. Giảm thuế

Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế.

Mức giảm thuế được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có).

Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10 11. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng năm 202...

2. Luật này thay thế Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 18 tháng 11 năm 2008, Luật số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, điểm d khoản 2 Điều 6 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Điều 2 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và Điều 8 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.

Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

Điều 112. Hướng dẫn thi hành Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 9 của trong Luật này những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Trường hợp các sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, các sản phẩm thuốc lá mới sẽ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt như mức thuế tiêu thụ đặc biệt quy định đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm. Giao Chính phủ quy định việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt cụ thể đối với từng loại sản phẩm thuốc lá mới trong trường hợp được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm .

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

In nghiêng: Sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành.
Gạch ngang: Bỏ so với quy định hiện hành.

Số: 188 /BC-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được Quốc hội Khóa XII thông qua ngày 14/11/2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009. Trong quá trình thực hiện, để khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn và để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) trong từng thời kỳ, Luật thuế TTĐB đã được sửa đổi, bổ sung hai lần vào các năm 2014¹, 2016², 2022³. Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật thuế TTĐB đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt KT-XH và đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chính sách thuế TTĐB đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện như đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế; một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện; thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô, còn thấp chưa đủ tác dụng để hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội; chưa thực hiện được một số mục tiêu đề ra của chính sách thuế TTĐB nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 là bổ sung đối tượng chịu thuế, nghiên cứu áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng có hại cho sức khỏe và môi trường; chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

Do đó, Luật Thuế TTĐB cần được sửa đổi, bổ sung nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước và thực hiện các chủ trương,

¹ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

² Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

³ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế TTĐB và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, đề bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật, cũng như đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính, cải cách thủ tục quản lý thuế hướng tới chính sách thuế thống nhất, công khai, minh bạch, và phù hợp với xu hướng cải cách thuế TTĐB của các nước.

2. Mục đích xây dựng chính sách

- Hoàn thiện quy định về chính sách thuế TTĐB để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật để góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng thu đủ vào ngân sách nhà nước (NSNN), đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

- Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định, luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật; góp phần cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thuận tiện, thống nhất, ổn định chính sách, bảo vệ quyền lợi người nộp thuế, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

- Khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế TTĐB thời gian qua; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật thuế TTĐB và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung những quy định tại Luật để phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB

1.1. Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

1.1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”

a) Xác định vấn đề bất cập

Điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Tuy nhiên, tại khoản 1 và 3 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về giải thích từ ngữ như sau: “1. Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác”, và “3. Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tấm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá”.

Như vậy, giữa các văn bản quy định còn chưa có sự thống nhất, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về phòng, chống tác hại thuốc lá.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thành “thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm thuốc lá điếu; xì gà; thuốc lá sợi; thuốc lào hoặc các dạng khác”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về phòng, chống tác hại thuốc lá.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế: Tạo điều kiện để tránh được các trường hợp gian lận trong thực hiện thu thuế TTĐB.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “rượu”

a) Xác định vấn đề bất cập

Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “rượu” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Tuy nhiên, tại Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau: “1. Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.

Theo Bộ Y tế, mọi loại đồ uống có chứa cồn thực phẩm đều được xếp là rượu nên phải thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Như vậy, cần dẫn chiếu khái niệm “rượu” theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia để không gây khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về phòng, chống tác hại rượu, bia.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “rượu” thành “rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về phòng, chống tác hại rượu, bia.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế: Đảm bảo chính sách rõ ràng, tránh được các trường hợp gian lận trong thực hiện thu thuế TTĐB.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.3. Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “bia”

a) Xác định vấn đề bất cập

Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “bia” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau: “2. *Bia* là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước.”

Như vậy, cần dẫn chiếu khái niệm “bia” theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia để không gây khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về phòng, chống tác hại rượu, bia.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “bia” thành “*bia theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia*”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về phòng, chống tác hại rượu, bia.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế: Đảm bảo chính sách rõ ràng, tránh được các trường hợp gian lận trong thực hiện thu thuế TTĐB.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng xe ô tô dưới 24 chỗ

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng thì không có phân loại xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng mà quy định cụ thể tên xe pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN 2 hàng ghế (xe có kiểu dáng xe chở người nhưng có vách ngăn cố định với khoang chở hàng).

Thực tế thực hiện đã có phát sinh vướng mắc việc xác định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay không do: (i) Theo quy định tại Luật Đường bộ, Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, hoạt động trên đường bộ trong phạm vi hạn chế; (ii) Theo TCVN thì xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không được gọi là ô tô.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, bao quát các đối tượng, xử lý được các vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về thuế TTĐB.

- Tránh được các trường hợp gian lận trong thực hiện thu thuế TTĐB.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “xe có động cơ

dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, đảm bảo đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế: Tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện để tránh được các trường hợp gian lận trong thực hiện thu thuế TTĐB.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.5. Sửa đổi quy định về tàu bay

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại điểm e khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định “Tàu bay, du thuyền” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật:

+ Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng chịu thuế đối với tàu bay, du thuyền như sau: “a) Đối với tàu bay, du thuyền quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB là loại sử dụng cho mục đích dân dụng”.

+ Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng chịu thuế như sau: “2. Đối tượng chịu thuế TTĐB đối với hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB là các

sản phẩm hàng hóa hoàn chỉnh, không bao gồm bộ linh kiện để lắp ráp các hàng hóa này”.

- Tại khoản 1 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng quy định: “1. Tàu bay là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí, bao gồm máy bay, trực thăng, tàu lượn, khí cầu và các thiết bị bay khác, trừ thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí phản lại từ bề mặt trái đất”.

Theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, khái niệm về tàu bay rất rộng bao gồm tất cả những thiết bị bay như Flycam để quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, thiết bị bay điều khiển từ xa dùng để phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em điều khiển từ xa... nếu thu thuế TTĐB đối với các thiết bị bay, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em thì chưa phù hợp với mục tiêu của chính sách thuế TTĐB. Vì vậy, cần sửa đổi quy định về “tàu bay” trong đối tượng chịu thuế của Luật thuế TTĐB.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật chuyên ngành.

- Làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ, chở người và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Thay quy định “tàu bay” bằng quy định “*máy bay, trực thăng, tàu lượn*” và bổ sung hướng dẫn rõ các mặt hàng *máy bay, trực thăng, tàu lượn* và du thuyền chịu thuế TTĐB là loại *sử dụng cho mục đích dân dụng*.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, đồng bộ pháp luật về thuế TTĐB và pháp luật về hàng không dân dụng.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động tích cực về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Quy định đối tượng chịu thuế rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giải quyết được những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

=> Điều tiết đối với hàng hóa có giá trị lớn do các đối tượng thu nhập cao sở hữu; không điều tiết đối với các thiết bị bay, khí cầu, máy bay, đồ chơi trẻ em, góp phần thực hiện đúng mục tiêu của thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.6. Sửa đổi quy định về mặt hàng điều hòa nhiệt độ

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “h) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng chịu thuế như sau: “2. Đối tượng chịu thuế TTĐB đối với hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB là các sản phẩm hàng hóa hoàn chỉnh, không bao gồm bộ linh kiện để lắp ráp các hàng hóa này”.

+ Tại Điều 2 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định: “Đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB: trường hợp cơ sở sản xuất bán hoặc cơ sở nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)”.

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định rõ mặt hàng điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống chịu thuế TTĐB như sau: “Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, máy bay. Trường hợp cơ sở sản xuất bán hoặc cơ sở nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, nâng cao tính pháp lý của các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.7. Sửa đổi quy định về hàng mã

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB quy định “k) Vàng mã, hàng mã” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định: “b) Đối với

hàng mã quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học”.

Như vậy, cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định rõ mặt hàng hàng mã chịu thuế TTĐB không bao gồm hàng mã đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, nâng cao tính pháp lý của các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.1.8. Bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTDB

a) Xác định vấn đề bất cập

Theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) 12828:2019, nước giải khát⁴ bao gồm đồ uống hương liệu (kể cả nước uống tăng lực, nước uống thể thao, nước uống điện giải và các đồ uống đặc biệt khác), nước giải khát có chứa cà phê, nước giải khát có chứa chè, đồ uống thảo mộc, nước giải khát có chứa nước trái cây và các loại đồ uống từ ngũ cốc và không áp dụng đối với các sản phẩm: sữa và sản phẩm từ sữa; thực phẩm dạng lỏng dùng với mục đích dinh dưỡng; nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; nước rau, quả nguyên chất và nectar (mật) rau, quả và sản phẩm từ cacao.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), nước giải khát có đường là nguyên nhân chính gây nên tình trạng thừa cân và béo phì, là một trong những yếu tố nguy cơ hàng đầu gây bệnh không lây nhiễm như tim mạch, đái tháo đường, hội chứng rối loạn chuyển hóa, tim mạch, đái tháo đường, bệnh lý thận, tiết niệu, ảnh hưởng đường tiêu hóa, ung thư đường tiêu hóa, tai biến mạch máu não, sa sút trí tuệ, ảnh hưởng đến hệ xương răng⁵ do tăng lượng đường nạp vào cơ thể nhiều hơn nhiều lần mức cần thiết. Việc gia tăng sử dụng nước giải khát có đường khiến cho tình trạng các bệnh không lây nhiễm ở Việt Nam hiện đang có mức tăng bùng nổ trong vài thập kỷ qua.⁶ Tỷ lệ thừa cân, béo phì ở trẻ em Việt Nam đã tăng gấp đôi từ 8,5% năm 2010 lên 19% năm 2020. Theo Bộ Y tế, có bằng chứng gần đây cho thấy mối liên quan giữa tiêu thụ nước giải khát có đường với bệnh không lây nhiễm, gây ra tổn thất kinh tế, gánh nặng chi phí y tế và tỷ lệ tử vong. Theo đó, giảm tiêu thụ nước giải khát có đường có thể dự phòng tử vong do góp phần làm giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, rối loạn đường máu, mỡ máu và tăng huyết áp, là các yếu tố nguy cơ gây tử vong phổ biến tại các nước có thu nhập thấp và trung bình. Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cho thấy tổn thất rất lớn về kinh tế - xã hội do bệnh không lây nhiễm gây ra và theo Viện Dinh dưỡng quốc gia, tỷ lệ hộ gia đình tiêu thụ nước giải khát có đường đã tăng từ 56,22% năm 2010 lên 69,76% năm 2016 và tỷ lệ tiêu thụ nước ngọt bình quân đầu người năm 2013 là 47,65 lít/người tăng lên 70,56 lít/người năm 2020. Nhiều nhóm nước giải khát có đường được tiêu thụ trong năm 2022 tăng trưởng mạnh so với năm 2021: đồ uống có ga (16,7%), nước tăng lực (25,5%), nước rau và quả (16,92%), nước uống thể thao (35,6%), trà pha sẵn (9,8%). Dự kiến các sản phẩm này sẽ tiếp tục tăng trưởng 6,4-8,7% trong năm 2023. Với tỷ lệ thừa

⁴ Nước giải khát là sản phẩm pha sẵn để uống với mục đích giải khát, được chế biến từ nước, có thể chứa đường, phụ gia thực phẩm, hương liệu, có thể bổ sung các thành phần nguyên liệu có nguồn gốc từ tự nhiên, vitamin và khoáng chất, có ga hoặc không ga.

⁵ Bleich & Vercammen, 2018; Centers for Disease Control and Prevention, 2017.

⁶ Theo Bộ Y tế, có nhiều nghiên cứu quy mô lớn trong thời gian dài đã cho thấy sử dụng nước giải khát có đường bất hợp lý được xác định là một trong những nguyên nhân chính gây ra thừa cân, béo phì và các rối loạn chuyển hóa cả ở người trưởng thành và trẻ em, làm tăng nguy cơ bị rối loạn đường huyết, mỡ máu và huyết áp, từ đó, gia tăng tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu cũng như các biến chứng về tim mạch, đột quỵ và tử vong; đồng thời là một trong những nguyên nhân chính gây ra các bệnh về răng miệng và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

cân và béo phì đáng báo động ở trẻ em Việt Nam từ 5-19 tuổi tăng từ 8,5% vào năm 2010 lên 19% vào năm 2020. Đây là mức cao hơn tỷ lệ trung bình của khu vực Đông Nam Á (17,3%) và cao hơn tỷ lệ tại các quốc gia có mức thu nhập thấp và thu nhập trung bình của khu vực (13,4% tại Cam-pu-chia, 16,6% tại Lào, 14,1% tại Mi-an-ma, 14,5% tại Phi-líp-pin, 18% tại In-đô-nê-si-a).

WHO khuyến nghị lượng đường tự do trong khẩu phần mỗi ngày chỉ nên chiếm dưới 25g–50g/người lớn và dưới 12g - 25g/trẻ em; Trẻ em dưới 2 tuổi KHÔNG nên tiêu thụ bất kỳ loại thực phẩm hoặc đồ uống nào có thêm đường. Đồng thời WHO đã chính thức khuyến nghị tới Chính phủ các nước để tiến hành nhiều hành động nhằm khuyến khích người dân tiếp cận thức ăn lành mạnh thông qua biện pháp đánh thuế vào nước giải khát có đường để định hướng tiêu dùng. Nhiều nước đã dần bỏ sung nước giải khát có đường vào đối tượng chịu thuế TTĐB: năm 2012 chỉ có khoảng 15 quốc gia, nhưng hiện nay đã có khoảng 85 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường và đã mang lại hiệu quả cả về nhận thức và hành động từ phía người tiêu dùng cũng như nhà sản xuất về việc giảm lượng đường trong nước giải khát cũng như giảm tiêu thụ nước giải khát có đường⁷. Trong ASEAN có 06/10 nước⁸ đã thu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường. Nhiều nước đánh thuế nước giải khát có đường theo tiêu chí hàm lượng đường là trên 5g đường/100ml. Theo Quy định ghi nhãn của EU thì hàm lượng đường trong nước giải khát là dưới 5g đường/100ml nước giải khát được coi là nước giải khát ít đường nên một số nước trong EU áp dụng ngưỡng này để đánh thuế nước giải khát. Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nê đánh thuế TTĐB nước giải khát có hàm lượng đường từ trên 5g/100ml và chia các mức thuế cao hơn với các ngưỡng hàm

⁷ Mexico: sau 2 năm áp dụng thuế TTĐB các hộ gia đình đã giảm 11,7% mua nước giải khát có đường, tăng thu thuế thêm 2,6 tỷ đô la Mỹ; Theo Cục thuế TTĐB Thái Lan: sau 5 năm áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường, các công ty đã cải tiến công thức sản xuất nước giải khát, giảm đáng kể lượng đường trong mỗi 100ml, lượng đường trong nước uống tăng lực giảm từ 16,7 gam xuống 6,1 gam/100 ml, nước giải khát có ga giảm từ 9,2 gam xuống còn gần 4,6 gam/100 ml, cà phê đóng sẵn có đường giảm từ 8 gam xuống còn 3,4 gam/100 ml, các loại trà từ 8,7 xuống 4,3 gam/100 ml, nước ép trái cây giảm từ 10,6 gam xuống còn gần 6,4 gam/100 ml, đồ uống khác giảm từ 9 gam xuống 3,4 gam/100 ml. Lượng nước giải khát có hàm lượng đường cao và thuộc các ngưỡng đánh thuế TTĐB cao hơn đã giảm đáng kể xuống các ngưỡng đường thấp hơn với mức thuế TTĐB thấp hơn. Số thu thuế TTĐB nước giải khát có đường trong năm đầu tiên áp dụng tăng thêm 3 tỷ Bạc/năm 2018 nhưng giảm dần vào các năm sau xuống 1,4 tỷ Bạc vào 2022 do các doanh nghiệp điều chỉnh công thức sản phẩm với hàm lượng đường giảm dần xuống ngưỡng thuế thấp và lượng tiêu thụ giảm đáng kể.

⁸ Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma đã áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với các loại nước giải khát không cồn là 14% và thu bổ sung thuế tuyệt đối theo hàm lượng đường với các ngưỡng từ trên 6g đến dưới 8g đường/100ml (0,1 Bạc/lít năm 2023 và tăng lên 1 Bạc/lít năm 2025), trên 8g đến dưới 10g đường/100ml (0,3 Bạc/lít năm 2023 và tăng lên 3 Bạc/lít năm 2025), trên 10g đến dưới 14g đường/100ml (1 Bạc/lít năm 2023 và tăng lên 5 Bạc/lít năm 2025), trên 14g đến dưới 18g đường/100ml (3 Bạc/lít năm 2023 và tăng lên 5 Bạc/lít năm 2025), trên 18g đường/100ml (5 Bạc/lít); In-đô-nê-si-a kiến nghị thu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường và ga từ 1,500 rupiah đến 2,500 rupiah cho mỗi lít tùy loại đồ uống. Cam-pu-chia thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga không cồn và tương tự với thuế suất 10%. Phi-líp-pin thu thuế TTĐB: 6 peso/lít đối với đồ uống sử dụng chất làm ngọt hoàn toàn calo và chất làm ngọt hoàn toàn không calo hoặc hỗn hợp chất làm ngọt có calo và không calo; 12 peso/lít đối với đồ uống sử dụng xi-rô ngô có hàm lượng fructose cao hoặc kết hợp với bất kỳ chất làm ngọt có calo hoặc không calo nào. Kenya áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có ga, các loại nước hoa quả là 7%. Pháp thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga là 0,0716 Euro/lít. Anh thu 0,18 bảng Anh/ lít đối với đồ uống có 5–8g đường/trên 100 ml; 0,24 bảng Anh/ lít với đồ uống có lượng đường > 8g/100 ml. Ai-len thu 16,26 EUR/héc-tô-lít đối với đồ uống có hàm lượng đường từ 5g đến dưới 8g/100ml, 24,39 EUR/héc-tô-lít với đồ uống có hàm lượng đường trên 8g/100ml.

lượng đường cao hơn như 7g/100ml, 8g/100ml, 10g/100ml hay 12g/100ml; Pháp đánh thuế nước giải khát có hàm lượng đường trên 11g/100ml; Ai-len và Anh đánh thuế nước giải khát theo 2 ngưỡng hàm lượng đường, bao gồm thuế suất thuế TTĐB thấp hơn đối với nước giải khát có hàm lượng đường từ 5g đến 8g đường/100ml và thuế suất cao hơn 1,5 lần đối với nước giải khát có hàm lượng đường trên 8g/100ml. Ét-tôn-ni-a đánh thuế với nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml. Chi-lê: đánh thuế TTĐB 10% với nước giải khát có hàm lượng đường thấp hơn 6,25g/100ml và 18% với nước giải khát có hàm lượng đường cao hơn 6,25g/100ml.

Về quy định liên quan đến công bố hàm lượng đường của sản phẩm: Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm thì tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến theo Mẫu quy định, trong đó có tiêu chí về hàm lượng đường của sản phẩm phải được công bố. Sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm, bao gồm cả tiêu chí về hàm lượng đường⁹ (Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024).

Do vậy, cần thiết bổ sung nước giải khát theo TCVN, có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân, hạn chế tiêu dùng đối với một số mặt hàng có hại cho sức khỏe cộng đồng, trẻ em.

- Khuyến khích các nhà sản xuất nước giải khát thay đổi công thức, sản xuất những sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe.

- Phù hợp với xu hướng của các nước trên thế giới, đồng thời góp phần cơ cấu lại NSNN theo các chủ trương của Đảng và Nhà nước.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung mặt hàng “nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml” vào đối tượng chịu thuế TTĐB với thuế suất 10%.

⁹ Thông tư số 29/2023/TT-BYT quy định:

- “Nước giải khát, sửa chế biến cho thêm đường quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và thực phẩm cho thêm đường khác: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và đường tổng số”

- “Đường tổng số (Total Sugars) là tổng lượng đường đơn, đường đôi có trong thực phẩm (bao gồm cả đường tự nhiên và đường cho thêm vào trong thực phẩm)”.

d) *Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Làm tăng giá các sản phẩm nước giải khát có hàm lượng đường cao, định hướng người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các sản phẩm thay thế hoặc nước giải khát ít đường.

=> Đối với NSNN: Số thu NSNN tăng năm đầu tiên do đây là đối tượng chịu thuế TTĐB mới bổ sung. Trên cơ sở số liệu của Tổng cục Thuế, nếu việc áp thuế TTĐB theo phương án đề xuất 10% bắt đầu từ năm 2026 thì sẽ làm tăng thu NSNN năm 2026 so với năm 2025 khoảng 2.400 tỷ đồng.

Tuy nhiên, số thu các năm sau năm đầu tiên sẽ giảm hơn so với năm đầu, do tác dụng của mục tiêu đánh thuế nước giải khát có đường để nâng cao nhận thức của người tiêu dùng (sử dụng ít đi) và nhà sản xuất (chuyển đổi công thức, sản xuất sản phẩm có hàm lượng đường dưới ngưỡng đánh thuế TTĐB).

=> Đối với doanh nghiệp: Áp thuế TTĐB đối với các sản phẩm nước giải khát có đường có hàm lượng đường trên 5g/100ml sẽ khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi thành phần, công thức sản xuất nước giải khát, giảm tỷ lệ đường trong sản phẩm để không chịu thuế TTĐB. Từ đó, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe người tiêu dùng.

+ Tác động tiêu cực:

=> Do đây là mặt hàng mới đưa vào đối tượng chịu thuế TTĐB nên dễ gây phản ứng mạnh từ phía các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu nước giải khát.

=> Việc thực hiện đánh thuế TTĐB đối với nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml sẽ làm tăng giá bán, từ đó góp phần làm giảm nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này. Do đó, trong thời gian đầu có thể ảnh hưởng giảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu mặt hàng này và các ngành công nghiệp phụ trợ có liên quan như ngành mía đường, bao bì, bán lẻ. Tuy nhiên, mức thuế suất đề xuất 10% trên giá bán của cơ sở sản xuất

sẽ có tác động khiếm tốn đến giá bán lẻ của các sản phẩm, nên tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp không lớn.

- Tác động về xã hội:

=> Nâng cao nhận thức, định hướng cả nhà sản xuất và người tiêu dùng về tác hại của nước giải khát có hàm lượng đường cao đối với sức khỏe.

=> Tăng thuế và giá nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml sẽ giúp giảm tiêu thụ các sản phẩm này, qua đó định hướng người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các sản phẩm thay thế hoặc lựa chọn nước giải khát ít đường, giá thấp hơn nhằm giảm lượng đường dung nạp vào cơ thể, góp phần giảm tác hại của đồ uống có đường, từ đó nâng cao sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, góp phần định hướng doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe, hạn chế các sản phẩm có chứa nhiều đường gây hại cho sức khỏe trên thị trường.

Theo đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới, việc tăng 10% giá nước giải khát có đường thông qua thuế có thể dẫn đến giảm khoảng 10% tiêu thụ nước giải khát có đường. Do đó, việc tăng thuế và giá sẽ góp phần giảm sâu răng, béo phì, tiểu đường và giúp làm giảm bớt tỷ lệ mắc các bệnh không lây nhiễm khác trong tương lai. Khi áp dụng thuế, trẻ em là nhóm đối tượng giảm mua và tiêu thụ nhiều nhất, vì vậy tỷ lệ thừa cân, béo phì ở trẻ em dự kiến cũng được giảm thiểu nhiều nhất.

=> Đối với hệ thống y tế: Việc áp thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường như một chính sách y tế công cộng, đặc biệt là một biện pháp phòng ngừa để bảo vệ thanh thiếu niên. Từ đó góp phần kiểm soát được yếu tố nguy cơ gây bệnh, làm giảm tỷ lệ bệnh tật, tử vong, nên giảm áp lực lên hệ thống y tế, giảm quá tải bệnh viện.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.2. Đối với dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

1.2.1. Sửa đổi quy định rõ đối với dịch vụ kinh doanh đặt cược

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “d) Kinh doanh đặt cược” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/20/2015 của Chính phủ quy định: “c) Đối với kinh doanh đặt cược quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 2 của Luật Thuế TTĐB

bao gồm: Đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, cần bổ sung quy định tại dự thảo Luật về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định rõ kinh doanh đặt cược bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.2.2. Sửa đổi quy định rõ đối với dịch vụ đối với kinh doanh môn

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “đ) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn,…”.

Hiện nay, trên thực tế xuất hiện hoạt động kinh doanh Phòng tập gôn 3D (phòng golf điện tử) là hệ thống mô phỏng, tái tạo lại các hoạt động, khung cảnh giống như chơi gôn ngoài thực tế. Người chơi sẽ sử dụng gậy đánh gôn và đánh vào màn hình phía trước mặt y như đang đứng trên sân tập thông thường. Nhiều cơ sở kinh doanh phòng tập này cho rằng đây là loại hình kinh doanh trò chơi điện tử hoặc kinh doanh doanh dịch vụ thể thao, dẫn đến vướng mắc trong thực tế.

Như vậy, cần bổ sung tại dự thảo Luật quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định hoạt động kinh doanh gôn tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “đ) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm *kinh doanh sân tập gôn, phòng tập gôn điện tử, bán thẻ hội viên, vé chơi gôn*”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện thu thuế TTĐB, đảm bảo minh bạch, rõ ràng.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế, đảm bảo bình đẳng giữa các loại hình kinh doanh.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB

2.1. Sửa đổi quy định về hàng hóa do cơ sở sản xuất, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “1. Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“6. Doanh nghiệp chế xuất được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan và đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ hoạt động chế xuất phải bảo đảm ngăn cách với khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác;

b) Hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động chế xuất và các hoạt động kinh doanh khác;

c) Không được sử dụng tài sản, máy móc thiết bị được hưởng ưu đãi về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh khác. Trường hợp sử dụng tài sản, máy móc thiết bị được hưởng ưu đãi về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác thì phải hoàn trả ưu đãi về thuế đã được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất

thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nội địa đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nội địa. Do vậy, cần quy định rõ chỉ có hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài mới thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Bên cạnh đó, thực tế cũng phát sinh vướng mắc trường hợp doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất, gia công mà mang đi thuê gia công ở các doanh nghiệp khác sau đó trực tiếp xuất khẩu thì cũng cần được áp dụng bình đẳng như doanh nghiệp trực tiếp sản xuất với mục tiêu xuất khẩu ra nước ngoài.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Thống nhất, phù hợp với thực tiễn, đúng mục đích của sắc thuế TTĐB.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, quy định rõ hàng hóa do *tổ chức, cá nhân* sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho *tổ chức, cá nhân* kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Minh bạch chính sách, mở rộng cơ sở thuế, tăng thu cho NSNN.

+ Tác động tiêu cực: Tăng chi phí của doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.2. Sửa đổi quy định về hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, quà biếu, quà tặng

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế đối với hàng nhập khẩu bao gồm: “a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ”.

Tuy nhiên, căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định:

“1. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế TTĐB quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB, bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo, hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh;

b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật”.

- Tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “2.1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng, quà biếu bao gồm: a) Hàng viện trợ nhân đạo và hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng nhập khẩu bằng nguồn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hàng trợ giúp nhân đạo, cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh. b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân. c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật...”

Hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết không thu thuế TTĐB đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện như quy định về giải quyết không thu thuế, miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...”.

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật thuế xuất nhập khẩu.

- Đảm bảo chính sách thống nhất, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: “a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại *bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh; quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật; đồng bộ pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.3. Sửa đổi quy định về hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Tại khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp “a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển”. Hiện pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không còn có khái niệm “Hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam”.

- Theo pháp luật về quản lý ngoại thương:

+ Khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định: *“Hoạt động ngoại thương là hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; chuyển khẩu; quá cảnh và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

+ Điều 44, 45, 46, 47 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định về cho phép, nguyên tắc, cửa khẩu, tuyến đường, thời gian... quá cảnh.

- Theo pháp luật về hải quan:

+ Tại khoản 1 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 có quy định như sau:

“1. Chuyển cửa khẩu là việc chuyển hàng hóa, phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác.”

+ Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển như sau:

"1. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu vực trung chuyển, sau đó được đưa ra nước ngoài trực tiếp từ khu vực trung chuyển này; không được vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu qua cửa khẩu khác trừ trường hợp thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng hóa trung chuyển được đưa ra nước ngoài toàn bộ hoặc từng phần của lô hàng đã chuyển vào cảng.

2. Hàng hóa trung chuyển phải được thông báo với cơ quan hải quan, chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

..."

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định "hàng hóa vận chuyển quá cảnh, hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ" thành "hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương, chuyển khẩu, trung chuyển theo quy định của pháp luật hải quan".

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc "quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế".

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương, pháp luật hải quan.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.4. Sửa đổi quy định đối với hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”

- Tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP) quy định về khai hải quan như sau:

“5. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế; áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan; hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập - tái xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.”

- Luật thuế TTĐB chưa có quy định rõ về chính sách thuế TTĐB đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. *Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt*”.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.5. Sửa đổi quy định về hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế và hàng nhập khẩu đã bán tại cửa hàng miễn thuế

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm d khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn

hành lý miễn thuế; hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo quy định của pháp luật”.

Tại khoản 1 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có quy định về miễn thuế như sau: “1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế”.

Như vậy, giữa các văn bản quy định còn chưa có sự thống nhất, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, quy định rõ “hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu” và “hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.6. Bổ sung quy định hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế

a) Xác định vấn đề bất cập

Căn cứ Điều 2 Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật Thuế số 70/2014/QH13) quy định đối tượng chịu thuế TTĐB; Điều 3 Luật Thuế TTĐB quy định các loại hàng hóa và trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB; Điều 8 Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định các trường hợp được hoàn thuế/khấu trừ thuế TTĐB, trường hợp hàng hóa (thuộc đối tượng nộp thuế TTĐB) xuất bán ra nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì phải nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu. Hàng hóa này sau đó lại tiếp tục xuất khẩu ra nước ngoài thì không được hoàn thuế TTĐB.

Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập khẩu được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu.

Pháp luật về thuế GTGT quy định không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng nhập khẩu trở lại do bị phía nước ngoài trả lại. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập khẩu được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu. Luật Thuế bảo vệ môi trường quy định hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài.

Như vậy, giữa các văn bản quy định còn chưa có sự thống nhất, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định “hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.7. Sửa đổi quy định về tàu bay thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 3 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Tuy nhiên, căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ có quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

“3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.

Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

Ngoài các trường hợp tàu bay sử dụng cho các mục đích đã nêu tại Nghị định số 14/2019/NĐ-CP, trên thực tế có phát sinh trường hợp doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không nhập khẩu máy bay để phục vụ đào tạo phi công. Loại máy bay huấn luyện này không sử dụng cho mục đích dân dụng, không phải hàng hóa, dịch vụ xa xỉ nhưng đang phải chịu thuế TTĐB. Quy định như hiện hành sẽ làm tăng chi phí đầu tư, nâng cao chi phí giảng dạy và gây khó khăn cho việc thu hút học viên trong bối cảnh phải cạnh tranh với các trường bay của nước ngoài. Đồng thời, không khuyến khích phát triển nguồn nhân sự kỹ thuật cao (phi công) phục vụ cho sự phát triển của ngành hàng không.

Như vậy, giữa các văn bản quy định còn chưa có sự thống nhất, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về tàu bay, du thuyền thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau "*Máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho các mục đích an ninh, quốc phòng, huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ*".

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc "quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế".

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Phù hợp với mục tiêu thu thuế TTĐB đối với tàu bay là những mặt hàng cao cấp, phục vụ nhu cầu cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội.

=> Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và công tác quản lý.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.8. Bổ sung “xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học” và “xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ” vào đối tượng không chịu thuế TTĐB

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 4 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau: “4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chờ được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông”.

Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định như sau: “4. Đối với xe ô tô quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là các loại xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương, xe chở phạm nhân, xe tang lễ; xe thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chờ được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông và các loại xe chuyên dụng, xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông do Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan quy định cụ thể.”

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc đối với một số xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ chạy trong khu di tích lịch sử, trường học, bệnh viện không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và xe ô tô chuyên dụng phục vụ cho mục đích an ninh quốc phòng, căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2015/NĐ-CP được hướng dẫn thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Ngoài ra, cũng có phát sinh các trường hợp cần được hướng dẫn về xe ô tô chuyên dụng không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Để bao quát các trường hợp, cần thiết quy định bổ sung, làm rõ về loại hình xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông, chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe chuyên dụng khác do Chính phủ quy định thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật chuyên ngành.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định “xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học” và “xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ” vào đối tượng không chịu thuế TTĐB.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

=> Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và công tác quản lý.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.9. Về hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại khoản 5 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa nhập khẩu vào nội địa.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo mục tiêu của thuế TTĐB trong điều tiết sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng hàng hóa không có lợi cho sức khỏe, môi trường.

- Mở rộng cơ sở thuế.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bỏ quy định “Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ” ra khỏi đối tượng không chịu thuế TTĐB.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Minh bạch chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định về người nộp thuế

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại Điều 4 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về người nộp thuế như sau: “Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.”

- Tại quy định về giá tính thuế, Luật Thuế TTĐB có quy định về giá tính thuế đối với hoạt động gia công nhưng chưa có quy định về người nộp thuế là tổ chức, cá nhân gia công.

- Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa nhập khẩu vào nội địa.

- Tại dự thảo Luật, Bộ Tài chính đã đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế TTĐB, bổ sung quy định hàng hóa do tổ chức, cá nhân *thuế*

gia công để trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế TTDB.

Như vậy, Luật thuế TTDB cần bổ sung quy định về người nộp thuế để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Đề đảm bảo thống nhất, bao quát các trường hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật thuế TTDB về người nộp thuế như sau:

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của tổ chức, cá nhân sản xuất để xuất khẩu ra nước ngoài nhưng không xuất khẩu ra nước ngoài mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về căn cứ tính thuế TTĐB

a) Xác định vấn đề bất cập

Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về căn cứ tính thuế chỉ áp dụng đối với phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm.

Trên thế giới các nước đang áp dụng 03 phương pháp tính thuế bao gồm: (1) Áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (ad valorem tax rate); (2) Áp dụng mức thu tuyệt đối (specific tax rate) và (3) Áp dụng đồng thời cả thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thu tuyệt đối (phương thức hỗn hợp).

Ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp (kết hợp thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá để giảm thiểu tác hại của thuốc lá giá rẻ, thấp cấp đối với sức khỏe cộng đồng. Số lượng các nước áp dụng hệ thống thuế hỗn hợp đối với thuốc lá tăng từ 48 nước năm 2008 lên 65 nước năm 2021¹⁰.

Để phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như bối cảnh của Việt Nam về hạn chế tiếp cận của giới trẻ, người có thu nhập thấp với thuốc lá giá rẻ cũng như giảm thiểu tác hại của thuốc lá giá rẻ, thấp cấp đối với sức khỏe cộng đồng, cần thiết áp dụng thuế hỗn hợp, bổ sung thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá và sửa đổi, bổ sung căn cứ tính thuế để bao quát trường hợp bổ sung áp dụng thuế tuyệt đối, áp dụng thuế hỗn hợp.

Để quy định rõ căn cứ tính thuế theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm, bổ sung căn cứ tính thuế theo phương pháp thuế tuyệt đối, phương pháp thuế hỗn hợp (áp dụng đồng thời cả phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và phương pháp thuế tuyệt đối).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo bao quát hết các phương pháp tính thuế TTĐB.

- Đảm bảo sự phù hợp với thông lệ quốc tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi về căn cứ tính thuế như sau:

- Căn cứ tính thuế TTĐB áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế TTĐB phải nộp bằng giá tính thuế TTĐB nhân với thuế suất thuế TTĐB.

¹⁰ Theo WHO

- Căn cứ tính thuế TTĐB áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối là lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và mức thuế tuyệt đối. Số thuế TTĐB phải nộp bằng lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối.

- Căn cứ tính thuế TTĐB áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp là số thuế TTĐB phải nộp theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và phương pháp tính thuế tuyệt đối. Số thuế TTĐB phải nộp bằng tổng số thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và số thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế tuyệt đối.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Bao quát được hết các phương pháp tính thuế, tạo sự linh hoạt trong chính sách thuế.

=> Tạo điều kiện để tăng thu NSNN khi có thêm các phương pháp tính thuế được áp dụng.

+ Tác động tiêu cực: Việc áp dụng bổ sung phương pháp tính thuế, mở rộng cơ sở thuế có thể làm tăng giá bán hàng hóa, tác động đến doanh thu của các mặt hàng chịu tác động chính sách.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB

5.1. Bổ sung quy định cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế trong

trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế như sau: “Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau: 1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra.”

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.”

- Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 01/7/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“Giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ là giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ của cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế giá trị gia tăng, được xác định cụ thể như sau: 1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế...”.

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định “*Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế*”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.2. Sửa đổi quy định về giá tính thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm. Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra;”

Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định về trị giá tính thuế nhập khẩu (không dùng khái niệm giá tính thuế nhập khẩu) và có quy định về các khoản thuế nhập khẩu bổ sung bao gồm thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.

Như vậy, giữa các văn bản quy định còn chưa có sự thống nhất, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là *trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có). Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không bao gồm số thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung được miễn, giảm.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ thực hiện.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.3. Bổ sung quy định đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu)

a) Xác định vấn đề bất cập

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định:

“5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam...”

- Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán ra chưa có thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường (nếu có) của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp các cơ sở này bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại thì giá tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 1 Điều này.”

Trong khi đó, Luật hiện hành chưa có quy định đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định “Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân sản xuất và tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu

tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.4. Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với cả trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hàng hóa đó

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 4 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định giá tính thuế TTĐB: “4. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá bán theo phương thức bán trả tiền một lần của hàng hóa đó không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm”.

Ngoài các trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được bán theo phương thức trả góp, trả chậm thì thực tế phát sinh trường hợp hàng được bán (mua đứt bán đoạn hoặc trả góp, trả chậm) nhưng có kèm theo dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó. Do đó cần thiết phải bổ sung quy định về giá tính thuế đối với trường hợp này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hàng hóa đó thì giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương, có bao gồm giá của bộ phận được cho thuê, được bán tại thời điểm phát sinh đề bao quát trường hợp phát sinh trong thực tế.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.5. Sửa đổi quy định rõ về giá tính thuế đối với kinh doanh gôn

a) Xác định vấn đề bất cập

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại điểm a khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ có quy định như sau: “a) Đối với kinh doanh gôn là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác

không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: Khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB”.

- Tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính có quy định như sau: “a) Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp khoản ký quỹ được trả lại người ký quỹ thì cơ sở sẽ được hoàn lại số thuế đã nộp bằng cách khấu trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu không khấu trừ thì cơ sở sẽ được hoàn theo quy định. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB”.

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi giá tính thuế đối với kinh doanh gôn như sau: “Đối với kinh doanh gôn là giá bán thẻ hội viên, giá bán vé chơi gôn bao gồm cả tiền phí chơi gôn, tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn và tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.6. Sửa đổi về giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại điểm b khoản 5 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế TTĐB đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược như sau: “Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 39/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài quy định: “Doanh thu trực tiếp từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là toàn bộ số tiền thu được do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết”.

Ngoài ra, thời điểm lập hóa đơn và xác định doanh thu từ hoạt động kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng đang được thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ (Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ) và đang được Bộ Tài chính tổng hợp thực tiễn vướng mắc để trình Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/NĐ-CP trong thời gian tới).

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định giá tính thuế đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có).

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.7. Sửa đổi giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm c khoản 5 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định giá tính thuế như sau: “c) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, cơ sở kinh doanh mát-xa, ka-ra-

ô-kê”.

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá tính thuế TTĐB là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm”.

- Tại điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là doanh thu chưa có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm (ví dụ: tắm, xông hơi trong cơ sở mát-xa).”

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, cơ sở kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.8. Bổ sung quy định giá tính thuế đối với kinh doanh xổ số

a) Xác định vấn đề bất cập

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại điểm đ khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “đ) Đối với kinh doanh xổ số giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.”

- Tại điểm đ khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “đ) Đối với kinh doanh xổ số, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (doanh thu chưa có thuế GTGT).”

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ và triển khai có hiệu quả trong thực tiễn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật chuyên ngành.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định giá tính thuế đối với kinh doanh xổ số giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.9. Bổ sung quy định giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 6 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “6. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.”

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

- Tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “8. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại các hàng hóa, dịch vụ này.”

- Tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “7. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.”

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ và triển khai có hiệu quả trong thực tiễn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB với pháp luật khác.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (tương tự như đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho).

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.10. Bổ sung quy định cơ quan thuế ấn định trong trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không thực hiện đúng chế độ hóa đơn, chứng từ

a) Xác định vấn đề bất cập

Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại khoản 11 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định như sau: “11. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế để ấn định doanh thu theo quy định của Luật Quản lý thuế và xác định số thuế TTĐB phải nộp”.

Do quy định đang thực hiện ổn định trong thời gian qua, nên cần thiết phải được Luật hóa trong Luật thuế TTĐB (sửa đổi). Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ và triển khai có hiệu quả trong thực tiễn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định “*Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế để ấn định doanh thu theo quy định của pháp luật quản lý thuế và xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp*”.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không trái với hệ thống pháp luật hiện hành. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

6. Bổ sung quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB

a) Xác định vấn đề bất cập

- Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB như sau:

“+ Đối với hàng hóa: thời điểm phát sinh doanh thu đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với dịch vụ: thời điểm phát sinh doanh thu là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.”

Do quy định đang thực hiện ổn định trong thời gian qua, nên cần thiết phải được Luật hóa trong Luật thuế TTĐB (sửa đổi). Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ và triển khai có hiệu quả trong thực tiễn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế TTĐB.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB như sau:

- Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất; nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Tạo điều kiện để thực hiện hiệu quả việc thu thuế TTĐB.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

7. Sửa đổi, bổ sung quy định về thuế suất thuế TTĐB

7.1. Quy định bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá

a) Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” áp dụng mức thuế suất 75%.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: “Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hóa có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng”.

Điểm b, khoản 1, mục II, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm

2030, trong đó đối với thuế TTĐB: “rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB”.

Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu “Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023 – 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030” giao Bộ Tài chính “xây dựng lộ trình tăng thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá của Chiến lược; xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của WHO; nghiên cứu phương án sử dụng cơ cấu thuế hỗn hợp”.

Tháng 5/2003, WHO đã phê chuẩn Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC), có hiệu lực năm 2005 sau khi 40 nước phê chuẩn (trong đó có Việt Nam). Công ước Khung FCTC tạo ra những khuôn khổ để các nước thành viên sửa đổi, ban hành những biện pháp kiểm soát thuốc lá nhằm giảm thiểu một cách liên tục và mạnh mẽ việc sử dụng thuốc lá để hạn chế các hậu quả về xã hội, kinh tế và môi trường của việc tiêu dùng thuốc lá. Điều 6 Công ước FCTC quy định các nước thành viên phải áp dụng các biện pháp làm tăng giá thuốc lá và tăng thuế thuốc lá để giảm tiêu thụ thuốc lá hiệu quả.

Tại Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được UBTVQH nhất trí thông qua nguyên tắc tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá: Quy định phương pháp tính thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối) đối với mặt hàng thuốc lá. Mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên xuống theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO.

Theo WHO, khói thuốc gây nên những tác động tàn phá tới trẻ em trong suốt giai đoạn từ khi thụ thai, thơ ấu và thanh thiếu niên. Trẻ em phơi nhiễm với khói thuốc thụ động có thể bị viêm đường hô hấp, hen, viêm tai giữa, đột tử ở trẻ sơ sinh, kém phát triển chức năng phổi và làm tăng nguy cơ mắc nhiều loại bệnh khác. Việc sử dụng thuốc lá sớm ở trẻ em và thanh thiếu niên gây ra nhiều hậu quả: nghiện sớm, khó cai, ảnh hưởng sớm đến sức khỏe, sự phát triển não bộ, khả năng học tập, khả năng lao động. WHO, Tổ chức Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã nêu rõ sử dụng thuốc lá đe dọa sức khỏe, sự sống còn và phát triển của trẻ em; kiểm soát thuốc lá là giải pháp can thiệp để giảm sử dụng thuốc lá

nói chung và đảm bảo quyền của trẻ em nói riêng. Trong đó, thuế thuốc lá là giải pháp hiệu quả nhất để giảm sử dụng thuốc lá.

WHO và Ngân hàng Thế giới (WB) khuyến nghị tỷ trọng thuế tiêu dùng nên chiếm từ 66% đến 75% (từ 2/3 đến 3/4) trên giá bán lẻ thuốc lá. Theo đánh giá của WHO, WB, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các đối tác phòng chống tác hại của thuốc lá thì giá bán thuốc lá của Việt Nam vẫn còn thấp do tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ chỉ chiếm khoảng 38,85% năm 2020 khi áp dụng thuế suất thuế TTĐB 75% trong khi tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ các nước là: Brunei 81%, Thái Lan 70%, Singapore 69%, Malaysia 57%, Indonesia 51%, Myanmar 50% và các nước phát triển Úc: 62%, Đức: 75%, Pháp 80%,...

Mặc dù mặt hàng thuốc lá đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình vào năm 2016 và 2019, tuy nhiên, trong thời gian qua, tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam vẫn ở mức cao, có xu hướng gia tăng. Việt Nam vẫn là một trong 15 nước có số nam giới trưởng thành hút thuốc lá nhiều nhất trên thế giới và mức giảm vẫn chưa đạt được mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá nam giới xuống còn 39% trong Chiến lược Quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến năm 2020. Như vậy, việc sử dụng thuốc lá, cần được tiếp tục kiểm soát hơn nữa và lộ trình tăng thuế TTĐB trong thời gian vừa qua vẫn chưa đạt mục tiêu giảm sử dụng như đã đề ra.

Theo Báo cáo điều tra của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2011, 2016¹¹ và 2021), khoảng 90% số nước (194 nước được điều tra) áp dụng thuế TTĐB đối với thuốc lá. Với xu hướng ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá (từ 48 nước năm 2008 lên 65 nước năm 2021). Trong khu vực Đông Nam Á, đa số các quốc gia (8/10 nước) hiện đang áp dụng thuế tuyệt đối hoặc hỗn hợp đối với thuốc lá. Chỉ còn lại duy nhất 02 quốc gia còn đang áp dụng thuế theo tỷ lệ bao gồm Campuchia và Việt Nam.

Việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá sẽ đảm bảo cho chính sách thuế TTĐB hiệu quả đối với mục tiêu tăng giá, góp phần định hướng giảm tiêu dùng sản phẩm thuốc lá giá rẻ, chất lượng thấp; đồng thời hạn chế sự tiếp cận của giới trẻ, đối tượng mới hút thuốc thường tiếp cận thuốc lá bắt đầu từ thuốc lá giá thấp, bị nghiện sớm, khó cai/bỏ thuốc cũng như đối tượng thu nhập thấp, người nghèo hút thuốc, nghiện thuốc lá, khả năng chi cho chăm sóc sức khỏe hạn chế hơn nên gánh nặng bệnh tật và kinh tế sẽ nghiêm trọng hơn. Do vậy, các nước tăng cường áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) và gắn theo các điều kiện về định kỳ tăng thuế theo hoặc cao hơn tốc độ lạm phát và mức tăng trưởng để đảm bảo giá thuốc lá tăng cao hơn hoặc bằng với tốc độ gia tăng thu nhập, sức mua của người hút thuốc.

Tại Quyết định số 1988/QĐ-BCT ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc

¹¹ WHO tổ chức Điều tra định kỳ 5 năm 1 lần và tổng hợp, công bố kết quả Báo cáo vào năm tiếp theo. Các Báo cáo gần đây nhất của WHO công bố vào năm 2011, 2016 và 2021.

lá Việt Nam đã đưa ra mục tiêu “*chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông*”.

Do vậy, cần thiết sửa đổi phương pháp tính thuế đối với mặt hàng thuốc lá theo phương pháp tính thuế hỗn hợp nhằm tăng tính hiệu quả của chính sách thuế TTĐB và phù hợp với xu hướng cải cách thuế thuốc lá của thế giới.

Ngoài ra, để giảm tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam, mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên xuống theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Giảm tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam, hạn chế thanh thiếu niên tiếp cận với thuốc lá điếu và thuốc lá mới, góp phần thực hiện mục tiêu hạn chế tiêu dùng mặt hàng thuốc lá theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá.

- Mở rộng cơ sở tính thuế, định hướng nhập khẩu, sản xuất và tiêu dùng, góp phần giảm thiểu tác hại của thuốc lá đến sức khỏe của người dân.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1:

Đề xuất bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với các mặt hàng thuốc lá như sau:

	Mức thuế tuyệt đối
- Đối với thuốc lá điếu	
Từ năm 2026	2.000 đồng/bao
Từ năm 2027	4.000 đồng/bao
Từ năm 2028	6.000 đồng/bao
Từ năm 2029	8.000 đồng/bao
Từ năm 2030	10.000 đồng/bao
- Đối với xì gà	
Từ năm 2026	20.000 đồng/điếu
Từ năm 2027	40.000 đồng/điếu
Từ năm 2028	60.000 đồng/điếu
Từ năm 2029	80.000 đồng/điếu
Từ năm 2030	100.000 đồng/điếu
- Thuốc lá sợi, thuốc láo hoặc các dạng khác	
Từ năm 2026	20.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2027	40.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2028	60.000 đồng/100g hoặc 100ml

	Mức thuế tuyệt đối
Từ năm 2029	80.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2030	100.000 đồng/100g hoặc 100ml

(c2) Giải pháp 2:

Đề xuất bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với các mặt hàng thuốc lá như sau:

	Mức thuế tuyệt đối
- Đối với thuốc lá điếu	
Từ năm 2026	5.000 đồng/bao
Từ năm 2027	6.000 đồng/bao
Từ năm 2028	7.000 đồng/bao
Từ năm 2029	8.000 đồng/bao
Từ năm 2030	10.000 đồng/bao
- Đối với xì gà	
Từ năm 2026	50.000 đồng/điếu
Từ năm 2027	60.000 đồng/điếu
Từ năm 2028	70.000 đồng/điếu
Từ năm 2029	80.000 đồng/điếu
Từ năm 2030	100.000 đồng/điếu
- Thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác	
Từ năm 2026	50.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2027	60.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2028	70.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2029	80.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2030	100.000 đồng/100g hoặc 100ml

d) Đánh giá tác động của các giải pháp(d1) Giải pháp 1:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

+ Thực hiện Điều 6 Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC) quy định các nước thành viên phải áp dụng các biện pháp làm tăng giá thuốc lá và tăng thuế thuốc lá để giảm tiêu thụ thuốc lá hiệu quả.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Do thuốc lá có tính cầu không co giãn, việc bổ sung mức thuế tuyệt đối sẽ làm tăng thu NSNN. Ngoài ra, đối với việc bổ sung mức thuế tuyệt đối, số thuế TTĐB phải nộp được tính dựa trên một mức thuế cố định bằng tiền trên một đơn vị hàng hóa chịu thuế và số lượng đơn vị hàng hóa, nên có ưu điểm tạo ra sự rõ ràng, nhất quán, dễ dàng xác định số thuế phải nộp dựa trên số lượng hàng hóa và hạn chế việc doanh nghiệp có khả năng khai giá tính thuế thấp hơn thực tế từ đó giảm thu thuế cho NSNN.

Theo mô hình đánh giá tác động TAXim của WHO, dự kiến tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 44% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,4%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 23,7 nghìn tỷ năm 2026 và 39,1 nghìn tỷ năm 2030.

=> Giải pháp tăng thuế tác động tích cực hơn với nhóm nghèo, giúp thúc đẩy công bằng. Người nghèo được hưởng lợi nhiều nhất từ việc giảm hút thuốc, giảm nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến thuốc lá. Những người bỏ hút thuốc sẽ có thêm khoản tiền được tiết kiệm từ tiền trước đó dùng để mua thuốc lá.

+ Tác động tiêu cực:

=> Việc thực hiện phương án đề xuất sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thuốc lá.

=> Do cơ cấu sản phẩm thuốc lá trải rộng ở nhiều mức giá khác nhau, việc bổ sung mức thuế tuyệt đối cho tất cả các sản phẩm sẽ làm tỷ lệ thuế trên giá bán của các sản phẩm thuốc lá cấp thấp tăng lên nhiều hơn, do đó doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất nhóm sản phẩm thấp cấp, sẽ chịu tác động giảm sản lượng, doanh số nhiều nhất vào năm đầu tiên khi Luật có hiệu lực.

- Tác động về xã hội:

+ Việc bổ sung thuế tuyệt đối đối với các sản phẩm thuốc lá theo phương án đề xuất sẽ làm tăng giá các sản phẩm thuốc lá, giảm tỷ lệ hút thuốc, hạn chế thanh thiếu niên tiếp cận với thuốc lá. Việc tăng thuế giúp củng cố thêm mục tiêu của cải cách như một chính sách y tế công cộng vì sẽ giảm số lượng người hút thuốc nhiều hơn trong những năm bắt đầu áp dụng, qua đó sẽ giúp mang lại lợi ích lớn hơn về phòng ngừa bệnh tật và giảm chi phí chăm sóc sức khỏe.

Theo mô hình đánh giá tác động TAXim của WHO, dự kiến tác động đến tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 41,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,5%.

Theo tính toán của WHO, giải pháp này giúp giảm khoảng 2,5 triệu người hút thuốc trưởng thành vào năm 2030 so với mức nền trong đó hệ thống tiêu thụ đặc biệt giữ nguyên như hiện tại. Tuy nhiên, vì có sự gia tăng dân số liên tục

trong giai đoạn, nên ở phương án này tổng số người hút thuốc vào năm 2030 sẽ vẫn tương tự hoặc hầu như không thay đổi so với năm 2020.

+ Phương pháp thuế hỗn hợp đối với thuốc lá sẽ đảm bảo đạt được mục tiêu tài chính và y tế công cộng cao hơn. Thành phần thuế tuyệt đối sẽ giúp nâng cao giá của các thương hiệu giá rẻ và thu hẹp khoảng cách giá giữa các sản phẩm, giúp giảm tiêu dùng các sản phẩm thuốc lá giá rẻ, ngăn ngừa việc hút thuốc trong giới trẻ và người có thu nhập thấp, đồng thời khuyến khích những người hút thuốc bỏ thuốc thay vì chuyển sang các sản phẩm thuốc lá rẻ hơn.

+ Đối với hệ thống y tế: Việc định hướng, hạn chế tiêu dùng các sản phẩm thuốc lá góp phần kiểm soát được yếu tố nguy cơ gây bệnh do nguyên nhân từ thuốc lá, sẽ làm giảm tỷ lệ bệnh tật, tử vong nên giảm áp lực lên hệ thống y tế, giảm quá tải bệnh viện.

- Tác động về giới: Chính sách tăng thuế, bổ sung thuế TTĐB tuyệt đối với mặt hàng thuốc lá sẽ có tác động giảm tỷ lệ hút thuốc, trong đó phần nhiều là nam giới hút thuốc, mang lại tác động tích cực hơn, giảm tác hại của khói thuốc đến sức khỏe của người hút thuốc thụ động, bao gồm nữ giới và phụ nữ mang thai cũng như ngăn cản hiệu quả thiếu niên nữ sớm tiếp cận, hút thuốc lá thấp cấp do bổ sung thuế TTĐB tuyệt đối.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

(d2) Giải pháp 2:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tương tự giải pháp 1.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

Đối với NSNN: Tương tự như Phương án 1, tuy nhiên tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 30 nghìn tỷ năm 2026 và 39,2 nghìn tỷ năm 2030.

+ Tác động tiêu cực: Tương tự giải pháp 1. Do ngay từ khi Luật có hiệu lực (2026), mức tăng thuế cao hơn giải pháp 1 đáng kể nên ảnh hưởng đến sản lượng, doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá nhiều hơn giải pháp 1.

- Tác động về xã hội:

Tương tự giải pháp 1. Hơn nữa, do ngay từ khi Luật có hiệu lực (2026), mức tăng thuế cao hơn Giải pháp 1 đáng kể nên sẽ có tác động ngay lập tức đến giảm sử dụng thuốc lá hiệu quả nhanh hơn ngay từ năm 2026. Bên cạnh đó, số thu thuế TTĐB cũng tăng nhanh hơn nhiều trong năm đầu tiên. Các năm sau mức độ tăng có tốc độ chậm hơn. Giải pháp này có hiệu quả tức thì theo phương pháp tăng nhanh và mạnh ngay khi Luật có hiệu lực để mang lại tác dụng hiệu quả ngay trong giảm sử dụng thuốc lá. Vì nếu tăng từ từ thì người sử dụng lại có

thời gian để thay đổi, đáp ứng với sự tăng thuế chậm hơn.

Theo mô hình đánh giá tác động TAXim của WHO, dự kiến tác động đến tỷ lệ hút thuốc ở nam giới: giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%.

- Tác động về giới: Chính sách tăng thuế, bổ sung thuế TTĐB tuyệt đối với mặt hàng thuốc lá sẽ có tác động giảm tỷ lệ hút thuốc, trong đó phần nhiều là nam giới hút thuốc, mang lại tác động tích cực hơn, giảm tác hại của khói thuốc đến sức khỏe của người hút thuốc thụ động, bao gồm nữ giới và phụ nữ mang thai cũng như ngăn cản hiệu quả thiếu niên nữ sớm tiếp cận, hút thuốc lá thấp cấp do bổ sung thuế TTĐB tuyệt đối.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Phân tích tác động của 02 Phương án nêu trên cho thấy cả hai phương án đều tăng giá cho tất cả các nhãn hiệu thuốc lá (bao gồm các sản phẩm ở cả hai phân khúc bình dân và cao cấp), nhưng Phương án 2 sẽ dẫn đến mức tăng cao hơn. Điều này phù hợp với các thực tiễn tốt nhất về thuế thuốc lá, khuyến nghị tăng thuế cao thay vì tăng nhiều lần nhỏ sẽ tạo ra rào cản lớn hơn với những người hiện đang hút thuốc và những người có khả năng bắt đầu hút thuốc. Theo Nghiên cứu của Trường Đại học Johns Hopkins về phản ứng của người tiêu dùng đối với giá cả cho thấy người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn với mức tăng giá lớn hơn bằng cách giảm lượng tiêu thụ nhiều hơn. Phương án 2 tạo ra hiệu quả tức thời (ngay năm đầu tiên Luật có hiệu lực) về sức khỏe cộng đồng hơn so với Phương án 1 do có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn. Việc ngay lập tức tăng mức thuế 5.000 đồng sẽ tạo ra mức tăng giá ban đầu lớn hơn có thể khiến người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn và giảm nhu cầu sử dụng theo tỷ lệ tương ứng, tác động trực tiếp giúp người đang hút thuốc giảm lượng tiêu thụ và ngăn ngừa những người trẻ bắt đầu hút thuốc.

So sánh tác động của 02 Phương án đối với mục tiêu giảm tỷ lệ hút thuốc, tăng tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cho thấy Phương án 2 tác động hiệu quả hơn, do đó Bộ Tài chính nghiêng về Phương án 2.

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

6.2. Điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB (thuế tỷ lệ phần trăm) đối với mặt hàng rượu, bia

a) Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định thuế suất thuế TTĐB đối với: (i) Rượu từ 20 độ trở lên: 65%; (ii) Rượu dưới 20 độ: 35%; (iii) Bia: 65%.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ: *“Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng”*.

Điểm b, khoản 1, mục II, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: *“rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030”*.

Khoản 5, mục V, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: *“b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”*

Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam (toàn bộ Báo cáo về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 28/11/2006), Việt Nam cam kết trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng *một mức thuế suất phần trăm thống nhất với tất cả các sản phẩm bia (apply a single ad valorem rate to all beer products)* không phân biệt bao bì đóng gói sản phẩm, nghĩa là bia tươi, bia hơi, bia chai hoặc bia lon.

Ngày 27/02/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP về Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) theo đó: *“1. Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO”*.

Tại Đề nghị xây dựng Luật đã được UBTVQH nhất trí thông qua nguyên tắc tăng thuế: *“Điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB (thuế tỷ lệ phần trăm) đối với mặt hàng rượu, bia theo lộ trình đề tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của Tổ chức Y tế Thế giới”*.

Theo Bộ Y tế, rượu, bia là yếu tố xếp thứ 02 trong 10 yếu tố nguy cơ gây bệnh tật và tử vong hàng đầu tại Việt Nam, là nguyên nhân liên quan đến chấn thương, tai nạn giao thông, rối loạn tâm thần, xơ gan, bệnh tim mạch, ung thư,

một số bệnh truyền nhiễm¹². Việc sử dụng, lạm dụng rượu, bia gây nhiều hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội, bao gồm: tai nạn giao thông, chấn thương, bạo lực gia đình, mất an ninh trật tự, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Rượu, bia là một trong 03 nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ tai nạn giao thông ở nam giới độ tuổi 15-49¹³. Rượu, bia cũng là nguyên nhân gây ra 30% các vụ gây rối trật tự xã hội và 33,7% các vụ bạo lực gia đình ở Việt Nam¹⁴. Ước tính chi phí trực tiếp cho tiêu dùng rượu, bia ở Việt Nam vào năm 2017 là 4 tỷ USD, gần bằng 7% số thu ngân sách của nhà nước (chưa tính đến chi phí gián tiếp)¹⁵.

Mặc dù mặt hàng bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2018. Tuy nhiên, sức mua rượu, bia của người Việt Nam vẫn tăng do thu nhập tăng nhanh trong khi giá rượu, bia tăng rất chậm. Do vậy, trong thời gian qua, tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao¹⁶ và có xu hướng gia tăng nhanh¹⁷. Theo Bộ Y tế, mức tiêu thụ rượu bia bình quân/người trưởng thành quy đổi ra cồn nguyên chất ở người trưởng thành Việt Nam đã tăng từ 2,9 lít/người năm 2005 lên 7,9lít/người năm 2019¹⁸. Tỷ lệ nam giới uống rượu bia ở mức cao, năm 2021 có 64,2% nam và 9,8% nữ hiện uống rượu bia trong 30 ngày qua. Tỷ lệ uống rượu bia ở mức nguy hại cũng đang rất phổ biến, đặc biệt ở nam giới (28,3% năm 2021)¹⁹. Hiện nay, thuế và giá rượu, bia ở Việt Nam còn ở mức thấp, theo tính toán của WHO thuế rượu, bia của Việt Nam mới chiếm khoảng 30% giá bán lẻ, trong khi ở nhiều nước tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm từ 40-85% giá bán lẻ. Do vậy, lộ trình tăng thuế TTĐB đối với rượu và bia từ năm 2016-2018 chưa đủ mạnh để tác động đến giảm tiêu dùng rượu bia. Trước mắt, cần tiếp tục tăng thuế để tăng giá bán lẻ rượu, bia lên mức ít nhất tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm 40% giá bán lẻ.

Theo đó, cần tiếp tục điều chỉnh tăng mức thuế suất thuế TTĐB theo phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với rượu, bia để tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của WHO và lộ trình tăng theo mức tăng thu nhập và lạm phát.

¹² Institute of Health Metrics and Evaluation (2016), Global burden of diseases study.

¹³ Chạy quá tốc độ, lấn làn và sử dụng rượu, bia tham gia giao thông, Cục CSGT - Bộ Công an, 2014.

¹⁴ Tổng cục thống kê (2010), Điều tra về bạo lực gia đình 2010.

¹⁵ Tổ chức y tế thế giới (2019), Hỏi đáp về phòng chống tác hại rượu bia.

¹⁶ Theo Kirin Holdings, Việt Nam xếp thứ 9 thế giới về lượng bia tiêu thụ với hơn 4 tỷ lít trong năm 2020, chiếm 2,2% toàn cầu. Trong khu vực, theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam xếp thứ 2 khu vực Đông Nam Á, xếp thứ 3 Châu Á về mức tiêu thụ bình quân rượu bia/người, với mức tiêu thụ rượu bia tính theo lít cồn nguyên chất bình quân đầu người (trên 15 tuổi) mỗi năm tại Việt Nam là 8,3 lít, tương đương với 1 người uống 170 lít bia/năm. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng sản lượng bia sản xuất trong năm 2023 đạt 4,53 tỷ lít.

¹⁷ Năm 2019, lượng bia tiêu thụ bình quân một người là 47,6 lít, bằng 1,2 lần năm 2015; rượu mạnh và rượu trắng là 3,4 lít, bằng 1,02 lần năm 2015.

¹⁸ Thông tin từ Bài trình bày của Ths.Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế tại Hội nghị tập huấn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, rượu bia, đồ uống có đường, do Bộ Thông tin và truyền thông thực hiện vào 7/2022, trích nguồn từ WHO.Global Health Observatory data repository. Truy cập ngày 26/5/2022: <https://apps.who.int/gho/data/node.main.A1029SDG3?lang=en>

¹⁹ Thông tin từ Bài trình bày của Ths.Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế tại Hội nghị tập huấn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có đường, do Bộ Thông tin và truyền thông thực hiện vào 7/2022, trích nguồn từ Điều tra yếu tố nguy cơ bệnh lây nhiễm năm 2021 của Bộ Y tế.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu hạn chế tiêu dùng rượu, bia theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Góp phần đảm bảo thu NSNN.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Phương án điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng rượu, bia theo lộ trình như sau:

- Đối với mặt hàng rượu:

+ Đối với rượu từ 20 độ trở lên:

Năm	Thuế suất
Từ năm 2026	70%
Từ năm 2027	75%
Từ năm 2028	80%
Từ năm 2029	85%
Từ năm 2030	90%

+ Đối với rượu dưới 20 độ:

Năm	Thuế suất
Từ năm 2026	40%
Từ năm 2027	45%
Từ năm 2028	50%
Từ năm 2029	55%
Từ năm 2030	60%

- Đối với mặt hàng bia:

Năm	Thuế suất
Từ năm 2026	70%
Từ năm 2027	75%
Từ năm 2028	80%
Từ năm 2029	85%
Từ năm 2030	90%

(c2) Giải pháp 2: Phương án điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng rượu, bia theo lộ trình như sau:

- Đối với mặt hàng rượu:

+ Đối với rượu từ 20 độ trở lên:

Năm	Thuế suất
-----	-----------

Từ năm 2026	80%
Từ năm 2027	85%
Từ năm 2028	90%
Từ năm 2029	95%
Từ năm 2030	100%

+ Đối với rượu dưới 20 độ:

Năm	Thuế suất
Từ năm 2026	50%
Từ năm 2027	55%
Từ năm 2028	60%
Từ năm 2029	65%
Từ năm 2030	70%

- Đối với mật hàng bia:

Năm	Thuế suất
Từ năm 2026	80%
Từ năm 2027	85%
Từ năm 2028	90%
Từ năm 2029	95%
Từ năm 2030	100%

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(dl) Giải pháp 1:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam (toàn bộ Báo cáo về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 28/11/2006 và được WTO thông qua), tại Đoạn 198, 199, Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO đã ghi nhận cam kết của Việt Nam như sau:

“ 198. Cuối cùng, đại diện của Việt Nam xác nhận thêm rằng, trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, tất cả các loại rượu chưng cất có nồng độ cồn từ 20 độ trở lên sẽ chịu một mức thuế tuyệt đối trên một lít cồn nguyên chất hoặc một mức thuế suất phần trăm duy nhất.

199. Ngoài ra, đại diện của Việt Nam xác nhận rằng, trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng *một mức thuế suất phần trăm thống nhất với tất cả các sản phẩm bia (apply a single ad valorem rate to all beer products)* không phân biệt bao bì đóng gói sản phẩm, nghĩa là bia tươi, bia hơi, bia chai hoặc bia lon. Ban công tác ghi nhận cam kết này”.

Theo cam kết gia nhập WTO, Việt Nam chỉ cam kết áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ với bia và việc áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với bia, rượu là hoàn toàn phù hợp cam kết của Việt Nam.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

Giá bán rượu, bia năm 2026 sẽ tăng 2-3% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

Đối với NSNN: Việc tăng thuế suất thuế TTĐB đối với rượu, bia theo phương án đề xuất sẽ làm tăng thu NSNN.

Theo tính toán của Tổng cục Thuế, dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với rượu, bia như sau:

Công thức chung:

- *Thuế TTĐB = sản lượng bình quân 1 tháng x giá bán bình quân x thuế suất x 12 tháng*

- *Phần thuế tăng thêm (năm n) so với năm trước liền kề = thuế TTĐB năm n - thuế TTĐB năm (n-1)*

=> Dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với rượu từ 20 độ trở lên như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Thuế suất	Thuế TTĐB	Phần thuế tăng thêm so với năm liền kề
Từ năm 2025	65%	582,4	
Từ năm 2026	70%	622	40
Từ năm 2027	75%	666	44
Từ năm 2028	80%	710	44
Từ năm 2029	85%	754	44
Từ năm 2030	90%	798	44

=> Dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với rượu dưới 20 độ như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Thuế suất	Thuế TTĐB	Phần thuế tăng thêm so với năm liền kề
Từ năm 2025	35%	242	
Từ năm 2026	40%	275	33
Từ năm 2027	45%	310	35
Từ năm 2028	50%	345	35
Từ năm 2029	55%	380	35
Từ năm 2030	60%	415	35

=> Dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với mặt hàng bia như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Thuế suất	Thuế TTĐB	Phần thuế tăng thêm so với năm liền kề
Từ năm 2025	65%	46.185	
Từ năm 2026	70%	49.780	3.595
Từ năm 2027	75%	53.336	3.556
Từ năm 2028	80%	56.892	3.556
Từ năm 2029	85%	60.448	3.556
Từ năm 2030	90%	64,004	3.556

+ Tác động tiêu cực: Việc điều chỉnh tăng mức thuế TTĐB đối với rượu, bia sẽ ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực rượu, bia do tác động giảm tiêu thụ.

- Tác động về xã hội:

+ Việc tăng thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn (bia, rượu) sẽ làm tăng giá bán, góp phần hạn chế việc sản xuất và tiêu thụ mặt hàng này. Từ đó, hạn chế tác hại của việc uống rượu, bia đến sức khỏe nhân dân, trật tự an toàn giao thông, an ninh trật tự xã hội...

+ Đối với hệ thống y tế: Việc định hướng, hạn chế tiêu dùng các sản phẩm rượu, bia góp phần kiểm soát được yếu tố nguy cơ gây bệnh do nguyên nhân từ rượu, bia, sẽ làm giảm tỷ lệ bệnh tật, từ vong nên giảm áp lực lên hệ thống y tế, giảm quá tải bệnh viện.

- Tác động về giới:

Tăng thuế TTĐB đối với rượu, bia sẽ góp phần giảm sử dụng rượu, bia, bao gồm cả nữ giới sử dụng rượu bia và cản trở tiếp cận của thiếu niên nữ bắt đầu uống bia, rượu ở tuổi vị thành niên do tăng thuế dẫn đến tăng giá sản phẩm bia, rượu cũng như tác dụng nâng cao nhận thức về tác hại của rượu bia từ việc tăng thuế TTĐB, dẫn đến giảm bạo lực gia đình, đặc biệt là bạo lực của nam giới sau khi uống rượu bia ở mức nguy hại gây ra đối với nữ giới (vợ, con, gia đình ...) do số lượng nam giới sử dụng rượu, bia ở mức nguy hại (64,2%) cao hơn nhiều lần so với nữ giới (9,8%). *Nguồn: Bộ Y tế, năm 2021.*

- Tác động về thù tục hành chính: Không làm phát sinh thù tục hành chính mới.

(d2) Giải pháp 2:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tương tự như giải pháp 1.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

Giá bán năm 2026 sẽ tăng 10% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

Đối với NSNN: Làm tăng thu NSNN nhiều hơn so với giải pháp 1.

Theo tính toán của Tổng cục Thuế, dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB như sau:

Công thức chung:

- Thuế TTĐB = sản lượng bình quân 1 tháng x giá bán bình quân x thuế suất x 12 tháng

- Phần thuế tăng thêm (năm n) so với năm trước liền kề = thuế TTĐB năm n - thuế TTĐB năm (n-1)

=> Dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với rượu từ 20 độ trở lên như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Thuế suất	Thuế TTĐB	Phần thuế tăng thêm so với năm liền kề
Từ năm 2025	65%	582,4	
Từ năm 2026	80%	710	128
Từ năm 2027	85%	754	44
Từ năm 2028	90%	798	44
Từ năm 2029	95%	842	44
Từ năm 2030	100%	886	44

=> Dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với rượu dưới 20 độ như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Thuế suất	Thuế TTĐB	Phần thuế tăng thêm so với năm liền kề
Từ năm 2025	35%	242	
Từ năm 2026	50%	345	102
Từ năm 2027	55%	380	35
Từ năm 2028	60%	415	35
Từ năm 2029	65%	450	35
Từ năm 2030	70%	485	35

=> Dự kiến việc điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB sẽ tác động đến số thu thuế TTĐB đối với mặt hàng bia như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Thuế suất	Thuế TTĐB	Phần thuế tăng thêm so với năm liền kề
Từ năm 2025	65%	46.185	
Từ năm 2026	80%	56.892	10.707
Từ năm 2027	85%	60.448	3.556
Từ năm 2028	90%	64.004	3.556
Từ năm 2029	95%	67.560	3.556
Từ năm 2030	100%	71.116	3.556

+ Tác động tiêu cực: Tương tự như giải pháp 1.

- Tác động về xã hội:

Tương tự như giải pháp 1. Do mức thuế suất của giải pháp 2 cao hơn giải pháp 1 đáng kể nên sẽ có tác động đến việc tăng giá bán và giảm sử dụng rượu bia hiệu quả tốt hơn, hạn chế tác hại của việc uống rượu, bia đến sức khỏe nhân dân, trật tự an toàn giao thông, an ninh trật tự xã hội...

- Tác động về giới: Tương tự như giải pháp 1.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, với Phương án 2 sẽ có tác dụng giảm khả năng chi trả đối với các sản phẩm rượu, bia mạnh hơn, tác động tốt hơn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia và giảm các tác hại liên quan do việc lạm dụng rượu, bia gây ra. Bộ Tài chính đề xuất thực hiện theo Phương án 2.

6.3. Sửa đổi, bổ sung mô tả và mức thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng thân thiện với môi trường

a) Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không

quá 70% số năng lượng sử dụng" áp dụng thuế suất thuế TTĐB "bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này".

Quy định nêu trên nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các loại xe thân thiện với môi trường là loại xe có hai động cơ: động cơ xăng và động cơ điện. Trong điều kiện bình thường xe chủ yếu chạy bằng động cơ điện và động cơ xăng có tính chất dự phòng (khi ắc quy dùng để chạy động cơ điện hết điện), lượng khí thải ra môi trường thấp hơn nhiều so với loại xe ô tô thông thường khác.

Tuy nhiên, để tránh nhầm lẫn với xe hybrid (xe có 02 động cơ và trong điều kiện bình thường thì xe chủ yếu chạy bằng động cơ xăng) cần bổ sung quy định rõ loại xe thân thiện với môi trường thuộc đối tượng ưu đãi thuế suất thuế TTĐB là xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng.

Đối với dòng xe thân thiện môi trường, ngoài xe chạy xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe điện, còn có loại xe sử dụng khí thiên nhiên cũng cần có chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích sản xuất, lắp ráp và tiêu dùng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Khuyến khích sản xuất, sử dụng xe thân thiện với môi trường.
- Đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện của chính sách.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Quy định rõ xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện là xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng và quy định ưu đãi đối với xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên bằng 70% mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô chạy xăng, dầu cùng loại.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:
 - + Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc "quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế".
 - + Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.
 - + Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

=> Việc quy định rõ xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện là xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng, xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng

lượng sinh học sẽ tạo sự rõ ràng, dễ hiểu trong quá trình thực thi chính sách cho cả người nộp thuế và cán bộ quản lý thuế.

=> Đối với doanh nghiệp: Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất xe ô tô thân thiện với môi trường như xe bằng xăng kết hợp năng lượng điện loại nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên.

=> Đối với người tiêu dùng: Góp phần giảm giá bán xe ô tô thân thiện với môi trường, từ đó khuyến khích người tiêu dùng chuyển sang sử dụng dòng xe này.

- Tác động về xã hội:

=> Việc bổ sung ưu đãi đối với xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên giúp bao quát được hết các loại xe sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường cần được khuyến khích phát triển.

=> Việc khuyến khích sản xuất, sử dụng xe ô tô thân thiện với môi trường sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao sức khỏe của cộng đồng.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

6.4. Sửa đổi thuế suất đối với mặt hàng ô tô vừa chở người vừa chở hàng (xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép)

a) Xác định vấn đề bất cập

Điểm d khoản 4 Điều 7 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định ô tô vừa chở người, vừa chở hàng áp dụng thuế suất thuế TTĐB như sau:

- Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm³ trở xuống: Áp dụng thuế suất thuế TTĐB 15%;

- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm³ đến 3.000 cm³: Áp dụng thuế suất thuế TTĐB: 20%;

- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm³: Áp dụng thuế suất thuế TTĐB 25%.

Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2019/BGTVT, loại xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có hai hàng ghế trở lên khi tham gia giao thông được áp dụng các hệ thống báo hiệu đường bộ như ô tô con, không bị hạn chế về thời gian được phép lưu thông trong đô thị, được phép lưu thông vào làn đường dành cho ô tô con.

Qua nghiên cứu cho thấy các nước trong khu vực như Xinh-ga-po, Bru-nêy, Phi-líp-pin áp dụng thuế suất đối với ô tô pick-up vừa chở người, vừa chở

hàng cũng giống như các dòng xe khác, không phân biệt giữa các chủng loại xe. Một số nước áp dụng thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép ở mức thấp hơn mức thuế suất đối với xe ô tô chở người dưới 9 chỗ (Thí dụ: Cam-pu-chia thấp hơn 30%; Thái Lan thấp hơn khoảng 17%...).

Để góp phần đảm bảo quản lý nhà nước đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép và điều tiết hạn chế sử dụng phương tiện giao thông tại các thành phố lớn, lệ phí trước bạ đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép cũng đã được điều chỉnh tăng theo Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ, theo đó, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

Để bảo đảm chính sách thuế phù hợp với mục đích sử dụng xe, cần thiết phải nghiên cứu mức thuế suất thuế TTĐB đối với các loại xe ô tô lưỡng dụng, vừa chở người, vừa chở hàng như xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép và xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng cho phù hợp với quy định của chính sách thuế, phí và lệ phí hiện hành. Đối với xe ô tô pick-up chở người theo Tiêu chuẩn Việt Nam được xếp vào nhóm xe ô tô con, do đó cần quy định rõ loại xe này áp dụng thuế suất cùng với nhóm xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Góp phần hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân, đặc biệt là ở các thành phố lớn, góp phần bảo vệ môi trường.

- Góp phần đảm bảo việc sử dụng xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng theo đúng mục tiêu, thiết kế xe, tránh lợi dụng chính sách.

- Đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Đề xuất áp dụng thuế suất đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép và xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng bằng 60% mức thuế suất thuế TTĐB xe ô tô chạy xăng, dầu cùng loại.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Việc điều chỉnh mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng sẽ làm tăng thu NSNN so với hiện hành.

+ Tác động tiêu cực:

=> Đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu:

Việc tăng thuế suất TTĐB cho xe pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên sẽ làm tăng giá bán xe, làm cầu tiêu dùng đối với loại xe này giảm, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng.

Trong trường hợp xe pick-up chở hàng cabin kép được sử dụng cho mục đích vận tải và di chuyển trong hoạt động kinh doanh thương mại của các công ty vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, do đó việc tăng thuế suất sẽ làm tăng giá dòng xe này, từ đó làm tăng chi phí hoạt động kinh doanh chung của các công ty vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

=> Đối với người tiêu dùng: Việc thực hiện giải pháp này sẽ làm tăng giá bán xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng, từ đó làm tăng chi phí mua xe của người tiêu dùng loại xe này.

- Tác động về xã hội:

Xe ô tô pick-up cabin kép và xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng chủ yếu sử dụng với mục đích lưỡng dụng vừa chở người, vừa chở hàng. Việc thực hiện giải pháp này sẽ góp phần đảm bảo việc sử dụng xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng theo đúng mục đích và thiết kế xe, hạn chế việc lợi dụng chính sách, đồng thời góp phần hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân, bảo vệ môi trường.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

7. Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế, khấu trừ TTĐB

7.1. Về hàng hóa nhập khẩu, tái xuất khẩu

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật đang đề xuất quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB đối với: “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì cơ sở kinh doanh phải

nộp thuế tiêu thụ đặc biệt". Do vậy, không cần thiết quy định hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp hàng tạm nhập, tái xuất.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo chính sách hoàn thuế TTĐB công bằng, minh bạch, rõ ràng.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bỏ quy định cho phép hoàn thuế đối với "hàng hóa tạm nhập, tái xuất" tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc "quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế".

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo thống nhất minh bạch chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

7.2. Về hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu

a) Xác định vấn đề bất cập

Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định hoàn thuế đối với trường hợp: "b) Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu"

Theo quy định của Luật thuế xuất khẩu thì hoạt động xuất khẩu bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài và xuất khẩu vào khu phi thuế quan.

Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật, Bộ Tài chính đã đề xuất sửa đổi chỉ có hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công, thuế gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước

ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Do vậy, cần thống nhất

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo chính sách hoàn thuế TTĐB thống nhất, công bằng, minh bạch, rõ ràng.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định rõ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài và việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hoá thực tế xuất khẩu ra nước ngoài.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo thống nhất minh bạch chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

7.3. Sửa đổi, bổ sung quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

a) Xác định vấn đề bất cập

- Điểm c Khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về trường hợp người nộp thuế TTĐB được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp sau: “c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa”.

- Tại Điều 202, Điều 203 và Điều 204 Luật doanh nghiệp quy định: *“Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi”*.

Thực tế, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp) mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết). Đồng thời, Luật doanh nghiệp chỉ quy định chấm dứt hoạt động đối với văn phòng hoặc chi nhánh, trường hợp văn phòng, chi nhánh chấm dứt hoạt động thì Công ty mẹ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của văn phòng, chi nhánh.

Ngoài ra, qua rà soát, trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã. Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thì không phát sinh số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết vì theo quy định pháp luật thuế TTĐB hiện hành thì hộ kinh doanh là đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. Đối với trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để tiếp tục khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo chính sách hoàn thuế TTĐB công bằng, minh bạch, rõ ràng.
- Góp phần hạn chế việc lợi dụng, trục lợi chính sách, đảm bảo môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Bổ quy định về hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

- Bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật như sau: *“Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định”*.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Loại bỏ kẽ hở cho việc lợi dụng chính sách, tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh minh bạch, bình đẳng.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

7.4. Bổ sung quy định hoàn thuế đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học

a) Xác định vấn đề bất cập

Tại Khoản 4 Điều 1 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định thuế suất TTĐB đối với Xăng là 10%; xăng E5 là 8%; xăng E10 là 7%.

Tại Điều 8 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định: “Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp ở khâu sản xuất.”

Xăng sinh học E5, E10 được pha chế theo tỷ lệ tương ứng 95%, 90% xăng RON92 (mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB) và 5%, 10% cồn sinh học. Căn cứ vào quy định nêu trên, cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả của nguyên liệu xăng khoáng khi xác định số thuế TTĐB phải nộp của mặt hàng xăng sinh học. Do thuế suất thuế TTĐB của xăng nguyên liệu là 10% trong khi thuế suất của xăng sinh học chỉ là 8% hoặc 7% nên doanh nghiệp sản xuất, pha chế xăng sinh học luôn phát sinh số thuế TTĐB chưa được khấu trừ (khoảng 1,5%/giá bán xăng sinh học). Đây là khoản tiền thuế tương tự như tiền thuế nộp thừa và theo Luật quản lý thuế, số tiền thuế nộp thừa được xử lý hoàn. Do vậy, căn cứ thẩm quyền được giao, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP

ngày 01/2/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết (Quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP).

Để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo tính ổn định của chính sách cũng như nâng cao tính pháp lý, minh bạch của chính sách, cần thiết bổ sung nội dung quy định cho hoàn thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết vào Luật.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo tính đồng bộ, ổn định của chính sách, nâng cao tính pháp lý, minh bạch của chính sách.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung nội dung quy định cho hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết vào Luật như sau: *Đối với người nộp thuế được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết của kỳ khai thuế trước đó liền kề) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn trả.*

Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:
 - + Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.
 - + Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.
 - + Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Tác động về kinh tế:
 - + Tác động tích cực: Việc thực hiện phương án này sẽ giúp các doanh nghiệp sản xuất xăng sinh học được hoàn thuế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp

+ Tác động tiêu cực: Việc thực hiện phương án này có thể làm tăng quỹ hoàn thuế của Nhà nước.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế. Và khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, góp phần bảo vệ môi trường.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới do chỉ Luật hóa quy định tại Nghị định số 14/2019/NĐ-CP.

8. Về giảm thuế

a) Xác định vấn đề bất cập

Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại Điều 9 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giảm thuế như sau: “Việc giảm thuế TTĐB được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12. Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Như vậy, Luật thuế TTĐB cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ của luật thuế TTĐB.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định: *Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

d) *Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo rõ ràng, minh bạch trong quá trình thực hiện.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

- Tác động về xã hội: Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không trái với hệ thống pháp luật hiện hành. Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất, nâng cao tính pháp lý của quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

9. Sửa đổi, bổ sung quy định về điều khoản thi hành

a) Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thuế suất 75%.

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá quy định “Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác”.

Do vậy, hiện nay sản phẩm thuốc lá mới chưa có quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và Luật thuế TTĐB.

Để có căn cứ pháp lý thu thuế trong trường hợp pháp luật chuyên ngành cho phép sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thì cần quy định dự phòng chính sách thu thuế đối với mặt hàng này tại Luật thuế TTĐB (sửa đổi).

Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cần thiết giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều: Điều 2 về đối tượng chịu thuế, Điều 3 về đối tượng không chịu thuế, Điều 6 về giá tính thuế, Điều 9 về hoàn thuế, khấu trừ thuế.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung Điều khoản về tổ chức thực hiện như sau:

“Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 12 của Luật này.

Trường hợp các sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, các sản phẩm thuốc lá mới sẽ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt như mức thuế tiêu thụ đặc biệt quy định đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm. Giao Chính phủ quy định việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt cụ thể đối với từng loại sản phẩm thuốc lá mới trong trường hợp được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.”

d) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (khoản 4 Điều 70) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong việc “quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế”.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Việc quy định sẵn về chính sách thuế TTĐB đối với thuốc lá mới ở Luật thuế TTĐB sẽ tạo hành lang pháp lý để áp dụng thuế TTĐB ngay, đồng bộ với chính sách quản lý chuyên ngành.

+ Giải pháp này cần bổ sung điều kiện thi hành nếu thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất và lưu hành theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và/hoặc pháp luật liên quan.

+ Không vi phạm các cam kết quốc tế, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực:

=> Về sản xuất: Thuốc lá mới là mặt hàng chưa được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng nên trường hợp được phép nhập khẩu, sản xuất và lưu hành thì việc áp dụng thuế TTĐB sẽ định hướng tiêu dùng, nên làm tăng giá bán sản phẩm, góp phần làm giảm sản lượng tiêu dùng dẫn tới giảm sản lượng sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh.

=> Việc thực hiện giải pháp này sẽ góp phần tăng thu cho NSNN.

+ Tác động tiêu cực: Việc bổ sung thuế TTĐB đối với thuốc lá thể hệ mới có thể có một số ảnh hưởng tiêu cực đối với các doanh nghiệp kinh doanh thuốc

lá trong nước do giá bán lúc này tăng lên làm giảm cầu thuốc lá cũng như lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên, do các loại thuốc lá thế hệ mới này là hàng hoá đắt tiền hơn thuốc lá thông thường, phục vụ cho tầng lớp trung lưu trở lên trong xã hội, nên khi áp dụng thuế TTĐB với các loại thuốc lá này sẽ chỉ ảnh hưởng nhỏ đến cầu tiêu dùng mặt hàng này.

- Tác động về xã hội:

+ Trường hợp các sản phẩm thuốc lá mới được phép sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan thì việc thực hiện giải pháp này sẽ góp phần nâng cao nhận thức về tác hại của thuốc lá mới đối với sức khỏe, đặc biệt là thanh thiếu niên, từ đó định hướng hạn chế tiêu dùng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu việc gia tăng tiêu dùng thuốc lá mới trong dân chúng.

+ Góp phần làm tăng giá bán sản phẩm, qua đó góp phần hạn chế sự tiếp cận của giới trẻ, người mới hút thuốc; giảm lượng tiêu dùng, góp phần giảm tác hại của việc hút thuốc lá thế hệ mới và thuốc lá nói chung, từ đó nâng cao sức khỏe cộng đồng, trẻ em mà không phải chờ sửa đổi, bổ sung Luật thuế TTĐB mới áp dụng được.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

III. LẤY Ý KIẾN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi), Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội doanh nghiệp có liên quan với việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) theo công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Trách nhiệm thi hành Luật là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.


Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động nội dung dự án Luật Thuế TTĐB
(sửa đổi)./ *AT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (9 b)./ *AT*

KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG



* Cao Anh Tuấn



BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật thuế TTĐB được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn, chưa đồng bộ giữa các quy định của dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) với các luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Bám sát Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030: “Các chính sách thuế chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”.

- Đối với những nội dung chuyên ngành được dẫn chiếu tại Luật thuế TTĐB mà đã được quy định rõ trong các Luật chuyên ngành thì tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

- Đảm bảo minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong quá trình thực thi.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Nhóm các Luật về thuế có liên quan đến Luật thuế TTĐB (sửa đổi).
- Nhóm các luật chuyên ngành khác có liên quan đến Luật thuế TTĐB (sửa đổi).

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Luật thuế TTĐB được ban hành năm 2008 là dấu mốc quan trọng trong lịch sử xây dựng, phát triển và hoàn thiện pháp luật về thuế TTĐB của nước ta.

Luật thuế TTĐB kế thừa các quy định của Luật thuế TTĐB năm 1997, các Luật sửa đổi, bổ sung và được xây dựng trên tinh thần đơn giản, rõ ràng hơn để phù hợp với tiêu chí công khai, minh bạch cho người nộp thuế và cơ quan thuế thực hiện, đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của các nước để vận dụng phù hợp với tình hình Việt Nam. Theo đó, Luật thuế TTĐB đã khắc phục được các bất cập tồn tại nhiều năm trong hệ thống văn bản pháp luật, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của hệ thống pháp luật về thuế TTĐB.

Trong 15 năm triển khai thực hiện, nhìn chung quan hệ giữa Luật thuế TTĐB và pháp luật có liên quan tương đối ổn định. Tuy nhiên, hiện nay tại Luật thuế TTĐB đã xuất hiện một số nội dung mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành cần phải được khắc phục. Sự vướng mắc, chông chéo này xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Một số quy định của Luật thuế TTĐB được ban hành hiện không còn phù hợp với thực tiễn xã hội, nhu cầu hội nhập.

- Các quy định của pháp luật chuyên ngành được ban hành sau Luật thuế TTĐB đã làm thay đổi hoặc chi tiết hóa các thuật ngữ chuyên ngành dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất, phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau.

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, các quy định tại dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Quá trình thực hiện, Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội; góp phần bảo vệ môi trường; góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến thuế TTĐB và giải quyết tốt những bất cập, vướng mắc giữa Luật thuế TTĐB và các luật liên quan là hết sức cần thiết.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Nhóm các luật thuế về thuế

Rà soát 7 Luật về thuế (gồm: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế bảo vệ môi trường, Luật thuế tài nguyên, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) cho thấy, có 01 trong tổng số 07 Luật có nội dung vướng mắc, chông chéo với Luật thuế TTĐB, cụ thể:

Luật có nội dung chưa đồng bộ: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Nội dung chưa đồng bộ tập trung vào: (1) đối tượng không chịu thuế, (2) giá tính thuế.

2.2. Nhóm các luật chuyên ngành có nội dung vướng mắc, không đồng bộ với Luật thuế TTĐB

Qua rà soát 08 Luật chuyên ngành (bao gồm: (1) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; (2) Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; (3) Luật Hàng không dân dụng, (4) Luật hải quan; (5) Luật đường bộ; (6) Luật doanh nghiệp; (7) Luật Thương mại; (8) Luật Hợp tác xã cho thấy một số quy định của Luật thuế TTĐB chưa có sự đồng bộ, cập nhật kịp thời với một số Luật chuyên ngành.

Nội dung chưa đồng bộ tập trung vào: (1) đối tượng chịu thuế TTĐB, (2) đối tượng không chịu thuế TTĐB; (3) khấu trừ, hoàn thuế TTĐB.

(Chi tiết tại Phụ lục – văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi)).

Từ kết quả rà soát và quá trình tổng kết thi hành Luật thuế TTĐB trong thời gian qua, Bộ Tài chính đề xuất, kiến nghị như sau:

- Luật thuế TTĐB là Luật cơ bản điều chỉnh các chính sách về thuế TTĐB. Theo đó, trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và các luật khác trong việc áp dụng chính sách thuế TTĐB thì thực hiện theo quy định của Luật thuế TTĐB. Để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi các nội dung sau đây trong dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) để thống nhất, đồng bộ với các Luật có liên quan:

+ Sửa đổi nội dung quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, xe ô tô dưới 24 chỗ, tàu bay để đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia và Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, Luật hàng không dân dụng.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB để đồng bộ với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật hàng không dân dụng.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp hoàn thuế TTĐB để đồng bộ với Luật doanh nghiệp, Luật hợp tác xã.

(Nội dung rà soát mâu thuẫn, không đồng bộ và đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát Luật thuế TTĐB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. / *BT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (q b). *BT*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Giao Anh Tuấn

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT
LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng chịu thuế	1. Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá	<p>* Về quy định mặt hàng thuốc lá:</p> <p>- Luật thuế TTĐB hiện hành quy định đối tượng chịu thuế TTĐB bao gồm: <i>“Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”</i>.</p> <p>- Khoản 1 và 3 Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về giải thích từ ngữ như sau:</p> <p><i>“1. Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc láo hoặc các dạng khác.”</i></p> <p><i>“3. Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tấm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá.”</i></p> <p>* Về giá tính thuế</p> <p>- Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế như sau:</p>	<p>- Quy định của Luật thuế TTĐB hiện hành chưa đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng <i>“thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”</i> thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thành <i>“thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc láo hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”</i> để đồng bộ với quy định tại Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p> <p>- Bổ sung quy định cụ thể về giá</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>“Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:</i></p> <p><i>1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra.</i></p> <p>...</p> <p><i>Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm, được thu (nếu có) mà cơ sở kinh doanh được hưởng.”</i></p> <p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ phòng chống, tác hại của thuốc lá như sau:</p> <p><i>“a) Khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt theo lộ trình: 1,0% từ ngày 01 tháng 5 năm 2013; 1,5% từ ngày 01 tháng 5 năm 2016; 2,0% từ ngày 01 tháng 5 năm 2019. Khoản đóng góp bắt buộc được khai, nộp cùng với thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá tự khai, tự tính, tự nộp vào tài khoản của Quỹ;”</i></p>	<p>tính thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá bao gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Luật phòng chống tác hại của thuốc lá.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>- Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá thuộc Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá khác hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tự nguyện đóng góp kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống buôn lậu thuốc lá điều và sản xuất, buôn bán thuốc lá giả, nhằm thực hiện Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p>	
	<p>2. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia</p>	<p>- Luật thuế TTĐB hiện hành quy định đối tượng chịu thuế TTĐB bao gồm: “Rượu”.</p> <p>- Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau:</p> <p>“1. Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm.</p> <p>...</p> <p>3. Cồn thực phẩm là hợp chất hữu cơ có công thức phân tử là C_2H_5OH và có tên khoa học là ethanol đã được loại bỏ tạp chất, đạt yêu cầu dùng trong thực phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, có khả năng gây nghiện và gây ngộ độc cấp tính.</p> <p>4. Độ cồn là số đo chỉ hàm lượng cồn thực phẩm có trong rượu, bia tính theo phần trăm thể tích. Độ cồn được tính bằng số mililit ethanol nguyên chất trong</p>	<p>- Quy định tại Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.</p> <p>- Đề phù hợp với quy định tại Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, cần thiết sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, bao gồm cả các loại đồ uống có cồn thực phẩm khác được lên men từ trái cây, ngũ cốc; đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm” để đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế	3. Luật hàng không dân dụng	<p><i>100 ml dung dịch ở 20°C”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm e khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “e) Tàu bay, du thuyền;” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. - Theo quy định của Luật hàng không dân dụng Việt Nam, khái niệm về tàu bay rất rộng bao gồm tất cả những thiết bị bay như Flycam để quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, thiết bị bay điều khiển từ xa dùng để phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em điều khiển từ xa... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu thu thuế TTĐB đối với mặt hàng tàu bay bao gồm cả các thiết bị bay, khí cầu, máy bay, đồ chơi trẻ em thì chưa phù hợp với mục tiêu của chính sách thuế TTĐB. - Để làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, cần sửa đổi quy định “tàu bay” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng quy định “máy bay, trực thăng, tàu lượn” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, đồng thời sửa đổi tương ứng tại đối tượng không chịu thuế TTĐB.
Đối tượng chịu thuế	4. Tiêu chuẩn Việt Nam về xe ô tô và dự thảo Luật Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định đối tượng chịu thuế TTĐB: “Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định của Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về xe ô tô, dự thảo Luật đường bộ dẫn đến vướng mắc trong thực hiện. - Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>- Theo Tiêu chuẩn TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô được phân loại thành: Ô tô chở người; Ô tô chở hàng và Ô tô chuyên dùng.</p> <p>+ Ô tô chở người: gồm có ô tô con; ô tô khách và ô tô chở người chuyên dụng. Trong đó ô tô con được mô tả có chỗ người lái không lớn hơn 9; ô tô pickup chở người có ít nhất một đặc điểm khác với ô tô pick-up chở hàng nêu tại điểm 3.2.7 và 3.2.8 ...</p> <p>+ Ô tô chở hàng, có bao gồm ô tô pick-up chở hàng cabin đơn (mục 3.2.7), ô tô pick-up chở hàng cabin kép (mục 3.2.8), ô tô tải VAN có 2 hàng ghế (mục 3.2.9). Theo đó, ô tô pick-up chở hàng cabin kép có đặc điểm thùng hàng dạng hở (có thể có mui phủ) hoặc dạng kín, có thể liền hoặc không liền thân với cabin, có bố trí cửa để xếp, dỡ hàng; Trong cabin có bố trí hai hàng ghế, có số chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi của người lái không lớn hơn 5; Thùng hàng không có trang bị tiện nghi và nội thất phục vụ chở người; Diện tích hữu ích của sàn thùng hàng (Fh) không nhỏ hơn 1 m² (xác định như Phụ lục A của TCVN 7271: 2003); Tổng khối lượng hàng hóa cho phép chở (mh) phải lớn hơn tổng khối lượng của số người cho phép chở</p>	<p>định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “Xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, quy định của Bộ Giao thông vận tải (GTVT), dự thảo Luật đường bộ và tháo gỡ vướng mắc trong thực tế thực hiện.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>(mng) được tính theo tỷ lệ sau: $mng = 65 \text{ kg/người} \times \text{số chỗ ngồi}$). Đối với xe ô tô tải VAN có 2 hàng ghế thì khối lượng chuyên chở (bao gồm cả người và hàng hóa) từ 950 kg trở lên.</p> <p>+ Ô tô chuyên dùng.</p> <p>Đối chiếu với Tiêu chuẩn Việt Nam về phương tiện giao thông đường bộ hiện nay (Ô tô) cho thấy: không có phân loại ô tô theo “xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” mà chỉ có mô tả ô tô pick-up chở hàng cabin kép, ô tô pick-up chở người, ô tô VAN có 02 hàng ghế.</p> <p>Ô tô pick-up chở người thuộc chủng loại ô tô con. Ô tô pick-up chở hàng cabin đơn là xe thiết kế chuyên chở hàng thuộc chủng loại ô tô chở hàng (ô tô tải). Xe ô tô tải VAN có 2 hàng ghế, Ô tô pick-up chở hàng cabin kép là loại được thiết kế xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.</p> <p>- Tại dự thảo Luật Đường bộ sắp được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7 có quy định như sau:</p> <p><i>“40. Xe ô tô là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray; dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc, có thể có kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt; có vận tốc thiết kế lớn nhất không nhỏ hơn 60 km/h; xe ô tô bao gồm cả xe được nối với đường dây dẫn điện, xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn</i></p>	

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>400 kg, xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn.</p> <p>41. Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá kỹ gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>42. Xe ô tô con là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái dưới 10 người.</p> <p>43. Xe ô tô khách là xe có ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 10 người trở lên, trên xe không bố trí chỗ đứng.</p> <p>44. Xe ô tô khách thành phố là xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 10 người trở lên, kể cả người lái; trên xe có bố trí các ghế ngồi, chỗ đứng; có kết cấu và trang bị để vận chuyển hành khách trong thành phố và vùng lân cận, cho phép hành khách di chuyển phù hợp với việc dùng, đỗ xe thường xuyên.</p> <p>45. Xe ô tô chở hàng (ô tô tải) là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở hàng hoá và có tối đa hai hàng ghế chở được tối đa 06 người ngồi trong ca bin, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>46. Xe ô tô chuyên dùng là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>...</p> <p>55. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có hai trục, từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động</p>	

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>co được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ trong phạm vi hạn chế, có kết cấu để chờ người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số chỗ ngồi tối đa không quá 15 chỗ (kể cả chỗ ngồi của người lái)."</i></p>	
Hoàn thuế	<p>5. Luật doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã</p>	<p>- Điểm c Khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về trường hợp người nộp thuế TTĐB được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp sau: "<i>c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa;</i>"</p> <p>- Theo quy định của Luật doanh nghiệp thì công ty mới, sau chia đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị chia (Điều 198); công ty được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị tách (Điều 199); Công ty hợp nhất đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị hợp nhất (Điều 200); Công ty nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị sáp nhập (Điều 201); Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi (Điều 202, Điều 203, Điều 204, Điều 205). Theo đó, doanh nghiệp sau khi tổ chức lại, chuyển đổi loại</p>	<p>- Để tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để lập hồ sơ hoàn thuế TTĐB, cần nghiên cứu sửa đổi quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động và bổ sung quy định người nộp thuế sẽ được chuyển số thuế TTĐB chưa được khấu trừ khi quyết toán thuế do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động cho Công ty mới thành lập/Công ty được chuyển đổi/Doanh nghiệp (đối với</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>hình hoạt động đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp được tổ chức lại, được chuyển đổi.</p> <p>Như vậy, theo pháp luật thuế TTĐB thì doanh nghiệp được hoàn thuế TTĐB đã nộp khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách. Trong khi, theo quy định của Luật doanh nghiệp thì doanh nghiệp sau tổ chức lại (sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp), sau chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình (từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH hoặc Công ty hợp danh) phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ thuế TTĐB) của doanh nghiệp được tổ chức lại, được chuyển đổi.</p> <p>- Trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã. Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thì không phát sinh số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết vì theo quy định pháp luật thuế TTĐB hiện hành thì hộ kinh doanh là đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. Đối với trường hợp tổ hợp tác thì tại Luật Hợp tác xã chưa có quy định Hợp tác xã được kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ hợp tác.</p>	<p>trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc chấm dứt hoạt động) đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung quy định đối với trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để tiếp tục khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng không chịu thuế	6. Luật Thương mại	<p>- Tại khoản 1 và 2 Điều 30 Luật thương mại số 36/2005/QH11 quy định về chuyển khẩu hàng hóa như sau:</p> <p><i>“1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.</i></p> <p><i>2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;</i></p> <p><i>b) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam;</i></p> <p><i>c) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.”</i></p> <p>- Luật thuế TTĐB hiện hành có quy định hàng hóa quá cảnh thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB nhưng chưa có quy định thể nào là hàng hóa chuyển khẩu tại Luật thuế TTĐB.</p>	<p>Đề đồng bộ với pháp luật thương mại, đề xuất sửa đổi quy định “Hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật thương mại” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng không chịu thuế	7. Luật Hải quan	<p>- Tại khoản 1 Điều 4 Luật hải quan số 54/2014/QH13 có quy định như sau: <i>"1. Chuyển cửa khẩu là việc chuyển hàng hóa, phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác."</i></p> <p>- Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển như sau: <i>"1. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu vực trung chuyển, sau đó được đưa ra nước ngoài trực tiếp từ khu vực trung chuyển này; không được vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu qua cửa khẩu khác trừ trường hợp thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng hóa trung chuyển được đưa ra nước ngoài toàn bộ hoặc từng phần của lô hàng đã chuyển vào cảng. 2. Hàng hóa trung chuyển phải được thông báo với cơ quan hải quan, chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. ..."</i></p>	<p>Đề đồng bộ với pháp luật về pháp luật hải quan, đề xuất sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: <i>"hàng hóa trung chuyển theo quy định của pháp luật hải quan"</i> thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		Luật thuế TTĐB hiện hành quy định hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB, chưa có quy định về hàng hóa trung chuyển.	
	8. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu		
Đối tượng không chịu thuế	8.1. Về quy định hàng hóa quá cảnh, mượn đường qua cửa khẩu biên giới	<p>- Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “<i>b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ.</i>” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p> <p>- Tại Khoản 4 Điều 2 Luật xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp “<i>a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;</i>”</p>	Theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện không còn có khái niệm “ <i>Hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam</i> ”. Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định để thống nhất với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
Giá tính thuế	8.2. Về quy định trị giá tính thuế và các khoản thuế nhập khẩu bổ sung	<p>- Tại khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “<i>2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu công với thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm. Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi</i></p>	<p>- Quy định tại Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra,"</i></p> <p>- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định về trị giá tính thuế nhập khẩu (không dùng khái niệm giá tính thuế nhập khẩu).</p> <p>- Khoản 4, 5, 6 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định về các khoản thuế nhập khẩu bổ sung như sau:</p> <p><i>"5. Thuế chống bán phá giá là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.</i></p> <p><i>6. Thuế chống trợ cấp là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.</i></p> <p><i>7. Thuế tự vệ là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa quá mức vào Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước".</i></p>	<p><i>trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định pháp luật thuế xuất nhập khẩu, cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định pháp luật thuế xuất nhập khẩu (nếu có) để đồng bộ với pháp luật về thuế xuất nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không bao gồm số thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung được miễn, giảm.</i></p>

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

A. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) số 27/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009 thay thế cho Luật Thuế TTĐB năm 1998, Luật sửa đổi một số điều của Luật Thuế TTĐB năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB và Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2005. Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần (Luật số 70/2014/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 106/2016/QH13, Luật số 03/2022/QH15) để giải quyết phát sinh vướng mắc, phù hợp cam kết hội nhập.

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TTĐB đã góp phần vào sự thành công của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020. Thực tế thực hiện cho thấy, Luật Thuế TTĐB đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội, đã đạt được nhiều kết quả khích lệ, tuy nhiên so với yêu cầu đặt ra, chính sách thuế TTĐB vẫn còn những hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của thuế TTĐB cũng như mục tiêu đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030. Cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

- **Một là**, Luật Thuế TTĐB đã có những thay đổi theo đúng định hướng cải cách chính sách của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020; như xây dựng lộ trình điều chỉnh thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô để điều tiết tiêu dùng của xã hội và thực hiện cam kết quốc tế, góp phần định hướng sản xuất, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội, góp phần bảo vệ môi trường, cụ thể:

Luật Thuế TTĐB đã sửa đổi quy định lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu bia để góp phần điều tiết tiêu dùng và thực hiện cam

kết quốc tế.

Đối với mặt hàng thuốc lá:

Thuốc lá là mặt hàng tiêu dùng có hại cho sức khỏe của bản thân người hút và người xung quanh (người hút thuốc thụ động) là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây bệnh tật và tử vong trên thế giới. Vì vậy thuốc lá luôn là mặt hàng chịu thuế TTĐB với mức thuế suất cao. Thuế suất thuế TTĐB đối với thuốc lá được tăng theo lộ trình từ 65% lên 70% (từ 01/01/2016 - 31/12/2018) và lên 75% (từ 01/01/2019) để thực hiện cam kết của Việt Nam tại Công ước khung về kiểm soát thuốc lá và mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá tại Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đối với mặt hàng rượu, bia:

Bên cạnh thuốc lá, tiêu dùng rượu, bia nếu lạm dụng cũng gây nhiều tác hại đến sức khỏe của người tiêu dùng cũng như ảnh hưởng đến đời sống xã hội như bạo lực, an ninh trật tự, an toàn giao thông, ... Giống như mặt hàng thuốc lá, đồ uống có cồn (rượu, bia) có tính chất gây nghiện, do vậy dễ dẫn đến lạm dụng. Trước ngày 01/01/2010, thuế TTĐB đối với bia được phân biệt theo loại bia: bia chai, bia lon áp dụng các mức thuế suất 75% đối với bia chai; bia tươi, bia hơi áp dụng 30% trong năm 2006, 2007 và 40% từ năm 2008. Thực hiện yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quốc hội đã thông qua Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định áp dụng thống nhất một mức thuế suất đối với tất cả loại bia là 45% từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2012 và 50% từ ngày 01/01/2013. Việc thống nhất mức thuế suất đối với bia để thực hiện cam kết, do vậy đã phải điều chỉnh giảm thuế suất đối với bia chai từ 75% xuống 45% - 50% nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất bia địa phương (cơ cấu bia hơi chiếm tỷ trọng lớn) tái cơ cấu sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để đủ sức cạnh tranh, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương. Tuy nhiên, việc hạ thuế suất đối với mặt hàng bia đã làm tăng sức mua (tiêu thụ) đối với bia. Tính riêng năm 2013, lượng bia tiêu thụ là 3 tỷ lít và bình quân đầu người là 32 lít/người. Theo quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, đồ uống Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 được Bộ Công Thương phê duyệt thì: năm 2010 sản lượng sản xuất đạt 2,5 tỷ lít bia; đến năm 2015, sản lượng sản xuất đạt 4 tỷ lít bia; đến năm 2025, sản lượng sản xuất đạt 6 tỷ lít bia.

Vi vậy, áp dụng thuế TTĐB với mức thuế suất cao là cần thiết nhằm nâng cao nhận thức và hành động về tác hại của việc sử dụng nhiều sản phẩm này để giảm tiêu thụ rượu, bia và hạn chế lạm dụng rượu, bia. Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TTĐB năm 2014 đã thông qua lộ trình tăng thuế đối với các mặt hàng này để góp phần hạn chế sản xuất và tiêu dùng như sau: (i) Rượu từ 20 độ trở lên áp dụng thuế suất theo lộ trình tăng từ 50% lên 55% (từ 01/01/2016-31/12/2016), lên 60% (từ 01/01/2017-31/12/2017) và 65% (từ 01/01/2018); Rượu dưới 20 độ tăng thuế suất thuế TTĐB từ 25% lên 30% từ ngày 01/01/2016 và lên 35% từ ngày 01/01/2018; Bia từ ngày 01/01/2016

tăng từ 50% lên 55%, từ ngày 01/01/2017 tăng lên 60%, từ ngày 01/01/2018 tăng lên 65%.

- **Hai là**, Luật Thuế TTĐB đã góp phần định hướng tiêu dùng tiết kiệm đối với nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường.

Để khuyến khích người dân tiêu dùng các loại xăng thân thiện môi trường, Luật thuế TTĐB quy định thuế suất đối với xăng sinh học (mức thuế suất 8% đối với xăng E5 và mức thuế suất 7% đối với xăng E10) thấp hơn mức thuế suất áp dụng đối với xăng khoáng (thuế suất 10%).

Để khuyến khích sử dụng các chủng loại xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, tại Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 đã quy định giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô dưới 9 chỗ có dung tích xi lanh từ 2.000 cm³ trở xuống, cụ thể như sau: Giảm thuế suất thuế TTĐB đối với dòng xe ô tô có dung tích xi lanh dưới 2.000 cm³ và chia thành các nhóm nhỏ: (1) Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm³ trở xuống: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 35% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại trên 1.500 cm³ đến 2.000 cm³: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 40% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13). Đối với xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe chạy điện, Luật thuế TTĐB quy định xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện áp dụng thuế suất chỉ bằng 70% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học áp dụng mức thuế suất chỉ bằng 50% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện: (1) Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống áp dụng thuế suất 15% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ: áp dụng thuế suất 10% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (3) Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ: áp dụng thuế suất 5% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13).

Để sớm cụ thể hoá được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tận dụng cơ hội hình thành chuỗi cung ứng vững chắc cho các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất xe ô tô điện trong nước và xuất khẩu, góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong ngành giao thông, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích phát triển nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo, tại Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế TTĐB và Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy pin theo lộ trình: từ ngày 01/3/2022 là 3%, 2%, 1% và từ ngày 01/3/2027 là 11%, 7%, 4% tùy theo số chỗ ngồi.

- **Ba là**, Luật Thuế TTĐB đã góp phần điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao.

Để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, Luật thuế TTĐB quy định thu thuế TTĐB đối với mặt hàng ô tô chở người “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” và một số hàng hoá, dịch vụ cao cấp vượt trên nhu cầu thông thường của đời sống xã hội với việc quy định thuế suất cao đối các hàng hoá, dịch vụ cao cấp như ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống có dung tích xi lanh trên 4.000cm³ áp dụng mức thuế suất từ 110%-150%; tàu bay, du thuyền áp dụng mức thuế suất 30%; kinh doanh dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng áp dụng thuế suất 35%; kinh doanh vũ trường áp dụng mức thuế suất 40%... để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

- **Bốn là**, sửa đổi quy định về giá tính thuế TTĐB là giá nhà nhập khẩu và nhà sản xuất trong nước bán ra, đồng thời bổ sung quy định nhằm chống chuyển giá qua các khâu kinh doanh thương mại như giá bán ra để tính thuế TTĐB không thấp hơn tỷ lệ phần trăm do Chính phủ quy định. Cụ thể, trường hợp hàng hoá chịu thuế TTĐB được bán cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm so với giá bình quân của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua trực tiếp của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu bán ra. Hàng hoá chịu thuế TTĐB nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra.

- **Năm là**, Luật Thuế TTĐB góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN), đảm bảo tỉ lệ động viên hợp lý cho NSNN theo hướng bền vững, giảm dần sự phụ thuộc nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản (dầu thô) và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Tỷ trọng số thu thuế TTĐB trên tổng thu NSNN hàng năm chiếm khoảng từ 8-9%. Cụ thể, cơ cấu số thu thuế TTĐB trên tổng thu NSNN từ năm 2017-2023 như sau: Năm 2017 chiếm khoảng 8,32% tổng thu NSNN và 1,71% GDP; năm 2018 chiếm khoảng 8,52% tổng thu NSNN và 1,74% GDP; năm 2019 chiếm khoảng 9,21% tổng thu NSNN và 1,86% GDP; năm 2020 chiếm khoảng 8,27% tổng thu NSNN và 1,55% GDP; năm 2021 chiếm khoảng 8,21% tổng thu NSNN và 1,54% GDP; năm 2022 chiếm khoảng 9,6% tổng thu NSNN và 1,84% GDP; năm 2023 chiếm khoảng 8,8% tổng thu NSNN và 1,36% GDP.

Ngoài ra, thuế TTĐB đã cùng với các sắc thuế khác như thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng tạo nên một hệ thống chính sách thuế gián thu tương đối đồng bộ để áp dụng có hiệu quả vào việc điều tiết hàng hoá, dịch vụ, vừa tạo thành nguồn thu ổn định cho ngân sách, vừa thể hiện được vai trò

của hệ thống thuế gián thu nói riêng và hệ thống thuế nói chung là một trong những công cụ ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và thời gian tới, chính sách thuế TTĐB hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của thuế TTĐB, cụ thể như sau:

- *Một là*, đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế.

Theo Luật Thuế TTĐB hiện hành có 10 nhóm hàng hóa và 6 nhóm dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Tham khảo chính sách các nước cho thấy, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB của các nước rất đa dạng, ví dụ Trung Quốc thu thuế TTĐB đối với 15 nhóm hàng hóa gồm: thuốc lá, đồ uống có cồn, mỹ phẩm; đồ trang sức và đá quý, pháo hoa, sản phẩm xăng dầu, xe máy, ô tô, bóng chơi gôn (golf) và dụng cụ chơi gôn, đĩa dùng một lần, du thuyền, đồng hồ đeo tay cao cấp; thuyền sử dụng trong du thuyền, sàn gỗ. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với 17 nhóm hàng hóa và dịch vụ gồm: Dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ, nước giải khát, thiết bị điện tử, sản phẩm bằng pha lê, ô tô, du thuyền, nước hoa và mỹ phẩm, thảm sàn và vật liệu trải sàn làm bằng lông động vật, xe máy, pin, vũ trường và hộp đêm, xông hơi, các khóa học về đua ngựa, các khóa học gôn, rượu, bia, thuốc lá, bài chơi poker...

Các đối tượng chịu thuế TTĐB hiện hành đã thực hiện ổn định trong thời gian dài. Tuy nhiên tham khảo kinh nghiệm quốc tế gần đây thì nhiều nước đã và đang mở rộng đối tượng chịu thuế TTĐB nhằm: (i) hạn chế (không khuyến khích) việc tiêu dùng một số loại hàng hóa mà theo quan điểm của họ là có hại cho sức khỏe (thuốc lá mới nếu được phép nhập khẩu, sản xuất, lưu hành) hoặc nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng (như nước giải khát có đường); (ii) giải quyết thực tiễn phát sinh cần quản lý (thí dụ như sửa đổi mô tả mặt hàng xe ô tô dưới 24 chỗ để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về Phương tiện giao thông đường bộ). Do đó, cần thiết phải tổng hợp các vướng mắc phát sinh mới này, đề xuất xem xét đề xuất bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ nêu trên vào đối tượng chịu thuế TTĐB để phù hợp thực tiễn cũng như thông lệ quốc tế.

- *Hai là*, một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong thực hiện.

Quy định về tàu bay, xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng, xe ô tô chạy trong khu di tích lịch sử, trường học, bệnh viện; xe ô tô chuyên dụng... chưa phù hợp với quy định của Luật hàng không dân dụng, Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, phát sinh vướng mắc trong thực tế thực hiện.

Do mục đích của thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng bán vào nội địa (phải chịu thuế TTĐB). Do vậy, cần bổ quy định "*Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ*" thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

- **Ba là**, thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô, còn thấp chưa đủ tác dụng để hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội.

Mặc dù mặt hàng thuốc lá, bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2019, tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình sử dụng thuốc lá, rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao và có xu hướng gia tăng. Đồng thời, lộ trình tăng thuế TTĐB vừa qua đối với thuốc lá, rượu và bia vẫn chưa đạt mục tiêu giảm sử dụng như các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu tiếp tục điều chỉnh tăng thuế TTĐB đối với các mặt hàng này để giảm sử dụng, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- **Bốn là**, chưa thực hiện được một số mục tiêu đề ra của chính sách thuế TTĐB nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 là nghiên cứu áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng có hại cho sức khỏe và môi trường.

- **Năm là**, chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

Luật Thuế TTĐB hiện hành chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường. Bên cạnh đó, để tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để lập hồ sơ hoàn thuế TTĐB, cần thiết sửa đổi quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

a) Về nguyên nhân khách quan

- Nền kinh tế trong nước liên tục phải ứng phó với các biến động khó lường, khó dự báo. Sau khi Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến năm 2020 được ban hành đã chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những khó khăn do

nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu, rộng trong điều kiện kinh tế toàn cầu có nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong khi hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, khả năng phân tích, dự báo còn hạn chế.

- Tính đồng bộ của pháp luật thuế nói chung, pháp luật về thuế TTĐB nói riêng với hệ thống các chính sách pháp luật khác có liên quan còn bộc lộ một số bất cập do sự điều chỉnh liên tục cho phù hợp với các yêu cầu và bối cảnh mới.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng, phức tạp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện. Qua đó, đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh truyền thống, đặt các cơ quan quản lý vào những tình huống chưa có tiền lệ không riêng với Việt Nam mà đối với hầu hết các quốc gia khác trên thế giới.

- Xu hướng các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN, trong đó tăng cường vai trò của thuế TTĐB, đồng thời từng bước giảm dần thuế nhập khẩu để thực hiện cam kết trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

b) Về nguyên nhân chủ quan

- Việc đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn chưa sát, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, khi bối cảnh kinh tế thế giới biến động liên tục.

- Một số yêu cầu về cải cách chính sách thuế TTĐB đã được nhận diện khá sớm nhưng kết quả thực hiện trên thực tiễn chưa cao do việc thực hiện còn chưa đồng bộ. Thực tế này đã dẫn đến việc rà soát, hợp lý hóa các chính sách thuế TTĐB gặp phải nhiều khó khăn khi mở rộng đối tượng chịu thuế cũng như điều chỉnh thuế suất đối với một số hàng hóa, dịch vụ.

B. MỤC TIÊU TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ; KẾT QUẢ TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

I. MỤC TIÊU TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện nội dung Luật Thuế TTĐB hiện hành đối chiếu với các định hướng cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 và các mục tiêu đề ra khi xây dựng Luật Thuế TTĐB. Trên cơ sở đó xây dựng nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

2. Quan điểm

- Bám sát định hướng hoàn thiện chính sách thuế TTĐB nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020.

- Phù hợp bối cảnh kinh tế trong nước, chỉ rõ những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế TTĐB thời gian qua.

- Quy định chính sách thuế TTĐB theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thực hiện cùng việc quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho

người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

- Phù hợp thông lệ quốc tế.
- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

II. KẾT QUẢ TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội và từ tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế TTĐB, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, đánh giá toàn bộ nội dung của Luật Thuế TTĐB. Luật Thuế TTĐB hiện hành được thiết kế gồm 4 Chương 11 Điều, trong đó: Chương I quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4); Chương II quy định về căn cứ tính thuế (từ Điều 5 đến Điều 7); Chương III quy định về hoàn thuế, khấu trừ, giảm thuế (Điều 8, Điều 9); Chương IV quy định về điều khoản thi hành (Điều 10, 11).

Qua tổng kết đánh giá thì có 03 Điều của Luật Thuế TTĐB không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện (Điều 1, Điều 4, Điều 9), có 08 Điều phát sinh vướng mắc (Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11). Các nội dung vướng mắc chủ yếu liên quan đến: đối tượng chịu thuế; đối tượng không chịu thuế; giá tính thuế; thuế suất; hoàn, khấu trừ thuế TTĐB. Bên cạnh đó, qua rà soát các văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định, Thông tư), một số nội dung đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật cũng cần bổ sung đưa lên Luật. Nội dung như sau:

1. Về đối tượng chịu thuế

1.1. Đối với nhóm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

1.1.1. Về mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”

- Quy định có liên quan

+ Điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Khoản 1 và 3 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về giải thích từ ngữ như sau:

“1. Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác”.

“3. Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tấm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá”.

- Vấn đề phát sinh

Quy định tại Luật Thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

- Đề xuất

Do vậy cần thiết sửa đổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB để đồng bộ với quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá.

1.1.2. Về mặt hàng “rượu”

- Quy định có liên quan

+ Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “rượu” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau:

“1. Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.

- Vấn đề phát sinh

Quy định tại Luật Thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

- Đề xuất

Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB để đồng bộ với quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

1.1.3. Về mặt hàng “bia”

- Quy định có liên quan

+ Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng “bia” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau:

“2. Bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước.”

- Vấn đề phát sinh

Quy định tại Luật Thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

- Đề xuất

Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB để đồng bộ với quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

1.1.4. Về mặt hàng xe ô tô dưới 24 chỗ:

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Theo Tiêu chuẩn TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô được phân loại thành: Ô tô chở người; Ô tô chở hàng và Ô tô chuyên dùng, trong đó:

=> Ô tô chở người: gồm có ô tô con; ô tô khách và ô tô chở người chuyên dụng (ô tô con được mô tả có số chỗ ngồi bao gồm cả chỗ người lái không lớn hơn 9; ô tô pick-up chở người có ít nhất một đặc điểm khác với ô tô pick-up chở hàng nêu tại 3.2.8 ...)

=> Ô tô chở hàng, có bao gồm ô tô pick-up chở hàng cabin đơn (mục 3.2.7), ô tô pick-up chở hàng cabin kép (mục 3.2.8), ô tô tải VAN có 2 hàng ghế (mục 3.2.9). Theo đó, ô tô pick-up chở hàng cabin kép có đặc điểm thùng hàng dạng hở (có thể có mui phủ) hoặc dạng kín, có thể liền hoặc không liền thân với ca bin, có bố trí cửa để xếp, dỡ hàng; Trong ca bin có bố trí hai hàng ghế, có số chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi của người lái không lớn hơn 5; Thùng hàng không có trang bị tiện nghi và nội thất phục vụ chở người; Diện tích hữu ích của sàn thùng hàng (Fh) không nhỏ hơn 1 m² (xác định như Phụ lục A của TCVN 7271: 2003); Tổng khối lượng hàng hóa cho phép chở (mh) phải lớn hơn tổng khối lượng của số người cho phép chở (mng) được tính theo tỷ lệ sau: $mng = 65 \text{ kg/người} \times \text{số chỗ ngồi}$. Đối với xe ô tô tải VAN có 2 hàng ghế thì khối lượng chuyên chở (bao gồm cả người và hàng hóa) từ 950 kg trở lên.

=> Ô tô chuyên dùng.

Đối chiếu với Tiêu chuẩn Việt Nam về phương tiện giao thông đường bộ hiện nay (Ô tô) cho thấy: không có phân loại ô tô theo “xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” mà chỉ có mô tả ô tô pickup chở hàng cabin kép, ô tô pick-up chở người, ô tô VAN có 02 hàng ghế.

Ô tô pick-up chở người thuộc chủng loại ô tô con. Ô tô pick-up chở hàng cabin đơn là xe thiết kế chuyên chở hàng thuộc chủng loại ô tô chở hàng (ô tô tải). Xe ô tô tải VAN có 2 hàng ghế, Ô tô pick-up chở hàng cabin kép là loại được thiết kế xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.

+ Theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ được phân loại vào nhóm xe có động cơ mã HS 8703, 8702.

- Vấn đề phát sinh

Thực tế thực hiện đã có phát sinh vướng mắc việc xác định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay

không do: (i) Theo quy định tại Luật Đường bộ, Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, hoạt động trên đường bộ trong phạm vi hạn chế; (ii) Theo TCVN thì xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không được gọi là ô tô.

- Đề xuất

Do vậy, để minh bạch chính sách, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành, và giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn phát sinh cần thiết sửa đổi quy định điểm d khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB về mặt hàng xe ô tô dưới 24 chỗ.

1.1.5. Về mặt hàng tàu bay

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm e khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định “Tàu bay, du thuyền” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng chịu thuế đối với tàu bay, du thuyền như sau: “a) Đối với tàu bay, du thuyền quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB là loại sử dụng cho mục đích dân dụng”.

+ Tại khoản 1 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng quy định: “1. Tàu bay là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí, bao gồm máy bay, trực thăng, tàu lượn, khí cầu và các thiết bị bay khác, trừ thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí phản lại từ bề mặt trái đất”.

- Vấn đề phát sinh

Theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, khái niệm về tàu bay rất rộng bao gồm tất cả những thiết bị bay như Flycam để quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, thiết bị bay điều khiển từ xa dùng để phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em điều khiển từ xa... nếu thu thuế TTĐB đối với các thiết bị bay, khí cầu, máy bay, đồ chơi trẻ em thì chưa phù hợp với mục tiêu của chính sách thuế TTĐB.

- Đề xuất

Để làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ, chở được người và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, đồng thời Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi quy định rõ mặt hàng “tàu bay” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

1.1.6. Về mặt hàng điều hòa nhiệt độ

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “h) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại Điều 2 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định: “Đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB: trường hợp cơ sở sản xuất bán hoặc cơ sở nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)”.

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB về điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống.

1.1.7. Về hàng mã

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB quy định “k) Vàng mã, hàng mã” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định: “b) Đối với hàng mã quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học”.

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB.

1.1.8. Bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB

- Chủ trương, chiến lược liên quan đến việc áp thuế đối với nước giải khát có đường

Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, chiến lược liên quan đến việc áp thuế đối với nước giải khát có đường như sau:

+ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: *“Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.”*

+ Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đặt mục tiêu năm 2025 tuổi thọ trung bình người Việt Nam khoảng 74,5 tuổi, số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 67 năm, tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12% và đến năm 2030 tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 68 năm và khống chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%.

+ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình) quyết nghị xây dựng phương án tăng thuế TTĐB đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình.

+ Điểm a khoản 1 Mục III Quyết định số 02/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/01/2022 phê duyệt Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã giao nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách về dinh dưỡng gồm: *“a) Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về ... xây dựng chính sách, cơ chế tài chính bao gồm cả việc chi trả của bảo hiểm y tế cho các hoạt động dinh dưỡng trong cơ sở y tế và trường học; xây dựng quy định về ghi nhãn dinh dưỡng ở mặt trước bao bì sản phẩm đóng gói sẵn, hạn chế quảng cáo đối với thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, đặc biệt đối với trẻ em, áp thuế TTĐB với đồ uống có đường...”*

+ Khoản 5 Mục V Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: *“b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”*

- Vấn đề phát sinh

+ Thực trạng tiêu thụ nước giải khát có đường của Việt Nam:

Theo Viện Dinh dưỡng quốc gia, tỷ lệ hộ gia đình tiêu thụ nước giải khát có đường đã tăng từ 56,22% năm 2010 lên 69,76% năm 2016 và tỷ lệ tiêu thụ nước ngọt bình quân đầu người năm 2013 là 47,65 lít/người tăng lên 70,56 lít/người năm 2020.

Xu hướng tiêu thụ nước giải khát có đường ở Việt Nam đang gia tăng kéo theo nhiều hệ lụy về sức khỏe đối với trẻ em. Cụ thể: Nhiều nhóm nước giải khát có đường được tiêu thụ trong năm 2022 tăng trưởng mạnh so với năm 2021: đồ uống có ga (16,7%), nước tăng lực (25,5%), nước rau & quả (16,92%), nước uống thể thao (35,6%), trà pha sẵn (9,8%). Ước tính các sản phẩm này tiếp tục tăng trưởng 6,4-8,7% trong năm 2023.

+ Gánh nặng bệnh tật liên quan đến nước giải khát có đường ở Việt Nam:

Các nghiên cứu trên thế giới ở trẻ em và thanh thiếu niên đều cho thấy mối liên quan thuận chiều giữa việc tiêu thụ các loại đồ uống có đường với việc gia tăng hàm lượng mỡ cơ thể và nguy cơ mắc thừa cân, béo phì.

Trẻ em Việt Nam đã và đang phải đối mặt với tình trạng thừa cân, béo phì đang ngày càng gia tăng nhanh chóng, đặc biệt ở trẻ em lứa tuổi học đường ở cả thành thị và nông thôn. Tỷ lệ thừa cân, béo phì ở trẻ em Việt Nam đã tăng gấp đôi từ 8,5% năm 2010 lên 19% năm 2020. Trong nhóm người trưởng thành tỷ lệ này là 15,6% (2015) đã tăng lên 19,5% (2021).¹ Đây là mức cao hơn tỷ lệ trung bình của khu vực Đông Nam Á (17,3%) và cao hơn tỷ lệ tại các quốc gia có mức thu nhập thấp và thu nhập trung bình của khu vực (13,4% tại Cam-pu-chia, 16,6% tại Lào, 14,1 % tại Myanmar, 14,5% tại Philippines, 18,0% tại Indonesia). Khu vực thành thị của Việt Nam tỷ lệ thừa cân béo phì lên tới 26,8%. Nếu không có các biện pháp ngăn chặn hiệu quả, ước tính đến năm 2030, Việt Nam sẽ có tới gần 2 triệu trẻ em trong độ tuổi 5 đến 19 tuổi bị thừa cân, béo phì đi kèm các nguy cơ cao hơn đối với nhiều bệnh không lây nhiễm; có thể bị tác động tiêu cực về tâm lý và xã hội: chịu các định kiến về cân nặng, bị cô lập, trầm cảm, thiếu tự tin, kết quả học tập kém; có nguy cơ cao sẽ tiếp tục bị thừa cân hoặc béo phì khi trưởng thành, gây gia tăng đáng kể nguy cơ mắc bệnh không lây nhiễm, các bệnh mãn tính và tử vong sớm.

Theo Viện Dinh dưỡng quốc gia, nếu uống một lon nước ngọt mỗi ngày, các nguy cơ béo phì tăng 60% trong 1,5 năm, gãy xương tăng gấp 2,72 lần, mắc đái tháo đường tuýp 2 tăng 26%, tăng nguy cơ mắc bệnh lý thận – tiết niệu như sỏi thận, bệnh thận mãn tính, tăng nguy cơ nhồi máu cơ tim hoặc chết vì nhồi máu cơ tim 20% ở nam và 40% ở nữ, rối loạn chuyển hóa, tăng nguy cơ mắc hội chứng chuyển hóa bao gồm béo phì, rối loạn lipid máu, tăng glucose máu, tăng 18% nguy cơ mắc các bệnh ung thư liên quan đến béo phì, nguy cơ mắc bệnh gút cao hơn 75%, tăng nguy cơ răng bị ăn mòn và dễ dẫn đến sâu răng. Trẻ em thường xuyên uống nước giải khát có đường thì chỉ số khối cơ thể BMI tăng 0,24% so với trẻ không uống và tăng nguy cơ béo phì

¹ Bộ Y tế Việt Nam 2020. https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbKA5j/content/bo-y-te-cong-bo-kei-qua-tong-ieu-tra-dinh-duong-nam-2019-2020

43%. Năm 2015, Việt Nam có khoảng 3,5 triệu người mắc bệnh đái tháo đường, dự báo sẽ tăng lên gấp đôi (6,1 triệu) vào năm 2040².

Tại Việt Nam, ước tính chi phí trực tiếp cho điều trị các bệnh liên quan béo phì là 53,5 triệu USD (tương đương 1.230,5 tỷ đồng); tương đương với 0,44% chi phí chăm sóc y tế trực tiếp và 0,03% GDP. Chi phí gián tiếp được ước tính là 111 triệu USD (tương đương 2.553 tỷ đồng); tương đương với 0,91% tổng chi phí chăm sóc y tế và lên tới 0,06% GDP³. Những hậu quả về kinh tế này sẽ có thể được giảm thiểu nếu các quốc gia triển khai thực hiện chính sách phòng ngừa.

- Kinh nghiệm quốc tế

Nước giải khát có đường là một trong những nguyên nhân gây ra thừa cân, béo phì, đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, tim mạch, các bệnh do rối loạn chuyển hóa... Những vấn đề này là gánh nặng y tế mà Việt Nam đang phải đối mặt.

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) nước giải khát có đường là yếu tố nguy cơ hàng đầu gây bệnh không lây nhiễm như tim mạch, đái tháo đường... hiện đang có mức tăng bùng nổ trong vài thập kỷ qua.⁴

Sử dụng thường xuyên nước giải khát có đường gây nguy cơ đái tháo đường tuýp 2 cao hơn 26-35%^{5,6}, hội chứng chuyển hóa cao hơn 45%⁷, nguy cơ các bệnh về tim mạch cao hơn 20-40%^{8,9}. Nước giải khát có đường còn ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe răng miệng như sâu răng, mòn men răng^{10,11}.

Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em cũng như Luật trẻ em 2016 đã quy định trẻ em cần phải được chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng với điều kiện tốt nhất có thể.

WHO đã chính thức khuyến nghị tới Chính phủ các nước để tiến hành nhiều hành động nhằm khuyến khích người dân tiếp cận thức ăn lành mạnh

² https://moh.gov.vn/tin-tong-hop/-/asset_publisher/k206Q9qkZOqn/content/viet-nam-co-3-5-trieu-nguoi-truong-thanh-mac-ai-thao-uong?inheritRedirect=false

³ Helble, Matias, Francisco K. The Imminent Obesity Crisis in Asia and the Pacific: First Cost Estimates. ADBI Working Paper 2017

⁴ Theo Bộ Y tế, có nhiều nghiên cứu quy mô lớn trong thời gian dài đã cho thấy sử dụng nước giải khát có đường bất hợp lý được xác định là một trong những nguyên nhân chính gây ra thừa cân, béo phì và các rối loạn chuyển hóa cả ở người trưởng thành và trẻ em, làm tăng nguy cơ bị rối loạn đường huyết, mỡ máu và huyết áp, từ đó, gia tăng tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu cũng như các biến chứng về tim mạch, đột quỵ và tử vong; đồng thời là một trong những nguyên nhân chính gây ra các bệnh về răng miệng và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

⁵ Malik VS, Popkin BM, Bray GA, Després JP, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and risk of metabolic syndrome and type 2 diabetes: a meta-analysis. *Diabetes care*. 2010 Nov 1; 33(11):2477-83

⁶ Dhingra R, Sullivan L, Jacques PF, Wang TJ, Fox CS, Meigs JB, D, Agostino RB, Gaziano JM, Vasan RS: Soft drink consumption and risk of developing cardiometabolic risk factors and the metabolic syndrome in middle-aged adults in the community. *Circulation*. 2007; 116:480-8

⁷ Dhingra R, Sullivan L, Jacques PF, Wang TJ, Fox CS, Meigs JB, D, Agostino RB, Gaziano JM, Vasan RS: Soft drink consumption and risk of developing cardiometabolic risk factors and the metabolic syndrome in middle-aged adults in the community. *Circulation*. 2007; 116:480-8

⁸ De Koning L, Malik VS, Kellogg MD, Rimm EB, Willett WC, Hu FB. Sweetened beverage consumption, incident coronary heart disease, and biomarkers of risk in men. *Circulation*. 2012 Apr 10; 125(14):1735-41

⁹ Fung TT, Malik V, Rexrode KM, Manson JE, Willett WC, Hu FB. Sweetened beverage consumption and risk of coronary heart disease in women. *The American journal of clinical nutrition*. 2009 Feb 11;89(4):1037-42

^{10c} Wilder JR, Kaste LM, Handler A, McGruder T C, Rankin KM. The association between sugar-sweetened beverages and dental caries among third-grade students in Georgia. *J Public Health Dent*. 2015

¹¹ Li H, Zou Y, Ding G. Dietary factors associated with dental erosion: a meta-analysis. *PLoS One*. 2012; 7(8):e42626. [PMC free article] [PubMed] [Google Scholar].

thông qua biện pháp đánh thuế vào nước giải khát có đường để định hướng tiêu dùng. Nhiều nước đã dần bổ sung nước giải khát có đường vào đối tượng chịu thuế TTĐB: tăng từ 15 quốc gia năm 2012 lên 85 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế đối TTĐB với nước giải khát có đường vào 2022 và đã mang lại hiệu quả cả về nhận thức và hành động từ phía người tiêu dùng cũng như nhà sản xuất về việc giảm lượng đường trong nước giải khát cũng như giảm tiêu thụ nước giải khát có đường. Mê-xi-cô: sau 2 năm áp dụng thuế TTĐB các hộ gia đình đã giảm 11,7% mua nước giải khát có đường, tăng thu thuế thêm 2,6 tỷ đô la Mỹ; Thái Lan: sau 5 năm áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường, các công ty đã thay đổi, giảm đáng kể lượng đường trong mỗi 100ml nước giải khát. Lượng đường trung bình trong nước uống tăng lực giảm từ 16,7 gam xuống 6,1 gam/100 ml, nước giải khát có ga giảm từ 9,2 gam xuống còn gần 4,6 gam/100 ml, cà phê đóng sẵn có đường giảm từ 8 gam xuống còn 3,4 gam/100 ml, các loại trà từ 8,7 xuống 4,3 gam/100 ml, nước ép trái cây giảm từ 10,6 gam xuống còn gần 6,4 gam/100 ml, đồ uống khác giảm từ 9 gam xuống 3,4 gam/100 ml. Lượng nước giải khát có hàm lượng đường cao và thuộc các ngưỡng đánh thuế TTĐB cao hơn đã giảm đáng kể xuống các ngưỡng đường thấp hơn với mức thuế TTĐB thấp hơn. Số thu thuế TTĐB nước giải khát có đường trong năm đầu tiên áp dụng tăng thêm 3 tỷ Bạt/năm 2018 nhưng giảm dần vào các năm sau xuống 1,4 tỷ Bạt vào 2022 do các doanh nghiệp điều chỉnh công thức sản phẩm với hàm lượng đường giảm dần xuống ngưỡng thuế thấp và lượng tiêu thụ giảm đáng kể. Trong ASEAN có 06¹²/10 nước thu thuế TTĐB nước giải khát có đường.

Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, nhiều nước đánh thuế nước giải khát có đường theo tiêu chí hàm lượng đường là trên 5g đường/100ml. Theo Quy định ghi nhãn của EU thì hàm lượng đường trong nước giải khát là dưới 5g đường/100ml nước giải khát được coi là nước giải khát ít đường nên một số nước trong EU áp dụng ngưỡng này để đánh thuế nước giải khát. Thái Lan, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nê đánh thuế TTĐB nước giải khát có hàm lượng đường từ trên 5g/100ml và chia các mức thuế cao hơn với các ngưỡng hàm lượng đường cao hơn như 7g/100ml, 8g/100ml, 10g/100ml hay 12g/100ml; Pháp đánh thuế nước giải khát có hàm lượng đường trên 11g/100ml; Ai-len và Anh đánh thuế nước giải khát theo 2 ngưỡng hàm lượng đường, bao gồm thuế suất thuế TTĐB thấp hơn đối với nước giải khát có hàm lượng đường từ 5g đến 8g đường/100ml và thuế suất cao hơn 1,5 lần đối với nước giải khát có hàm lượng đường trên 8g/100ml. Ét-tôn-ni-a đánh thuế với

¹²Thái Lan, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma đã áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với các loại nước giải khát không cồn là 14% và thu bổ sung thuế tuyệt đối theo hàm lượng đường với các ngưỡng từ trên 6g đến dưới 8g đường/100ml (0,1 Bạt/lit năm 2023 và tăng lên 1 Bạt/lit năm 2025), trên 8g đến dưới 10g đường/100ml (0,3 Bạt/lit năm 2023 và tăng lên 3 Bạt/lit năm 2025), trên 10g đến dưới 14g đường/100ml (1 Bạt/lit năm 2023 và tăng lên 5 Bạt/lit năm 2025), trên 14g đến dưới 18g đường/100ml (3 Bạt/lit năm 2023 và tăng lên 5 Bạt/lit năm 2025), trên 18g đường/100ml (5 Bạt/lit); In-đô-nê-xi-a kiến nghị thu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường và ga từ 1.500 rupiah đến 2.500 rupiah cho mỗi lít tùy loại đồ uống. Cam-pu-chia thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga không cồn và tương tự với thuế suất 10%. Phi-lip-pin thu thuế TTĐB: 6 peso/lit đối với đồ uống sử dụng chất làm ngọt hoàn toàn calo và chất làm ngọt hoàn toàn không calo hoặc hỗn hợp chất làm ngọt có calo và không calo; 12 peso/lit đối với đồ uống sử dụng xi-rô ngô có hàm lượng fructose cao hoặc kết hợp với bất kỳ chất làm ngọt có calo hoặc không calo nào. Kenya áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có ga, các loại nước hoa quả là 7%. Pháp thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga là 0,0716 Euro/lit. Anh thu 0,18 bảng Anh/ lít đối với đồ uống có 5-8g đường/trên 100 ml; 0,24 bảng Anh/ lít với đồ uống có lượng đường > 8g/100 ml. Ai-len thu 16,26 EUR/héc-tô-lit đối với đồ uống có hàm lượng đường từ 5g đến dưới 8g/100ml, 24,39 EUR/héc-tô-lit với đồ uống có hàm lượng đường trên 8g/100ml.

nước giải khát có đường hàm lượng trên 5g/100ml. Chi-lê: đánh thuế TTĐB 10% với nước giải khát có đường có hàm lượng đường thấp hơn 6,25g/100ml và 18% với nước giải khát có hàm lượng đường cao hơn 6,25g/100ml. Nhiều nước không thu thuế TTĐB đối với sữa, các sản phẩm từ sữa và sản phẩm dinh dưỡng.

- Về quy định liên quan đến công bố hàm lượng đường của sản phẩm

Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thì tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến theo Mẫu quy định, trong đó có tiêu chí về hàm lượng đường của sản phẩm phải được công bố. Sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 9/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm, bao gồm cả tiêu chí về hàm lượng đường¹³ (Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024).

- Đề xuất

Theo Bộ Y tế, tiêu dùng nước giải khát có đường không kiểm soát đem lại nhiều hậu quả về kinh tế, xã hội đáng báo động. Nó tạo ra gánh nặng nghiêm trọng đối với nền kinh tế của các quốc gia, không chỉ vì chi phí chăm sóc y tế cho điều trị các bệnh không lây nhiễm mãn tính mà còn vì các chi phí gián tiếp liên quan như giảm/mất năng suất lao động do người bệnh phải nghỉ làm hoặc đi làm khi sức khỏe không đảm bảo và các chi phí liên quan đến tổn thất về con người do giảm/mất khả năng làm việc hoặc tử vong sớm...

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, cần có hành động đề bảo vệ trẻ em, thế hệ tương lai của đất nước. Do thuế TTĐB là công cụ hiệu quả để điều chỉnh hành vi người tiêu dùng và kiến nghị cần đánh thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường.

Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12828:2019, nước giải khát¹⁴ bao gồm *đồ uống hương liệu (kể cả nước uống tăng lực, nước uống thể thao,*

¹³ Thông tư số 29/2023/TT-BYT quy định:

- "Nước giải khát, sữa chế biến cho thêm đường quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và thực phẩm cho thêm đường khác: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và đường tổng số".

- "*Đường tổng số (Total Sugars)* là tổng lượng đường đơn, đường đôi có trong thực phẩm (bao gồm cả đường tự nhiên và đường cho thêm vào trong thực phẩm)".

¹⁴Nước giải khát là sản phẩm pha sẵn để uống với mục đích giải khát, được chế biến từ nước, có thể chứa đường, phụ gia thực phẩm, hương liệu, có thể bổ sung các thành phần nguyên liệu có nguồn gốc từ tự nhiên, vitamin và khoáng chất, có ga hoặc không có ga. Nước giải khát bao gồm nước giải khát có ga, nước uống tăng lực, nước uống điện giải, nước uống thể thao, nước giải khát có chứa chè, nước giải khát có chứa cà phê, và nước giải khát có chứa nước trái cây. Nước giải khát không bao gồm sữa và các sản phẩm từ sữa; thực phẩm dạng lỏng dùng với mục đích dinh dưỡng; nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; nước rau, quả và nectar (mật) rau, quả; và sản phẩm từ cacao.

nước uống điện giải và các đồ uống đặc biệt khác), nước giải khát có chứa cà phê, nước giải khát có chứa chè, đồ uống thảo mộc, nước giải khát có chứa nước trái cây và các loại đồ uống từ ngũ cốc và không bao gồm các sản phẩm: sữa và sản phẩm từ sữa; thực phẩm dạng lỏng dùng với mục đích dinh dưỡng; nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; nước rau, quả và nectar (mật) rau, quả và sản phẩm từ cacao.

Thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế, cần nghiên cứu bổ sung “nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml” vào đối tượng chịu thuế TTĐB.

1.2. Đối với nhóm dịch vụ chịu thuế TTĐB

1.2.1. Đối với dịch vụ kinh doanh đặt cược

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “d) Kinh doanh đặt cược” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/20/2015 của Chính phủ quy định: “c) Đối với kinh doanh đặt cược quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 2 của Luật Thuế TTĐB bao gồm: Đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật”.

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế TTĐB về dịch vụ kinh doanh đặt cược.

1.2.2. Đối với kinh doanh gôn

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “đ) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, ...”

- Vấn đề phát sinh

Hiện nay trên thực tế xuất hiện hoạt động kinh doanh Phòng tập gôn 3D (phòng golf điện tử) là hệ thống mô phỏng, tái tạo lại các hoạt động, khung cảnh giống như chơi gôn ngoài thực tế. Người chơi sẽ sử dụng gậy đánh gôn và đánh vào màn hình phía trước mặt y như đang đứng trên sân tập thông thường. Nhiều cơ sở kinh doanh phòng tập này cho rằng đây là loại hình kinh doanh trò chơi điện tử hoặc kinh doanh dịch vụ thể thao, dẫn đến vướng mắc trong thực tế.

Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật thuế TTĐB về hoạt động kinh doanh gôn.

2. Về đối tượng không chịu thuế

2.1. Về hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu

- Quy định có liên quan

+ Tại khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “1. Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

+ Tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“6. Doanh nghiệp chế xuất được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan và đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ hoạt động chế xuất phải bảo đảm ngăn cách với khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác;

b) Hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động chế xuất và các hoạt động kinh doanh khác;

c) Không được sử dụng tài sản, máy móc thiết bị được hưởng ưu đãi về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh khác. Trường hợp sử dụng tài sản, máy móc thiết bị được hưởng ưu đãi về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác thì phải hoàn trả ưu đãi về thuế đã được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi

về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Vấn đề phát sinh

+ Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nội địa đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nội địa. Do vậy, cần quy định rõ chỉ có hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài mới thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

+ Bên cạnh đó, thực tế cũng phát sinh vướng mắc trường hợp doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất, gia công mà mang đi thuê gia công ở các doanh nghiệp khác sau đó trực tiếp xuất khẩu thì cũng cần được áp dụng bình đẳng như doanh nghiệp trực tiếp sản xuất với mục tiêu xuất khẩu ra nước ngoài.

- Đề xuất

Để đảm bảo thống nhất và phù hợp thực tiễn, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB về hàng hóa do tổ chức, cá nhân thuê gia công để trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

2.2. Về hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, quà biếu, quà tặng

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế đối với hàng nhập khẩu bao gồm: “a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ”.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định:

“1. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế TTĐB quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB, bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo, hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh;

b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội -

nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật”.

Tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng không chịu thuế như sau:

“2.1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng, quà biếu bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo và hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng nhập khẩu bằng nguồn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hàng trợ giúp nhân đạo, cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh.

b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật.

...

Hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết không thu thuế TTĐB đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện như quy định về giải quyết không thu thuế, miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...”.

- Vấn đề phát sinh

Luật Thuế TTĐB hiện hành không quy định cụ thể về định mức, giá trị quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, cá nhân tại Việt Nam. Văn bản dưới Luật có quy định về định mức quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật.

Do vậy, cần bổ sung quy định về định mức hàng hóa nhập khẩu là quà tặng thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB tại Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Đề luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, và đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cần thiết sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB về hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, định mức quà biếu, quà tặng.

2.3. Về hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định “b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

+ Tại khoản 4 Điều 2 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp “a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển”. Hiện pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không còn có khái niệm “Hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam”.

- Theo pháp luật về thương mại:

+ Điều 241 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định về quá cảnh hàng hóa như sau:

“Quá cảnh hàng hóa là việc vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam, kể cả việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác được thực hiện trong thời gian quá cảnh”.

+ Tại khoản 1 và 2 Điều 30 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định về chuyển khẩu hàng hóa như sau:

“1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;

b) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam;

c) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.”

- Theo pháp luật về quản lý ngoại thương:

+ Khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định: *“Hoạt động ngoại thương là hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm*

xuất, tái nhập; chuyển khẩu; quá cảnh và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

+ Điều 44, 45, 46, 47 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định về cho phép, nguyên tắc, cửa khẩu, tuyến đường, thời gian... quá cảnh.

- Theo pháp luật về hải quan:

+ Tại khoản 1 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 có quy định như sau:

"1. Chuyển cửa khẩu là việc chuyển hàng hóa, phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác."

+ Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển như sau:

"1. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu vực trung chuyển, sau đó được đưa ra nước ngoài trực tiếp từ khu vực trung chuyển này; không được vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu qua cửa khẩu khác trừ trường hợp thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng hóa trung chuyển được đưa ra nước ngoài toàn bộ hoặc từng phần của lô hàng đã chuyển vào cảng.

2. Hàng hóa trung chuyển phải được thông báo với cơ quan hải quan, chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

..."

- **Vấn đề phát sinh**

Quy định tại pháp luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương và pháp luật hải quan.

- **Đề xuất**

Đề đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật thương mại và pháp luật hải quan, cần thiết bỏ quy định hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam tại Luật Thuế TTĐB hiện hành và sửa đổi, quy định rõ việc xác định hàng quá cảnh, hàng hóa chuyên khẩu, trung chuyển theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2.4. Về hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập

- **Quy định có liên quan**

+ Tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”

+ Tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP) quy định về khai hải quan như sau:

“5. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế; áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan; hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập - tái xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.”

- Vấn đề phát sinh

Luật Thuế TTĐB chưa có quy định rõ về chính sách thuế TTĐB đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất.

- Đề xuất

Đề đảm bảo chặt chẽ trong quá trình thực hiện, minh bạch chính sách, cần bổ sung quy định đối với trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất.

2.5. Về hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế và hàng nhập khẩu bán miễn thuế

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm d khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: “d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo quy định của pháp luật”.

+ Tại khoản 1 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có quy định về miễn thuế như sau: “1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong

định mức phù hợp với Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.”

- Vấn đề phát sinh

Quy định của Luật Thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

- Đề xuất

Để phù hợp với quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB về đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế và hàng nhập khẩu đã bán tại cửa hàng miễn thuế.

2.6. Về hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế

- Quy định có liên quan

Căn cứ Điều 2 Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật Thuế số 70/2014/QH13) quy định đối tượng chịu thuế TTĐB; Điều 3 Luật Thuế TTĐB quy định các loại hàng hóa và trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB; Điều 8 Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định các trường hợp được hoàn thuế/khấu trừ thuế TTĐB, trường hợp hàng hóa (thuộc đối tượng nộp thuế TTĐB) xuất bán ra nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì phải nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa này sau đó lại tiếp tục xuất khẩu ra nước ngoài thì không được hoàn thuế TTĐB.

Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập khẩu được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu.

Pháp luật về thuế GTGT quy định không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng nhập khẩu trở lại do bị phía nước ngoài trả lại.

Luật Thuế bảo vệ môi trường quy định hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài.

- Vấn đề phát sinh

Quy định tại Luật Thuế TTĐB chưa đúng với bản chất của giao dịch và chưa đồng bộ với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế bảo vệ môi trường.

- Đề xuất

Để xử lý đúng bản chất của giao dịch và phù hợp đạo lý không thu cùng một loại thuế 02 lần đối với cùng 01 hàng hóa (như đã được quy định tại pháp luật về thuế GTGT và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi

trường), cần thiết bổ sung quy định hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

2.7. Về tàu bay thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB

- Quy định có liên quan

+ Tại khoản 3 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật Thuế TTĐB hiện hành, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ có quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

“3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.

Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

Ngoài các trường hợp tàu bay sử dụng cho các mục đích đã nêu tại Nghị định số 14/2019/NĐ-CP, trên thực tế có phát sinh trường hợp doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không nhập khẩu máy bay để phục vụ đào tạo phi công. Loại máy bay huấn luyện này không sử dụng cho mục đích dân dụng, không phải hàng hóa, dịch vụ xa xỉ nhưng đang phải chịu thuế TTĐB. Quy định như hiện hành sẽ làm tăng chi phí đầu tư, nâng cao chi phí giảng dạy và gây khó khăn cho việc thu hút học viên trong bối cảnh phải cạnh tranh với các trường bay của nước ngoài. Đồng thời, không khuyến khích phát triển nguồn nhân sự kỹ thuật cao (phi công) phục vụ cho sự phát triển của ngành hàng không.

- Vấn đề phát sinh

Cần luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật và đúng mục tiêu của thuế TTĐB.

- Đề xuất

Đề phù hợp với mục tiêu thu thuế TTĐB đối với tàu bay là những mặt hàng cao cấp, phục vụ nhu cầu cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, đảm bảo tính ổn định của chính sách, xử lý những bất cập pháp sinh trong thực tế, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về tàu bay.

2.8. Về các loại xe ô tô thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB

- Quy định có liên quan

+ Tại khoản 4 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau: “4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông”.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định như sau: “4. Đối với xe ô tô quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là các loại xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương, xe chở phạm nhân, xe tang lễ; xe thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông và các loại xe chuyên dụng, xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông do Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan quy định cụ thể.”

+ Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc đối với một số xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ chạy trong khu di tích lịch sử, trường học, bệnh viện không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và xe ô tô chuyên dụng phục vụ cho mục đích an ninh quốc phòng, căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2015/NĐ-CP, các loại xe này đã được hướng dẫn thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Ngoài ra, cũng có phát sinh các trường hợp cần được hướng dẫn về xe ô tô chuyên dụng không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Vướng mắc phát sinh

Thực tế đã phát sinh vướng mắc về loại hình xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông, chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe chuyên dụng khác có thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB hay không.

- Đề xuất

Để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế, cần thiết sửa đổi, bổ sung xe ô tô *chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ* không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và *chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học* và *xe ô tô chuyên dụng khác* theo quy định của Chính phủ vào đối tượng không chịu thuế TTĐB.

2.9. Về hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau

- Quy định có liên quan

+ Tại khoản 5 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

+ Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Vấn đề phát sinh

Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa nhập khẩu vào nội địa.

- Đề xuất

Để thực hiện chủ trương mở rộng cơ sở thuế, cần thiết bỏ quy định “hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ” ra khỏi đối tượng không chịu thuế TTĐB.

3. Về người nộp thuế

- Quy định có liên quan

+ Tại Điều 4 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về người nộp thuế như sau:

“Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất đề xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt”.

+ Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu, sản xuất được xuất khẩu và bán vào nội địa. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện hoạt động kinh doanh khác thì không được hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định).

- Vấn đề phát sinh

+ Luật Thuế TTĐB có quy định về giá tính thuế đối với hoạt động gia công nhưng tại Điều 4 về người nộp thuế quy định về người nộp thuế chưa có quy định người nộp thuế là tổ chức, cá nhân gia công.

+ Do mục đích của chính sách thuế TTĐB là công cụ để điều tiết sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế sản xuất kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng nên đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thì cũng là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và cũng cần áp dụng chính sách tương tự hàng hóa nhập khẩu vào nội địa.

- Đề xuất

Để đảm bảo thống nhất, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 Luật Thuế TTĐB về người nộp thuế.

4. Về căn cứ tính thuế TTĐB

- Quy định có liên quan

Điều 5 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về căn cứ tính thuế chỉ áp dụng đối với phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm.

- Kinh nghiệm quốc tế

Trên thế giới các nước đang áp dụng 03 phương pháp tính thuế bao gồm: (1) Áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (ad valorem tax rate); (2) Áp dụng mức thu tuyệt đối (specific tax rate) và (3) Áp dụng đồng thời cả thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thu tuyệt đối (phương thức hỗn hợp).

Ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp (kết hợp thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá để giảm thiểu tác hại của thuốc lá giá rẻ, thấp cấp đối với sức khỏe cộng đồng. Số lượng các nước áp dụng hệ thống thuế hỗn hợp đối với thuốc lá tăng từ 48 nước năm 2008 lên 65 nước năm 2021¹⁵.

- Vấn đề phát sinh

Để phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như bối cảnh của Việt Nam về hạn chế tiếp cận của giới trẻ, người có thu nhập thấp với thuốc lá giá rẻ cũng như giảm thiểu tác hại của thuốc lá giá rẻ, thấp cấp đối với sức khỏe cộng đồng, cần thiết áp dụng thuế hỗn hợp, bổ sung thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá và sửa đổi, bổ sung căn cứ tính thuế để bao quát trường hợp bổ sung áp dụng thuế tuyệt đối, áp dụng thuế hỗn hợp.

- Đề xuất

Để quy định rõ căn cứ tính thuế theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm, bổ sung căn cứ tính thuế theo phương pháp thuế tuyệt đối, phương pháp thuế hỗn hợp (áp dụng đồng thời cả phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và phương pháp thuế tuyệt đối).

¹⁵ Theo WHO

5. Về giá tính thuế TTĐB

5.1. Về việc cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế trong trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường

- Quy định có liên quan

+ Tại Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế như sau:

“Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra”.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế”.

Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 01/7/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“Giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ là giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ của cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế giá trị gia tăng, được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế...”

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, cần thiết bổ sung quy định *trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.*

5.2. Về giá tính thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu

- Quy định có liên quan

+ Tại khoản 2 Điều 6 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu công với thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm. Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra”.

+ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định về trị giá tính thuế nhập khẩu (không dùng khái niệm giá tính thuế nhập khẩu) và có quy định về các khoản thuế nhập khẩu bổ sung bao gồm thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.

- Vấn đề phát sinh

Quy định tại Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.

- Đề xuất

Để thống nhất với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết sửa đổi, bổ sung về giá tính thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu. Đồng thời chuyển quy định về khấu trừ thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu của hàng hóa chịu TTĐB nhập khẩu sang Điều khoản về hoàn thuế, khấu trừ thuế để phù hợp với kết cấu của Luật.

5.3. Về hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu)

- Quy định có liên quan

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định:

“5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam...”

+ Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng

hóa, công nghệ sản xuất thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán ra chưa có thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường (nếu có) của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp các cơ sở này bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại thì giá tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 1 Điều này.”

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định “Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam” (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật).

5.4. Về giá tính thuế TTĐB đối với cả trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hàng hóa đó

- Quy định có liên quan

Tại khoản 4 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định giá tính thuế TTĐB: “4. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá bán theo phương thức bán trả tiền một lần của hàng hóa đó không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm”.

- Vấn đề phát sinh

Ngoài các trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được bán theo phương thức trả góp, trả chậm thì thực tế phát sinh trường hợp hàng được bán (mua đứt bán đoạn hoặc trả góp, trả chậm) nhưng có kèm theo dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó (giá bộ phận của hàng hóa chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành). Do đó cần thiết phải bổ sung quy định về giá tính thuế đối với trường hợp này.

- Đề xuất

Do vậy, cần thiết bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó thì giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương, có bao gồm giá của bộ phận được cho thuê, được bán tại thời điểm phát sinh để bao quát trường hợp phát sinh trong thực tế.

5.5. Về giá tính thuế đối với kinh doanh gôn

- Quy định có liên quan

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại điểm a khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ có quy định như sau:

“a) Đối với kinh doanh gôn là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: Khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB;”

+ Tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính có quy định như sau:

“a) Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp khoản ký quỹ được trả lại người ký quỹ thì cơ sở sẽ được hoàn lại số thuế đã nộp bằng cách khấu trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu không khấu trừ thì cơ sở sẽ được hoàn theo quy định. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB.”

- Vương mắc phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Đề Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi, quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh gôn.

5.6. Về giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm b khoản 5 Điều 6 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế TTĐB đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược như sau: “Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách”.

+ Tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 39/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài quy định: “Doanh thu trực tiếp từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là toàn bộ số tiền thu được do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết”.

- Vương mắc phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Theo đó, đề Luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định và bao quát quy định có liên quan cũng như phù hợp thực tiễn, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định rõ giá tính thuế đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược.

5.7. Về giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê

- Quy định có liên quan

+ Tại điểm c khoản 5 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định giá tính thuế như sau: “c) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, cơ sở kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê”.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

Tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: “d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá tính thuế TTĐB là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm”.

Tại điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá làm căn cứ xác định giá tính

thuế TTĐB là doanh thu chưa có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm (ví dụ: tắm, xông hơi trong cơ sở mát-xa)".

- Vương mắc phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định dưới Luật, cần thiết sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê.

5.8. Về giá tính thuế đối với kinh doanh xổ số

- Quy định có liên quan

Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

+ Tại điểm đ khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: "*đ) Đối với kinh doanh xổ số giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.*"

+ Tại điểm đ khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: "*đ) Đối với kinh doanh xổ số, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (doanh thu chưa có thuế GTGT).*"

- Vương mắc phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định dưới Luật, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định đối với kinh doanh xổ số.

5.9. Về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại

- Quy định có liên quan

+ Tại khoản 6 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: "6. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này."

+ Căn cứ thẩm quyền được giao và hướng dẫn:

Tại khoản 8 Điều 4 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về giá tính thuế như sau: "8. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến

mại giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại các hàng hóa, dịch vụ này.”

Tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế như sau: “7. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này”.

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại.

5.10. Về quy định cơ quan thuế ấn định trong trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không thực hiện đúng chế độ hóa đơn, chứng từ

- Quy định có liên quan

Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại khoản 11 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định như sau: “11. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế để ấn định doanh thu theo quy định của Luật Quản lý thuế và xác định số thuế TTĐB phải nộp”.

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết bổ sung quy định trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế để ấn định theo quy định của pháp luật quản lý thuế và xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp.

6. Về thời điểm xác định thuế TTĐB

- Quy định có liên quan

Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB như sau:

+ Đối với hàng hóa: thời điểm phát sinh doanh thu đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với dịch vụ: thời điểm phát sinh doanh thu là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.”

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Đề Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, đề xuất bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB.

7. Về thuế suất thuế TTĐB

7.1. Đối với mặt hàng thuốc lá

- Quy định có liên quan

+ Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “*Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm*” áp dụng mức thuế suất 75%.

+ Điều 6 Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC), mà Việt Nam là thành viên từ 2005, quy định các nước thành viên phải áp dụng các biện pháp làm tăng giá thuốc lá và tăng thuế thuốc lá để giảm tiêu thụ thuốc lá hiệu quả.

+ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: “*Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng*”.

+ Điểm b khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: “*rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB*”.

+ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu “Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023 – 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030” giao Bộ Tài chính “xây dựng lộ trình tăng thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá của Chiến lược; xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của WHO; nghiên cứu phương án sử dụng cơ cấu thuế hỗn hợp”.

+ Quyết định số 1988/QĐ-BCT ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc lá Việt Nam quy định mục tiêu “chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông”.

+ Tại Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) nhất trí thông qua nguyên tắc tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá: Quy định phương pháp tính thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối) đối với mặt hàng thuốc lá. Mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên xuống theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO.

- Vấn đề phát sinh

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Ngân hàng Thế giới (WB) khuyến nghị tỷ trọng thuế tiêu dùng nên chiếm từ 66% đến 75% (từ 2/3 đến 3/4) giá bán lẻ thuốc lá để đạt hiệu quả hạn chế tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Tại Đề nghị xây dựng Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được UBTVQH nhất trí thông qua nguyên tắc tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá: Quy định phương pháp tính thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối) đối với mặt hàng thuốc lá. Mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO.

Theo WHO, khói thuốc gây nên những tác động tàn phá tới trẻ em trong suốt giai đoạn từ khi thụ thai, thơ ấu và thanh thiếu niên. Trẻ em phơi nhiễm với khói thuốc thụ động có thể bị viêm đường hô hấp, hen, viêm tai giữa, đột tử ở trẻ sơ sinh, kém phát triển chức năng phổi và làm tăng nguy cơ mắc nhiều loại bệnh khác. Việc sử dụng thuốc lá sớm ở trẻ em và thanh thiếu niên gây ra nhiều hậu quả: nghiện sớm, khó cai, ảnh hưởng sớm đến sức khỏe, sự phát triển não bộ, khả năng học tập, khả năng lao động. WHO, Tổ chức Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã nêu rõ sử dụng thuốc lá đe dọa sức khỏe, sự sống còn và phát triển của trẻ em; kiểm soát thuốc lá là giải pháp

can thiệp để giảm sử dụng thuốc lá nói chung và đảm bảo quyền của trẻ em nói riêng. Trong đó, thuế thuốc lá là giải pháp hiệu quả nhất để giảm sử dụng thuốc lá.

Theo đánh giá của WHO, WB, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các đối tác phòng chống tác hại của thuốc lá thì giá bán thuốc lá của Việt Nam vẫn còn thấp do tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ chỉ chiếm khoảng 38,85% năm 2020 khi áp dụng thuế suất thuế TTĐB 75% trong khi tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ các nước trong khu vực là: Brunei 81%, Thái Lan 70%, Singapore 69%, Malaysia 57%, Indonesia 51%, Myanmar 50% và các nước phát triển Úc: 62%, Đức: 75%, Pháp 80%,...

Giá thuốc lá đang ngày càng rẻ so với thu nhập, dẫn đến sức mua thuốc lá tăng: Theo phân tích của WHO dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê, từ năm 2010 đến 2022 thu nhập đầu người tăng 203% (từ 31,5 triệu đồng lên 95,6 triệu đồng) trong khi giá thuốc lá chỉ tăng 56%. Xu hướng giảm giá thực của thuốc lá và sức mua của thuốc lá tăng theo thời gian là vấn đề rất đáng lo ngại vì nó làm tăng khả năng tiếp cận thuốc lá của người dân, đặc biệt là đối với giới trẻ và người nghèo. Giá thuốc lá ở Việt Nam hiện nay rất thấp, khoảng 3,19 đô la 1 bao (giá sức mua tương đương PPP 2018). Mức chuẩn tối thiểu trong Bảng Xếp hạng để đạt hiệu quả cao là 10 đô la 1 bao, các nhà nghiên cứu đã quan sát các mức giá khác nhau và nhận thấy đây là mức giá đủ cao giúp ngăn cản các cá nhân hút thuốc, điều này được thể hiện qua việc giảm tỷ lệ thanh thiếu niên bắt đầu hút thuốc, tăng tỷ lệ bỏ thuốc và giảm lượng tiêu thụ ở người đang hút thuốc. Mức đánh thuế thấp là lý do giá thuốc lá thấp, vì giá thuốc lá ở Việt Nam tương đối rẻ so với các nước thu nhập trung bình khác, và mức tăng trưởng thu nhập ở Việt Nam trong thập kỷ qua đã làm cho thuốc lá ngày càng rẻ và trở nên dễ mua hơn. Theo Bộ Y tế, tại Việt Nam, mặt hàng thuốc lá là nguyên nhân gây 40.000 người tử vong mỗi năm và chi phí y tế có liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra là 1 tỷ USD.

Bên cạnh đó, mặc dù mặt hàng thuốc lá đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình vào năm 2016 và 2019, tuy nhiên, trong thời gian qua, tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam vẫn ở mức cao, có xu hướng gia tăng. Việt Nam vẫn là một trong 15 nước có số nam giới trưởng thành hút thuốc lá nhiều nhất trên thế giới và mức giảm vẫn chưa đạt được mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá trong nam giới xuống còn 39% trong Chiến lược Quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến năm 2020. Như vậy, việc sử dụng thuốc lá, cần được tiếp tục kiểm soát hơn nữa và lộ trình tăng thuế TTĐB trong thời gian vừa qua vẫn chưa đạt mục tiêu giảm sử dụng như đã đề ra.

Theo Báo cáo điều tra của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2011, 2016¹⁶ và 2021), khoảng 90% số nước (194 nước được điều tra) áp dụng thuế TTĐB đối với thuốc lá. Với xu hướng ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá (từ 48 nước năm 2008 lên

¹⁶ WHO tổ chức Điều tra định kỳ 5 năm 1 lần và tổng hợp, công bố kết quả Báo cáo vào năm tiếp theo. Các Báo cáo gần đây nhất của WHO công bố vào năm 2011, 2016 và 2021.

65 nước năm 2021). Trong khu vực Đông Nam Á, đa số các quốc gia (8/10 nước) hiện đang áp dụng thuế tuyệt đối hoặc hỗn hợp đối với thuốc lá. Chỉ còn lại duy nhất 02 quốc gia còn đang áp dụng thuế theo tỷ lệ bao gồm Campuchia và Việt Nam.

Việc áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng thuốc lá góp phần hạn chế sự tiếp cận của giới trẻ, đối tượng mới hút thuốc thường tiếp cận thuốc lá bắt đầu từ thuốc lá giá thấp, bị nghiện sớm, khó cai/bỏ thuốc cũng như đối tượng thu nhập thấp, người nghèo hút thuốc, nghiện thuốc lá, khả năng chi cho chăm sóc sức khỏe hạn chế hơn nên gánh nặng bệnh tật và kinh tế sẽ nghiêm trọng hơn. Do vậy, các nước tăng cường áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) và gắn theo các điều kiện về định kỳ tăng thuế theo hoặc cao hơn tốc độ lạm phát và mức tăng trưởng để đảm bảo giá thuốc lá tăng cao hơn hoặc bằng với tốc độ gia tăng thu nhập, sức mua của người hút thuốc.

Việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá sẽ đảm bảo cho chính sách thuế TTĐB hiệu quả đối với mục tiêu tăng giá, góp phần định hướng giảm tiêu dùng sản phẩm thuốc lá giá rẻ, chất lượng thấp do cấu phần thuế tuyệt đối sẽ giúp thu hẹp sự chênh lệch giá, vì mức tăng giá ở các nhãn hiệu thuốc lá giá rẻ chiếm tỷ lệ lớn hơn so với các nhãn hiệu thuốc lá đắt tiền, từ đó sẽ ít có sự chuyển đổi sang các nhãn hiệu rẻ hơn và ngăn ngừa người trẻ tuổi bắt đầu hút thuốc.

Tại Quyết định số 1988/QĐ-BCT ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc lá Việt Nam đã đưa ra mục tiêu “*chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông*”.

Do vậy, cần thiết sửa đổi phương pháp tính thuế đối với mặt hàng thuốc lá theo phương pháp tính thuế hỗn hợp nhằm tăng tính hiệu quả của chính sách thuế TTĐB và phù hợp với xu hướng cải cách thuế thuốc lá của thế giới cũng như bối cảnh Việt Nam.

- Đề xuất

Để giảm tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam, mức thuế tuyệt đối xây dựng tăng theo lộ trình để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% vào 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Chiến lược phòng chống tác hại thuốc lá; và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá (75%) theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới.

7.2. Đối với mặt hàng rượu, bia

- Quy định có liên quan

+ Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định thuế suất thuế TTĐB đối với:
(i) Rượu từ 20 độ trở lên: 65%; (ii) Rượu dưới 20 độ: 35%; (iii) Bia: 65%.

+ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ: *“Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng”*.

+ Điểm b khoản 1 mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: *“rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030”*.

+ Khoản 5 Mục V Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: *“b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”*

+ Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam (toàn bộ Báo cáo về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 28/11/2006), Việt Nam cam kết trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng *một mức thuế suất phân trăm thống nhất với tất cả các sản phẩm bia (apply a single ad valorem rate to all beer products)* không phân biệt bao bì đóng gói sản phẩm, nghĩa là bia tươi, bia hơi, bia chai hoặc bia lon.

+ Ngày 27/02/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP về Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) theo đó: *“1. Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO”*.

- Vấn đề phát sinh

Theo Bộ Y tế, rượu, bia là yếu tố xếp thứ 02 trong 10 yếu tố nguy cơ gây bệnh tật và tử vong hàng đầu tại Việt Nam, là nguyên nhân liên quan đến chấn thương, tai nạn giao thông, rối loạn tâm thần, xơ gan, bệnh tim mạch, ung thư, một số bệnh truyền nhiễm. Việc sử dụng, lạm dụng rượu, bia gây nhiều hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội, bao gồm: tai nạn giao thông, chấn thương, bạo lực gia đình, mất an ninh trật tự, gia tăng khoảng cách giàu

nghèo. Rượu, bia là một trong 03 nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ tai nạn giao thông ở nam giới độ tuổi 15-49. Rượu, bia cũng là nguyên nhân gây ra 30% các vụ gây rối trật tự xã hội và 33,7% các vụ bạo lực gia đình ở Việt Nam. Ước tính chi phí trực tiếp cho tiêu dùng rượu, bia ở Việt Nam vào năm 2017 là 4 tỷ USD, gần bằng 7% số thu ngân sách của nhà nước (chưa tính đến chi phí gián tiếp).

Mặc dù mặt hàng bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2018. Tuy nhiên, sức mua rượu, bia của người Việt Nam vẫn tăng do thu nhập tăng nhanh trong khi giá rượu, bia tăng rất chậm. Do vậy, trong thời gian qua, tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao¹⁷ và có xu hướng gia tăng nhanh¹⁸. Theo Bộ Y tế, mức tiêu thụ rượu bia bình quân/người trưởng thành quy đổi ra cồn nguyên chất ở người trưởng thành Việt Nam đã tăng từ 2,9 lít/người năm 2005 lên 7,9 lít/người năm 2019¹⁹. Tỷ lệ nam giới uống rượu bia ở mức cao, năm 2021 có 64,2% nam và 9,8% nữ hiện uống rượu bia trong 30 ngày qua. Tỷ lệ uống rượu bia ở mức nguy hại cũng đang rất phổ biến, đặc biệt ở nam giới (28,3% năm 2021)²⁰. Hiện nay, thuế và giá rượu, bia ở Việt Nam còn ở mức thấp, theo tính toán của WHO thuế rượu, bia của Việt Nam mới chiếm khoảng 30% giá bán lẻ, trong khi ở nhiều nước tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm từ 40-85% giá bán lẻ. Do vậy, lộ trình tăng thuế TTĐB đối với rượu và bia từ năm 2016-2018 chưa đủ mạnh để tác động đến giảm tiêu dùng rượu bia. Trước mắt, cần tiếp tục tăng thuế để tăng giá bán lẻ rượu, bia lên mức ít nhất tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm 40% giá bán lẻ.

Về nội dung phương pháp tính thuế đã được thảo luận kỹ trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật và trên cơ sở cân nhắc các yếu tố tác động đến ngành sản xuất rượu bia trong nước và cam kết khi gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế WTO, Chính phủ đã họp, lấy ý kiến các Thành viên Chính phủ và ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 27/02/2024 theo đó: *“1. Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO”*.

Tại Đề nghị xây dựng Luật đã được UBTVQH nhất trí nguyên tắc tăng thuế: *“Điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB (thuế tỷ lệ phần trăm) đối với mặt hàng rượu, bia theo lộ trình để tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của Tổ chức Y tế Thế giới”*.

¹⁷ Việt Nam là nước tiêu thụ bia cao nhất Đông Nam Á và thứ 3 Châu Á sau Nhật Bản, Trung Quốc (Institute of Health Metrics and Evaluation (2013). Global burden of diseases study. <http://vizhub.healthdata.org/gbd-compare/>

¹⁸ Năm 2019, lượng bia tiêu thụ bình quân một người là 47,6 lít, bằng 1,2 lần năm 2015; rượu mạnh và rượu trắng là 3,4 lít, bằng 1,02 lần năm 2015.

¹⁹ Thông tin từ Bài trình bày của Ths. Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế tại Hội nghị tập huấn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, rượu bia, đồ uống có đường, do Bộ Thông tin và truyền thông thực hiện vào 7/2022, trích nguồn từ WHO Global Health Observatory data repository. Truy cập ngày 26/5/2022: <https://apps.who.int/gho/data/node.main.A1029SDG3?lang=en>

²⁰ Thông tin từ Bài trình bày của Ths. Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế tại Hội nghị tập huấn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có đường, do Bộ Thông tin và truyền thông thực hiện vào 7/2022, trích nguồn từ Điều tra yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm năm 2021 của Bộ Y tế.

- Đề xuất

Cần tiếp tục điều chỉnh tăng mức thuế suất thuế TTĐB theo phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với rượu, bia để tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của WHO và lộ trình tăng theo mức tăng thu nhập và lạm phát.

7.3. Về thuế suất thuế TTĐB đối với một số loại xe ô tô thân thiện với môi trường

- Quy định có liên quan

Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng” áp dụng thuế suất thuế TTĐB “bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này”.

Quy định nêu trên nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các loại xe thân thiện với môi trường là loại xe có hai động cơ: động cơ xăng và động cơ điện. Trong điều kiện bình thường xe chủ yếu chạy bằng động cơ điện và động cơ xăng có tính chất dự phòng (khi ắc quy dùng để chạy động cơ điện hết điện), lượng khí thải ra môi trường thấp hơn nhiều so với loại xe ô tô thông thường khác.

- Vấn đề phát sinh và đề xuất

Để tránh nhầm lẫn với xe hybrid (xe có 02 động cơ và trong điều kiện bình thường thì xe chủ yếu chạy bằng động cơ xăng) cần bổ sung quy định rõ loại xe thân thiện với môi trường thuộc đối tượng ưu đãi thuế suất thuế TTĐB là xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng.

Đối với dòng xe thân thiện môi trường, ngoài xe chạy xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe điện, còn có loại xe sử dụng khí thiên nhiên cũng cần có chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích sản xuất, lắp ráp và tiêu dùng.

7.4. Về thuế suất đối với mặt hàng xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng

- Quy định có liên quan

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng (xe ô tô pick-up cabin kép, xe VAN có hai hàng ghế trở lên...) áp dụng thuế suất thuế TTĐB từ 15-25% tùy theo dung tích xi-lanh, thấp hơn rất nhiều so với mức thuế suất thuế TTĐB áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 9 chỗ chạy bằng xăng, dầu (35-150%).

- Vấn đề phát sinh

Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2019/BGTVT, loại xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép khi tham gia giao thông được áp dụng các hệ thống báo hiệu đường bộ như ô tô con, không bị

hạn chế về thời gian được phép lưu thông trong đô thị, được phép lưu thông vào làn đường dành cho ô tô con.

Qua nghiên cứu cho thấy các nước trong khu vực như Xinh-ga-po, Bru-nêy, Phi-líp-pin áp dụng thuế suất đối với ô tô pick-up vừa chở người, vừa chở hàng cũng giống như các dòng xe khác, không phân biệt giữa các chủng loại xe. Một số nước áp dụng thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép ở mức thấp hơn mức thuế suất đối với xe ô tô chở người dưới 9 chỗ (Thí dụ: Cam-pu-chia thấp hơn 30%; Thái Lan thấp hơn khoảng 17%...).

Để góp phần đảm bảo quản lý nhà nước đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép và điều tiết hạn chế sử dụng phương tiện giao thông tại các thành phố lớn, lệ phí trước bạ đối với ô tô pick up chở hàng cabin kép cũng đã được điều chỉnh tăng theo Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ, theo đó, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

Để bảo đảm chính sách thuế phù hợp với mục đích sử dụng xe, cần thiết phải nghiên cứu mức thuế suất thuế TTĐB đối với các loại xe ô tô lưỡng dụng, vừa chở người, vừa chở hàng như xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép và xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng cho phù hợp với quy định của chính sách thuế, phí và lệ phí hiện hành. Đối với xe ô tô pick-up chở người theo Tiêu chuẩn Việt Nam được xếp vào nhóm xe ô tô con, do đó cần quy định rõ loại xe này áp dụng thuế suất cùng với nhóm xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

- Đề xuất

Cần quy định rõ thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pick-up chở người, áp dụng thuế suất phù hợp đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép và các loại xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế trở lên.

8. Về hoàn thuế, khấu trừ TTĐB

8.1. Về hàng hóa nhập khẩu, tái xuất khẩu

- Quy định có liên quan

Tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB đối với: “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”.

- Vấn đề phát sinh và đề xuất

Để phù hợp với quy định nêu trên, cần thiết bỏ quy định cho phép hoàn thuế đối với “hàng hóa tạm nhập, tái xuất” tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành.

8.2. Về hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu

Để minh bạch chính sách, cần thiết sửa đổi quy định rõ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài và việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hoá thực tế xuất khẩu ra nước ngoài.

8.3. Về hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

- Quy định có liên quan

+ Điểm c khoản 1 Điều 8 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về trường hợp người nộp thuế TTĐB được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp sau: *“c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa”*.

+ Tại Điều 202, Điều 203 và Điều 204 Luật Doanh nghiệp quy định: *“Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi”*.

- Vấn đề phát sinh

Thực tế, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp), mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết). Đồng thời, Luật doanh nghiệp chỉ quy định chấm dứt hoạt động đối với văn phòng hoặc chi nhánh, trường hợp văn phòng, chi nhánh chấm dứt hoạt động thì Công ty mẹ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của văn phòng, chi nhánh.

Để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật doanh nghiệp, cần thiết bỏ quy định về hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật.

Việc sửa đổi quy định này để thực hiện kiến nghị nêu tại Báo cáo số 587/BC-CP ngày 20/10/2023 của Chính phủ và xử lý kết quả rà soát theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội.

Ngoài ra, qua rà soát, trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã. Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thì không phát sinh

số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết vì theo quy định pháp luật thuế TTĐB hiện hành thì hộ kinh doanh là đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. Đối với trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để tiếp tục khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

- Đề xuất

Để bao quát hết các trường hợp, cần thiết bổ sung quy: “*Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định*”.

8.4. Về hoàn thuế đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học

- Quy định có liên quan

+ Tại Khoản 4 Điều 1 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định thuế suất TTĐB đối với Xăng là 10%; xăng E5 là 8%; xăng E10 là 7%.

+ Tại Điều 8 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định: “Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp ở khâu sản xuất.”

- Vấn đề phát sinh

Xăng sinh học E5, E10 được pha chế theo tỷ lệ tương ứng 95%, 90% xăng RON92 (mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB) và 5%, 10% cồn sinh học. Căn cứ vào quy định nêu trên, cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả của nguyên liệu xăng khoáng khi xác định số thuế TTĐB phải nộp của mặt hàng xăng sinh học. Do thuế suất thuế TTĐB của xăng nguyên liệu là 10% trong khi thuế suất của xăng sinh học chỉ là 8% hoặc 7% nên doanh nghiệp sản xuất, pha chế xăng sinh học luôn phát sinh số thuế TTĐB chưa được khấu trừ (khoảng 1,5%/giá bán xăng sinh học). Đây là khoản tiền thuế tương tự như tiền thuế nộp thừa và theo Luật quản lý thuế, số tiền thuế nộp thừa được xử lý hoàn. Do vậy, căn cứ thẩm quyền được giao, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết (Quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP).

- Đề xuất

Để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và để đảm bảo tính ổn định của chính sách cũng như nâng cao tính pháp lý,

minh bạch của chính sách, cần thiết bổ sung quy định cho hoàn trả đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết vào Luật.

9. Về giảm thuế

- Quy định có liên quan

+ Điều 9 Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định về giảm thuế như sau:

“Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế.

Mức giảm thuế được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có)”.

+ Căn cứ thẩm quyền được giao hướng dẫn, tại Điều 9 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giảm thuế như sau:

“Việc giảm thuế TTĐB được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12.”

Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

- Vấn đề phát sinh

Cần bổ sung quy định về các nội dung đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ.

- Đề xuất

Để Luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, cần thiết bổ sung quy định: *Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

10. Về điều khoản thi hành

- Quy định có liên quan

Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thuế suất 75%.

Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá quy định “Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác”.

- Vấn đề phát sinh và đề xuất

Hiện nay sản phẩm thuốc lá mới chưa có quy định tại Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá quy định và Luật Thuế TTĐB.

Để có căn cứ pháp lý thu thuế trong trường hợp pháp luật chuyên ngành cho phép sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thì cần quy định dự phòng chính sách thu thuế đối với mặt hàng này tại Luật Thuế TTĐB (sửa đổi).


Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cần thiết giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều: Điều 2 về đối tượng chịu thuế, Điều 3 về đối tượng không chịu thuế, Điều 6 về giá tính thuế, Điều 9 về hoàn thuế, khấu trừ thuế.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB và một số đề xuất của Bộ Tài chính đối với dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi)./. *af*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (9 b) *af*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



*** Cao Anh Tuấn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) ngày tháng năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất, hoàn thuế, khấu trừ thuế.

Điều 2. Đối tượng chịu thuế

1. Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

2. Đối với nước giải khát có hàm lượng đường (đường tổng số) trên 5g/100ml quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 2 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) là nước giải khát theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 12828:2019 có hàm lượng đường trên 5g/100ml bao gồm đồ uống hương liệu (kể cả nước uống tăng lực, nước uống thể thao, nước uống điện giải và các đồ uống đặc biệt khác), nước giải khát có chứa cà phê, nước giải khát có chứa chè, đồ uống thảo mộc, nước giải khát có chứa nước trái cây và các loại đồ uống từ ngũ cốc.

Nước giải khát theo TCVN 12828:2019 không bao gồm các sản phẩm: sữa và sản phẩm từ sữa; thực phẩm dạng lỏng dùng với mục đích dinh dưỡng; nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; nước rau, quả nguyên chất và nectar (mật) rau, quả và sản phẩm từ cacao.

3. Đối với điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ đề lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, máy bay quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi.

Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hoà nhiệt độ hoàn chỉnh).

Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập khẩu; ủy thác nhập khẩu hệ thống điều hoà trung tâm trên 90.000 BTU hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập khẩu ký hợp đồng với nhà thầu lắp đặt thiết bị trong nước về việc cung cấp hệ thống điều hoà trung tâm trên 90.000 BTU; việc giao hàng tùy thuộc vào tiến độ thi công công trình (hệ thống điều hoà này được nhập khẩu thành nhiều lần, nhiều chuyến) để không phải tính nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với từng lần nhập khẩu là các chi tiết của thiết bị nhập khẩu như cục nóng hoặc cục lạnh thì hồ sơ cần xuất trình với cơ quan hải quan gồm:

- Hợp đồng nhập khẩu (trường hợp ủy thác nhập khẩu phải có thêm hợp đồng ủy thác nhập khẩu) hoặc hợp đồng mua bán (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp nhập khẩu) hệ thống điều hoà trung tâm với nhà thầu thi công trong nước; trong hợp đồng phải thể hiện đây là thiết bị đồng bộ có công suất trên 90.000 BTU được nhập khẩu nguyên chiếc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kèm theo bảng kê số lượng các chi tiết của thiết bị nhập khẩu.

- Sơ đồ kết nối hệ thống điều hoà trung tâm có xác nhận của đơn vị nhập khẩu và nhà thầu thi công (trong trường hợp có nhà thầu thi công).

- Chứng thư giám định về công suất và tính đồng bộ của thiết bị nhập khẩu, đồng thời các bộ phận tách rời (cục nóng, cục lạnh) hoặc nhóm các bộ phận tách rời của thiết bị không thể tự hoạt động độc lập do cơ quan giám định có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cấp.

Trường hợp từng bộ phận tách rời hoặc một số bộ phận tách rời lắp được thành một máy điều hoà nhiệt độ hoàn chỉnh, có công suất từ 90.000 BTU trở xuống hoạt động độc lập không cần kết nối với hệ thống thì từng bộ phận này vẫn phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Bản cam kết của tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập khẩu về việc sử dụng hàng nhập khẩu đúng mục đích và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

Căn cứ vào hồ sơ xuất trình của cơ sở kinh doanh, cơ quan hải quan lập phiếu theo dõi trừ lùi như Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định này để theo dõi quản lý.

Điều 3. Đối tượng không chịu thuế

1. Đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

2. Đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), bao gồm:

2.1. Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài.

2.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu theo giấy phép tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu, trong thời hạn chưa phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định thì khi tái nhập khẩu không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, nhưng khi tổ chức, cá nhân sản xuất bán hàng hóa này phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

2.3. Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu ra nước ngoài theo hợp đồng kinh tế.

2.4. Hàng hóa mang ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài.

2.5. Về hồ sơ, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân có hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Điều này phải có hồ sơ chứng minh là hàng đã thực tế xuất khẩu, cụ thể như sau:

- Hợp đồng bán hàng hoặc hợp đồng gia công cho nước ngoài hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu giữa cơ sở sản xuất và cơ sở kinh doanh xuất khẩu.

- Hóa đơn bán hàng hóa xuất khẩu hoặc trả hàng, thanh toán tiền gia công, hoặc hóa đơn giao hàng ủy thác xuất khẩu.

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu hoặc bản sao tờ khai hàng hóa xuất khẩu đối với trường hợp bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu.

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Biên bản thanh lý (thanh lý toàn bộ hoặc từng phần) hợp đồng bán hàng hóa để xuất khẩu, biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với trường hợp bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu thể hiện rõ các nội dung sau:

Tên, số lượng, chủng loại, mặt hàng, giá bán của hàng hóa đã thực tế xuất khẩu; hình thức thanh toán; số tiền và số, ngày chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng của người mua nước ngoài cho cơ sở xuất khẩu; số tiền và số, ngày của chứng từ thanh toán giữa tổ chức, cá nhân sản xuất với

tổ chức, cá nhân xuất khẩu hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy thác xuất khẩu; số, ngày của hợp đồng xuất khẩu, bản sao tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

Đối với hàng hóa tổ chức, cá nhân xuất khẩu mua, nhận ủy thác xuất khẩu để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất khẩu phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa này khi tiêu thụ (bán) trong nước.

b) Tổ chức, cá nhân có hàng hóa mang ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm theo quy định tại khoản 2.4 Điều này phải có đủ thủ tục:

- Giấy mời hoặc giấy đăng ký tham gia hội chợ triển lãm ở nước ngoài.
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan về hàng hóa đã xuất khẩu.
- Bảng kê hàng bán tại hội chợ triển lãm.
- Chứng từ thanh toán tiền đối với hàng hóa bán tại hội chợ triển lãm, trường hợp bán hàng thu tiền mặt có giá trị trên mức quy định thì phải khai báo với cơ quan hải quan, có chứng từ nộp tiền vào ngân hàng theo quy định hiện hành.

3. Đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết không thu thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện như quy định về giải quyết không thu thuế, miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Trường hợp cơ sở nhập khẩu các mặt hàng thuộc các trường hợp không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), nếu dùng vào mục đích khác thì phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho các mục đích an ninh, quốc phòng, huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ.

Trường hợp máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền thuộc diện không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng sau đó không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; an ninh, quốc phòng; huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh có máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền nhập khẩu chuyên đổi mục đích nêu trên phải kê khai nộp thuế tiêu thụ

đặc biệt với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh có máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền được sản xuất trong nước chuyên đổi mục đích nêu trên phải kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo giá trị còn lại sau khi trừ giá trị đã khấu hao theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

5. Đối với xe ô tô, xe chở người bốn bánh quy định tại khoản 4 Điều 3 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt là các loại xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương; xe chở phạm nhân; xe tang lễ; xe thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và các loại xe chuyên dụng bao gồm xe kiểm tra, kiểm soát tần số vô tuyến điện; xe bọc thép phóng thang; xe truyền hình lưu động.

Trường hợp xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, cơ sở nhập khẩu đã làm thủ tục nhập khẩu, nếu thay đổi mục đích sử dụng so với khi nhập khẩu, không sử dụng trong khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và là loại xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì cơ sở nhập khẩu phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không khai báo với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu để nộp thuế tiêu thụ đặc biệt do thay đổi mục đích sử dụng so với khi nhập khẩu thì cơ sở nhập khẩu sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHƯƠNG II CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Điều 5. Giá tính thuế

1. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa, dịch vụ là giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

2. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Trường hợp giá bán của

tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Trong đó: giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường xác định theo quy định của pháp luật về thuế bảo vệ môi trường.

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán hàng qua các cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở hạch toán phụ thuộc bán ra. Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu quy định và chi hưởng hoa hồng thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu quy định chưa trừ hoa hồng.

b) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân trong tháng của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua trực tiếp của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu bán ra.

Trường hợp doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu thành lập nhiều doanh nghiệp thương mại trung gian có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ hoặc có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân trong tháng của các doanh nghiệp thương mại này bán cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại không có quan hệ công ty mẹ, công ty con, hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ, hoặc có mối quan hệ liên kết với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu. Riêng mặt hàng xe ô tô giá bán bình quân của doanh nghiệp kinh doanh thương mại để so sánh là giá bán xe chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà doanh nghiệp kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng.

Doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp kinh doanh thương mại có mối quan hệ liên kết theo quy định tại điểm này khi:

Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia.

Trường hợp giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của doanh nghiệp kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Đối với hàng hóa gia công là giá tính thuế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Trường hợp cơ sở giao gia công bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Trường hợp các doanh nghiệp này bán hàng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thì giá tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

5. Đối với tổ chức, cá nhân xuất khẩu mua hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của tổ chức, cá nhân sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt trong trường hợp này là giá bán chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định cụ thể như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá bán trong nước của cơ sở xuất khẩu chưa có thuế giá trị gia tăng} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Trường hợp tổ chức, cá nhân xuất khẩu kê khai giá bán (đã có thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt) làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn 7% so với giá bán trên thị trường thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Đối với dịch vụ, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá cung ứng dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Giá dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số dịch vụ quy định như sau:

a) Đối với kinh doanh gôn (bao gồm cả kinh doanh sân tập gôn) là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn, không bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi.

Trường hợp khoản ký quỹ được trả lại người ký quỹ thì tổ chức, cá nhân sẽ được hoàn lại số thuế đã nộp bằng cách khấu trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu không khấu trừ thì tổ chức, cá nhân sẽ được hoàn theo quy định.

b) Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có) tức là bằng số tiền thu được (chưa có thuế giá trị gia tăng) do đổi cho khách trước khi chơi tại quầy đổi tiền hoặc bàn chơi, máy chơi trừ đi số tiền số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có).

c) Đối với kinh doanh đặt cược, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé đặt cược trừ (-) tiền trả thưởng cho khách hàng (giá chưa có thuế giá trị gia tăng), không bao gồm doanh số bán vé vào cửa xem các sự kiện giải trí gắn với hoạt động đặt cược.

d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm trong cơ sở kinh doanh.

7. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) bao gồm cả khoản thu thêm tính ngoài giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ (nếu có) mà cơ sở sản xuất kinh doanh được hưởng.

Đối với mặt hàng bia chai nếu có đặt tiền cược vỏ chai, định kỳ hàng quý cơ sở sản xuất và khách hàng thực hiện quyết toán số tiền đặt cược vỏ chai thì số tiền đặt cược tương ứng giá trị số vỏ chai không thu hồi được phải đưa vào doanh thu tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 6. Thuế suất

1. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 8 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

2. Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học hoặc điện quy định tại Điểm 4đ Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất có tỷ lệ xăng pha trộn không quá 70% tổng số nhiên liệu sử dụng và loại xe kết hợp động cơ điện với động cơ xăng có tỷ lệ xăng sử dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất không quá 70% số năng lượng sử dụng. Tỷ lệ nhiên liệu sử dụng xác định theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học, năng lượng điện quy định tại các Điểm 4e, 4g Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất chạy hoàn toàn bằng năng lượng sinh học, năng lượng điện.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nhiều loại hàng hóa và kinh doanh nhiều loại dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có các mức thuế suất khác nhau thì phải kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà tổ chức, cá nhân có sản xuất, kinh doanh.

CHƯƠNG III

HOÀN THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 7. Hoàn thuế

1. Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

2. Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tương ứng với số nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa thực tế xuất khẩu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều này chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu ra nước ngoài và thủ tục, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu được thực hiện theo quy định như đối với việc giải quyết hoàn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 9 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), thủ tục, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 8. Khấu trừ thuế

1. Các trường hợp khấu trừ thuế

a) Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra.

Riêng đối với xăng sinh học: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ của kỳ khai thuế được căn cứ vào số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp hoặc đã trả trên một đơn vị nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề của xăng khoáng để sản xuất xăng sinh học.

Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện tại cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết phát sinh kể từ kỳ khai thuế tháng 01 năm 2016) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc hoàn trả.

b) Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra trong nước. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế tiêu thụ đặc biệt tính được ở khâu bán ra trong nước. Phần chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra trong nước, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Việc xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ

Số thuế tiêu thụ đặc biệt mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt; trong đó:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng (thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng)} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Việc khấu trừ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt và số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp} = \text{Số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán ra trong kỳ} - \text{Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu nhập khẩu hoặc số thuế tiêu thụ đặc biệt đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ}$$

Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp (hoặc đã trả) cho số nguyên vật liệu tương ứng với số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tính số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ và sẽ xác định theo số thực tế vào cuối quý, cuối năm. Trong mọi trường hợp, số thuế tiêu thụ đặc biệt được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế tiêu thụ đặc biệt tính cho phần nguyên liệu theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm.

3. Điều kiện khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:

a) Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là chứng từ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu.

b) Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng).

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng.

4. Về hồ sơ thủ tục

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo Mẫu số 01/TTĐB và Bảng xác định thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ (nếu có) theo Mẫu số 01-1/TTĐB được ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đối với trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết như sau:

- Doanh nghiệp sản xuất, pha chế xăng sinh học lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước kiêm bù trừ với các khoản thuế phải nộp khác (nếu có) - Mẫu 01a/ĐNHT kèm theo Nghị định này.

- Doanh nghiệp sản xuất, pha chế xăng sinh học gửi hồ sơ đề nghị hoàn trả số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đến cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để được giải quyết hoàn trả theo quy định.

- Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết hồ sơ hoàn trả số thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản này được thực hiện như quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Căn cứ Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước của Cơ quan thuế, Kho bạc nhà nước thực hiện chi hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học. Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực và hướng dẫn thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

CHÍNH PHỦ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về
dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)**

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, ngày 11/6/2024 Bộ Tài chính đã có công văn số 6059/BTC-CST gửi lấy ý kiến về dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo công văn số 6059/BTC-CST bao gồm các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội doanh nghiệp về hồ sơ dự án Luật Thuế TTĐB (TTĐB) (sửa đổi), đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân

Bộ Tài chính đã nhận được 92 văn bản tham gia ý kiến (21/27 Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 29/64 địa phương, 35 Hiệp hội, doanh nghiệp, 08 tổ chức quốc tế), trong đó: 53 đơn vị nhất trí hoàn toàn; các ý kiến khác cơ bản nhất trí, có 07 ý kiến tham gia cụ thể về kết cấu dự thảo báo cáo, câu chữ cho phù hợp quy định của Luật Ban hành VBQPPL và 45 ý kiến tham gia về phương án điều chỉnh thuế suất (cao hơn/thấp hơn) đối với thuốc lá, rượu, bia và nước giải khát có đường.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Tên gọi của Luật			
	UBND tỉnh Lạng Sơn UBND tỉnh Điện Biên	Đề nghị sửa thành “Luật thuế TTĐB” để phù hợp với nội dung của văn bản vì theo dự thảo Luật đang xây dựng để ban hành theo hướng thay thế Luật thuế TTĐB năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB năm 2014.	Tiếp thu và sửa tại Dự thảo Luật thuế TTĐB.
2. Đối tượng chịu thuế			
Kinh nghiệm quốc tế về đối tượng chịu thuế	Bộ Giao thông Vận tải	- Khoản 4 (trang 4) dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đánh giá “đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế”, tuy nhiên, Bộ Tài chính mới chỉ nêu đối tượng chịu thuế TTĐB của Trung Quốc và Thái Lan, đề nghị bổ sung đánh giá đối với một số nước có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với Việt Nam.	Bộ Tài chính sẽ cập nhật thêm tại Báo cáo kinh nghiệm quốc tế.
Ô tô	Bộ Giao thông Vận tải (GTVT)	<p>- Về đối tượng chịu thuế và thuế suất thuế TTĐB: khoản cuối (trang 11) dự thảo Tờ trình Chính phủ: “Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pickup chở người; xe ô tô pickup chở hàng cabin kép; xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô và quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ của Bộ GTVT”, đề nghị thuyết minh bổ sung việc sửa đổi nêu trên có mở rộng/thu hẹp đối tượng chịu thuế TTĐB so với quy định tại Luật Thuế TTĐB hiện hành hay không; sửa đổi, bổ sung “để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô” thành “để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN)”.</p> <p>Bộ GTVT cung cấp thêm thông tin, đề Bộ Tài chính cân nhắc quy định đối tượng chịu thuế và thuế suất thuế TTĐB đối với các loại xe này như sau: + Đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ: tại trang 2 Phụ lục Bản</p>	<p>- Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) chỉ làm rõ về đối tượng chịu thuế là xe chở người 04 bánh có gắn động cơ để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô và quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ của Bộ Giao thông vận tải và không mở rộng hay thu hẹp đối tượng chịu thuế TTĐB so với quy định tại Luật Thuế TTĐB hiện hành.</p> <p>- Về mặt phân loại, căn cứ Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuyết minh chi tiết kèm theo dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính có đánh giá: “Thực tế thực hiện đã có phát sinh vướng mắc việc xác định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ (theo Thông tư số 86/2014/TT-GTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số chỗ ngồi tối đa không quá 15 chỗ” có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay không do theo TCVN thì xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không được gọi là ô tô”.</p> <p>Theo Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế, tại khoản 2 Điều 20 quy định: “Phạm vi, tuyến đường hoạt động và thời gian hoạt động đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định”. Hiện nay, tại dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ có quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, phạm vi hoạt động, niên hạn sử dụng của “xe chở người bốn bánh có gắn động cơ”, đề nghị Bộ Tài chính rà soát mục đích hoạt động chủ yếu của xe chở người bốn bánh có gắn động cơ để nghiên cứu, cân nhắc về đối tượng chịu thuế TTĐB đối với loại xe này cho phù hợp.</p>	<p>Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính thì mặt hàng xe chở người 4 bánh gắn động cơ thuộc mã HS 8703, 8702 là mã HS chung cho xe ô tô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về chính sách thuế (thuế nhập khẩu, thuế TTĐB), phí, lệ phí, mặt hàng xe chở người 4 bánh như đang áp dụng chính sách thuế, phí, lệ phí như đối với xe ô tô. - Về mục đích sử dụng, tại Điều 3 dự thảo Luật đã quy định đối tượng không chịu thuế TTĐB đối với <i>xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học.</i>
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (xe pick-up): Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải tham vấn ý kiến các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách tăng thuế TTĐB; có đánh giá tổng thể tác động của chính sách đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra mức thuế suất và lộ trình tăng thuế phù hợp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. - Về xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp với năng lượng điện: Đề nghị bổ sung ưu đãi thuế TTĐB đối với loại xe sử dụng đồng thời động cơ đốt truyền thống kết hợp thêm động cơ điện (HEV) và quy định mức thuế suất theo mức độ phát thải của xe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tổng hợp tại Báo cáo đánh giá tác động. - Xe HEV trong điều kiện bình thường thì xe chủ yếu chạy bằng động cơ xăng. Do vậy, không đề xuất bổ sung ưu đãi thuế đối với loại xe này.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>- Về đề xuất sửa đổi thuế suất theo mức phát thải: Việc sửa đổi chính sách cần theo nguyên tắc đơn giản để thực hiện và mang lại hiệu quả trong công tác quản lý thu. Việc quy định thuế suất vừa theo dung tích xi lanh vừa theo hàm lượng mức phát thải CO₂ sẽ tạo khó khăn trong việc thực hiện nhất là trong việc xác định mức phát thải CO₂.</p>
Bia	UBND tỉnh Quảng Ngãi	<p>Bổ sung mặt hàng Bia không cồn vào đối tượng chịu thuế TTĐB.</p> <p>Lý do: Theo khoản 2, Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định Bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước. Hiện nay, trên thị trường có nhiều loại bia không cồn (hay còn gọi là bia 0 độ) là bia đã bỏ cồn hoặc được ủ để chứa ít cồn hơn mức giới hạn cho phép. Đây là sản phẩm được khuyến khích sản xuất tại Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia với mục đích giảm lượng tiêu thụ sản phẩm có cồn. Vì vậy, đề xuất cần phân biệt và bổ sung quy định đối với thức uống đại mạch (thường gọi là bia không cồn).</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Luật thuế TTĐB và Tờ trình.</p>
Nước giải khát	<p>Tổ chức Y tế Thế giới; Ngân hàng Thế giới; Tổ chức Bloomberg Philanthropies; Tổ chức Campaign For Tobacco – Free Kids;</p>	<p>- Ủng hộ việc đưa nước giải khát vào danh mục hàng hóa chịu thuế TTĐB.</p> <p>- Bằng chứng thực nghiệm cho thấy thuế đồ uống có đường là biện pháp can thiệp hiệu quả để giảm tiêu thụ các sản phẩm này. Điều này, có thể làm giảm các bệnh liên quan đến chế độ ăn uống. Vì lý do này, WHO đã bổ sung thuế đồ uống có đường vào danh sách các lựa chọn chính sách được khuyến nghị nhằm ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh liên quan đến chế độ ăn uống cũng như vào danh sách các biện pháp chính sách ưu tiên nhằm</p>	<p>Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đề xuất bổ sung nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam, (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB và áp dụng thuế suất 10%. Đề xuất này không bao gồm nước giải khát có chứa</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Quỹ Nhi đồng Liên hợp Quốc UNICEF; Trường Đại học Johns Hopkins</p>	<p>giải quyết tình trạng béo phì ở trẻ em.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nên áp dụng thuế TTĐB đối với tất cả đồ uống có chứa đường tự do và/hoặc chất tạo ngọt không đường để ngăn chặn sự thay thế không mong muốn từ đồ uống bị đánh thuế sang đồ uống không bị đánh thuế. - Khuyến nghị mở rộng phạm vi điều chỉnh để bao trùm đầy đủ các nhóm sản phẩm đồ uống có đường (ĐUCĐ) theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ví dụ như sữa và các sản phẩm từ sữa; nước rau, quả và nectar; đồ uống từ cacao; cũng như các sản phẩm khác hiện còn thiếu trong dự thảo. 	<p>chất tạo ngọt để thay thế đường.</p> <p>Trường hợp Việt Nam, đây là mặt hàng mới được đề xuất bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB nên bắt đầu với nước giải khát có đường, hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB và áp dụng thuế suất 10% để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu loại nước giải khát có hàm lượng thấp, cũng như nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, điều chỉnh hành vi tiêu dùng sản phẩm ít có hại hơn.</p> <p>Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh để bao trùm đầy đủ các nhóm sản phẩm đồ uống có đường (ĐUCĐ) theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ví dụ như sữa và các sản phẩm từ sữa; nước rau, quả và nectar; đồ uống từ cacao; cũng như các sản phẩm khác cần được nghiên cứu kỹ lưỡng dựa trên bằng chứng, lý lẽ thuyết phục phù hợp với điều kiện của Việt Nam và cần được tiếp tục nghiên cứu thêm.</p>
<p>Nước giải khát</p>	<p>Hiệp hội Bia - Rượu – Nước giải khát Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Việc áp thuế TTĐB lên nước giải khát (“NGK”) có đường là không khả thi trong việc đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ thừa cân béo phì bởi béo phì là một căn bệnh phức tạp do nhiều yếu tố gây ra bao gồm nạp dư thừa năng lượng, thiếu hoạt động thể chất. Sử dụng NGK có đường không phải là nguyên nhân chính và duy nhất. - Việc áp thuế TTĐB lên NGK có đường là không hiệu quả trong việc tác động lên hành vi của người tiêu dùng bởi <u>hiệu ứng thay thế</u> khi 	<p>Việc bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường là để thực hiện các chủ trương chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân, khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF và</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>người tiêu dùng có thể tiêu thụ các loại thực phẩm và đồ uống khác có hàm lượng đường và ca-lo cao hơn NGK như sữa, Milo, bánh ngọt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức tiêu thụ nước giải khát ở Việt Nam không cao so với nhiều quốc gia khác trên thế giới. Nhiều nước tiêu dùng NGK cao hơn nhiều so với Việt Nam không áp thuế TTĐB lên sản phẩm này. Thực tiễn cũng cho thấy một số nước đã áp dụng chính sách thuế TTĐB đối với đồ uống có đường nhưng không đạt được mục tiêu về sức khỏe của chính sách và phải bãi bỏ chính sách thuế sau một thời gian áp dụng. - Việc áp thuế TTĐB lên nước giải khát có đường có tác động lớn tới đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp là ngành NGK và các ngành công nghiệp phụ trợ có liên quan như ngành mía đường, bao bì, bán lẻ và hậu cần ở Việt Nam, đặc biệt là ảnh hưởng tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ. - Xem xét bỏ điểm 1 khoản 1 Điều 2 của dự thảo Luật, theo đó không bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml, vào đối tượng chịu thuế TTĐB. 	<p>Bộ Y tế về thực tế bệnh tật liên quan đến nước giải khát có đường tại Việt Nam.</p> <p>Tác hại của nước giải khát có đường đối với sức khỏe cộng đồng đã được Bộ Y tế và WHO, các tổ chức sức khỏe đưa ra bằng chứng.</p>
Nước giải khát	Hiệp hội Mía đường Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Bất cập của định nghĩa “nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN)” <p>Hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) dựa trên khuyến cáo của WHO và kinh nghiệm quốc tế về biện pháp đánh thuế vào nước giải khát có đường để định hướng tiêu dùng nhưng đã xuất hiện điểm không hợp lý là không sử dụng định nghĩa của WHO hoặc các tổ chức quốc tế về đồ uống có đường mà lại sử dụng định nghĩa theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), trong khi có sự khác biệt rất lớn của các định nghĩa này.</p> <p>Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12828:2019 định nghĩa: “<i>Nước giải khát (water-based beverages) Sản phẩm pha sẵn để uống với mục đích giải khát, được chế biến từ nước, có thể chứa đường, phụ gia thực phẩm, hương liệu, có thể bổ sung các thành phần nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên, vitamin và khoáng chất, có ga hoặc không có ga</i>”. Theo định nghĩa này chỉ có nước giải khát chứa đường là đối tượng chịu thuế.</p> <p>Tuy nhiên, theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), đối tượng chịu thuế đồ uống có đường được định nghĩa: “Đồ uống có đường (sugary drinks) được định</p>	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế về hàm lượng đường ghi trên bao bì thì trên bao bì ghi hàm lượng đường chung (không phân chia thành các loại đường khác nhau). Trên thực tế, việc tách hàm lượng đường theo các loại đường khác nhau rất khó thực hiện.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>nghĩa là tất cả các loại đồ uống có chứa đường tự do (free sugars)... Đường tự do đề cập đến là đường đơn monosacarit (như glucose, fructose) và đường đa disacarit (như sucrose hoặc đường ăn)". Theo định nghĩa này đồ uống có đường (sugary drinks) có chứa đường tự do là đối tượng chịu thuế.</p> <p>Tương tự, theo nhóm Ngân hàng thế giới (WB), đối tượng chịu thuế đồ uống có đường được định nghĩa: "<i>Đồ uống có đường (Sugar-sweetened beverages – SSBs) là đồ uống không cồn có chứa chất làm ngọt có năng lượng, chẳng hạn như sucrose (đường) hoặc si-rô ngô có hàm lượng fructose cao (HFCS)... Đồ uống có đường SSBs có chứa nhiều đường tự do (free sugars) dễ hấp thụ</i>". Theo định nghĩa này nước giải khát chứa đường hoặc si-rô ngô HFCS là đối tượng chịu thuế. Có thể nhận thấy các Tổ chức Y tế thế giới và Ngân hàng thế giới đã mở rộng định nghĩa "đồ uống có đường" thành "đồ uống có chứa đường tự do (free sugars)" khi sử dụng biện pháp đánh thuế nước giải khát có chứa chất ngọt.</p> <p>Trong khi đó, tại Việt Nam đường lỏng siro ngô HFCS hiện nay là chất tạo ngọt chính trong nước giải khát chứ không phải đường. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, khối lượng đường lỏng siro ngô HFCS nhập khẩu đang có xu hướng tăng nhanh qua các năm, và đa số được nhập khẩu bởi các công ty nước giải khát. Năm 2023, lượng đường lỏng siro ngô nhập khẩu đã tăng với mức độ bùng nổ khi khối lượng gấp đôi so với năm 2021.</p> <p>Như vậy sử dụng định nghĩa "nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam" là không hợp lý, không phù hợp với thông lệ quốc tế về định nghĩa đồ uống có đường khi sử dụng biện pháp đánh thuế TTĐB và trong hoàn cảnh Việt Nam có thể dẫn tới nguy cơ bỏ sót đối tượng chịu thuế chính là nước giải khát có chứa đường lỏng siro ngô HFCS.</p> <p>- Bất cập của quy định hàm lượng đường trên 5g/100ml</p> <p>Do đã xác định định nghĩa "nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam" là đã lạc hậu, không còn phù hợp với thông lệ quốc tế về định nghĩa đồ uống có đường khi sử dụng biện pháp đánh thuế TTĐB nên đề xuất bổ sung mặt hàng "nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml" vào đối tượng chịu thuế</p>	

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>TTĐB cũng trở lên bất cập. Vì trong trường hợp sử dụng chất làm ngọt là đường lỏng siro ngô HFCS (hầu hết công ty nước giải khát tại Việt Nam đang sử dụng) sẽ không thể áp dụng tiêu chí “hàm lượng đường trên 5g/100ml”.</p> <p>- Kiến nghị:</p> <p>+ Đề xuất bỏ cụm từ “<i>nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN)</i>” thành “<i>đồ uống có đường (sugary drinks) bao gồm đồ uống chứa đường và đồ uống chứa đường lỏng siro ngô HFCS</i>” với diễn giải chi tiết về đồ uống có đường (sugary drinks) phù hợp với Tổ chức Y tế thế giới: “<i>Đồ uống có đường được định nghĩa là tất cả các loại đồ uống có chứa đường tự do (free sugars) và chúng bao gồm nước ngọt có ga hoặc không có ga, nước trái cây/rau và đồ uống, chất lỏng và bột cô đặc, nước có hương vị, nước tăng lực và thể thao, trà pha sẵn, cà phê pha sẵn và đồ uống có sữa hương vị. Đường tự do đề cập đến là đường đơn monosacarit (như glucose, fructose) và đường đa disacarit (như sucrose hoặc đường ăn) được nhà sản xuất, người nấu ăn hoặc người tiêu dùng thêm vào thực phẩm và đồ uống, và đường tự nhiên có trong mật ong, xiro, nước ép trái cây và nước trái cây cô đặc</i>”;</p> <p>+ Đề xuất bỏ tiêu chí “hàm lượng đường trên 5g/100ml” vì không còn phù hợp thực tế, có thể dẫn đến nguy cơ bỏ qua đối tượng chịu thuế chính hiện nay là đồ uống có chứa đường lỏng siro ngô HFCS.</p> <p>+ Xem xét áp dụng kinh nghiệm của một số nước trong ASEAN bao gồm Philippines và Indonesia, trong đó Philippines thu thuế TTĐB có mức thuế khác nhau đối với đồ uống có đường và đồ uống có chứa đường lỏng siro ngô HFCS, và áp mức thuế cao hơn (gấp 2 lần) đối với đồ uống có chứa đường lỏng siro ngô HFCS; kinh nghiệm của Indonesia là vừa áp thuế phòng vệ thương mại đối với đường lỏng siro ngô HFCS vừa kiến nghị thu thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường và ga từ 1,500 rupiah đến 2,500 rupiah cho mỗi lít tùy loại đồ uống. Cụ thể trong trường hợp Việt Nam, đề xuất áp mức thuế suất 10% đối với đồ uống có đường và áp dụng mức thuế suất 20% đối với đồ uống có chứa đường lỏng siro ngô HFCS.</p>	

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Thuốc lá	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo luật: Đề nghị xem xét, cân nhắc lại quy định liệt kê “chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” . Lý do: Dự thảo luật dẫn chiếu thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, khái niệm “thuốc lá” không bao gồm “chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”	Tiếp thu
Xăng		Điểm g khoản 1 Điều 2 dự thảo thì xăng các loại thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Tại dự thảo Từ trình đã chỉ ra rằng: “Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng tiêu dùng tiết kiệm đối với nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường” nhưng việc tiêu dùng xăng sinh học (E5 và E10 chưa thay thế được xăng khoáng do thói quen người tiêu dùng và ưu điểm của xăng khoáng. Do đó việc thay thế xăng khoáng cần có lộ trình. Mặt khác mặt hàng xăng hiện nay ngoài chịu thuế TTĐB còn chịu thuế bảo vệ môi trường. Do đó đề nghị xem xét giảm thuế suất đối với mặt hàng “xăng khoáng” nhưng có thể xem xét để điều chỉnh tăng thuế suất bảo vệ môi trường cho phù hợp với mục tiêu của thuế TTĐB.	Theo quy định của Luật Thuế TTĐB thì chỉ thu thuế TTĐB đối với xăng các loại, không thu thuế TTĐB đối với dầu. Mức thuế suất thuế TTĐB đối với xăng là 10%, xăng E5 là 8% và xăng E10 là 7%. Luật Thuế TTĐB không quy định giảm thuế, miễn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Về thẩm quyền, việc thực hiện điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB thuộc thẩm quyền của Quốc hội nên phải trình Quốc hội xem xét, quyết định. Xăng là nhiên liệu gốc hóa thạch, không tái tạo cần phải sử dụng tiết kiệm nên hầu hết các nước đều thu thuế TTĐB đối với mặt hàng xăng, ví dụ: Pháp, Đức, Ý, Anh, Hàn Quốc, Úc, Thái Lan, Sing-ga-po, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Lào... Tại Việt Nam, mặt hàng xăng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ năm 1995. Quy định này là phù hợp với mục tiêu của thuế TTĐB và phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó,

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu, cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị COP26 về đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, cùng với các giải pháp khác thì việc thu thuế TTĐB đối với xăng như hiện nay là phù hợp, góp phần giảm phát thải.
		Điểm c Khoản 6 Điều 6 quy định: “...kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm” đề nghị xem xét sửa đổi như sau: “.... “kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác pháp luật không cấm đi kèm”.	- Việc quản lý các hoạt động kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê và các dịch vụ khác trong cơ sở kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Đề nghị giữ như dự thảo
		Theo ý kiến của Hiệp hội mía đường thì: Tại dự thảo quy định “nước giải khát có đường theo tiêu chuẩn Việt Nam” thuộc đối tượng chịu thuế là không hợp lý, không phù hợp với thông lệ quốc tế về định nghĩa đồ uống có đường khi sử dụng biện pháp đánh thuế TTĐB và trong hoàn cảnh Việt Nam có thể dẫn đến bỏ sót đối tượng chịu thuế là nước giải khát có chứa đường và siro ngô HFCS. Do đó, Hiệp hội mía đường đề xuất: bỏ cụm từ “nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN)” thành đồ uống có đường bao gồm đồ uống chứa đường và đồ uống có chứa đường lỏng là siro ngô HFCS” và bỏ tiêu chí “hàm lượng đường trên 5g/100ml” vì không phù hợp thực tế và dẫn đến bỏ sót đối tượng chịu thuế. Đề nghị Ban soạn theo xem xét nội dung này.	Đã giải trình tại phần ý kiến của Hiệp hội mía đường.
	Cục thuế Tp. Hải Phòng	- Tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Dự thảo quy định đối tượng chịu thuế: “a) Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác; chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”. Tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá số	- Tiếp thu

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>09/2012/QH13 giải thích từ ngữ: “Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác”.</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất xem xét sửa Điểm a Khoản 1 Điều 2 Dự thảo thành “a) Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”.</p>	
		<p>- Tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Dự thảo quy định đối tượng chịu thuế: “b) Rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia bao gồm cả các loại đồ uống có cồn thực phẩm khác được lên men từ trái cây, ngũ cốc; đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm.”</p> <p>Tại Khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 giải thích từ ngữ “Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất xem xét sửa Điểm b khoản 1 Điều 2 Dự thảo thành: “Rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia” do khái niệm về rượu đã bao gồm cả loại hàng hóa là “đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.</p>	Tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật
		<p>- Tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Dự thảo quy định đối tượng chịu thuế: “c) Bia”</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề nghị làm rõ khái niệm “Bia” để làm cơ sở xác định đối tượng chịu thuế.</p> <p>Lý do: Nếu chỉ nêu tên hàng hóa chịu thuế là “Bia” thì sẽ lẫn sang cả các hàng hóa khác cũng có tên là “Bia” mà không phải là đồ uống (Ví dụ: Bia ngâm bắp...). Do vậy, đề nghị nêu rõ khái niệm “Bia” hoặc trích dẫn quy định chuyên ngành có liên quan. (Tại Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 ngày 14/6/2019 nêu khái niệm “Bia”: “Bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước”)</p>	Tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- Tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 Dự thảo quy định đối tượng chịu thuế: “d) Xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng.” Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất xem xét: + Bổ cụm từ “Xe có động cơ dưới 24 chỗ” do đối tượng chịu thuế TTĐB được quy định theo cách thức liệt kê, do vậy, được hiểu chỉ hàng hóa được liệt kê mới thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Việc quy định như trên tạo ra sự không rõ ràng trong việc xác định đối tượng và không cần thiết trong khi các hàng hóa cụ thể đã được liệt kê (tất cả xe có động cơ dưới 24 chỗ đều thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB?). + Đề nghị trích dẫn quy định chuyên ngành có liên quan hoặc giải thích rõ khái niệm “xe chở người bốn bánh có gắn động cơ” để làm cơ sở xác định đối tượng chịu thuế TTĐB do khái niệm “xe chở người bốn bánh có gắn động cơ” hiện đang được quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BTC ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>- Tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Dự thảo quy định đối tượng chịu thuế: “e) Máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền sử dụng cho mục đích dân dụng.” Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất quy định làm rõ “máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền” chịu thuế TTĐB là các loại “máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền” có động cơ và chở được người để tránh nhầm lẫn với các loại máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền là đồ chơi trẻ em có điều khiển từ xa.</p> <p>- Tại Điều 2 Dự thảo quy định: “Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này là sản phẩm hoàn chỉnh, không bao gồm linh kiện để lắp ráp các hàng hóa này” Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất bổ sung khái niệm về “sản phẩm hoàn chỉnh” được nêu tại quy định để thực hiện thống nhất.</p>	<p>- Theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, xe ô tô và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ thuộc nhóm xe có động cơ (mã HS 8702, 8703). Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã quy định máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền sử dụng cho mục đích dân dụng nên đã loại trừ các loại đồ chơi trẻ em.</p> <p>Việc xác định sản phẩm hoàn chỉnh căn cứ theo các nguyên tắc phân loại hàng hóa.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất bổ sung dịch vụ “Kinh doanh trò chơi điện tử trực tuyến” vào đối tượng chịu thuế TTĐB do việc chơi điện tử quá nhiều gây ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tâm thần người chơi. Mức thuế suất thuế TTĐB đề xuất đối với dịch vụ này là 10%.</p>	<p>Tại hồ sơ lập Đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi), Bộ Tài chính đã đề xuất bổ sung dịch vụ “Kinh doanh trò chơi điện tử trực tuyến” vào đối tượng chịu thuế TTĐB.</p> <p>Thực hiện kết luận tại cuộc họp Thường trực Chính phủ ngày 21/7/2023 về việc “<i>Trước mắt chưa đưa kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng vào đối tượng chịu thuế TTĐB; các bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các công cụ pháp lý (như cấp phép, sử dụng mã định danh cá nhân người dùng...) nhằm khắc phục, kiểm soát mặt hạn chế của kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng</i>”, Bộ Tài chính đã tiếp thu bổ nội dung “<i>kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng</i>” ra khỏi đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) lần này.</p>
	<p>Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch</p>	<p>- Về cơ bản nhất trí với chủ trương bổ sung nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100 ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB nhằm mục đích nâng cao sức khỏe của cộng đồng, phòng, chống tình trạng thừa cân, béo phì và các bệnh không lây nhiễm như tim mạch, đái tháo đường.</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh đối tượng chịu thuế TTĐB thành “nước giải khát theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml (trừ nước giải khát có chứa chè/trà và nước giải khát có chứa cà phê”.</p>	<p>Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) không đề xuất thu thuế TTĐB đối với các sản phẩm trà/chè và cà phê mà chỉ đề xuất thu thuế TTĐB đối với nước giải khát theo tiêu chuẩn Việt Nam có hàm lượng đường trên 5g/100ml trong đó bao gồm cả nước giải khát có chứa</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB chưa có đánh giá tác động về mặt văn hóa, xã hội của việc bổ sung các sản phẩm đồ uống cà phê, chè/trà vào đối tượng chịu thuế TTĐB. - Trà và cà phê không chỉ là các mặt hàng đồ uống thông thường mà là các sản phẩm mang tính truyền thống, đặc trưng, biểu tượng của nền văn hóa Việt Nam. Văn hóa uống trà và cà phê là một phần của đời sống văn hóa và tinh thần của người Việt, thể hiện sự gắn kết cộng đồng và bản sắc dân tộc. Việc áp dụng thuế TTĐB lên trà và cà phê (sản phẩm pha sẵn) với mục đích thay đổi thói quen, hành vi tiêu dùng của người dân sẽ làm trực tiếp tăng giá thành sản phẩm, đồng thời cũng có thể gián tiếp làm xói mòn các giá trị văn hóa mà người Việt đã giữ gìn và phát triển qua nhiều thế hệ. 	<p>trà/chè và cà phê là các loại đồ uống được pha chế sẵn, sản xuất theo dây chuyền công nghiệp, dùng để uống với mục đích giải khát. Việc thu thuế TTĐB đối với các sản phẩm này nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phù hợp với khuyến nghị của Tổ chức Y tế thế giới và các cơ quan bảo vệ sức khỏe.</p>
		<p>Về dịch vụ kinh doanh ka-ra-ô-kê, đề nghị điều chỉnh đối tượng chịu thuế TTĐB thành “kinh doanh ka-ra-ô-kê kết hợp bán bia, rượu hoặc thuốc lá”.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay, các dịch vụ ka-ra-ô-kê bao gồm nhiều mô hình khác nhau, từ ka-ra-ô-kê truyền thống phục vụ ăn uống, giải trí đến ka-ra-ô-kê dạng trò chơi điện tử tại các trung tâm thương mại. Do đó, cần phân loại rõ ràng các loại hình dịch vụ này để áp dụng mức thuế TTĐB phù hợp. Đối với việc kinh doanh ka-ra-ô-kê kết hợp bán bia, rượu hoặc thuốc lá là loại hình truyền thống thường gặp, có thể xem xét tiếp tục áp thuế TTĐB nhằm kiểm soát và hạn chế các tác động tiêu cực từ việc sử dụng rượu, bia, thuốc lá và các dịch vụ giải trí có tiềm ẩn nguy cơ tiêu cực khác. - Tuy nhiên, đối với việc kinh doanh ka-ra-ô-kê thuần túy, tức không kết hợp bán rượu, bia hoặc thuốc lá, có đặc điểm là các cơ sở ka-ra-ô-kê hướng đến đối tượng khách hàng gia đình, thanh thiếu niên, cần được xem xét đưa vào đối tượng không chịu thuế TTĐB. Loại hình kinh doanh ka-ra-ô-kê này không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và môi trường, không có nguy cơ gây mất trật tự an ninh, không thuộc đối tượng cần hạn chế kinh doanh. - Thậm chí, xét về khía cạnh văn hóa, giải trí, ka-ra-ô-kê còn là công cụ giao tiếp và kết nối con người hiệu quả. Việc điều chỉnh phạm vi loại hình ka-ra-ô-kê phù hợp thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB sẽ có tác động hai 	<p>Luật thuế TTĐB quy định đối tượng chịu thuế theo hàng hóa dịch vụ, không phân biệt theo tổ chức kinh doanh. Việc quy định đối tượng chịu thuế dựa trên tổ chức kinh doanh sẽ gây phức tạp trong việc quản lý thuế.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>chiều, vừa hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, vừa đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước, tạo ra một môi trường kinh doanh và giải trí lành mạnh, văn minh, an toàn cho mọi lứa tuổi, đặc biệt là gia đình và thanh thiếu niên.</p>	
		<p>Về dịch vụ kinh doanh mát-xa (đối tượng chịu thuế tiêu đặc biệt theo Luật thuế TTĐB năm 2008), tại điểm c khoản Điều Dự thảo Luật Thuế TTĐB, đề nghị điều chỉnh giá tính thuế TTĐB đối với kinh doanh mát-xa không bao gồm doanh thu dịch vụ ăn uống và dịch vụ khác đi kèm.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành, nghề mát-xa là ngành dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người, đã phát triển nhiều năm gần đây và sẽ tiếp tục trở thành xu hướng trong tương lai do không chỉ mang lại lợi ích về thư giãn tinh thần mà còn lợi ích về trị liệu sức khỏe. Hoạt động mát-xa không chỉ phục vụ người dân nói chung mà còn thu hút khách du lịch nói riêng. Đặc biệt, sau giai đoạn hậu đại dịch COVID-19, trên toàn quốc, ngành du lịch chăm sóc sức khỏe đã trở thành một xu thế quan trọng với vai trò vừa là một sản phẩm có giá trị cao, vừa góp phần mang lại doanh thu cho ngành, địa phương. - Do đó, cần từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở, doanh nghiệp, khuyến khích phát triển kinh doanh dịch vụ mát-xa và về lâu dài, cần nhắc xem xét không áp dụng thuế TTĐB đối với dịch vụ kinh doanh mát-xa. 	<p>Trên thực tế, các dịch vụ ăn uống và dịch vụ khác đều nằm trong gói dịch vụ mát-xa. Việc tách riêng doanh thu từng dịch vụ gây khó khăn cho việc quản lý, do vậy đề nghị giữ dự thảo Luật.</p>
Bộ Y tế Bộ Tư pháp		<p>Theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (Luật PCTHTL) tại Điều 2 về giải thích từ ngữ:</p> <p>Khoản 1 quy định về thuốc lá: "<i>Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác</i>".</p> <p>Khoản 2 quy định về sử dụng thuốc lá: "<i>Sử dụng thuốc lá là hành vi hút, nhai, ngửi, hít, ngậm sản phẩm thuốc lá</i>"</p> <p>Khoản 3 quy định về khái niệm nguyên liệu thuốc lá: "<i>Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tẩm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá</i>".</p> <p>Tuy nhiên, tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) quy định:</p> <p><i>"Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá</i></p>	<p>- Tiếp thu quy định tại dự thảo Luật như sau: "<i>Thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu; xì gà; thuốc lá sợi; thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm</i>"</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>bao gồm thuốc lá điếu; xì gà; thuốc lá sợi; thuốc lá hoặc các dạng khác; và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngấm”.</i></p> <p>Việc kết hợp 3 khái niệm của Luật PCTHTL thành 1 khái niệm thuốc lá trong dự thảo Luật thuế TTĐB là không thống nhất về mặt ngữ nghĩa với Luật PCTHTL, cụm từ “<i>chế phẩm khác từ cây thuốc lá</i>” cũng chưa được xác định trong Luật PCTHTL.</p> <p>Do đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật, đề nghị sửa điểm a khoản 1 điều 2 dự thảo Luật như sau: “<i>Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác”.</i></p> <p>Bên cạnh đó, tại phần biểu thuế xuất hiện tính thuế thuốc lá trên đơn vị tính trên minilit (ml) của thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác là không phù hợp với mô tả sản phẩm thuốc lá trong khái niệm thuốc lá. Các Luật thuế TTĐB từ trước đến nay cũng chỉ tính thuế trên đơn vị tính là bao, điếu hoặc gam. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo không bổ sung đơn vị tính trên ml đối với thuốc lá tại Dự thảo thuế lần này.</p>	<p>- Trong trường hợp thuốc lá ở dạng lỏng/dung dịch thì cần thiết quy định đơn vị tính trên minilit để bao quát các trường hợp trên thực tế có thể phát sinh.</p>
		<p>Bộ Y tế nhất trí áp thuế TTĐB đối với nước giải khát chỉ với loại có chứa đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam.</p> <p>Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, bổ sung theo lộ trình các loại đồ uống có đường khác để phù hợp với định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới, gồm các loại đồ uống có chứa đường tự do: Nước ngọt có ga hoặc không có ga; Nước ép và đồ uống từ trái cây/rau củ; Chất cô đặc dạng bột và lỏng; Nước có pha chế hương liệu; Nước tăng lực và đồ uống cho người chơi thể thao; Trà pha sẵn; Cà phê pha sẵn; và Đồ uống sữa có pha chế hương liệu, theo định nghĩa này thì còn một số loại chưa được bao hàm trong khái niệm nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam.¹</p>	<p>Đây là mặt hàng mới được đề xuất bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB nên bắt đầu với nước giải khát có đường, hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu loại nước giải khát có hàm lượng thấp, cũng như nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, điều chỉnh hành vi tiêu dùng sản</p>

¹ Theo WHO, đồ uống có đường (ĐUCĐ) là tất cả các loại đồ uống có chứa đường tự do, bao gồm: Nước ngọt có ga hoặc không có ga; Nước ép và đồ uống từ trái cây/rau củ; Chất cô đặc dạng bột và lỏng; Nước có pha chế hương liệu; Nước tăng lực và đồ uống cho người chơi thể thao; Trà pha sẵn; Cà phê pha sẵn; và Đồ uống sữa có pha chế hương liệu; World Health Organization, Global report on the use of sugar-sweetened beverage taxes 2023,

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Về hàm lượng đường trong nước giải khát, cần cân nhắc nếu chỉ quy định 1 mức từ 5g/100ml trở lên. Theo kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy cần phải chia hàm lượng đường theo các mức độ khác nhau, hàm lượng đường càng cao thì tỷ lệ thuế càng cao, mục tiêu là giảm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có lượng đường cao hơn. Ví dụ: tại Ireland, áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng: từ 5g-8g/100ml và > 8g/100ml; Tại Vương quốc Anh: áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng từ 5g-8g/100ml và > 8g/100ml; Tại Bồ Đào Nha: áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng: từ 5g-8g/100ml và > 8g/100ml; Tại Tây Ban Nha: áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng: đồ uống có hàm lượng đường 0-8g/100ml và đồ uống hàm lượng đường > 8g/100ml.²</p> <p>Như vậy, theo kinh nghiệm phổ biến có thể chia hàm lượng đường theo 2 mức: từ 5g-8g/100ml và trên 8g/100ml.</p>	<p>phẩm ít có hại hơn.</p> <p>Sau thời gian thực hiện sẽ tiếp tục tổng kết và nghiên cứu đề xuất phù hợp thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế.</p>
Ô tô	Bộ Công An	<p>Tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật về đối tượng chịu thuế là xe có động cơ dưới 24 chỗ, đề nghị bổ sung cụm từ “không bao gồm xe ô tô dưới 24 chỗ phục vụ an ninh”.</p>	<p>- Dự thảo Luật đã bổ sung các loại xe ô tô chuyên dụng do Chính phủ quy định thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
Thuốc lá, nước giải khát, xăng, điều hòa	Bộ Tư pháp	<p>- Điểm a, b khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định đối tượng chịu thuế đối với thuốc lá và rượu như sau:</p> <p>“a) Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu,; xì gà,; thuốc lá sợi; thuốc lá hoặc các dạng khác; và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm.</p> <p>b) Rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, bao gồm cả các loại đồ uống có cồn thực phẩm khác được lên men từ trái cây, ngũ cốc; đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.</p> <p>Tuy nhiên, quy định trên chưa hoàn toàn thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống tác hại thuốc lá và khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống tác hại rượu bia giải thích từ ngữ về thuốc lá và rượu. Vì vậy, đề</p>	<p>- Đã giải trình ý kiến Bộ Y tế.</p>

² Nguồn: Implementing sugar-sweetened beverage taxes: Considerations for European policymakers, World Obesity Federation

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>ngợi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý nội dung trên cho phù hợp với pháp luật chuyên ngành khi đã có quy định cụ thể thể nào là thuốc lá, rượu. Để đảm bảo tính thống nhất, đối tượng chịu thuế TTĐB có thể liệt kê cụ thể hoặc dẫn chiếu đến pháp luật chuyên ngành, không nên vừa quy định theo pháp luật chuyên ngành vừa liệt kê sẽ không đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật.</p> <p>Bên cạnh đó, điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định bia là đối tượng chịu thuế nhưng không dẫn chiếu theo quy định của Luật Phòng chống tác hại rượu bia. Do đó, để đảm bảo tính nhất quán trong việc dẫn chiếu văn bản chuyên ngành tương tự như đối với thuốc lá và rượu, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý nội dung trên cho thống nhất.</p> <p>- Điểm l khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định: “Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN),) có hàm lượng đường trên 5g/100ml”. Đây là đối tượng mới được bổ sung so với quy định của Luật Thuế TTĐB hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ đối với trường hợp nhập khẩu nước giải khát theo tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tiêu chuẩn khác TVCN có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào Việt Nam thì có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay không? đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung trên để đảm bảo tính công khai, minh bạch.</p> <p>- Hiện nay, đối tượng chịu thuế tại dự thảo Luật cơ bản kế thừa đối tượng chịu thuế quy định tại Luật hiện hành. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá toàn diện hơn để có cơ sở đề xuất việc loại bỏ một số mặt hàng đang chịu thuế TTĐB hiện hành ra khỏi đối tượng chịu thuế. Ví dụ như: (1) xăng E5- E10 là loại xăng có hàm lượng 5%, 10% cồn sinh học là đầu vào của nhiều ngành sản xuất nên việc đánh thuế TTĐB có thể sẽ không còn hợp lý và chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội hiện nay (mục đích của thuế TTĐB là định hướng tiêu dùng nhưng do chưa có mặt hàng khác thay thế xăng cho ngành sản xuất nên không có lựa chọn để thay thế); (2) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống, hiện nay điều hòa nhiệt độ đã trở thành mặt hàng phổ thông và được sản xuất với</p>	<p>Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB tại Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB (kèm theo Tờ trình Chính phủ) và rà soát các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế theo Luật thuế TTĐB hiện hành. Bộ Tài chính thấy rằng các hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB đều đã được thực</p>

NHIỆM VỤ VÀ ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>công nghệ investor nên cần thiết có đánh giá tác động nếu tiếp tục đưa vào đối tượng chịu thuế TTĐB. Trường hợp cần thiết đánh thuế điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống vì mục tiêu bảo vệ môi trường, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chia nhiều mức công suất tương ứng với mức thuế suất tương ứng (thực tế hiện nay điều hòa công suất 9.000 BTU và 12.000 BTU đã trở thành mặt hàng thông dụng trong các gia đình) để đảm bảo tính công bằng khi xác định mục tiêu bảo vệ môi trường.</p>	<p>hiện ổn định, góp phần thực hiện đúng các mục tiêu của Luật thuế TTĐB đề ra, bao gồm các mục tiêu khuyến khích tiêu dùng hợp lý, hướng dẫn hạn chế sản xuất, tiêu dùng, định hướng tiêu dùng tiết kiệm hoặc điều tiết thu nhập và tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Căn cứ Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, việc giữ các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế theo Luật thuế TTĐB hiện hành và nghiên cứu bổ sung đối tượng chịu thuế, mở rộng cơ sở thuế là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và xu hướng quốc tế hiện nay.</p> <p>Đối với mặt hàng xăng, điều hòa nhiệt độ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xăng sinh học E5, E10 được pha chế theo tỷ lệ tương ứng 95%, 90% xăng RON92 và 5%, 10% cồn sinh học. Xăng là nhiên liệu gốc hóa thạch, không tái tạo cần phải sử dụng tiết kiệm nên hầu hết các nước đều thu thuế TTĐB đối với mặt hàng xăng, thu thuế TTĐB thấp hơn đối với mặt hàng xăng sinh học. Ví dụ: Pháp, Đức, Ý, Anh, Hàn Quốc, Úc, Thái Lan, Sing-

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>ga-po, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Lào... Tại Việt Nam, để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, Luật thuế TTĐB đã quy định mức thuế suất ưu đãi đối với mặt hàng xăng E5 là 8%, E10 là 7% (thấp hơn so với mức thuế suất 10% áp dụng đối với mặt hàng xăng khoáng).</p> <p>Mặt hàng xăng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại Việt Nam từ năm 1995. Số thu thuế TTĐB đối với mặt hàng xăng các loại năm 2021 đạt khoảng 9.777 tỷ (bao gồm cả khâu nhập khẩu và nội địa), chiếm 6,88% tổng thu thuế TTĐB.</p> <p>Quy định này là phù hợp với mục tiêu của thuế TTĐB là điều tiết tiêu dùng đối với hàng hóa cần sử dụng tiết kiệm và phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu, cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị COP26 về đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, cùng với các giải pháp khác thì việc thu thuế TTĐB đối với xăng (bao gồm cả xăng E5, E10) như hiện nay là phù hợp, góp phần giảm phát thải và định hướng tiêu dùng tiết kiệm.</p> <p>- Máy điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống phục vụ nhu</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>cầu cá nhân sử dụng năng lượng điện lớn, là một trong những tác nhân khiến trái đất nóng lên. Bên cạnh đó, những chất làm mát phổ biến ở máy điều hòa (như chất hydroflouorocarbon HFC...) còn gây hại cho tầng ôzôn và ô nhiễm môi trường.</p> <p>Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, một số nước thu thuế TTĐB đối với mặt hàng điều hòa như Hàn Quốc, Ấn Độ. Nay đánh thuế TTĐB đối với chất HFC dùng trong điều hòa. Tại Châu Âu, để tiết kiệm năng lượng, nhiều nước có quy định hạn chế sử dụng điều hòa (ví dụ: ở Tây Ban Nha cấm đặt điều hòa dưới 27 độ; ở Anh, để lắp đặt điều hòa chủ nhà phải xin giấy phép, sau khi lắp đặt, điều hòa cũng được thường xuyên kiểm tra về mức độ tiết kiệm năng lượng, khả năng vận hành...).</p> <p>Tại Việt Nam, số thu thuế TTĐB đối với mặt hàng điều hòa năm 2021 đạt khoảng 2.256 tỷ (bao gồm cả khâu nhập khẩu và nội địa), chiếm 1,78% tổng thu thuế TTĐB.</p> <p>Do vậy, cần tiếp tục thu thuế TTĐB đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống để nâng cao nhận thức về việc hạn chế tiêu dùng, định hướng tiêu dùng tiết</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			kiệm điện, bảo vệ môi trường sống.
Thuốc lá	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị Cơ quan soạn thảo thuyết minh cơ sở đưa ra mức thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá; đánh giá ưu, nhược điểm khi áp dụng thu thuế TTĐB để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới nêu tại Điều 2.7 dự thảo Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, đề nghị làm rõ khái niệm “các dạng khác” tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật là chế phẩm từ thuốc lá hay thuốc láo để có cơ sở áp dụng thống nhất.	Đã tổng hợp tiếp thu tại hồ sơ Luật
Rượu, bia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Bộ Tài chính tham khảo ý kiến của các Hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng này để đưa ra lộ trình tăng thuế suất phù hợp với sự phát triển của ngành, đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu NSNN. - Đề nghị sửa khái niệm về “rượu”, “bia” tại Điều 2 Dự thảo Luật, đảm bảo phù hợp với Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; bổ sung thuyết minh lý do đề xuất các phương án tăng thuế đối với rượu, bia và phân tích về ưu, nhược điểm của các phương án tại dự thảo Tờ trình. 	- Đã tổng hợp tiếp thu tại hồ sơ luật.
Điều hòa nhiệt độ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị Bộ Tài chính tham vấn ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để xem xét giữ lại hay bỏ mặt hàng điều hòa nhiệt độ ra khỏi danh sách đối tượng chịu thuế TTĐB, đặc biệt đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất dưới 18.000 BTU là mặt hàng bình dân, hiện đang được sử dụng phổ biến. Trường hợp tiếp tục đề xuất áp thuế TTĐB, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung đánh giá mức độ phát thải khi sử dụng mặt hàng này, đề xuất phương án giảm thuế suất xuống mức phù hợp.	Đã giải trình tại ý kiến của Bộ Tư pháp.
3. Đối tượng không chịu thuế			
	Bộ Quốc phòng	<p>Đề nghị bổ sung vào dự thảo tại Điều 3. Đối tượng không chịu thuế: <i>Hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng (hoặc hàng hóa mua sắm để hình thành tài sản công trong Bộ Quốc phòng)</i></p> <p>Lý do: Toàn bộ các nội dung mua sắm hàng hóa, trang thiết bị quân sự phục vụ nhiệm vụ quốc phòng (bao gồm chi phí để thực hiện hợp đồng) đều sử dụng kinh phí từ các nguồn vốn của Nhà nước giao, vì vậy việc áp dụng thuế TTĐB đối với hàng hóa mua sắm phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng về bản chất không làm tăng nguồn thu NSNN.</p>	<p>Các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB là hàng hóa, dịch vụ thuộc diện hạn chế tiêu dùng, điều tiết thu nhập.</p> <p>Tại Luật thuế TTĐB (dự thảo Luật) chỉ quy định đối tượng không chịu thuế TTĐB theo mục đích sử dụng</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trong đó đã có hàng hóa như máy bay, trực thăng, tàu lượn, xe chuyên dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng.
	Bộ Giao thông vận tải	Dự thảo Nghị định quy định đối tượng chịu thuế TTĐB đối với “xe có động cơ dưới 24 chỗ”, như vậy bao gồm cả xe ô tô dưới 24 chỗ chuyên đưa, đón trẻ em mầm non, học sinh... tại các trường học. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu chính sách thuế TTĐB đối với xe ô tô chuyên đưa, đón trẻ em mầm non, học sinh... để khuyến khích phát triển loại xe này, do xe ô tô chuyên chở trẻ em mầm non, học sinh đã được phổ biến tại nhiều nước trên thế giới nhưng chưa phát triển tại Việt Nam vì nhiều lí do, trong đó chưa có chính sách thuế phù hợp để khuyến khích việc sản xuất, nhập khẩu, lưu hành loại xe này do phạm vi sử dụng loại xe này chỉ hạn chế trong việc đưa đón trẻ em mầm non, học sinh, không sử dụng vào mục đích kinh doanh vận tải chở hành khách như các xe ô tô vận chuyển hành khách đang được sử dụng để kết hợp việc kinh doanh chở hành khách và đưa đón trẻ em mầm non, học sinh hiện nay. Việc phát triển loại xe ô tô chuyên để chở trẻ em mầm non, học sinh là một nhu cầu của xã hội cần được quan tâm, phát triển trong thời gian tới.	Đề xuất của Bộ GTVT về việc đưa loại xe ô tô có động cơ dưới 24 chỗ chuyên để chở trẻ em mầm non, học sinh vào đối tượng không chịu thuế hiện chưa có cơ sở vì dựa trên mục đích sử dụng và khó phân biệt được loại xe này trên thực tế tại thời điểm thu thuế TTĐB.
	UBND tỉnh Lạng Sơn	Tại điểm c khoản 2 Điều 3 Dự thảo có ghi: “ <i>Trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất...</i> ”. Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung thành: “ <i>Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu...</i> ”. Lý do: đảm bảo diễn đạt đúng thuật ngữ chuyên ngành.	Tiếp thu, tổng hợp vào dự thảo Luật
	Cục thuế TP Hải Phòng	- Bổ sung hàng mẫu nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế: Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất xem xét bổ sung đối tượng không chịu thuế đối với “Hàng hóa là hàng mẫu nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Lý do: Theo quy định tại Khoản 10 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thì “Hàng hóa không nhằm mục đích thương mại trong các trường hợp sau: hàng mẫu...” thuộc đối tượng miễn thuế. Tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của	Đây là nội dung chính sách mới, không có trong đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) trình UBTVQH, do đó cần tiếp tục tổng kết, đánh giá.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Chính phủ quy định: “1. Hàng mẫu...có trị giá hải quan không vượt quá 50.000 đồng Việt Nam hoặc đã được xử lý để không thể được mua bán hoặc sử dụng, chỉ để làm mẫu.” được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>Như vậy, trường hợp hàng mẫu được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là hàng hóa chỉ để làm mẫu, không được sử dụng (một số hàng hóa đã được xử lý để không thể được mua bán hoặc sử dụng).</p>	
		<p>- Tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Dự thảo quy định:</p> <p>“c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, xuất khẩu trong thời hạn theo quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế TTĐB.”</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất xem xét:</p> <p>+ Bổ cụm từ “bán ra”. Lý do: theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về hải quan thì trước khi doanh nghiệp bán hàng hóa thì phải thực hiện thủ tục thay đổi mục đích tại cơ quan hải quan. Do vậy, chỉ cần quy định “...hoặc thay đổi mục đích sử dụng”</p> <p>+ Xem xét lại quy định nộp thuế TTĐB đối với trường hợp quá thời hạn tái nhập hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm xuất. Lý do: trong trường hợp này thì hàng hóa không còn được tiêu dùng tại Việt Nam.</p>	<p>- Đề nghị giữ nguyên để đảm bảo minh bạch.</p> <p>- Trường hợp đã quá thời hạn tái nhập hàng hóa mới được nhập về Việt Nam, hoặc đang trong thời hạn tái xuất nhưng thay đổi mục đích sử dụng, nhập khẩu trở về Việt Nam để bán thì vẫn là tiêu dùng tại Việt Nam. Đề nghị giữ như dự thảo.</p>
		<p>- Tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Dự thảo quy định:</p> <p>“d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; hàng nhập khẩu đã bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>- Tại thời điểm nhập khẩu, hàng hóa nhập khẩu chỉ xác định được là để bán tại cửa hàng miễn thuế thì vẫn nộp thuế theo quy định. Số thuế TTĐB khâu nhập khẩu sẽ được khấu trừ khi</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề nghị xem xét giữ nguyên từ “đề” bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật (không sử dụng từ “đã”).</p> <p>Lý do: Tại thời điểm nhập khẩu hàng hóa thì hàng hóa nhập khẩu chỉ xác định được là “đề” bán tại cửa hàng miễn thuế, chưa thể phát sinh “đã” bán tại cửa hàng miễn thuế để thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu.</p>	<p>hàng hóa bán ra.</p> <p>- Dự thảo Luật đề xuất chỉ có hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế mới thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB để đảm bảo tránh gian lận trong quá trình thực hiện.</p>
		<p>- Tại Điểm đ Khoản 2 Điều 3 Dự thảo quy định:</p> <p>“đ) Hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu.”</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề nghị xem xét sửa đổi thành “Hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu với điều kiện hàng hóa chưa qua gia công, chế biến, sử dụng và hàng hóa đã được nộp thuế TTĐB tại khâu sản xuất, nhập khẩu ban đầu”.</p>	
		<p>Tại Điều 3 Dự thảo bãi bỏ quy định về đối tượng không chịu thuế đối với: “5. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hóa từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ”.</p> <p>Tại Khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu định nghĩa “Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam...; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.”</p> <p>- Đối với trường hợp hàng hóa nội địa bán vào khu phi thuế quan hoặc mua bán giữa các khu phi thuế quan:</p> <p>Tại Khoản 50 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 quy định đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu của Doanh nghiệp chế xuất:</p> <p>“1. Hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu của DNCX phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định và sử dụng đúng với mục đích sản xuất, trừ các trường hợp sau DNCX và đối tác của</p>	<p>- Doanh nghiệp lựa chọn mở hay không mở tờ khai vẫn phải nộp thuế theo quy định của dự thảo Luật thuế TTĐB.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>DNCX được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan:</p> <p>a) Hàng hóa mua, bán, thuê, mượn giữa các DNCX với nhau. Trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị của hợp đồng gia công giữa các DNCX thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Thông tư này;</p> <p>b) Hàng hóa là vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng mua từ nội địa để xây dựng công trình, phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại DNCX;</p> <p>c) Hàng hóa luân chuyển trong nội bộ của một DNCX, luân chuyển giữa các DNCX trong cùng một khu chế xuất;</p> <p>d) Hàng hóa của các DNCX thuộc một tập đoàn hay hệ thống công ty tại Việt Nam, có hạch toán phụ thuộc;</p> <p>đ) Hàng hóa đưa vào, đưa ra DNCX để bảo hành, sửa chữa hoặc thực hiện một số công đoạn trong hoạt động sản xuất như: kiểm tra, phân loại, đóng gói, đóng gói lại...”</p> <p>Tại Khoản 3 Điều 7 Dự thảo quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB: “3. Thời điểm xác định thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.”</p> <p>Như vậy, đối với trường hợp hàng hóa mua bán giữa các khu phi thuế quan và một số trường hợp hàng hóa nội địa bán vào khu phi thuế quan doanh nghiệp có thể lựa chọn mở tờ khai hoặc không mở tờ khai. Nếu doanh nghiệp lựa chọn không mở tờ khai thì thời điểm xác định thuế TTĐB đối với những trường hợp này như thế nào?</p>	
		<p>- Đối với trường hợp hàng hóa gửi kho ngoại quan:</p> <p>Khoản 10 Điều 4 Luật Hải quan năm 2014 định nghĩa: “10. Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam.”</p> <p>Khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: “Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo</p>	<p>- Hàng hóa gửi trong kho ngoại quan là <u>hàng hóa đã làm thủ tục hải quan</u> được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam, do đó không phát sinh nghĩa vụ thuế.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế, kho ngoại quan,...”.</p> <p>Việc quy định hàng hóa gửi kho ngoại quan cũng thuộc đối tượng chịu thuế sẽ phát sinh bất cập:</p> <p>+ Trường hợp hàng hóa gửi kho ngoại quan sau đó nhập khẩu vào Việt Nam: hàng hóa sẽ bị đánh thuế TTĐB 02 lần (khi nhập kho ngoại quan và khi nhập khẩu vào Việt Nam).</p> <p>+ Đối với trường hợp hàng hóa gửi kho ngoại quan để xuất khẩu ra nước ngoài thì hàng hóa không được tiêu dùng tại Việt Nam (kho ngoại quan chỉ là địa điểm trung chuyển hàng hóa) thì việc thu thuế TTĐB là không hợp lý.</p> <p>+ Nếu hàng hóa gửi kho ngoại là hàng hóa của chủ hàng nước ngoài, nếu thực hiện thu thuế TTĐB thì ai sẽ là người nộp thuế TTĐB?</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất bổ sung đối tượng không chịu thuế là hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào kho ngoại quan, hàng hóa từ nội địa đưa vào kho ngoại quan.</p>	
	Bộ Công An	<p>Tại Điều 3 dự thảo Luật về đối tượng không chịu thuế, đề nghị chỉnh lý một số điểm như sau:</p> <p>a) Tại điểm b khoản 2 về hàng hóa quá cảnh không thuộc đối tượng chịu thuế, đề nghị chỉnh lý cụm từ “hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật thương mại” thành “hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương”.</p>	<p>- Điều 241 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định về quá cảnh hàng hóa như sau: “<i>Quá cảnh hàng hóa là việc vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam, kể cả việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác được thực hiện trong thời gian quá cảnh.</i>”</p> <p>- Khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định: “<i>Hoạt động ngoại thương là hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu.</i>”</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p><i>nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; chuyên khẩu; quá cảnh và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</i></p> <p>- Điều 44, 45, 46, 47 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định về cho phép, nguyên tắc, cửa khẩu, tuyến đường, thời gian... quá cảnh.</p> <p>- Hoạt động quá cảnh được quy định tại cả Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương. Do vậy, Tiếp thu ý kiến của Bộ Công An, sửa đổi quy định “Hàng hóa quá cảnh <i>theo quy định của pháp luật thương mại, pháp luật quản lý ngoại thương</i>” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p>
		<p>b) Tại điểm c khoản 2 về hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu... không thuộc đối tượng chịu thuế, đề nghị chỉnh lý như sau cho rõ ràng, đầy đủ: “<i>Trường hợp quá thời hạn tạm nhập khẩu, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hoặc trong thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập mà thay đổi mục đích thành mua vào hoặc bán ra, nếu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế TTĐB.</i>”</p>	
		<p>c) Đề nghị cân nhắc bỏ quy định đối tượng không chịu thuế là hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài vì phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu (điểm đ); nên quy định loại hàng hóa này thuộc đối tượng được hoàn thuế thì phù</p>	<p>Việc quy định hoàn thuế sẽ tăng thu tục cho doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị giữ dự thảo.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hợp hơn.</p> <p>d) Tại khoản 3, đề nghị giữ nguyên quy định là “tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” thay vì chỉ quy định “máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” như dự thảo Nghị định đề đảm bảo các phương tiện bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng đều thuộc đối tượng không chịu thuế do Luật Hàng không dân dụng Việt Nam quy định tàu bay bao gồm máy bay, trực thăng, tàu lượn, khí cầu và các thiết bị bay khác.</p>	<p>- Tại điểm e khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định “máy bay, trực thăng, tàu lượn” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Các tàu bay khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
4. Người nộp thuế			
	Cục thuế Tp. Hải Phòng	<p>Tại Khoản 1 Điều 4 Dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) quy định người nộp thuế: “Người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB...”</p> <p>Tại Khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH15 quy định về người nộp thuế bao gồm:</p> <p>“a) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</p> <p>b) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước...”</p> <p>Đề đồng bộ với pháp luật quản lý thuế, Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất sửa đổi quy định về người nộp thuế tại Khoản 1 Điều 4 Dự thảo như sau: “Người nộp thuế TTĐB là tổ chức, hộ, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB...”</p> <p>Tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) quy định người nộp thuế:</p> <p>“a) Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã.”</p> <p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề xuất sửa đổi “tổ chức kinh doanh” thành “tổ chức kinh tế” do không có quy định khái niệm về “tổ chức kinh doanh” mà chỉ có khái niệm về “tổ chức kinh tế” theo quy định tại Khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư.</p>	<p>- Nội dung quy định cụ thể về người nộp thuế sẽ được hướng dẫn tại văn bản dưới Luật.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
5. Giá tính thuế	UBND tỉnh Bắc Ninh	<p>Đề nghị sửa đổi khoản 1,2 Điều 6 dự thảo Luật:</p> <p>1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do ese tổ chức, cá nhân sản xuất, ese tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Trường hợp hàng hóa chịu thuế TTĐB được bán cho ese doanh nghiệp kinh doanh thương mại là ese doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với ese doanh nghiệp sản xuất, ese doanh nghiệp nhập khẩu hoặc ese doanh nghiệp kinh doanh thương mại là ese doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm (%) so với giá bình quân của các ese doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua trực tiếp của ese doanh nghiệp sản xuất, ese doanh nghiệp nhập khẩu bán ra theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có). Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung thì giá tính thuế TTĐB không bao gồm số thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung được miễn, giảm. Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra.</p> <p>Lý do: Lặp từ, lỗi chính tả.</p>	<p>- Quy định như dự thảo Luật nhằm minh bạch về nội dung, đề nghị giữ như dự thảo</p> <p>- Quy định như dự thảo Luật nhằm minh bạch về nội dung, đề nghị giữ như dự thảo</p>
		<p>Đề nghị bổ sung khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật:</p> <p>5. Đối với hàng hóa bán theo phương thức ...</p>	<p>- Quy định như dự thảo Luật đảm bảo không khác với quy định về giá tính</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được bán kèm theo dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó thì giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương <u><i>có bao gồm giá của dịch vụ cho thuê hoặc bộ phận</i></u> được bán tại thời điểm phát sinh.</p> <p>Lý do: tại mục 5.4 Phụ lục bản thuyết minh chi tiết đã nêu rõ giá tính thuế.</p>	<p>thuế của hàng hóa nguyên chiếc bán ra (và đã đảm bảo bao gồm cả giá dịch vụ cho thuê), đề nghị giữ như dự thảo</p>
	<p>UBND tỉnh Bắc Ninh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam</p>	<p>Đề xuất bỏ cụm từ tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Luật: “Đối với mặt hàng thuốc lá, giá tính thuế TTĐB gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ quy định tại Luật phòng chống tác hại của thuốc lá”</p> <p>Lý do: Căn cứ quy định tại Điều 30 Luật số 09/2012/QH13 và Điều 4 Thông tư số 45/2014/TT-BTC thì cùng một khoản đóng góp bắt buộc nhưng hai văn bản luật quy định kê khai cùng thời điểm nên rất khó khăn cho người nộp thuế xác định, tính giá tính thuế TTĐB trước hay tính các khoản đóng góp bắt buộc trước, khoản đóng góp bắt buộc này như một khoản doanh nghiệp thu hộ Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá, không phải khoản lợi ích mà doanh nghiệp thu được. Hơn nữa dự thảo Luật thuế TTĐB đã bổ sung mức thuế tuyệt đối với thuốc lá, nên quy định giá tính thuế TTĐB bao gồm các khoản đóng góp bắt buộc là chưa phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu, không bổ sung vào dự thảo Luật quy định: “Đối với mặt hàng thuốc lá, giá tính thuế TTĐB gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ quy định tại Luật phòng chống tác hại của thuốc lá”</p> <p>Lý do: Điều 30 Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá quy định nguồn hình thành và nguyên tắc sử dụng Quỹ</p> <p>“1. Quỹ được hình thành từ các nguồn sau đây: a) Khoản đóng góp bắt buộc (ĐGGB) của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá tính thuế TTĐB theo lộ trình: 2,0% từ ngày 01/5/2019. Khoản đóng góp bắt buộc được khai, nộp cùng với thuế TTĐB do cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá tự khai, tự tính, tự nộp vào tài khoản của Quỹ;”</p> <p>Khoản ĐGGB được doanh nghiệp nộp thẳng cho Quỹ PCTHTL và tính trên giá tính thuế TTĐB nên tại thời điểm tính thuế TTĐB để nộp NSNN khoản thuế TTĐB, doanh nghiệp đồng thời tính khoản ĐGGB trên giá tính thuế</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			TTDB và nộp cho Quỹ PCTHTL khoản ĐGGB, do đó giá tính thuế TTDB không bao gồm khoản ĐGGB.
	Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA)	<p>Liên quan đến nội dung quy định tại khoản 1, Điều 6 của dự thảo Luật, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế trong trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường. Cụ thể:</p> <p><i>“Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”</i></p> <p>Để các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô có thể thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ nộp thuế, tránh các vướng mắc phát sinh, VAMA đề xuất bổ sung định nghĩa làm rõ “giá giao dịch thông thường trên thị trường” áp dụng làm căn cứ giá tính thuế cho mặt hàng ô tô và hướng dẫn thực hiện cho các trường hợp quy định tại điều khoản trên.</p> <p>Ngoài ra, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu xe ô tô về làm tài sản cố định để nghiên cứu, thử nghiệm thì phải xuất hóa đơn và nộp thuế TTDB bổ sung. Khi đó, giá của hàng hóa trên hóa đơn GTGT sẽ là giá bán đã có thuế TTDB. Tuy nhiên, những xe này chưa có trên thị trường Việt Nam ở thời điểm hiện tại. Do đó doanh nghiệp không có giá của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương để tính nộp thuế TTDB đầu ra. Đề nghị Luật hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này.</p>	<p>Tại Luật Quản lý thuế (Điều 14) quy định người nộp thuế bị ấn định thuế khi thuộc một trong các trường hợp: “Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh nhằm mục đích giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế”</p> <p>Tại khoản 2 Điều 50 Luật Quản lý thuế quy định căn cứ ấn định thuế. Quy định tại dự thảo là thống nhất với quy định của pháp luật quản lý thuế.</p>
	Bộ Kế hoạch Đầu tư	Đề nghị quy định rõ khái niệm “giá giao dịch thông thường trên thị trường”, tránh gây vướng mắc trong việc xác định đối tượng chịu thuế và người nộp thuế.	
6. Thuế suất			
6.1. Thuế suất thuế TTDB đối với thuốc lá			
	53 đơn vị nhất trí	Về 02 Phương án thuế suất, bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với thuốc lá	Tiếp thu, Tổng hợp Tờ trình

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>hoàn toàn với Bộ Tài chính, bao gồm Phương án 2 về lộ trình tăng thuế đối với thuốc lá, rượu, bia:</p> <p>Các Bộ: Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Công An, Bộ TTTT, Bộ TN&MT, Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng,</p> <p>Cơ quan thuộc Chính phủ: Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam,</p> <p>UBND các tỉnh/TP: Yên Bái; Quảng Bình; Quảng Trị; Vĩnh Long; Lạng Sơn; Quảng Ngãi; Bắc Ninh; Phú Yên; Bắc Giang; Bình Thuận; Hà Nam; Lai Châu; Thái Bình; Thái Nguyên; Tiền Giang; Điện Biên; Hải Phòng; Đồng Tháp;</p>	<p>điều, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác, các chế phẩm khác từ cây thuốc lá và 02 Phương án tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng Rượu và Bia: Nhất trí với Bộ Tài chính về việc chọn Phương án 2</p>	

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đà Nẵng; Đắk Lắk; Vĩnh Phúc; Tổ chức: Các Tổ chức bảo vệ sức khỏe cộng đồng; Vital Strategies		
	UBND tỉnh Bắc Kạn	<p>- Thuốc lá: Nhất trí Phương án 2 bởi hiện tại mức thuế TTĐB đối với thuốc lá ở nước ta đang quá thấp so với mức trung bình của thế giới và so với những tác hại của sản phẩm thuốc lá gây ra với sức khỏe con người. Do vậy, mặt hàng này thật sự cần thiết phải áp dụng thuế hỗn hợp và có lộ trình thuế tăng cao hơn để có sự kiểm soát từ đó giảm xu hướng sử dụng sản phẩm này.</p> <p>- Rượu, bia: Nhất trí phương án 1 bởi theo thống kê, các doanh nghiệp trong lĩnh vực rượu bia, đồ uống có cồn sụt giảm doanh thu hàng chục nghìn tỷ đồng trong năm 2023 từ việc thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm nồng độ cồn. Thêm vào đó, các biến động kinh tế tại Việt Nam và trên thế giới trong thời gian qua đã khiến chi phí nguyên liệu đầu vào tăng mạnh buộc các doanh nghiệp phải tăng giá bán rượu, bia trên thị trường càng khiến việc tiêu thụ giảm mạnh hơn. Do đó, đề xuất chính sách tăng thuế nên có lộ trình phù hợp và tránh biến động quá lớn để các doanh nghiệp kịp thích ứng, đảm bảo sản xuất, kinh doanh.</p>	<p>- Tiếp thu, Tổng hợp Tờ trình</p> <p>- Tổng hợp vào Hồ sơ dự án Luật để Chính phủ xem xét quyết định.</p>
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Việc đánh thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia... là hết sức cần thiết vì đây là những mặt hàng không có lợi cho sức khỏe, tuy nhiên việc áp dụng ngay thuế suất cao đối với mặt hàng này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các công ty kinh doanh, sản xuất mặt hàng trên. Vì vậy, để các đơn vị có lộ trình trong sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trên, đề xuất chọn phương án 1.	- Tổng hợp vào Hồ sơ dự án Luật để Chính phủ xem xét quyết định.
	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	<p>1. Cả hai Phương án đề xuất đều có mức thuế tuyệt đối rất cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các đơn vị trong Tổng công ty và gây bất bình đẳng lớn giữa các doanh nghiệp trong ngành.</p> <p>Đặc thù của ngành thuốc lá Việt Nam là cơ cấu sản phẩm trải rộng ở nhiều mức giá khác nhau. Trong đó, những sản phẩm có giá dưới 15.000 đồng/bao chiếm tỷ lệ đa số 85% tổng sản lượng toàn ngành. Đây chủ yếu là</p>	Ngoài mức thuế suất thuế TTĐB hiện hành 75% tính trên giá bán ra của nhà sản xuất và nhà nhập khẩu, 02 phương án đề xuất bổ sung thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH																								
		<p>các nhãn thuốc lá nội địa, được sản xuất bởi các công ty 100% vốn nhà nước. Còn lại những sản phẩm có giá trên 15.000 đồng/bao chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 15% tổng sản lượng toàn ngành. Đây hầu hết là các sản phẩm cao cấp mang nhãn hiệu của các Tập đoàn nước ngoài như BAT, PMI...</p> <p>Việc áp dụng một mức thuế tuyệt đối cho tất cả các sản phẩm sẽ tạo bất lợi hơn đối với phân khúc sản phẩm giá thấp, do tỷ lệ thuế tính trên mỗi sản phẩm giá thấp hơn sẽ cao hơn, buộc sản phẩm phải tăng giá bán nhiều hơn, cụ thể:</p> <table border="1" data-bbox="645 529 1621 791"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Giá bán chưa VAT hiện tại (đ/bao)</th> <th colspan="4">Tỷ lệ thuế TTĐB/giá bán</th> </tr> <tr> <th>Thuế tuyệt đối là 0đ/bao</th> <th>Thuế tuyệt đối là 2.000đ/bao</th> <th>Thuế tuyệt đối là 5.000đ/bao</th> <th>Thuế tuyệt đối là 10.000đ/bao</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>8.000</td> <td>42,9%</td> <td>60,2%</td> <td>72,7%</td> <td>82,1%</td> </tr> <tr> <td>15.000</td> <td>42,9%</td> <td>53,7%</td> <td>63,9%</td> <td>73,6%</td> </tr> <tr> <td>25.000</td> <td>42,9%</td> <td>49,9%</td> <td>57,7%</td> <td>66,4%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Về ngắn hạn, việc này sẽ đặt các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đứng trước nguy cơ giảm mạnh sản lượng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả năng bảo toàn, phát triển vốn nhà nước và đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, trong khi đó lại tạo ra ưu thế cho sản phẩm của các tập đoàn thuốc lá quốc tế, gia tăng lợi nhuận cho các doanh nghiệp này. Về dài hạn, việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các tập đoàn quốc tế nâng dần thị phần, thay thế và tiến tới chiếm lĩnh thị trường Việt Nam.</p>	Giá bán chưa VAT hiện tại (đ/bao)	Tỷ lệ thuế TTĐB/giá bán				Thuế tuyệt đối là 0đ/bao	Thuế tuyệt đối là 2.000đ/bao	Thuế tuyệt đối là 5.000đ/bao	Thuế tuyệt đối là 10.000đ/bao	8.000	42,9%	60,2%	72,7%	82,1%	15.000	42,9%	53,7%	63,9%	73,6%	25.000	42,9%	49,9%	57,7%	66,4%	<p>Các tính toán của Tổng công ty mới chỉ tính trên cấu phần thuế tuyệt đối được đề xuất bổ sung mà chưa tính trên cấu phần thuế tỷ lệ (75%) hiện hành. Do vậy số liệu tính toán của TCT về tỷ lệ thuế TTĐB trên giá bán tại bảng kèm theo là chưa bao quát đầy đủ và không chính xác.</p> <p>Dự thảo luật đề xuất áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá bằng cách bổ sung cấu phần thuế tuyệt đối để đáp ứng các mục tiêu, chiến lược đề ra (giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023 – 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Chiến lược Phòng chống tác hại của thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO (75%)) bằng cách tăng giá bán, hạn chế tiếp cận của người hút thuốc mới, đặc biệt là giới trẻ. Do đó, mặc dù cấu phần thuế tuyệt đối có tác động lớn hơn đến nhóm sản phẩm có giá thấp, tuy nhiên, về tổng thể thì cấu phần thuế tỷ lệ cũng đã có tác động lớn đến nhóm sản phẩm trung cấp, cao cấp so với nhóm sản phẩm giá thấp hơn. Do đó, cần đánh giá tổng thể về thuế hỗn hợp, bao gồm cả cấu phần thuế tỷ lệ (75%) hiện hành và</p>
Giá bán chưa VAT hiện tại (đ/bao)	Tỷ lệ thuế TTĐB/giá bán																										
	Thuế tuyệt đối là 0đ/bao	Thuế tuyệt đối là 2.000đ/bao	Thuế tuyệt đối là 5.000đ/bao	Thuế tuyệt đối là 10.000đ/bao																							
8.000	42,9%	60,2%	72,7%	82,1%																							
15.000	42,9%	53,7%	63,9%	73,6%																							
25.000	42,9%	49,9%	57,7%	66,4%																							

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>cấu phần thuế tuyệt đối được đề xuất theo 02 phương án tại dự thảo Luật.</p> <p>Ngoài ra, thuế TTĐB là công cụ thuế để góp phần bảo vệ sức khỏe, môi trường, không phải công cụ thuế để khuyến khích sản xuất, kinh doanh. Nên việc đánh thuế TTĐB để định hướng, điều tiết tiêu dùng là phù hợp với mục tiêu của sắc thuế TTĐB.</p>
		<p>2. Chưa đánh giá cụ thể, đầy đủ tác động của chính sách dẫn đến nguy cơ gia tăng buôn lậu thuốc lá:</p> <p>Thực tế trên thế giới cho thấy việc tăng thuế, phí đối với sản phẩm thuốc lá, ngay cả những quốc gia tiên tiến, có thu nhập bình quân trên đầu người cao, tôn trọng pháp luật và lực lượng chấp pháp chuyên nghiệp, cũng đều sẽ dẫn đến lượng thuốc lá nhập lậu gia tăng.</p> <p>Đặc biệt tại Việt Nam, tình trạng buôn lậu thuốc lá vốn rất phức tạp, phần vì thuốc lá gọn nhẹ, phần vì có địa hình sông núi trải dài gây nhiều khó khăn cho công tác phòng, chống buôn lậu. Theo ước tính, hàng năm thuốc lá nhập lậu chiếm khoảng 12,5% thị trường thuốc lá Việt Nam. Việc tăng thuế cao đối với sản phẩm thuốc lá, nhất là nhóm sản phẩm trung cấp (đang chiếm tỷ trọng lớn nhất trên thị trường) nếu không được cân nhắc cẩn trọng sẽ có nguy cơ gia tăng thuốc lá nhập lậu, dẫn đến thất thu lớn hơn cho ngân sách quốc gia.</p>	<p>Về tác động đến buôn lậu: Theo WHO, việc tiêu thụ thuốc lá lậu ở Việt Nam đã giảm từ khoảng 20,7% thị trường vào năm 2012 xuống còn khoảng 13,7% vào năm 2017, sau khi thuế suất thuế TTĐB đã tăng nhẹ vào năm 2016.³ Những người hút thuốc lá nhập lậu sẵn sàng trả giá cao hơn cho các nhãn nhập lậu (như Jet, Hero) so với các nhãn sản xuất trong nước. Việc tăng thuế TTĐB sẽ không phải là yếu tố chính gây ra buôn lậu thuốc lá ở Việt Nam. Yếu tố quan trọng là mức độ thực thi chống buôn lậu của các cơ quan có thẩm quyền và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về tác hại của thuốc lá, trong đó có thuốc lá lậu.</p>
		<p>Ngoài ra, việc gia tăng thuốc lá nhập lậu còn có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế và xã hội như:</p>	<p>- Về tác động tới việc làm: Năm 2012, Quốc hội đã ban hành Luật</p>

³ Nguyen A, Nguyen HT. Tobacco excise tax increase and illicit cigarette consumption: evidence from Vietnam Tobacco Control 2020;29:s275-s280.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hợp pháp, kéo theo giảm đầu tư và việc làm, thu nhập của khoảng 8.000 công nhân và hàng trăm nghìn người lao động dịch vụ trong ngành và nông dân trồng thuốc lá; - Làm gia tăng hoạt động tội phạm, coi thường kỷ cương, pháp luật; - Tăng chi phí cho hoạt động của các lực lượng thực thi nhiệm vụ phòng chống thuốc lá nhập lậu; - Nguy cơ tổn hại lớn hơn đến sức khỏe người tiêu dùng do sản phẩm thuốc lá nhập lậu không được kiểm soát về chất lượng. 	<p>PCTHTL, Điều 4 và 29 Luật PCTHTL về chính sách của Nhà nước về phòng, chống tác hại của thuốc lá đã quy định chính sách của Nhà nước gồm các mục tiêu giảm nguồn cung, giảm nhu cầu sử dụng, trong đó cũng quy định áp dụng chính sách thuế phù hợp để giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá, đồng thời đã bố trí nguồn lực (Quỹ PCTHTL) để thực hiện chuyển đổi ngành, nghề :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xã hội hóa các nguồn lực để thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá. 2. Áp dụng chính sách thuế phù hợp để giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá. 3. Quy hoạch kinh doanh thuốc lá phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và từng bước giảm nguồn cung cấp thuốc lá, phù hợp với việc giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá. 4. Khuyến khích, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, cai nghiện thuốc lá; nghiên cứu về tác hại của thuốc lá, các phương pháp cai nghiện thuốc lá; nghiên cứu và sản xuất thuốc cai nghiện thuốc lá; hợp tác, tài trợ cho phòng, chống tác hại của thuốc lá; người sử dụng thuốc lá tự nguyện cai nghiện thuốc lá. 5. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p><i>tổ chức, cá nhân trồng cây thuốc lá, sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá chuyển đổi ngành, nghề."</i></p> <p>Điều 29 Luật PCTHTL đã quy định Quỹ PCTHTL có nhiệm vụ hỗ trợ các hoạt động sau đây:</p> <p><i>"a) Truyền thông về tác hại của thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với từng nhóm đối tượng;</i></p> <p>...</p> <p><i>g) Xây dựng, hỗ trợ hoạt động, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho mạng lưới cộng tác viên làm công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá;</i></p> <p><i>h) Xây dựng nội dung và tổ chức đưa giáo dục về tác hại và phòng, chống tác hại của thuốc lá vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học;</i></p> <p><i>i) Thực hiện các giải pháp chuyển đổi ngành, nghề cho người trồng cây thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất thuốc lá."</i></p> <p>Do vậy, ngành công nghiệp thuốc lá nói chung và TCT Thuốc lá nói riêng cần phối hợp với Quỹ PCTHTL để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Quốc hội đã đề ra đối với ngành thuốc lá về giảm nguồn cung cấp thuốc lá, phù hợp với việc giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá cũng như thực hiện các giải pháp chuyển đổi ngành, nghề cho</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>người trồng cây thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất thuốc lá.</p>
		<p>3. Trong thời gian tới, ngành thuốc lá dự kiến gặp rất nhiều khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2022, ngành thuốc lá tiếp tục chịu thêm các khoản chi phí mới làm tăng thêm gánh nặng tài chính bao gồm: khoản đóng góp bắt buộc vào Quỹ Bảo vệ môi trường (60 đồng/bao thuốc lá 20 điếu), chi phí mua tem thuốc lá (gân 20 đồng/con tem). Việc tăng thuế TTĐB đối với sản phẩm thuốc lá sẽ làm gia tăng rất lớn sức ép chi phí đối với các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng phục hồi của doanh nghiệp cũng như công việc, thu nhập, đời sống của người lao động. - Tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, nền kinh tế trong nước phục hồi chậm, sức mua của người tiêu dùng còn yếu, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh ảnh hưởng đến giá các loại hàng hóa vật tư đầu vào tăng cao, khiến các doanh nghiệp thuốc lá đối mặt rất nhiều khó khăn để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản lượng thuốc lá đã tăng đáng kể từ 6,4 tỷ bao (20 điếu) năm 2021 lên 6,8 tỷ bao vào năm 2022. Theo các tổ chức bảo vệ sức khỏe thì do tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, Việt Nam có giá thuốc lá ít thay đổi trong hai thập kỷ qua trong khi mức độ lạm phát và tăng thu nhập hàng năm cao khiến cho giá thuốc lá ở Việt Nam rất thấp, đã làm sức mua thuốc lá tăng thêm, giá thuốc lá có xu hướng rẻ đi do sức mua tăng lên. Thí dụ giá một bao thuốc lá Thăng Long, nhãn hiệu đang được tiêu dùng phổ biến, hiện là 13.500 đồng (0,54 USD), trong khi nhiều nước ASEAN đã thực hiện tăng thuế thường xuyên để theo kịp tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức tăng thu nhập cá nhân cũng như mức lạm phát. Việc trì hoãn lộ trình tăng thuế đã được thực hiện từ 2020 đến nay, nếu tiếp tục trì hoãn sẽ tiếp tục làm tăng sức mua thuốc lá, tăng tỷ lệ hút thuốc và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và đi ngược các chủ trương, chiến lược mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>4. Số lượng quốc gia áp dụng thuế hỗn hợp hiện nay chưa chiếm tỷ lệ lớn: Theo số liệu của Bộ Tài chính, hiện có 61 nước áp dụng thuế hỗn hợp cả tỷ lệ và tuyệt đối, chỉ bằng khoảng 30% trong số 200 nước là vùng lãnh thổ trên thế giới.</p> <p>Do đó để tạo điều kiện các doanh nghiệp có thời gian chuyển đổi dần sang các phân khúc cao hơn, tránh ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng bảo toàn, phát triển vốn nhà nước và công ăn việc làm cho người lao động, Tổng công ty đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục áp dụng phương pháp chi tính thuế theo tỷ lệ phần trăm, chưa áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối. - Trường hợp vẫn phải áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối thì đề nghị: <ul style="list-style-type: none"> + Năm đầu áp dụng mức thuế tuyệt đối 1.000 đồng/bao (theo từng phân khúc giá) + Mức thuế tăng dần theo lộ trình 2 năm tăng một lần, mỗi lần 1000đ/bao hoặc 1 năm tăng một lần, mỗi lần 500đ/bao, + Lộ trình tăng mức thuế tuyệt đối đến 3.000 đồng/bao vào 2030. 	<p>Các chủ trương, chiến lược mà Đảng và Nhà nước đã đề ra đến năm 2030: <i>"... xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế;... nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB"</i>.</p> <p>Do vậy, cần thiết xây dựng lộ trình tăng thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá. Đối với 02 Phương án do Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam đề xuất thì mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.</p> <p>Ngoài ra, Luật thuế TTĐB (sửa đổi) dự kiến có hiệu lực từ 01/01/2026 và các mặt hàng tăng thuế suất đều có lộ trình tăng dần thuế suất, do đó, các doanh nghiệp cần tận dụng thời gian đến khi có hiệu lực cũng như lộ trình tăng thuế để xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp do thời gian đến khi luật có hiệu lực và lộ trình thực hiện còn 2-6 năm.</p>
	Hiệp hội sản xuất và tiêu thụ thuốc lá Việt Nam	<p>Đối với thuốc lá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục áp dụng phương pháp chi tính thuế theo tỷ lệ phần trăm, chưa áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối; - Trường hợp vẫn phải áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối cho sản phẩm thuốc 	<p>Các chủ trương, chiến lược mà Đảng và Nhà nước đã đề ra đến năm 2030: <i>"... xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá,</i></p>

NHÓM VĂN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH																		
		<p>lá điều thì kính đề nghị như các phương án tại Mục 4 của văn bản này.</p> <p>- Với các phân tích và đánh giá ở trên, kiến nghị Bộ Tài chính sửa đổi chính sách thuế TTĐB bằng cách thực hiện áp mức thuế TTĐB tuyệt đối ở mức vừa phải với lộ trình tăng thuế hợp lý (từ 2 – 3 năm/lần thay đổi) cho đến 2030 để giảm cú sốc về giá đối với người tiêu dùng, không tạo ra các biến động lớn cho thị trường thuốc lá hợp pháp từ đó tạo điều kiện cho sự ổn định lâu dài của ngành công nghiệp thuốc lá Việt Nam nhằm phát triển nguồn thu thuế TTĐB.</p> <p>- Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp trong Hiệp hội và đánh giá các mặt đạt được so với hạn chế, Hiệp hội đề xuất với Bộ Tài chính 02 phương án mức thuế TTĐB tuyệt đối như sau:</p> <table border="1" data-bbox="645 724 1626 868"> <thead> <tr> <th>Mức thuế TTĐB tuyệt đối (đồng/bao)</th> <th>2026</th> <th>2027</th> <th>2028</th> <th>2029</th> <th>2030</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>PA đề xuất 1</td> <td>1.000</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>2.000</td> <td>3.000</td> </tr> <tr> <td>PA đề xuất 2</td> <td>1.000</td> <td>1.500</td> <td>2.000</td> <td>2.500</td> <td>3.000</td> </tr> </tbody> </table>	Mức thuế TTĐB tuyệt đối (đồng/bao)	2026	2027	2028	2029	2030	PA đề xuất 1	1.000	1.000	2.000	2.000	3.000	PA đề xuất 2	1.000	1.500	2.000	2.500	3.000	<p>bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; ... nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB".</p> <p>Do vậy, cần thiết xây dựng lộ trình tăng thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá. Đối với 02 Phương án do Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam đề xuất thì mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.</p>
Mức thuế TTĐB tuyệt đối (đồng/bao)	2026	2027	2028	2029	2030																
PA đề xuất 1	1.000	1.000	2.000	2.000	3.000																
PA đề xuất 2	1.000	1.500	2.000	2.500	3.000																
		<p>Đối với sản phẩm xì gà</p> <p>- Theo báo cáo của các doanh nghiệp hội viên trong Hiệp hội, tại thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp hội viên thực hiện việc nhập khẩu và sản xuất xì gà hợp pháp để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Sản phẩm xì gà là mặt hàng khá đặc thù về chủng loại, quy cách, ... và cách thức đóng gói; tuy nhiên hiện nay chưa có quy định cụ thể tiêu chuẩn quốc gia đối với mặt hàng này.</p> <p>Đồng thời, cùng với sự đa dạng về chủng loại, quy cách thì các sản phẩm xì gà cũng đang được lưu thông hợp pháp trên thị trường với nhiều mức giá khác nhau, từ vài nghìn đồng/điếu đến vài triệu đồng/điếu. Bên cạnh đó, xì gà không chỉ có dạng điếu mà còn có dạng đóng bao nhiều điếu nhỏ (như bao thuốc lá điếu, có giá bán từ 50.000 – 120.000 đồng/bao). Vì vậy, 02 phương án thuế TTĐB tuyệt đối với mức thuế rất cao và chi tính trên điếu như đề xuất của Bộ Tài chính là chưa phù hợp.</p> <p>- Kiến nghị Bộ Tài chính có phương án tính thuế TTĐB riêng đối với sản</p>	<p>Đối với mặt hàng xì gà: do đây là mặt hàng xa xỉ, cao cấp nên cần thiết quy định mức thuế tuyệt đối cao đối với nhóm hàng này.</p> <p>Đề nghị Hiệp hội gửi kiến nghị này</p>																		

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>phẩm xì gà và có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật phòng chống tác hại thuốc lá để có thể phân biệt được thuốc lá điếu và xì gà.</p>	<p>đến Bộ Y tế đề tổng hợp kiến nghị sửa đổi Luật PCTHTL</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Y tế - Tổ chức Y tế Thế giới - Ngân hàng Thế giới - Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF - Tổ chức Campaign For Tobacco – Free Kids; - Tổ chức Bloomberg Philanthropies; - Tổ chức HealthBridge - Trường Đại học Johns Hopkins - Liên minh phòng chống tác hại của thuốc lá Đông Nam Á - Tổ chức Vital Strategies 	<ul style="list-style-type: none"> - Ủng hộ phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng thuốc lá, trong đó sử dụng cả thuế tuyệt đối và thuế tỷ lệ. Thuế tuyệt đối sẽ giúp thu hẹp sự chênh lệch giá, do mức tăng giá ở các nhãn hiệu thuốc lá rẻ sẽ chiếm tỷ lệ lớn hơn so với các nhãn hiệu thuốc lá đắt tiền, từ đó sẽ ít có sự chuyển đổi sang các nhãn hiệu rẻ hơn và ngăn ngừa người trẻ tuổi bắt đầu hút thuốc vì nhóm các sản phẩm thuốc lá rẻ sẽ trở nên đắt hơn nhiều so với trước đây. Hơn nữa, đánh thuế hỗn hợp sẽ giúp giá thuốc lá theo kịp với lạm phát và mức tăng trưởng thu nhập tại Việt Nam. Đây chắc chắn là một lựa chọn tốt hơn nhiều so với chỉ duy trì thuế tương đối như hiện tại. - Ủng hộ Phương án 2 của Bộ Tài chính. <p>Lý do lựa chọn phương án tăng mạnh và sớm, ngay từ khi Luật có hiệu lực vì Phương án 2 tạo ra hiệu quả tức thời về sức khỏe cộng đồng hơn so với phương án 1 do phương án 2 có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn và ở mức độ lớn hơn. Nghiên cứu về phản ứng của người tiêu dùng đối với giá cả cho thấy người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn với mức tăng giá lớn hơn bằng cách giảm lượng tiêu thụ nhiều hơn. Do đó, việc ngay lập tức tăng mức thuế 5.000 đồng vào 2026 sẽ tạo ra mức tăng giá ban đầu lớn hơn có thể khiến người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn và giảm nhu cầu sử dụng theo tỷ lệ tương ứng, tác động trực tiếp giúp người đang hút thuốc giảm lượng tiêu thụ và ngăn ngừa những người trẻ bắt đầu hút thuốc nhiều hơn trong những năm bắt đầu áp dụng, mang lại lợi ích lớn hơn về phòng ngừa bệnh tật và giảm chi phí chăm sóc sức khỏe; Phương án 2 ưu việt hơn vì phù hợp hơn với thực tiễn tốt nhất toàn cầu do. Do đó, Phương án 2 có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn để gần tiếp cận đến mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên đề ra tại Chiến lược Phòng chống tác hại của thuốc lá (xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030) và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO (75%).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy nhiên, các tổ chức bảo vệ sức khỏe cùng với Bộ Y tế, WHO, đều 	<p>+ Cả 02 Phương án 1 và 2 về lộ trình tăng mức thuế tuyệt đối tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến đã được cân nhắc tính toán trên cơ sở các yếu tố như giá thuốc lá tại Việt Nam đang ngày càng rẻ so với thu nhập, dẫn đến sức mua thuốc lá tăng; Gánh nặng chi phí y tế liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra (theo Bộ Y tế, tại Việt Nam, mặt hàng thuốc lá là nguyên nhân gây 40.000 người tử vong mỗi năm cùng chi phí y tế có liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra là 1 tỷ USD).</p> <p>Theo Phương án 2 thì tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Như vậy, Phương án 2 có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn để gần tiếp cận đến mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên đề ra tại Chiến lược Phòng chống tác hại của thuốc lá (xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030) và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH																		
		<p>khuyến nghị thêm Phương án 3 để đạt được các mục tiêu chiến lược quốc gia về kiểm soát thuốc lá và tỷ trọng lớn hơn về thuế trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của WHO và Ngân hàng Thế giới ở ngưỡng 2/3-3/4 giá bán lẻ (60-75% giá bán lẻ), cụ thể là bên cạnh 75% thuế tỷ lệ. Phương án 3 đề xuất bổ sung 5.000đ/bao thuốc lá từ năm 2026, 7.000đ/bao từ năm 2027, 10.000đ/bao từ năm 2028, 12.500đ/bao từ năm 2029 và 15.000đ/bao từ năm 2030 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="651 492 1621 812"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Mức thuế tuyệt đối (VND/gói)</th> <th>Mức thuế theo tỷ lệ (% giá xuất xưởng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2026</td> <td>5,000</td> <td>75%</td> </tr> <tr> <td>2027</td> <td>7,500</td> <td>75%</td> </tr> <tr> <td>2028</td> <td>10,000</td> <td>75%</td> </tr> <tr> <td>2029</td> <td>12,500</td> <td>75%</td> </tr> <tr> <td>2030</td> <td>15,000</td> <td>75%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tác động của Phương án 3: Tỷ lệ hút thuốc giảm tương đối 13%. Tỷ lệ hút thuốc lá ở nam và nữ sẽ giảm xuống dưới 36% và 1,0% tương ứng vào năm 2030, qua đó sẽ đạt được các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030. Số thu thuế năm 2030 tăng thêm 29,3 nghìn tỷ đồng so với năm 2020.</p>	Năm	Mức thuế tuyệt đối (VND/gói)	Mức thuế theo tỷ lệ (% giá xuất xưởng)	2026	5,000	75%	2027	7,500	75%	2028	10,000	75%	2029	12,500	75%	2030	15,000	75%	<p>khuyến nghị của WHO (75%). Đối với Phương án 3 của Nhóm bảo vệ sức khỏe (Bộ Y tế, các tổ chức bảo vệ sức khỏe cộng đồng) dù đáp ứng tốt hơn về các yêu cầu hạn chế tiêu dùng, tăng giá bán sản phẩm, đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cao hơn Phương án 2 của Bộ Tài chính và góp phần phòng chống ảnh hưởng của thuốc lá đến môi trường, sức khỏe của người dân nhưng sẽ có tác động lớn hơn nhiều đến doanh nghiệp. Còn 02 Phương án do Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam đề xuất thì mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.</p> <p>Do vậy, Bộ Tài chính nghiêng theo Phương án 2 tại dự thảo Luật đã được Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến.</p>
Năm	Mức thuế tuyệt đối (VND/gói)	Mức thuế theo tỷ lệ (% giá xuất xưởng)																			
2026	5,000	75%																			
2027	7,500	75%																			
2028	10,000	75%																			
2029	12,500	75%																			
2030	15,000	75%																			
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Campaign For Tobacco – Free Kids; - Tổ chức HealthBridge. 	<p>Đối với sản phẩm thuốc lá mới: Khuyến nghị loại bỏ quy định về sản phẩm thuốc lá mới trong dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (Luật số 09/2012/QH13) chưa quy định khái niệm về các sản phẩm nicotine và thuốc lá mới nên các sản phẩm này không nên được điều chỉnh theo Luật thuế TTĐB sửa đổi này. - Hiện nay, Bộ Y tế đang kiến nghị Chính Phủ, Quốc hội ban hành quy định cấm các sản phẩm này để bảo vệ sức khỏe người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Vì thế, nếu đưa các sản phẩm này vào Luật Thuế TTĐB sửa đổi sẽ có khả năng gây hiểu nhầm và xung đột giữa các văn bản quy phạm pháp luật. 	<p>Quy định tại dự thảo Luật (Điều 12) để đảm bảo trường hợp sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thì có ngay căn cứ thuế để điều tiết và hạn chế sản xuất, tiêu dùng sản phẩm này. Quy định dự phòng này không mâu thuẫn với các kiến nghị, dự thảo Nghị quyết về cấm thuốc lá mới mà Bộ Y tế đang tiến hành.</p>																		

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Tăng nguy cơ sử dụng thuốc lá trong giới trẻ, đặc biệt là thanh thiếu niên. - Tác hại to lớn do sử dụng sản phẩm thuốc lá mới đối với sức khỏe, kinh tế, xã hội và môi trường. 	
	<p>Khoa Kinh tế học về thuốc lá, Trường Y tế Công Cộng Bloomberg, Đại học Johns Hopkins</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 8 của Dự thảo Luật Thuế TTDB (sửa đổi) đề xuất các mức thuế TTDB mới cho các sản phẩm thuốc lá. Nhìn chung, đề xuất cải cách thuế này là tích cực và phù hợp với các thực tiễn tốt nhất về thuế thuốc lá trên thế giới. Nếu đề xuất này được thực hiện, điểm số của Việt Nam về cấu trúc thuế, giá cả và tỷ lệ thuế thuốc lá trong Bảng Xếp hạng Thuốc lá của nhóm Kinh tế học về thuốc lá 4 (một báo cáo được thực hiện hai năm một lần của nhóm chúng tôi nhằm theo dõi bốn khía cạnh chính của các chính sách thuế thuốc lá) chắc chắn sẽ được cải thiện rõ rệt. - Giá thuốc lá ở Việt Nam hiện nay rất thấp, khoảng 3,19 đô la / 1 bao (giá sức mua tương đương PPP 2018). Mức đánh thuế thấp là lý do giá thuốc lá thấp, vì giá thuốc lá ở Việt Nam tương đối rẻ so với các nước thu nhập trung bình khác, và mức tăng trưởng thu nhập ở Việt Nam trong thập kỷ qua đã làm cho thuốc lá ngày càng rẻ và trở nên dễ mua hơn. Việc trì hoãn lộ trình tăng thuế cho đến sau năm 2026 sẽ tiếp tục làm tăng khả năng mua thuốc lá, tăng tỷ lệ hút thuốc và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng của người Việt Nam. Trì hoãn việc tăng thuế thuốc lá sẽ dẫn đến nhiều người trẻ tuổi và nhóm dễ bị tổn thương bắt đầu hút thuốc. Việc thực hiện cải cách thuế thuốc lá ngay lập tức là rất quan trọng để đạt được các mục tiêu sức khỏe cộng đồng. Thực tế, việc tăng thuế thuốc lá là chính sách đơn lẻ hiệu quả nhất và tiết kiệm chi phí nhất để giảm tiêu thụ thuốc lá. Chính phủ Việt Nam đã đề ra một số phương án tăng thuế thuốc lá và cải cách luật thuế thuốc lá phù hợp với các thực tiễn tốt nhất quốc tế về thuế thuốc lá. Việc tăng thuế tuyệt đối sẽ mang lại những tác động tích cực lớn hơn đối với sức khỏe cộng đồng. - Do thuốc lá có tính cầu không co giãn, việc cải cách thuế sẽ giúp tăng thu ngân sách từ thuế. Ngoài ra, do thuế tuyệt đối sẽ chiếm phần lớn trong tổng 	<p>Tiếp thu, tổng hợp hồ sơ dự án Luật.</p>

4 Drope J, Oo SMT, Lee HM, Dorokhina M, Guerrero-López CM, Rodríguez-Iglesias G, et al. Tobacconomics cigarette tax scorecard (3rd ed.). Baltimore, MD: Bloomberg School of Public Health, Johns Hopkins University.; 2024.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế, nguồn thu thuế sẽ ổn định hơn so với chỉ áp dụng thuế tương đối. Việc đánh thuế các sản phẩm thuốc lá khác cũng sẽ giảm nguy cơ người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các sản phẩm thuốc lá khác. Cả hai phương án đang được xem xét trong Dự thảo đều tăng giá cho tất cả các nhãn hiệu thuốc lá (bao gồm các sản phẩm ở cả hai phân khúc bình dân và cao cấp), nhưng phương án 2 sẽ dẫn đến mức tăng cao hơn. Điều này phù hợp với các thực tiễn tốt nhất về thuế thuốc lá, khuyến nghị tăng thuế cao thay vì tăng nhiều lần nhỏ sẽ tạo ra rào cản lớn hơn với những người hiện đang hút thuốc và những người có khả năng bắt đầu hút thuốc. Phương án 2 tạo ra hiệu quả tức thời về sức khỏe cộng đồng hơn so với phương án 1 do phương án 2 có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn và ở mức độ lớn hơn.</p>	
	<p>Liên minh Kiểm soát thuốc lá Đông Nam Á (SEATCA)</p>	<p>- Ủng hộ việc chuyển từ thuế theo tỷ lệ phần trăm thuần túy đối với các sản phẩm thuốc lá sang hệ thống thuế hỗn hợp (gồm thuế suất tuyệt đối và thuế suất theo tỷ lệ phần trăm) và điều chỉnh thành phần thuế tuyệt đối theo lạm phát.</p> <p>Mặc dù hệ thống thuế hỗn hợp phức tạp hơn trong việc thực hiện và quản lý so với hệ thống thuế tuyệt đối, hệ thống thuế hỗn hợp kết hợp các ưu điểm của thuế theo tỷ lệ phần trăm thuần túy và thuế tuyệt đối.</p> <p>+ Thành phần thuế tuyệt đối của hệ thống thuế hỗn hợp giúp giảm nguy cơ định giá thấp sản phẩm xảy ra khi nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu khai báo giá làm cơ sở tính thuế theo trị giá thấp hơn nhằm tránh phải trả thuế cao hơn, bao gồm cả việc chuyển giá giữa nhà sản xuất và công ty phân phối.</p> <p>+ Thành phần thuế tuyệt đối của hệ thống thuế hỗn hợp làm giảm khoảng cách giá giữa các nhãn hiệu có giá cao hơn và thấp hơn, không khuyến khích người tiêu dùng chuyển sang các nhãn hiệu có giá thấp hơn và khuyến khích họ giảm hoặc ngừng sử dụng thuốc lá. Điều này sẽ giúp đạt được mục tiêu sức khỏe cộng đồng.</p> <p>+ Thành phần thuế tuyệt đối của hệ thống thuế hỗn hợp, dựa trên khối lượng sản phẩm, tương đối dễ quản lý và đảm bảo rằng một lượng doanh thu thuế nhất định sẽ được thu bất kể căn cứ giá tính thuế đã khai báo cầu</p>	<p>- Tiếp thu, tổng hợp hồ sơ dự án Luật.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế theo tỷ lệ phần trăm.</p> <p>+ Thành phần thuế theo tỷ lệ phần trăm của hệ thống thuế hỗn hợp đảm bảo rằng giá trị thực (đã điều chỉnh theo lạm phát) của tổng thuế sẽ ít bị bào mòn theo thời gian do lạm phát, mặc dù thành phần thuế tuyệt đối có thể được lập lộ trình tăng theo lạm phát để đảm bảo rằng nó vẫn có hiệu lực bất chấp những thay đổi về lạm phát.</p> <p>- Ủng hộ phương án 2. Khuyến nghị bắt đầu từ năm 2031, tỷ lệ này nên tăng hàng năm theo một tỷ lệ phần trăm nhất định (ví dụ 5%) để đảm bảo theo kịp lạm phát.</p> <p>- Thành phần thuế tỷ lệ phần trăm của hệ thống thuế hỗn hợp vẫn có xu hướng bị ngành công nghiệp thao túng, tức là thuế tỷ lệ phần trăm có thể bị giám bằng cách công bố cơ sở giá tính thuế nhỏ hơn để bù đắp cho thành phần thuế tuyệt đối, do đó mọi lợi ích tài chính và y tế tiềm năng bị xóa bỏ. Khuyến nghị mạnh mẽ việc sửa đổi Luật thuế TTĐB nên bao gồm điều khoản cấm nhà sản xuất và nhập khẩu kê khai giá tính thuế (cơ sở tính thuế tỷ lệ) thấp hơn giá trị hiện tại và dự kiến sẽ tăng hàng năm.</p> <p>- Chính sách thuế của Việt Nam có thể được bảo vệ hơn nữa với các quy định chống trục lợi trong các sửa đổi của Luật thuế TTĐB nhằm ngăn chặn việc sản xuất hoặc nhập trước một khối lượng lớn sản phẩm thuộc lá trước khi thực hiện các mức thuế suất mới và để đảm bảo rằng Chính phủ thu được nguồn thu bổ sung từ việc tăng thuế, thay vì từ nhà sản xuất hoặc nhà</p>	<p>Tại dự thảo Luật thuế TTĐB đã quy định “<i>Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau: 1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở tổ chức, cá nhân sản xuất, cơ sở tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</i>”</p> <p>- Tiếp thu để nghiên cứu và chuyển cơ quan thuế theo dõi, có đề xuất giải pháp quản lý thuế phù hợp. Đồng thời, đề nghị chuyển cơ quan quản lý</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhập khẩu. Ví dụ, Chính phủ có thể hạn chế số lượng lớn sản phẩm đã được bán ra ngay trước khi tăng thuế hoặc áp dụng ứ thuế suất mới đối với các sản phẩm đã được sản xuất hoặc lưu kho và chưa được cung cấp cho người tiêu dùng, bao gồm cả những sản phẩm bán lẻ (được biết là thuế tồn kho hoặc thuế hàng tồn kho).	thị trường để theo dõi, có biện pháp quản lý phù hợp.
6.2. Thuế suất thuế TTĐB đối với rượu, bia			
	Tổ chức Bloomberg Philanthropies	Ủng hộ đề xuất tăng thuế rượu bia.	Tiếp thu, tổng hợp hồ sơ dự án Luật
	Bộ Y tế, Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức HealthBridge Foundation of Canada	Ủng hộ phương án 2 áp dụng mức thuế TTĐB cao hơn, qua đó dẫn tới giảm khả năng chi trả của các sản phẩm rượu, bia mạnh hơn, và đem lại tác động cao hơn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia và giảm các tác hại liên quan do việc lạm dụng rượu, bia gây ra.	Tiếp thu, tổng hợp hồ sơ dự án Luật
	Ngân hàng Thế giới	<p>Ngân hàng Thế giới trước đây đã nhấn mạnh gánh nặng bệnh tật và tử vong ngày càng lớn và ngày càng tăng do sử dụng rượu ở Việt Nam. Kể từ năm 1990, số ca tử vong và số năm sống bị mất do sử dụng rượu (DALY) đã tăng lần lượt là 614% và 461%. Sử dụng rượu chiếm 8,4 và 7,3% tổng số ca tử vong và DALY ở Việt Nam, so với 1,2 và 1,1% vào năm 1990.⁵</p> <p>Những xu hướng này đặt Việt Nam vào thế đối lập với các nước có thu nhập trung bình thấp khác. Năm 1990, số ca tử vong và DALY do sử dụng rượu ở Việt Nam thấp hơn lần lượt là 59 và 58% so với mức trung bình ở các nước có thu nhập trung bình thấp. Hiện tại, các chỉ số này lần lượt cao hơn 140 và 104%. Tỷ lệ tử vong và bệnh tật ngày càng tăng được thúc đẩy bởi việc tăng doanh số bán và tiêu thụ rượu; từ năm 2008 đến năm 2022, tổng lượng tiêu thụ rượu tăng 177% về mặt tuyệt đối và 142% bình quân đầu người. Tiêu thụ rượu chủ yếu là bia, chiếm 92% tổng lượng tiêu thụ rượu.⁶</p> <p>Ngân hàng Thế giới đánh giá việc tăng thuế đối với rượu bia theo đề xuất tại dự thảo Luật là đáng kể nhưng chưa đủ để giảm khả năng chi trả của bia</p>	Căn cứ thực tế đặc thù của ngành bia, rượu của Việt Nam hiện nay và cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam, Chính phủ đã thảo luận kỹ trong quá trình xây dựng Đề nghị xây dựng luật thuế TTĐB (sửa đổi) và Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 27/02/2024, theo đó: “Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam

⁵ Nghiên cứu gánh nặng bệnh tật toàn cầu (2019).

⁶ Nhân viên Ngân hàng Thế giới ước tính bằng cách sử dụng dữ liệu Euromonitor.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>theo thời gian. Việc tăng thuế lớn hơn và cải cách cơ cấu thuế theo hướng áp dụng các loại thuế tuyệt đối sẽ đảm bảo tác động đáng kể hơn đến các mục tiêu sức khỏe. Việt Nam nên xem xét áp dụng một loại thuế tuyệt đối bên cạnh việc tăng thuế theo tỷ lệ phần trăm và xem xét tăng thuế suất lớn hơn để giảm khả năng chi trả của rượu theo thời gian.</p> <p>Thứ hai, Ngân hàng Thế giới khuyến nghị nên tăng thuế ở mức độ lớn hơn. Việc tăng thuế ở mức độ thấp sẽ khó có thể ngăn chặn được khả năng mua rượu đang tăng nhanh ở Việt Nam. Ví dụ: việc tăng thuế theo tỷ lệ phần trăm đối với bia từ 45 lên 65% trong giai đoạn 2010-2018 không đủ để giảm khả năng chi trả. Trên thực tế, một hàng bia đã có giá phải chăng hơn 71% trong thời gian này.⁷</p> <p>Trong phân tích của chúng tôi về đề xuất cải cách thuế rượu, Ngân hàng Thế giới có một số nhận xét như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mức độ tăng thuế được đề xuất thể hiện sự gia tăng đáng kể và có ý nghĩa trong thuế rượu. Phương án 1 đề xuất tăng thuế đối với bia từ 65% lên 90% vào năm 2030, rượu có ABV < 20% từ 35% lên 60% và rượu có ABV > 20% từ 65% lên 90%. Phương án 2 đề xuất mức tăng tương tự với mức thuế suất cuối cùng lần lượt là 100%, 70% và 100%. Luật đề xuất mở rộng định nghĩa về rượu để bao gồm các loại đồ uống lên men khác, từ đó loại bỏ mọi sự mơ hồ liên quan đến việc đánh thuế rượu táo. Tuy nhiên, đề xuất chỉ tăng thuế theo tỷ lệ phần trăm và không áp dụng một loại thuế tuyệt đối, chẳng hạn việc áp dụng hệ thống hỗn hợp hoặc thay thế thuế theo tỷ lệ phần trăm bằng thuế tuyệt đối có thể sẽ hạn chế tác động của cải cách đối với mục tiêu sức khỏe. <p>Ngân hàng Thế giới đã ước tính tác động của những đề xuất cải cách này đối với bia bằng cách sử dụng mô hình mô phỏng cấp độ thị trường. Việc tăng thuế theo tỷ lệ phần trăm đối với bia lên 90% và 100% trong 5 năm sẽ</p>	<p><i>khí gia nhập WTO</i>". Phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với rượu, bia chưa phù hợp với điều kiện của Việt Nam tại thời điểm hiện nay.</p> <p>02 Phương án đề xuất được xây dựng dựa trên các chủ trương của Đảng, Nhà nước về tăng thuế để bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đặc thù của ngành bia, rượu của Việt Nam, cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, các nguyên tắc về tăng thuế TTĐB đối với rượu bia tại Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được phê duyệt.</p> <p>Do đó, đề xuất áp dụng thuế tuyệt đối đối với rượu, bia chưa phù hợp với Việt Nam ở thời điểm hiện nay.</p>

⁷ Nhân viên Ngân hàng Thế giới ước tính bằng cách sử dụng dữ liệu Euromonitor.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>làm giảm doanh số bán bia lần lượt là 3,9% và 5,4% so với mức cơ sở động. Tuy nhiên, việc bổ sung một loại thuế tuyệt đối bên cạnh thuế theo tỷ lệ phần trăm hiện tại dự kiến sẽ làm giảm doanh số bán hàng ở mức lớn hơn là 4,3% và 5,9%, trong khi việc thay thế thuế theo tỷ lệ phần trăm bằng thuế tuyệt đối sẽ làm giảm doanh số bán hàng hơn nữa, lần lượt là 4,7% và 6,2%.</p> <p>Mặc dù thuế tuyệt đối rất quan trọng để đảm bảo tác động đáng kể đến mục tiêu sức khỏe, mức độ tăng thuế cũng có tầm quan trọng không kém. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng cần áp dụng thuế theo tỷ lệ phần trăm là 155% hoặc bổ sung thuế tuyệt đối là 16.500 VNĐ bên cạnh mức thuế theo tỷ lệ phần trăm hiện tại là 65% để đảm bảo rằng rượu không trở nên phổ biến hơn, có giá phải chăng theo thời gian. Thuế tỷ lệ đề xuất là 90% và 100% sẽ không đủ để ngăn chặn khả năng chi trả rượu ngày càng tăng ở Việt Nam. Ngân hàng Thế giới ước tính bia sẽ có giá phải chăng hơn lần lượt là 15% và 12% theo các phương án được đề xuất.</p> <p>Ngân hàng Thế giới tiếp tục khuyến nghị cần phải tăng thuế lớn hơn và tham vọng hơn, bên cạnh những cải cách về cơ cấu thuế nhằm áp dụng một loại thuế tuyệt đối bên cạnh thuế theo tỷ lệ phần trăm hiện hành. Cần áp dụng thuế theo tỷ lệ phần trăm là 155% hoặc bổ sung thuế tuyệt đối 16.500 VNĐ bên cạnh mức thuế theo tỷ lệ phần trăm hiện tại là 65% để đảm bảo rượu không trở nên có giá phải chăng hơn theo thời gian.</p>	
	<p>Hiệp hội Bia - Rượu - NGK Việt Nam; Các Công ty CP Bia Sài Gòn miền Trung, Sài Gòn - Vĩnh Long,</p>	<p>Đối với sản phẩm rượu, bia xem xét giảm mức tăng thuế và giãn lộ trình tăng một cách hợp lý để tránh gây “sốc”⁸, ổn định thị trường, tạo điều kiện để doanh nghiệp thích nghi với việc tăng thuế trong thời gian tới:</p> <p>Đối với Bia:</p> <p>- Từ 1/1/2027 – 31/12/2028: 70%</p>	<p>Mục tiêu của phương án sửa đổi thuế suất đối với mặt hàng rượu, bia là tăng giá bán, giảm sản lượng sản xuất, tiêu dùng và góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia theo khuyến nghị</p>

⁸ Các “ cú sốc thuế” (tax shock) là hiện tượng mà các cá nhân hoặc doanh nghiệp phải đối mặt khi có sự thay đổi đột ngột trong chính sách thuế, gây ra tác động đáng kể đến tài chính từng cá nhân và doanh nghiệp. Đây là một vấn đề quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và chính sách công. Nguyên nhân của các “ cú sốc thuế” có thể xuất hiện khi chính phủ thực hiện các thay đổi thuế bất ngờ, như tăng thuế, giảm các khoản miễn thuế, hoặc thay đổi các quy định liên quan đến thuế. Malaysia đã từng trải qua cú sốc thuế vào giai đoạn năm 2014 và 2015 khi quốc gia này liên tiếp tăng thuế TTĐB. Việc tăng thuế cao và đột ngột như ở Malaysia đã không hỗ trợ chính phủ Malaysia đạt được mục tiêu của họ. Thay vào đó, tạo ra các hiệu ứng domino tiêu cực trên thị trường làm mất nguồn thu của chính phủ, đóng cửa các nhà máy hợp pháp và mất việc làm của công nhân địa phương.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sài Gòn – Nghệ Tĩnh, Sài Gòn – Bạc Liêu, Sài Gòn – Bến Tre, Sài Gòn – Kiên Giang, Sài Gòn – Lâm Đồng, Sài Gòn – Sóc Trăng Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn–Đông Xuân; Tổng Công ty CP Bia– Rượu–NGK Sài Gòn; Công ty CP Rượu Bình Tây;	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1/1/2029- 31/12/2030: 75% - Từ 1/1/2031: 80% Đối với Rượu từ 20 độ trở lên: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1/1/2027 – 31/12/2028: 70% - Từ 1/1/2029- 31/12/2030: 75% - Từ 1/1/2031: 80% Đối với Rượu dưới 20 độ: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1/1/2027 – 31/12/2028: 40% - Từ 1/1/2029- 31/12/2030: 45% - Từ 1/1/2031: 50% Ngoài ý kiến đề xuất chung như trên, có doanh nghiệp HEINEKEN Việt Nam đề xuất xem xét mức thuế khác nhau đối với bia dưới 5,5 độ; từ 5,5 độ tới 15 độ và trên 15 độ theo tinh thần Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia.	của WHO và các mục tiêu, chiến lược bảo vệ sức khỏe cộng đồng của Đảng và nhà nước đề ra. Thuế TTĐB là công cụ thuế để góp phần bảo vệ sức khỏe, môi trường, không phải công cụ thuế để khuyến khích sản xuất, kinh doanh. Phương án do Hiệp hội, doanh nghiệp đề xuất có mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.
	Công ty CP Bia Hà Nội – Kim Bài	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Nhà nước tăng cường về công tác quản lý để kiểm soát việc cạnh tranh giữa các hãng sản xuất bia nhất là bia tư nhân. - Căn cứ tình hình thực tế tiêu thụ sản phẩm 6 tháng đầu năm 2024, mức sản ượng chỉ đạt khoảng 85% so với cùng kỳ và 42% so với kế hoạch, Công ty đề xuất giữ nguyên mức thuế TTĐB hiện hành. 	Đề nghị các Bộ chuyên ngành tăng cường thực hiện (Bộ Y tế, Bộ Công Thương, cơ quan Quản lý Thị trường ...) Mục tiêu của phương án sửa đổi thuế suất đối với mật hàng rượu, bia là tăng giá bán, giảm sản lượng sản xuất, tiêu dùng và góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia theo khuyến nghị của WHO và Bộ Y tế. Thuế TTĐB là công cụ thuế để góp phần bảo vệ sức khỏe, môi trường, không phải công cụ thuế để khuyến khích sản xuất, kinh doanh. Phương án do doanh nghiệp đề không có tác động giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Các Công ty CPTM Bia Hà Nội - Hưng Yên, Hà Nội – Hồng Hà, Hà Nội – Nam Định, Hà Nội – Thanh Hóa, Hà Nội – Hải Dương, Hà Nội – Thái Bình, Hà Nội – Quảng Bình, Hà Nội – Quảng Trị, Hà Nội – Hải Phòng; Công ty Cổ phần Habeco – Hải Phòng Công ty CP Rượu và NGK Hà Nội Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia – Rượu – NGK Hà Nội</p>	<p>Đề nghị lộ trình tăng thuế suất thuế TTĐB chỉ áp dụng 3 năm từ năm 2026 đến năm 2028, cụ thể thuế suất thuế TTĐB sẽ tăng 5% mỗi năm từ 2026 đến năm 2028. Cụ thể: 2026 (70%), 2027 (75%) và 2028 (80%)</p>	<p>tiêu, chiến lược đã đề ra.</p> <p>Mục tiêu của phương án sửa đổi thuế suất đối với mặt hàng rượu, bia là tăng giá bán, giảm sản lượng sản xuất, tiêu dùng và góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia theo khuyến nghị của WHO.</p> <p>Thuế TTĐB là công cụ thuế để góp phần bảo vệ sức khỏe, môi trường, không phải công cụ thuế để khuyến khích sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Phương án do Hiệp hội, doanh nghiệp đề xuất có mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.</p>
	<p>Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam</p>	<p>- Tách biểu thuế TTĐB hiện tại thành các mức cụ thể, tương ứng với nồng độ cồn khác nhau của bia, để đảm bảo thống nhất với các Luật và quy định hiện hành như Luật phòng chống tác hại của rượu, bia,...</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bia có nồng độ cồn bằng hoặc dưới 5,5% sẽ chịu mức thuế suất 65% • Bia có nồng độ cồn trên 5,5% và dưới 15% sẽ chịu mức thuế suất 70% • Bia có nồng độ cồn trên 15% sẽ chịu mức thuế suất 75% 	<p>- Quy định một mức thuế suất áp dụng đối với tất cả sản phẩm bia (không theo độ cồn) đã được sửa đổi theo đúng cam kết của Việt nam gia nhập WTO và thực hiện ổn định từ khi gia nhập WTO. Đề nghị giữ quy định hiện hành.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THEU, GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Lộ trình tăng thuế thì Luật thuế TTĐB (sửa đổi) sẽ có hiệu lực từ 01/01/2026 và thuế suất đối với bia được giữ ổn định ở mức 65% trong vòng 3 năm, lần tăng thuế đầu tiên sẽ vào năm 2029, sau mỗi 3 năm thì tăng 1 lần và mỗi lần tăng không quá 3-5%, lùi việc tăng thuế suất lên 100% sau năm 2035 thay vì năm 2030. - Về chiến lược cải cách thuế lâu dài: cân nhắc chuyển đổi từ phương pháp tính thuế tương đối sang phương pháp tính thuế tuyệt đối theo nồng độ cồn (VND/lít cồn nguyên chất) căn cứ theo mức nồng độ cồn cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của phương án sửa đổi thuế suất đối với mặt hàng rượu, bia là tăng giá bán, giảm sản lượng sản xuất, tiêu dùng và góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia theo khuyến nghị của WHO. - Thuế TTĐB là công cụ thuế để góp phần bảo vệ sức khỏe, môi trường, không phải công cụ thuế để khuyến khích sản xuất, kinh doanh.
	<p>Liên minh các doanh nghiệp rượu quốc tế tại Châu Á – Thái Bình Dương (APISWA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lộ trình không sớm hơn ngày 01/01/2027 - Đánh giá toàn diện bối cảnh kinh tế và lắng nghe ý kiến đóng góp của ngành - Xem xét lộ trình áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp với đồ uống có cồn 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ thực tế thị trường bia, rượu của Việt Nam hiện nay, cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 27/02/2024, theo đó: “<i>Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO</i>”. Phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với rượu, bia chưa phù hợp với điều kiện của Việt Nam tại thời điểm hiện nay. Phương án do doanh nghiệp đề xuất có mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.
6.3. Đối với nước giải khát có đường			
	Tổ chức Y tế Thế giới	<p>Hiện nay có đã có bằng chứng mạnh mẽ, được nêu trong một số tài liệu hướng dẫn được công bố gần đây của WHO, chứng minh rằng việc tiêu thụ thường xuyên đồ uống có đường làm tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường loại 2, bệnh tim mạch, sâu răng, loãng xương và gây thừa cân và béo phì - tất cả đều là những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng, nhưng đồng thời chúng cũng có khả năng dẫn đến tăng nguy cơ mắc các bệnh không lây nhiễm khác bao gồm ung thư.⁹</p> <p>Tại Việt Nam, tiêu thụ đồ uống có đường đã tăng gấp tám lần từ năm 2002 đến năm 2021. Vào năm 2021, ước tính mỗi người tiêu thụ khoảng 55 lít đồ uống có đường mỗi năm, tương đương với mức tiêu thụ trung bình hàng ngày khoảng 15 gram đường chỉ từ các đồ uống có đường (giả định rằng mỗi lít đồ uống có đường chứa 100 gram đường) - đây đã là khoảng 30% lượng đường tối đa hàng ngày được WHO khuyến nghị cho một người trưởng thành trung bình. Xu hướng đáng báo động này đã góp phần làm tăng tỷ lệ thừa cân ở thanh thiếu niên trong độ tuổi 15-19, đã tăng hơn gấp đôi từ 8,5% năm 2010, lên 19% vào năm 2020¹⁰ - khiến nhóm người trẻ này có nguy cơ mắc các bệnh mãn tính và các rối loạn sức khỏe gây ra bởi thừa cân và béo phì cao hơn nhiều sau này trong cuộc sống.</p> <p>Cũng như thuốc lá, việc tăng thuế và giá đồ uống có đường sẽ giúp giảm tiêu thụ các sản phẩm này. Một đánh giá gần đây của WHO về bằng chứng và kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc tăng 10% giá đồ uống có đường thông qua thuế có thể dẫn đến giảm khoảng 10-11% mức tiêu thụ. Do đó, việc tăng thuế và giá đáng kể sẽ góp phần giảm sâu răng, béo phì và tiểu đường, đồng thời giúp ngăn ngừa nhiều bệnh không lây nhiễm khác.</p> <p>WHO ủng hộ mạnh mẽ việc áp thuế TTĐB đối với đồ uống có đường như một chính sách y tế công cộng, đặc biệt là một biện pháp phòng ngừa để</p>	Tiếp thu, tổng hợp hồ sơ dự án Luật

⁹ WHO. Global report on the use of sugar-sweetened beverage taxes. 2023

¹⁰ Viện Dinh dưỡng quốc gia. Kết quả sơ bộ Tổng Điều tra Dinh dưỡng năm 2010 và 2020.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>bảo vệ thanh thiếu niên. Nhiều quốc gia trên thế giới đang trải qua gánh nặng bệnh tật gia tăng mạnh liên quan đến chế độ ăn uống không lành mạnh, đặc biệt là tiêu thụ đường dư thừa, và vì vậy Việt Nam có thể chủ động giải quyết vấn đề mới nổi này thông qua việc đưa sản phẩm này vào diện chịu thuế trong luật thuế TTĐB sửa đổi. Việc áp dụng thuế TTĐB cũng sẽ phù hợp với xu hướng quốc tế và khu vực hiện nay, với ít nhất 108 quốc gia trên toàn thế giới và sáu quốc gia trong khu vực ASEAN đã áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có đường.</p> <p>WHO lưu ý rằng tỷ lệ thuế đề xuất 10% trên giá xuất xưởng sẽ có tác động rất khiêm tốn đến giá bán lẻ của SSB (khoảng 5%) và do đó chỉ dẫn đến giảm rất ít với tiêu thụ, nhưng việc áp dụng thành công thuế TTĐB với sản phẩm này cũng là yếu tố quan trọng. Nó cũng sẽ cung cấp một cơ hội để theo dõi thị trường và tăng cường quản lý thuế để phát triển chính sách trong tương lai. WHO khuyến nghị Bộ Tài chính xem xét đưa ra một lộ trình tăng thuế suất TTĐB đến năm 2030 để giá các sản phẩm đồ uống có đường tăng 20% do tăng thuế, để giảm khả năng chi trả đối với các sản phẩm này, và đảo ngược xu hướng gia tăng nhanh chóng mức tiêu thụ các sản phẩm đồ uống có đường hiện nay.</p>	
	Ngân hàng Thế giới	<p>Ngân hàng Thế giới ghi nhận đề xuất áp dụng thuế theo tỷ lệ phần trăm 10% đối với đồ uống có đường có hơn 5 gam đường trên 100 ml. Việc sử dụng ngưỡng hàm lượng đường sẽ hỗ trợ quản lý thuế và tạo động lực cho các nhà sản xuất giảm hàm lượng đường trong đồ uống có đường. Tuy nhiên, thuế suất thấp và việc sử dụng thuế theo tỷ lệ phần trăm đường như không mang lại tác động có ý nghĩa đối với mục tiêu sức khỏe.</p> <p>WHO đã kết luận thuế đồ uống có đường nên tăng giá khoảng 20% để có tác động có ý nghĩa đối với sức khỏe.¹¹ Phân tích của WHO tại Việt Nam ước tính rằng thuế theo tỷ lệ phần trăm 10% sẽ chỉ làm tăng giá bán lẻ</p>	<p>Đây là mặt hàng mới được đề xuất bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB nên bắt đầu với nước giải khát có đường, hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế TTĐB và áp dụng thuế suất 10% để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu loại nước giải khát có hàm lượng thấp, cũng như nâng cao nhận</p>

¹¹ WHO (2016) *Chính sách tài chính về chế độ ăn uống và phòng ngừa các bệnh không lây nhiễm: báo cáo cuộc họp kỹ thuật, ngày 5-6 tháng 5 năm 2015, Geneva, Thụy Sĩ*. Genève: WHO.

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thêm 5%. Phân tích ước tính mức thuế theo tỷ lệ phần trăm là 40% hoặc thuế tuyệt đối là 7.000 đồng/ lít sẽ cần thiết để tăng giá bán lẻ thêm 20%. ¹²	thức của người tiêu dùng, điều chỉnh hành vi tiêu dùng sản phẩm ít có hại hơn.
	Quỹ Nhi đồng Liên hợp Quốc UNICEF	Khuyến nghị sử dụng cơ chế thuế tỷ lệ phân cấp, trong đó mức thuế được phân cấp theo hàm lượng đường trong sản phẩm, bắt đầu với mức thuế tối thiểu là 20% đối với ĐUCĐ bằng hoặc trên 5g/100ml, như đã khuyến nghị bởi WHO. Bằng chứng từ nhiều quốc gia cho thấy biện pháp thuế này có thể giảm thiểu tỷ lệ thừa cân từ 1-3% và giảm thiểu tỷ lệ béo phì từ 1-4%. Khi áp dụng thuế, trẻ em là nhóm đối tượng giảm mua và tiêu thụ ĐUCĐ nhiều nhất, vì vậy tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dự kiến cũng được giảm thiểu nhiều nhất.	Sau thời gian thực hiện sẽ tiếp tục tổng kết và nghiên cứu đề xuất phù hợp thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế.
	Tổ chức Campaign For Tobacco – Free Kids	Khuyến nghị mức thuế suất đối với ĐUCĐ ít nhất 40% giá xuất xưởng.	
	Bộ Y tế	<p>Dự thảo đưa ra mức thuế suất 10% trên giá bán ra của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, theo tính toán với mức thuế suất này chỉ làm tăng 5% giá bán lẻ. Mức tăng giá bán lẻ như vậy là không đáng kể, chưa đủ để tác động làm thay đổi hành vi tiêu dùng. Ví dụ: sản phẩm nước giải khát đang có giá 10.000 đồng/ 1 chai sau khi áp thuế TTĐB có giá bán là 10.500 đồng/1 chai.</p> <p>Theo khuyến cáo của WHO, để giảm tiêu thụ đồ uống có đường, giá bán lẻ đồ uống có đường cần phải tăng 20% trở lên¹³, tương đương với thuế suất TTĐB trên giá bán ra của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phải là 40%.</p> <p>Do đó, Bộ Y tế đề nghị áp thuế suất 40% đối với nước giải khát có đường (hoặc 30% sau tăng lên 40% theo lộ trình) và có thể chia theo hàm lượng đường để có mức thuế khác nhau tương tự như nhiều nước đang áp dụng.</p>	

¹² WHO (2021) *Đánh giá tác động của thuế TTĐB đối với đồ uống có đường ở Việt Nam*. Hà Nội: WHO và Healthbridge Việt Nam.

¹³ WHO - Fiscal Policies for Diet and Prevention of Noncommunicable Diseases - Page 24

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tập đoàn Công Nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	<p>Cần cân nhắc, phân tích cụ thể hơn để có cơ sở xem xét đưa bổ sung đối tượng chịu thuế cũng như mức thuế suất áp dụng cho mặt hàng NGKCD, theo đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặc dù việc áp dụng mức thuế suất đối với mặt hàng này nhằm hạn chế tiêu dùng để bảo vệ sức khỏe người dân nhưng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách cho nội dung này đã đưa ra nhận định bởi cảnh hiện nay nên cần có lượng hóa giá trị đánh giá tác động tiêu cực để so sánh với tác động tích cực của chính sách này về kinh tế. Hiện Báo cáo đánh giá tác động mới chỉ dừng lại định tính “sẽ làm tăng giá bán, giảm nhu cầu tiêu dùng” mà chưa lượng hóa sự sụt giảm về doanh thu của doanh nghiệp, chi phí doanh nghiệp cần tăng thêm liên quan đến chuyển đổi công thức, thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm thay thế hay số thu NSNN từ thuế GTGT và thuế TNDN bị giảm đi. - Cùng với đó, Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá, so sánh giữa phương án tính theo tỷ lệ (10% hoặc 20%) với phương án tính theo giá trị tuyệt đối trên từng thể tích sản phẩm như kinh nghiệm thực tiễn các quốc gia đang triển khai được trích dẫn trong Báo cáo. 	<p>Về báo cáo đánh giá tác động, Bộ Tài chính tiếp thu và sẽ bổ sung thêm thông tin vào Báo cáo đánh giá, tác động.</p> <p>Về phương pháp tính thuế đối với mặt hàng nước giải khát có đường, căn cứ đặc thù sản phẩm mới được đưa vào đối tượng chịu thuế TTDB và nên Bộ Tài chính đề xuất áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ với mức thuế thấp là 10%.</p> <p>Tại Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đề xuất 01 phương án thuế suất đối với nước giải khát có đường là 10%. Do đó, tại Báo cáo đánh giá tác động đã hoàn thiện đánh giá tác động theo phương án thuế suất 10%.</p>
	Bộ Tư pháp	<p>Biểu thuế suất thuế TTDB đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định cụ thể đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ. Đây là vấn đề kinh tế - kỹ thuật nên Bộ Tư pháp không có ý kiến. Tuy nhiên, việc điều chỉnh tăng thuế suất đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể cần có đánh giá tác động kỹ lưỡng và tính toán cụ thể đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước và doanh nghiệp, đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến chuyên gia, các nhà khoa học và đối tượng chịu sự tác động về nội dung này để đảm bảo tính khả thi.</p>	<p>Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật thuế TTDB (sửa đổi). Trong đó, bao gồm đầy đủ các Bộ, ngành có liên quan đến bảo vệ sức khỏe, quản lý các ngành hàng thuộc đối tượng chịu thuế TTDB cũng như các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật thuế TTTDB; đồng thời thành phần BST, TBT cũng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học và đối tượng chịu sự tác động của dự án Luật như Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam, Hội Tư vấn Thuế Việt</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>Nam, Tổng hội Y học Việt Nam.</p> <p>Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến dự thảo Luật và các hồ sơ có liên quan (gửi công văn đến các Bộ, ngành, Hiệp hội, ... và đăng tải dự thảo văn bản lên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính) cũng như phối hợp với các Bộ ngành tổ chức, tham gia các hội thảo khoa học lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung dự thảo luật.</p>

6.4. Đối với Ô tô

	<p>Bộ Giao thông Vận tải</p>	<p>Đối với “xe ô tô pickup chở hàng cabin kép”, “xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế chở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng”:</p> <p>Về mặt phân loại phương tiện thì “xe ô tô pickup chở hàng cabin kép” (Ô tô tải pickup cabin kép) và “xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế chở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” được phân loại vào nhóm xe ô tô chở hàng (phân loại theo Sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003(2) Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng) nên là đối tượng phải áp dụng niên hạn sử dụng là 25 năm, trong khi xe ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái) không phải áp dụng niên hạn sử dụng theo quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ nên cần có chính sách thuế phù hợp giữa các loại xe này.</p> <p>Về mục đích và phạm vi sử dụng: Ô tô tải pickup cabin kép và xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế chở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng chủ yếu sử dụng với mục đích lưỡng dụng vừa chở người, vừa chở hàng và tỷ lệ sử dụng với mục đích cá nhân đối với loại xe này ít hơn nhiều so với tỷ lệ sử dụng với</p>	
--	------------------------------	---	--

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>mục đích cá nhân đối với loại xe ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (xe ô tô con).</p> <p>Việc tăng thuế suất có thể làm tăng giá bán xe sẽ tác động tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, do vậy cần có đánh giá tác động đến các doanh nghiệp sản xuất ô tô và doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.</p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu bổ sung nội dung đánh giá tác động đến doanh nghiệp tại Báo cáo Đánh giá tác động</p>
	<p>Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA)</p>	<p>Đề xuất 1: Đề xuất áp dụng ưu đãi thuế TTĐB đối với xe tự sạc không cần hệ thống sạc điện riêng (HEV) bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe chạy bằng xăng, dầu cùng loại (hiện tại là 100%) và đối với xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng (PHEV) bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe chạy bằng xăng, dầu cùng loại (hiện tại là 70%).</p> <p>Liên quan đến nội dung quy định tại khoản đ), Điều 8: “Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện (xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng), xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên”, chúng tôi đề xuất sửa đổi tách thành 2 khoản: 1 khoản cho ‘xe tự sạc không cần hệ thống sạc điện riêng’ (HEV) và 1 khoản cho ‘xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng’ (PHEV), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản dành cho xe tự sạc không cần hệ thống sạc điện riêng (HEV): “Xe ô tô chạy bằng nhiên liệu hóa thạch kết hợp năng lượng điện <u>không cần hệ thống sạc điện riêng</u>, xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên”. - Khoản dành cho xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng (PHEV): “Xe ô tô chạy bằng nhiên liệu hóa thạch kết hợp năng lượng điện <u>có khả năng nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng</u>” <p>Liên quan đến thuế suất, chúng tôi đề xuất <u>áp dụng ưu đãi thuế TTĐB đối với xe tự sạc không cần hệ thống sạc điện riêng (HEV) bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe chạy bằng xăng, dầu cùng loại (hiện tại là 100%) và đối với xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng (PHEV) bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe chạy bằng xăng, dầu cùng loại (hiện</u></p>	<p>Luật thuế TTĐB hiện hành đã quy định thuế suất đối với xe thân thiện với môi trường thấp hơn xe chạy bằng xăng, dầu cùng loại.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>tại là 70%).</i></p> <p>Đề xuất 2: Đề xuất giữ nguyên mức thuế suất thuế TTĐB như hiện hành đối với dòng xe pick-up chở hàng cabin kép</p> <p>Đối với các dòng xe pick-up chở hàng cabin kép, đề xuất tăng mức thuế suất thuế TTĐB cao hơn (bằng 60% mức thuế suất áp dụng cho xe quy định tại điểm 4a của Biểu thuế) theo điểm d), Điều 8 của Dự thảo luật thuế TTĐB chưa thực sự phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung của toàn bộ thị trường của ngành ô tô hiện nay. Chúng tôi đề xuất giữ nguyên mức thuế suất thuế TTĐB như hiện hành vì những lý do sau:</p> <p>Xe pick-up chở hàng cabin kép chủ yếu được sử dụng ngoài khu vực đô thị, với công năng chính là vận tải hàng hóa, phục vụ kinh doanh vừa và nhỏ và hoạt động công vụ của các cơ quan chức năng. Cụ thể, theo số liệu của VAMA, trong vòng 5 năm qua, trên 70% người dùng xe pick-up chở hàng cabin kép đến từ khu vực các tỉnh thành phố khác ngoài Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Trong những phân khúc khách hàng, các cơ quan doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 36%, khách hàng cá nhân chiếm 64%, chủ yếu bao gồm các cá nhân kinh doanh tự do, nhân viên công ty, kỹ sư, nông dân, v.v. có nhu cầu mua xe xe pick-up chở hàng cabin kép phục vụ mục đích vận tải, kinh doanh thương mại với quy mô vừa và nhỏ.</p> <p>Theo kinh nghiệm của các nước trong khu vực có điều kiện kinh tế tương đồng với Việt Nam như Thái Lan, Indonesia hay Malaysia, xe pick-up chở hàng cabin kép hiện nay vẫn được xem là một trong những nguồn lực quan trọng giúp phát triển kinh tế và nhận được nhiều ưu đãi, bao gồm các ưu đãi về thuế TTĐB. Ngoài ra, theo các phân tích và tính toán định lượng, việc tăng thuế suất thuế TTĐB cao hơn cho xe pick-up chở hàng cabin kép sẽ mang lại nhiều tác động bất lợi, bao gồm giảm thu ngân sách nhà nước (ước tính 7,700 tỷ đồng trong giai đoạn 2024-2030), biến động trên thị trường ô tô (giảm 36% lượng tiêu thụ), tổn thất cho các doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào dây chuyền sản xuất, tăng chi phí và hạn chế khả năng mua mới phương tiện của nhiều đối tượng người tiêu dùng. Bên cạnh đó, những mục tiêu của Chính phủ trong việc đảm bảo công bằng chính sách giữa các dòng xe, bảo vệ môi trường và điều tiết giao thông đô thị cũng</p>	<p>Mặt hàng xe pick-up chở hàng cabin kép có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 950 kg được xem là xe con và được phép đi trong nội đô như xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống. Vì vậy, cần nghiên cứu điều chỉnh mức thuế suất đối với loại xe này để đảm bảo công bằng về chính sách thuế đối với các phương tiện giao thông có mục đích sử dụng tương tự (lệ phí trước bạ đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép cũng đã được điều chỉnh tăng kể từ ngày 10/4/2019, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô pick up chở hàng cabin kép bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống).</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khó đạt hiệu quả cao.	
	Bộ Nội vụ	Về thuế suất đối với hàng hóa là ô tô, đề nghị quy định mức thuế suất phù hợp và giảm dần theo lộ trình để góp phần thực hiện mục tiêu COP26 về giảm phát thải bằng 0 vào năm 2050.	Nội dung đề xuất phù hợp với sắc thuế bảo vệ môi trường. Đối với thuế TTĐB thì để góp phần bảo vệ môi trường hơn nữa, cần tiếp tục tăng thuế, không phải giảm dần theo lộ trình.
	Tập đoàn Công Nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Về thuế suất đối với Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng: Việc điều chỉnh, bổ sung đối này đảm bảo chính sách rõ ràng, bao quát được đối tượng, xử lý được các vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về thuế TTĐB. Tuy nhiên, việc quy định mức thuế suất áp dụng cho đối tượng này “bằng 60%” mức thuế suất TTĐB áp dụng cho ô tô chạy xăng, dầu cùng loại tại điểm d khoản 4 Điều 8 Dự thảo Luật là nội dung điều chỉnh so với quy định hiện hành và cao hơn so với Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 hiện hành (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2016, 2022). Việc tăng thuế suất TTĐB dẫn đến giá các loại xe như xe bán tải phục vụ cho hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp tăng, điều này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới việc phục hồi sản xuất, kinh doanh	Mặt hàng xe bán tải (pick-up chở hàng cabin kép) có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 950 kg được xem là xe con và được phép đi trong nội đô như xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống. Xe bán tải có mục đích sử dụng lưỡng dụng vừa chở người, vừa chở hàng. Vì vậy, cần nghiên cứu điều chỉnh mức thuế suất đối với loại xe này để đảm bảo công bằng về chính sách thuế đối với các phương tiện giao thông có mục đích sử dụng tương tự (lệ phí trước bạ đối với ô tô pick-up chở hàng cabin kép cũng đã được điều chỉnh tăng kể từ ngày 10/4/2019, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô pick up chở hàng cabin kép bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống).
7. Hoàn thuế			
	Cục Thuế TP Hải Phòng	Cục Thuế TP Hải Phòng đề nghị xem xét bổ sung một số trường hợp hoàn thuế sau: - Hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài (bao gồm cả xuất	Đây là nội dung chính sách mới, không có trong đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi) trình UBTVQH,

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khấu trả lại chủ hàng, xuất khẩu hàng hóa đã nhập khẩu ra nước ngoài) - Hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	do đó cần tiếp tục tổng kết, đánh giá.
	Bộ Công An	Tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật về hàng hóa được hoàn thuế, khấu trừ thuế, đề nghị bổ sung quy định hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu	Tại điểm d khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật đã quy định “hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Do vậy không cần quy định về việc hoàn thuế, khấu trừ thuế đối với trường hợp này. Trường hợp nộp thừa thì xử lý theo quy định hoàn thuế đối với tiền thuế nộp thừa theo quy định của Luật Quản lý thuế.
	Bộ Tư pháp	<p>- Điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật quy định: “Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật thì hàng hóa nêu trên thuộc đối tượng không chịu thuế nên việc quy định hoàn thuế là chưa đảm bảo tính thống nhất.</p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật quy định: “Quyết toán thuế khi giải thể, phá sản có số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết”.</p> <p>Về vấn đề này, Bộ Tư pháp nhận thấy: (1) quy định như dự thảo Luật thu hẹp đối tượng được hoàn thuế so với quy định hiện hành (dự thảo Luật đã bỏ đối tượng: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động) (2) nguyên tắc của việc tổ chức lại doanh nghiệp quy định từ Điều 198 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp là</p>	<p>- Khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật quy định về hàng hóa khi xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế. Điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật về hoàn thuế đối với hàng hóa là <u>nguyên liệu</u> nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài. Nội dung này không có sự mâu thuẫn.</p> <p>- Nội dung dự thảo quy định đã được điều chỉnh, bổ sung giải trình phù hợp và thống nhất với pháp luật về doanh nghiệp và hợp tác xã</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>công ty được chia, tách, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập, công ty chuyển đổi "... đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp..." của công ty bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, công ty được chuyển đổi, nhưng phải tuân thủ nghị quyết, quyết định của công ty và hợp đồng tương ứng; tuy nhiên, trong trường hợp việc phân chia quyền được hoàn thuế giữa các công ty bị chia, tách chưa được quy định rõ ràng tại nghị quyết, quyết định của công ty, việc dự thảo Luật chưa dự liệu cho tình huống này có thể dẫn đến cơ quan thuế từ chối hoàn thuế, doanh nghiệp bị mất quyền hoàn thuế (trong khi không thể sửa đổi, bổ sung nghị quyết, quyết định của công ty bị chia, tách để bổ sung nội dung này); (3) trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì việc hoàn thuế trong trường hợp này sẽ như thế nào chưa được quy định rõ. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung trên cho phù hợp và thống nhất với pháp luật về doanh nghiệp và hợp tác xã.</p>	
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp sau sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp phải kế thừa các quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp trước đó. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư và doanh nghiệp, đề nghị cơ quan soạn thảo giữ quy định hiện hành về việc hoàn thuế trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008.</p>	<p>Đã phân tích tại Bản thuyết minh các nội dung sửa đổi Luật.</p>
8. Giảm thuế			
	Cục Thuế TP Hải Phòng	<p>Cục Thuế TP Hải Phòng đề nghị xem xét bổ sung quy định về giảm thuế đối với trường hợp hàng nhập khẩu đang chịu sự giám sát của cơ quan hải quan nhưng bị hư hỏng, mất mát do nguyên nhân khách quan (như quy định đối với trường hợp giảm thuế nhập khẩu tại Điều 18 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: "1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá</p>	<p>Luật quản lý thuế không có quy định về nguyên nhân khách quan, do vậy đề nghị giữ như dự thảo.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trình giám sát của cơ quan hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế”).	
9. Nội dung khác			
	Bộ Nội vụ	- Đề nghị bổ sung nội dung về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua và các nội dung khác tại Tờ trình theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu và bổ sung Tờ trình
		- Đề nghị tiếp tục rà soát nội dung dự thảo với quy định tại các luật chuyên ngành như: Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thương mại và các luật khác có liên quan bảo đảm tính thống nhất, phù hợp; tăng cường phân cấp, phân quyền trong thực hiện các nhiệm vụ; bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế.	Tiếp thu và bổ sung Báo cáo rà soát nội dung dự thảo với quy định tại các luật chuyên ngành
		- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục đánh giá tác động xã hội đối với các chính sách mới, nhất là về căn cứ tính thuế TTĐB (việc bổ sung phương pháp tính thuế tuyệt đối và phương pháp tính thuế hỗn hợp cần được nghiên cứu kỹ lưỡng bởi vì mỗi phương pháp đều có ưu, nhược điểm nhất định, tránh gây áp lực, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân), bảo đảm hài hòa hoạt động cũng như doanh thu của các mặt hàng chịu tác động chính sách với mục tiêu của chính sách.	Nội dung đề xuất đã được tổng hợp, đưa vào báo cáo đánh giá tác động
	Bộ Ngoại giao	Cần nhắc bổ sung nội dung tham khảo kinh nghiệm quốc tế liên quan đến một số quy định về đối tượng không chịu thuế, cách tính thuế, phương pháp tính thuế, hoàn thuế... để làm dày dặn thêm hồ sơ xây dựng dự án Luật	- Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL thì hồ sơ dự án Luật không yêu cầu báo cáo kinh nghiệm

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>quốc tế. Tuy nhiên, Bộ Tài chính sẽ bổ sung Báo cáo kinh nghiệm quốc tế vào hồ sơ dự án Luật.</p>
		<p>Đánh giá tính tương thích của nội dung dự thảo Luật với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên</p>	<p>- Tiếp thu, bổ sung “Nội dung dự thảo Luật phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.</p>
		<p>Đồng thời, đề nghị giải thích lý do (i) đề xuất mức thuế đối với mặt hàng bia ngang bằng mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên và (ii) không chia mặt hàng bia theo mức nồng độ cồn như rượu. Cần nhắc phân loại bia theo nồng độ cồn để đưa ra lộ trình tăng thuế từng năm cho phù hợp.</p>	<p>- Quy định tại Luật thuế TTĐB về một mức thuế suất áp dụng đối với tất cả sản phẩm bia (không theo độ cồn) và chia mặt hàng rượu theo tiêu chí dưới 20 độ cồn và trên 20 độ cồn đã được sửa đổi theo đúng cam kết của Việt Nam gia nhập WTO và thực hiện ổn định từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO đến nay. - Kết cấu của biểu thuế tại dự thảo Luật được giữ như Luật hiện hành và trong thời quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.</p>
		<p>Đề nghị lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự án Luật, phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản QPPL.</p>	<p>Dự thảo Luật được gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan cũng như đăng công khai trên cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính để lấy ý kiến công chúng cũng như các đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự án Luật, phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản QPPL.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Bổ sung thuyết minh rõ hơn về lý do đề xuất cũng như lựa chọn phương án về lộ trình tăng thuế từng năm đối với các mặt hàng như thuốc lá, rượu, bia...	Nội dung này đã được bổ sung, tổng hợp theo các ý kiến đóng góp vào hồ sơ dự án Luật.
Thể thức và kỹ thuật trình bày	Thông tấn xã Việt Nam	Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát một số lỗi viết hoa theo quy định tại phụ lục II kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ, cụ thể: sửa “Luật thuế TTĐB” thành “Luật Thuế TTĐB”; sửa “Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá” thành “Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá”, sửa “Luật đầu tư” thành “Luật Đầu tư”...	- Tiếp thu, tổng hợp vào tờ trình và dự thảo Luật.
Đối tượng áp dụng	UBND tỉnh Điện Biên	Đề nghị bổ sung quy định về “Đối tượng áp dụng” của Luật để nội dung được đầy đủ, cụ thể; thuận lợi cho việc triển khai thực hiện sau khi Luật có hiệu lực thi hành	Đã được quy định tại Điều 2 Luật thuế TTĐB về Đối tượng chịu thuế TTĐB
Điều khoản chuyển tiếp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đề nghị rà soát các trường hợp thay đổi của dự thảo luật mới với quy định của luật hiện hành để xem xét quy định điều khoản chuyển tiếp (nếu có).	Bộ Tài chính đã rà soát và thể hiện rõ tại Dự thảo Luật các nội dung sửa đổi, bổ sung cũng như quy định lộ trình thực hiện. Trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung không quy định lộ trình thực hiện cụ thể thì thực hiện ngay tại thời điểm Luật có hiệu lực thi hành.
Phân bổ ngân sách từ thuế TTĐB	Bộ Văn hóa thể thao và du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định cụ thể một phần nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế TTĐB đối với dịch vụ kinh doanh môn, dịch vụ kinh doanh đặt cược thể thao được phân bổ để đầu tư cho lĩnh vực thể thao. - Quy định cụ thể một phần nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế TTĐB đối với dịch vụ kinh doanh vũ trường, dịch vụ kinh doanh ka-ra-o-ke được phân bổ để đầu tư cho lĩnh vực văn hóa. <p>Lý do: Việc sử dụng nguồn thu từ thuế TTĐB của các dịch vụ liên quan đến văn hóa, thể thao để tái đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực của chính các dịch vụ chịu thuế. Việc quy định trên cũng giúp tạo ra sự phân bổ nguồn lực công bằng hơn trong xã hội, đảm bảo lợi ích công cộng chung.</p>	Việc phân bổ ngân sách/số thu ngân sách được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	<p>- Đề nghị rà soát kỹ báo cáo đánh giá tác động, có đánh giá tác động sâu sắc hơn, đặc biệt là các tác động về kinh tế - xã hội, tác động đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng/dịch vụ trong bối cảnh hiện nay</p> <p>- Đề nghị việc xây dựng các quy định phải bảo đảm thực hiện đồng thời các mục đích đã nêu tại mục 1 (mục đích) Phần II dự thảo Tờ trình, tránh trường hợp ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp dẫn đến việc cắt giảm người lao động và không đạt được việc “ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước” và “khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội” như đã nêu tại mục 1 nêu trên.</p>	- Tiếp thu, bổ sung phân tích tại Báo cáo đánh giá tác động
	Bộ Tư pháp	<p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó có yêu cầu không được: “chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ” - điểm d khoản 2 Điều 9); (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỷ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); (iii) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật” - Mục 2.1); (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; (v) Quyết định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại dự thảo Luật để đảm bảo</p>	Bộ Tài chính tiếp thu và hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi)

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật theo quy định tại điểm b1 khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024).</p>	
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>- Đề nghị Bộ Tài chính tham vấn kỹ ý kiến của các đối tượng chịu tác động của chính sách điều chỉnh thuế TTĐB, cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề và các địa phương. Đồng thời, đề nghị có đánh giá đầy đủ tác động của chính sách điều chỉnh thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế đến việc phát triển ngành nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung, trong đó lưu ý tác động đến các chỉ tiêu phát kinh tế - xã hội, cân đối NSNN; tác động đến môi trường đầu tư kinh doanh, tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút vốn FDI; phản ứng của người tiêu dùng, doanh nghiệp.</p>	<p>- Hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được gửi xin ý kiến các Bộ ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, một số Hiệp hội có liên quan và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024).</p> <p>Việc điều chỉnh các chính sách thuế TTĐB đã được đánh giá tác động tại Báo cáo đánh giá tác động kèm hồ sơ</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- Việc đề xuất xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, luật hóa những vấn đề đã được kiểm nghiệm thực tế, kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tiễn là cần thiết. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính tổng kết đầy đủ tình hình thực hiện các quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) trong thời gian qua, đánh giá tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân, đề xuất giải pháp xử lý tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi).</p> <p>- Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật, đảm bảo: (i) tuân thủ nguyên tắc điều chỉnh thuế đã được UBTVQH nhất trí thông qua và</p>	<p>dự án Luật.</p> <p>- Việc xây dựng dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) được thực hiện theo 02 bước theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, tại bước lập đề nghị xây dựng dự án Luật, căn cứ báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật Thuế TTĐB, cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế TTĐB kèm theo hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi).</p> <p>Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát đề thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế phù hợp với các tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, đảm bảo tính bền vững của nền kinh tế.</p> <p>- Nội dung dự thảo Luật cơ bản giữ như nội dung đề cương dự thảo Luật</p>

NHÓM VẤN ĐỀ / ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>phù hợp với chiến lược cải cách thuế; (ii) đáp ứng nguyên tắc nuôi dưỡng nguồn thu; (iii) quy định đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan; (iv) quy định đủ các nội dung chuyên tiếp để không tạo khoảng trống pháp lý trong tổ chức thực hiện.</p>	<p>trong hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật đã được trình UBTVQH (theo 07 nhóm chính sách gồm: Hoàn thiện các quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB, đối tượng không chịu thuế TTĐB, căn cứ tính thuế TTĐB, giá tính thuế TTĐB, thuế suất, hoàn thuế, khấu trừ thuế, tổ chức thực hiện), có rà soát sửa đổi, bổ sung câu chữ để luật hóa các nội dung chính sách đã thực hiện ổn định tại Nghị định, Thông tư để đảm bảo đúng thẩm quyền của Quốc hội và minh bạch, rõ ràng. Đồng thời xây dựng các phương án về thuế suất tại dự thảo Luật nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện mức thuế TTĐB.</p>

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ ÁN LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (SỬA ĐỔI)

Đến ngày 18/7/2024, Bộ Tài chính đã nhận được văn bản tham gia ý kiến (21 Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 29 địa phương, 35 Hiệp hội, doanh nghiệp, 08 tổ chức quốc tế và các cơ quan, đơn vị khác),

- Có 21/tổng số 27 Bộ, ngành, tổ chức thuộc Chính phủ: Bộ Thông tin và Truyền thông (công văn số 2556/BTTTT-PTTH&TTĐT ngày 29/6/2024), Bộ Tài nguyên và Môi trường (công văn số 4160/BTNMT-KHTC ngày 26/6/2024), Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 3277/BGDĐT-KHTC ngày 01/7/2024), Bộ Xây dựng (công văn số 3763/BXD-KHTC ngày 01/7/2024), Bộ Nội vụ (công văn số 3737/BNV-PC ngày 28/6/2024), Bộ Quốc phòng (công văn số 2445/BQP-TC ngày 28/6/2024), Bộ Ngoại giao (công văn số 3403/BNG-LPQT ngày 5/7/2024), Bộ Giao thông vận tải (công văn số 7130/BGTVT-TC ngày 5/7/2024), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 4887/BNN-TC ngày 10/7/2024), Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội (công văn số 2983/BLĐTBXH-VPC ngày 10/7/2024), Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (công văn số 2866/BVHTTDL-KHTC ngày 10/7/2024), Bộ Y tế (công văn số 3918/BYT-PC ngày 10/7/2024); Bộ Tư pháp (công văn số 3925/BTP-PLDSKT ngày 15/7/2024), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 5599/BKHĐT-TCTT); Bộ Công an (công văn số 2305/BCA-V03 ngày 11/7/2024);

Thông tấn xã Việt Nam (công văn số 730/TTX-KHTC ngày 26/6/2024), Bảo hiểm xã hội Việt Nam (công văn số 2011/BHXXH-TCKT ngày 27/6/2024), Đài Truyền hình Việt Nam (công văn số 858/THVN-VP ngày 05/7/2024), Đài tiếng nói Việt Nam (công văn số 1502/TNVN-VP ngày 24/6/2024), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (công văn số 1490/VHL-KHTC ngày 28/6/2024), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (công văn số 1042/KHXN-VNNPL ngày 5/7/2024).

- Có 29/64 Tỉnh, Thành phố: Hà Giang (công văn số 721/CTHGI-NVDTPC ngày 28/6/2024), Lâm Đồng (công văn số 3608/CTLĐO-NVDĐT ngày 28/6/2024), Bình Dương (công văn số 1999/STC-QLNS ngày 21/6/2024), Trà Vinh (2687/CTTVI-TTHT ngày 27/6/2024), Quảng Trị (công văn số 657/CTQTR-NVDTPC ngày 28/6/2024), Yên Bái (công văn số 1321/STC-QLNS ngày 01/7/2024), Quảng Bình (công văn số 2754/CTQBI-NVDTPC ngày 01/7/2024), Vĩnh Long (công văn số 3952/UBND-TH) ngày 27/6/2024; Phú Yên (công văn số 1876/CTPHY-NVDTPC ngày 28/6/2024); Bắc Giang (công văn số 4547/CTBGI-

NVDTPC ngày 26/6/2024); Bình Thuận (công văn số 4054/CTBTH-NVDTPC ngày 01/7/2024); Hà Nam (công văn số 1640/CTHNA-NVDTPC ngày 28/6/2024); Lai Châu (công văn số 1134/STC-QLNS ngày 26/6/2024); Sóc Trăng (công văn số 2967/STC-GSSDN ngày 28/6/2024); Sơn La (công văn số 2243/STC-QLNS ngày 26/6/2024); Thái Bình (công văn số 3641/CTTBI-NVDTPC ngày 01/7/2024); Thái Nguyên (công văn số 2830/CTTNG-NVDTPC ngày 28/6/2024); Tiền Giang (công văn số 2369/CTTGI-NVDTPC ngày 27/6/2024); Gia Lai (công văn số 1302/CTGLA-NVDTPC ngày 27/6/2024); Hòa Bình (công văn số 1018/UBND-KTTH ngày 27/6/2024); Kiên Giang (công văn số 1023/CTKGI-NVDTPC ngày 28/6/2024); Quảng Ngãi (công văn số 3131/CTQNG-NVDTPC ngày 28/6/2024); Bắc Kạn (công văn số 1234/CTBCA-NVDTPC ngày 27/6/2024), Lạng Sơn (công văn số 857/UBND-KT ngày 26/6/2024), Bắc Ninh (văn bản số 3370/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024), Đồng Tháp (công văn số 1063/CTDTH-TTHT ngày 28/6/2024), Đà Nẵng (công văn số 3628/UBND-KT ngày 05/7/2024), Đắk Lắk (công văn số 5897/UBND-KT ngày 03/7/2024), Vĩnh Phúc

- Các Tổ chức quốc tế: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tại Việt Nam; Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam; Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF); Tổ chức Campaign for Tobacco Free Kids; HealthBridge Foundation of Canada; Quỹ Từ thiện Bloomberg Philanthropy; Vital Strategies; Trường Đại học Johns Hopkins; Liên minh Kiểm soát thuốc lá Đông Nam Á (SEATCA).

- Các Hiệp hội: Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam; Hiệp hội mía đường; Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA); Hiệp hội Sản xuất và tiêu thụ Thuốc lá Việt Nam; Hội tư vấn thuế Việt Nam;

- Các doanh nghiệp: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (văn bản số 5502/VNPT-KTTC ngày 01/7/2024); Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam; Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn; Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; Một số Công ty sản xuất Bia; Công ty CP rượu Bình Tây...

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 2556 /BTTTT-PTTH&TTĐT

V/v góp ý đối với hồ sơ dự án Luật thuế tiêu
thụ đặc biệt (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được văn bản số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính về việc đề nghị cho ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Về vấn đề này, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

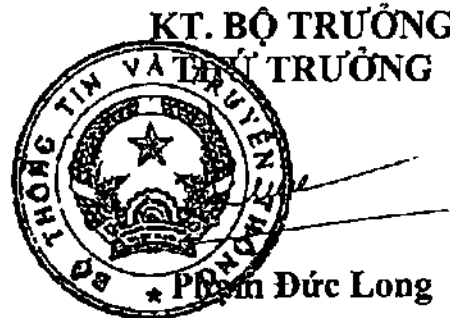
Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí với hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) do Bộ Tài chính chuyển đến.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, PTTH&TTĐT.



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4160 /BTNMT-KHTC

V/v ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); sau khi nghiên cứu Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất với hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục QL, GSCS thuế, phí và lệ phí (Bộ Tài chính);
- Lưu VT, KHTC, NT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc - lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3277 /BGDDĐT-KHTC

V/v có ý kiến về hồ sơ dự án Luật
thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính đề nghị có ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) có ý kiến như sau:

Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 (TTĐB) có hiệu lực thi hành từ ngày 04/01/2009. Qua 16 năm thực hiện, các chính sách thuế TTĐB cũng đã bộc lộ một số tồn tại: Đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp, một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong thực hiện, thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô, còn thấp chưa đủ tác dụng để hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập và chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường, cần thay đổi để phù hợp với thông lệ quốc tế. Do đó, việc xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) là cần thiết và phù hợp.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ GDĐT, kính gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương



Bộ Xây dựng
01-07-2024
16:44:42 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3763 /BXD-KHTC
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự
án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt
(sửa đổi).

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu Dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự án Luật; Dự thảo Luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật; Báo cáo đánh giá tác động Luật kèm theo văn bản số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính nêu trên, Bộ Xây dựng về cơ bản thống nhất với nội dung hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Tuy nhiên, để hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Xây dựng đề nghị bổ sung Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp. /đ

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Nguyễn Thanh Nghị (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3737 /BNV - PC
V/v góp ý Hồ sơ dự án Luật Thuế
tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trà lời Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý Hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

I. VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Thống nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết xây dựng Hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về cải cách hệ thống Chính sách thuế nói chung, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng (Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030); hoàn thiện quy định về chính sách thuế TTĐB, góp phần cải cách thủ tục quản lý thuế, thực hiện quản lý thuế điện tử; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật thuế TTĐB; bảo đảm tính khả thi và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cần làm rõ và đầy đủ hơn; đồng thời biên soạn lại các mục: cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn, sự cần thiết theo hướng rõ ràng và mạch lạc hơn.

2. Đề nghị bổ sung nội dung về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua và các nội dung khác tại Tờ trình theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

II. VỀ NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT

1. Đề nghị tiếp tục rà soát nội dung dự thảo với quy định tại các luật chuyên ngành như: Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thương mại và các luật khác có liên quan bảo đảm tính thống nhất, phù hợp; tăng cường phân cấp, phân quyền trong thực hiện các nhiệm vụ; bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục đánh giá tác động xã hội đối với các chính sách mới, nhất là về căn cứ tính thuế TTĐB (việc bổ sung phương pháp tính thuế tuyệt đối và phương pháp tính thuế hỗn hợp cần được nghiên cứu kỹ lưỡng bởi vì mỗi phương pháp đều có ưu, nhược điểm nhất định, tránh gây áp lực, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân), bảo đảm hài hòa hoạt động cũng như doanh thu của các mặt hàng chịu tác động chính sách với mục tiêu của chính sách.

3. Về Thuế suất (Điều 8):

a) Thống nhất quy định mức thuế suất theo phương án 2 tại Điều 8 dự thảo luật (Biểu thuế TTĐB) đối với hàng hóa thuốc lá, rượu....

b) Về thuế suất đối với hàng hóa là ô tô, đề nghị quy định mức thuế suất phù hợp và giảm dần theo lộ trình để góp phần thực hiện mục tiêu COP26 về giảm phát thải bằng 0 vào năm 2050.

4. Đối với các nội dung mang tính chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành, đề nghị tiếp tục lấy ý kiến của các Bộ, ngành chức năng liên quan và đối tượng chịu tác động, các chuyên gia, các nhà khoa học để hoàn thiện dự thảo Luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Triệu Văn Cường

BỘ QUỐC PHÒNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2445 /BQP-TC

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 569.56... BQT
Ngày:	01-07-2024
Chuyên:	Lưu CS
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính!

Bộ Quốc phòng nhận được Văn bản số 6059/BTC-CSB ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) (bao gồm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Báo cáo đánh giá tác động Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt kèm theo). Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất đối với hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và có ý kiến như sau:

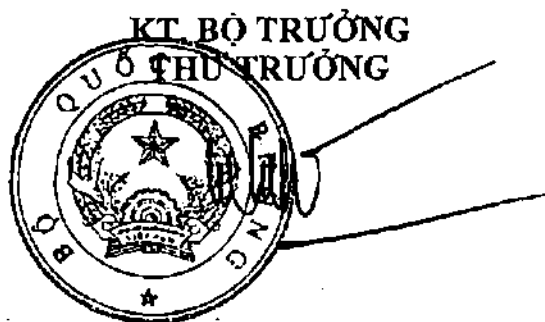
Đề nghị bổ sung vào dự thảo tại Điều 3. Đối tượng không chịu thuế: "Hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng (hoặc hàng hóa mua sắm để hình thành tài sản công trong Bộ Quốc phòng)".

Lý do: Toàn bộ các nội dung mua sắm hàng hóa, trang thiết bị quân sự phục vụ nhiệm vụ quốc phòng (bao gồm chi phí để thực hiện hợp đồng) đều sử dụng kinh phí từ các nguồn vốn của Nhà nước giao, vì vậy việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa mua sắm phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng về bản chất không làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- C41;
- Lưu: VT, VPC. Trg04.



Thượng tướng Vũ Hải Sản



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3403 /BNG-LPQT

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ
đặc biệt (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi), trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Luật Thuế TTĐB (sửa đổi)

Việc sớm hoàn thiện, sửa đổi các điều khoản, nội dung gây vướng mắc trong quá trình triển khai Luật Thuế TTĐB thời gian qua là cần thiết để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, khắc phục vướng mắc về thể chế để đáp ứng yêu cầu, yếu tố mới từ thực tiễn đời sống, kinh tế - xã hội.

2. Về hồ sơ xây dựng dự án Luật

Hồ sơ dự án Luật cơ bản được chuẩn bị đầy đủ theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

3. Về nội dung dự thảo Tờ trình

- Đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung nội dung tham khảo kinh nghiệm quốc tế liên quan đến một số quy định về đối tượng không chịu thuế, cách tính thuế, phương pháp tính thuế, hoàn thuế ... để làm dày dặn thêm hồ sơ xây dựng dự án Luật.

- Đề nghị Quý Bộ bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của nội dung dự thảo Luật với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đối với nội dung tại điểm 2.7 mục IV dự thảo Tờ trình (Thuế suất thuế TTĐB) đề nghị Quý Bộ bổ sung thuyết minh rõ hơn về lý do đề xuất cũng như lựa chọn phương án về lộ trình tăng thuế từng năm đối với các mặt hàng như thuốc lá, rượu, bia ...

Đồng thời, đề nghị Quý Bộ giải thích lý do (i) đề xuất mức thuế đối với mặt hàng bia cao ngang bằng mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên và (ii) không chia mặt hàng bia theo mức nồng độ cồn như rượu.

4. Về nội dung dự thảo Luật

Tương tự như ý kiến nêu tại mục 3, đề nghị Quý Bộ cân nhắc phân loại bia theo nồng độ cồn để đưa ra lộ trình tăng thuế từng năm cho phù hợp. Đề nghị

Quý Bộ lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án Luật, phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, LPQT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7130 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2024

V/v hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ
đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi (TTĐB), trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Bộ Giao thông vận tải tham gia ý kiến như Phụ lục kèm theo.

Bộ Giao thông vận tải gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./. *LD*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC (Đúc).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm

THAM GIA Ý KIẾN VÀ GỢI Ý SỬ DỤNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ
TIÊU CHUẨN BẠCH PHÁT (SỬA ĐỔI)

(Gửi kèm theo văn bản số 711/CT-KT ngày 05/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải)



1. Về Dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Khoản 4 (trang 4) dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đánh giá “đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế”, tuy nhiên, Bộ Tài chính mới chỉ nêu đối tượng chịu thuế TTĐB của Trung Quốc và Thái Lan, đề nghị bổ sung đánh giá đối với một số nước có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với Việt Nam.

- Về đối tượng chịu thuế và thuế suất thuế TTĐB: khoản cuối (trang 11) dự thảo Tờ trình Chính phủ: “Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pickup chở người; xe ô tô pickup chở hàng cabin kép; xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô và quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ của Bộ Giao thông vận tải”, đề nghị thuyết minh bổ sung việc sửa đổi nêu trên có mở rộng/thu hẹp đối tượng chịu thuế TTĐB so với quy định tại Luật Thuế TTĐB hiện hành hay không; sửa đổi, bổ sung “để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô” thành “để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô của Bộ Khoa học và Công nghệ”.

Ngoài ra, Bộ GTVT cung cấp thêm một số thông tin, để Bộ Tài chính cân nhắc quy định đối tượng chịu thuế và thuế suất thuế TTĐB đối với các loại xe này như sau:

+ Đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ: tại trang 2 Phụ lục Bản thuyết minh chi tiết kèm theo dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính có đánh giá: “Thực tế thực hiện đã có phát sinh vướng mắc việc xác định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ (theo quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số chỗ ngồi tối đa không quá 15 chỗ” có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay không do theo TCVN thì xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không được gọi là ô tô”.

Theo Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế, tại khoản 2 Điều 20 quy định: “Phạm vi, tuyến đường hoạt động và thời gian hoạt động đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định”. Hiện nay, tại dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường

bộ có quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, phạm vi hoạt động¹, niên hạn sử dụng của “xe chở người bốn bánh có gắn động cơ”, đề nghị Bộ Tài chính rà soát mục đích hoạt động chủ yếu của xe chở người bốn bánh có gắn động cơ để nghiên cứu, cân nhắc về đối tượng chịu thuế TTĐB đối với loại xe này cho phù hợp.

+ Đối với “xe ô tô pickup chở hàng cabin kép”, “xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế chở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng”:

Về mặt phân loại phương tiện thì “xe ô tô pickup chở hàng cabin kép” (Ô tô tải pickup cabin kép) và “xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế chở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” được phân loại vào nhóm xe ô tô chở hàng (phân loại theo Sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003⁽²⁾ Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng) nên là đối tượng phải áp dụng niên hạn sử dụng là 25 năm, trong khi xe ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái) không phải áp dụng niên hạn sử dụng theo quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ nên cần có chính sách thuế phù hợp giữa các loại xe này.

Về mục đích và phạm vi sử dụng: Ô tô tải pickup cabin kép và xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng có từ hai hàng ghế chở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng chủ yếu sử dụng với mục đích lưỡng dụng vừa chở người, vừa chở hàng và tỷ lệ sử dụng với mục đích cá nhân đối với loại xe này ít hơn nhiều so với tỷ lệ sử dụng với mục đích cá nhân đối với loại xe ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (xe ô tô con).

Việc tăng thuế suất có thể làm tăng giá bán xe sẽ tác động tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, do vậy cần có đánh giá tác động đến các doanh nghiệp sản xuất ô tô và doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2. Về dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi

Tại dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi quy định đối tượng chịu thuế TTĐB “Điều hòa nhiệt độ có công suất từ 90.000 BTU trở xuống...”. Hiện nay, điều kiện kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi so với thời điểm xây dựng Luật thuế TTĐB năm 2008, điều hòa nhiệt độ có công suất thấp từ 9.000 BTU - 12.000 BTU được sử dụng phổ biến, phục vụ sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình tại khu vực đô thị cũng như nông thôn... Do đó, đề nghị xem xét cân nhắc quy định điều hòa nhiệt độ có công suất từ 9.000 BTU - 12.000 BTU không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB (nghiên cứu, quy định tương tự như đối tượng chịu thuế TTĐB đối với xe mô tô là các xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125m³).

¹ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

- ... xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải chạy đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định.

⁽²⁾ TCVN 7271:2003 cùng với TCVN 6211: 2003 là các tiêu chuẩn quốc gia được Bộ GTVT áp dụng để phân loại phương tiện trong các thông tư của Bộ GTVT quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới lưu hành.

3. Dự thảo Nghị định quy định đối tượng chịu thuế TTĐB đối với “xe có động cơ dưới 24 chỗ”, như vậy bao gồm cả xe ô tô dưới 24 chỗ chuyên đưa, đón trẻ em mầm non, học sinh... tại các trường học. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu chính sách thuế TTĐB đối với xe ô tô chuyên đưa, đón trẻ em mầm non, học sinh... để khuyến khích phát triển loại xe này, do xe ô tô chuyên chở trẻ em mầm non, học sinh đã được phổ biến tại nhiều nước trên thế giới nhưng chưa phát triển tại Việt Nam vì nhiều lí do, trong đó chưa có chính sách thuế phù hợp để khuyến khích việc sản xuất, nhập khẩu, lưu hành loại xe này do phạm vi sử dụng loại xe này chỉ hạn chế trong việc đưa đón trẻ em mầm non, học sinh, không sử dụng vào mục đích kinh doanh vận tải chở hành khách như các xe ô tô vận chuyên hành khách đang được sử dụng để kết hợp việc kinh doanh chở hành khách và đưa đón trẻ em mầm non, học sinh hiện nay. Việc phát triển loại xe ô tô chuyên để chở trẻ em mầm non, học sinh là một nhu cầu của xã hội cần được quan tâm, phát triển trong thời gian tới.

4. Ngoài ra, trong thời gian qua, Bộ GTVT nhận được một số văn bản của Công ty TNHH Ford Việt Nam (số 291/2024/CV-FVL ngày 18/6/2024), Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam (số 2706/CV-HVN-MOT này 27/6/2024), Liên minh Rượu mạnh thế giới, Hiệp hội Rượu Scotch Whisky, Bộ GTVT gửi kèm theo văn bản này để Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./.

(Gửi kèm theo văn bản số 2213/ĐKVN-TCKHĐT ngày 25/06/2024 của Cục Đăng kiểm Việt Nam) ✓

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4887 /BNN - TC
Vv Hồ sơ dự án
Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính về việc có ý kiến về Hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi. Về việc này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

Về cơ bản thống nhất với dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt sửa đổi. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có một số ý kiến tham gia cụ thể như sau:

1. Về đối tượng chịu thuế (Điều 2 dự thảo Luật)

Điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo luật: Đề nghị xem xét, cân nhắc lại quy định liệt kê "*chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm*".
Lý do: Dự thảo luật dẫn chiếu thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, khái niệm "thuốc lá" không bao gồm "*chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm*".

2. Điểm g khoản 1 Điều 2 dự thảo thì xăng các loại thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Tại dự thảo Tờ trình đã chỉ ra rằng: "Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng tiêu dùng tiết kiệm đối với nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường" nhưng việc tiêu dùng xăng sinh học (E5 và E10 chưa thay thế được xăng khoáng do thói quen người tiêu dùng và ưu điểm của xăng khoáng. Do đó việc thay thế xăng khoáng cần có lộ trình. Mặt khác mặt hàng xăng hiện nay ngoài chịu thuế TTĐB còn chịu thuế bảo vệ môi trường. Do đó đề nghị xem xét giảm thuế suất đối với mặt hàng "xăng khoáng" nhưng có thể xem xét để điều chỉnh tăng thuế suất bảo vệ môi trường cho phù hợp với mục tiêu của thuế TTĐB.

3. Điểm c Khoản 6 Điều 6 quy định: "*...kinh doanh mat-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm*" đề nghị xem xét sửa đổi như sau: "*.... "kinh doanh mat-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác pháp luật không cấm đi kèm*".

4. Về thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt

Việc đánh thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia... là hết sức cần thiết vì đây là những mặt hàng không có lợi cho sức khỏe, tuy nhiên

việc áp dụng ngay thuế suất cao đối với mặt hàng này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các công ty kinh doanh, sản xuất mặt hàng trên. Vì vậy, đề các đơn vị có lộ trình trong sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trên, đề suất chọn phương án 1.

5. Theo ý kiến của Hiệp hội mía đường thì: Tại dự thảo quy định “nước giải khát có đường theo tiêu chuẩn Việt Nam” thuộc đối tượng chịu thuế là không hợp lý, không phù hợp với thông lệ quốc tế về định nghĩa đồ uống có đường khi sử dụng biện pháp đánh thuế TTĐB và trong hoàn cảnh Việt Nam có thể dẫn đến bỏ sót đối tượng chịu thuế là nước giải khát có chứa đường và siro ngô HFCS. Do đó, Hiệp hội mía đường đề xuất: bỏ cụm từ “nước giải khát có đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN)” thành đồ uống có đường bao gồm đồ uống chứa đường và đồ uống có chứa đường lỏng là siro ngô HFCS” và bỏ tiêu chí “hàm lượng đường trên 5g/100ml” vì không phù hợp thực tế và dẫn đến bỏ sót đối tượng chịu thuế.

Đề nghị Ban soạn theo xem xét nội dung này.

6. Về điều khoản chuyển tiếp

Đề nghị rà soát các trường hợp thay đổi của dự thảo luật mới với quy định của luật hiện hành để xem xét quy định điều khoản chuyển tiếp (nếu có).

Trên đây là ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT,TC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Trung

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2983**/BLĐTBXH-VPC

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2024

V/v cho ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế
tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

- Dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) có tác động lớn đến đời sống kinh tế - xã hội: tăng giá sản phẩm, ảnh hưởng cầu tiêu dùng, vấn đề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...),... Tuy nhiên, trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá kỹ các tác động về kinh tế, xã hội đối với các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề.

Do vậy, đề nghị rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, làm cơ sở cho việc đề xuất lựa chọn phương án chính sách.

- Về mục 2.7 (Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt) Phần IV của dự thảo Tờ trình: Đối với mặt hàng thuốc lá, rượu bia, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng 02 phương án về mức thuế tuyệt đối theo lộ trình. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có đánh giá tác động sâu sắc hơn, đặc biệt là các tác động về kinh tế - xã hội, tác động đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các mặt hàng/dịch vụ trong bối cảnh hiện nay, để các bộ, ngành, cơ quan liên quan có cơ sở lựa chọn phương án.

- Đề nghị việc xây dựng các quy định phải bảo đảm thực hiện được đồng thời các mục đích đã nêu tại mục 1 (Mục đích) Phần II dự thảo Tờ trình, tránh trường hợp ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp dẫn đến việc cắt giảm người lao động và không đạt được việc “ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước” và “khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội” như đã nêu tại mục 1 nêu trên.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ để tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC (Long).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh

Số: 2866 /BVHTTDL-KHTC
V/v góp ý hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ
đặc biệt (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhắc các nội dung như sau:

1. Trong quá trình xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 1121/BVHTTDL-KHTC ngày 28/3/2023 gửi Bộ Tài chính về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) (đính kèm). Tuy nhiên, một số nội dung góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn trên chưa được tiếp thu tại Dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) (gọi tắt là Dự thảo Luật Thuế TTĐB).

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, là công cụ của Nhà nước để điều tiết việc sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng của một số hàng hóa, dịch vụ, chủ yếu là các hàng hóa, dịch vụ cần hạn chế kinh doanh. Do đó, trong quá trình xây dựng danh mục đối tượng chịu thuế, giá tính thuế, cần thống nhất, làm rõ quan điểm các hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước không hạn chế, không nên được đưa vào đối tượng chịu thuế TTĐB. Điều này vừa đảm bảo tính công bằng của thuế, vừa không gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội.

3. Về việc bổ sung nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại Điều 8 Dự thảo Luật Thuế TTĐB:

- Về cơ bản nhất trí với chủ trương bổ sung nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm mục đích nâng cao sức khỏe của cộng đồng, phòng, chống tình trạng thừa cân, béo phì và các bệnh không lây nhiễm như tim mạch, đái tháo đường.

- Đề nghị điều chỉnh đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thành "nước giải khát theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml (trừ nước giải khát có chứa chè/trà và nước giải khát có chứa cà phê)".

Lý do:

- Hồ sơ dự án Luật Thuế TTĐB chưa có đánh giá tác động về mặt văn hóa, xã hội của việc bổ sung các sản phẩm đồ uống cà phê, chè/trà vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Trà và cà phê không chỉ là các mặt hàng đồ uống thông thường, mà là các sản phẩm mang tính truyền thống, đặc trưng, biểu tượng của nền văn hóa Việt Nam. Văn hóa uống trà và cà phê là một phần của đời sống văn hóa và tinh thần của người Việt, thể hiện sự gắn kết cộng đồng và bản sắc dân tộc. Việc áp thuế tiêu thụ đặc biệt lên trà và cà phê (sản phẩm pha sẵn) với mục đích thay đổi thói quen, hành vi tiêu dùng của người dân sẽ trực tiếp làm tăng giá thành sản phẩm, đồng thời cũng có thể gián tiếp làm xói mòn các giá trị văn hóa mà người Việt đã gìn giữ và phát triển qua nhiều thế hệ.

4. Về dịch vụ kinh doanh ka-ra-ô-kê (đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008) tại Điều 8 Dự thảo Luật Thuế TTĐB, đề nghị điều chỉnh đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thành "Kinh doanh ka-ra-ô-kê kết hợp bán bia, rượu hoặc thuốc lá".

Lý do:

- Hiện nay, các dịch vụ ka-ra-ô-kê bao gồm nhiều mô hình khác nhau, từ ka-ra-ô-kê truyền thống phục vụ ăn uống, giải trí đến ka-ra-ô-kê dạng trò chơi điện tử tại các trung tâm thương mại. Do đó, cần phân loại rõ ràng các loại hình dịch vụ này để áp dụng mức thuế TTĐB phù hợp. Đối với việc kinh doanh ka-ra-ô-kê kết hợp bán bia, rượu hoặc thuốc lá là loại hình truyền thống thường gặp, có thể xem xét tiếp tục áp thuế TTĐB nhằm kiểm soát và hạn chế các tác động tiêu cực từ việc sử dụng rượu, bia, thuốc lá và các dịch vụ giải trí có tiềm ẩn nguy cơ tiêu cực khác.

- Tuy nhiên, đối với việc kinh doanh ka-ra-ô-kê thuần túy, tức không kết hợp bán rượu, bia hoặc thuốc lá, có đặc điểm là các cơ sở ka-ra-ô-kê hướng đến đối tượng khách hàng gia đình, thanh thiếu niên, cần được xem xét đưa vào đối tượng không chịu thuế TTĐB. Loại hình kinh doanh ka-ra-ô-kê này không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và môi trường, không có nguy cơ gây mất trật tự an ninh, không thuộc đối tượng cần hạn chế kinh doanh.

- Thậm chí, xét về khía cạnh văn hóa, giải trí, ka-ra-ô-kê còn là công cụ giao tiếp và kết nối con người hiệu quả. Việc điều chỉnh phạm vi loại hình ka-ra-ô-kê phù hợp thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB sẽ có tác động hai chiều, vừa hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, vừa đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước, tạo ra một môi trường kinh doanh và giải trí lành mạnh, văn minh, an toàn cho mọi lứa tuổi, đặc biệt là gia đình và thanh thiếu niên.

5. Về dịch vụ kinh doanh mát-xa (đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008), tại điểm c khoản 6 Điều 6 Dự thảo Luật Thuế TTĐB, đề nghị điều chỉnh giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với kinh doanh mát-xa không bao gồm doanh thu dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm.

Lý do:

- Ngành, nghề mát-xa là ngành dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người, đã phát triển nhiều năm gần đây và sẽ tiếp tục trở thành xu hướng trong tương lai

do không chỉ mang lại lợi ích về thư giãn tinh thần mà còn lợi ích về trị liệu sức khỏe. Hoạt động mát-xa không chỉ phục vụ người dân nói chung mà còn thu hút khách du lịch nói riêng. Đặc biệt, sau giai đoạn hậu đại dịch COVID-19, trên toàn cầu, ngành du lịch chăm sóc sức khỏe đã trở thành một xu thế quan trọng với vai trò vừa là một sản phẩm có giá trị cao, vừa góp phần mang lại doanh thu cho ngành, địa phương.

- Do đó, cần từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở, doanh nghiệp, khuyến khích phát triển kinh doanh dịch vụ mát-xa và về lâu dài, cần nhắc xem xét không áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ kinh doanh mát-xa.

6. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, quy định cụ thể tại Dự thảo Luật Thuế TTĐB các nội dung sau:

- Quy định cụ thể một phần nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ kinh doanh gôn, dịch vụ kinh doanh đặt cược thể thao được phân bổ để đầu tư cho lĩnh vực thể thao.

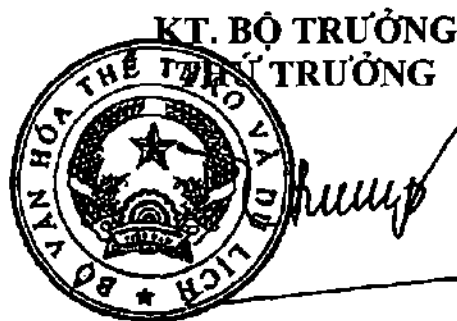
- Quy định cụ thể một phần nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ kinh doanh vũ trường, dịch vụ kinh doanh karaoke được phân bổ để đầu tư cho lĩnh vực văn hóa.

Lý do: Việc sử dụng nguồn thu từ thuế TTĐB của các dịch vụ liên quan đến văn hóa, thể thao để tái đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực của chính các dịch vụ chịu thuế. Việc quy định trên cũng giúp tạo ra sự phân bổ nguồn lực công bằng hơn trong xã hội, đảm bảo lợi ích công cộng chung.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy;
- Lưu: VT, KHTC, ĐQM



Trịnh Thị Thủy

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3918 /BYT-PC
V/v góp ý kiến về hồ sơ dự án
Luật thuế TTĐB (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Y tế nhận được Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/06/2024 của Bộ Tài chính về việc đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) (Luật thuế TTĐB). Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi), Bộ Y tế có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành, mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi):

Bộ Y tế hoàn toàn nhất trí về sự cần thiết ban hành, mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm thể chế hóa và thực hiện chủ trương đường lối của Đảng; chính sách của nhà nước về y tế, gồm: Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030...

2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng thuốc lá:

a) Về đối tượng chịu thuế:

Theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (Luật PCTHTL) tại Điều 2 về giải thích từ ngữ:

Khoản 1 quy định về thuốc lá: "*Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác*".

Khoản 2 quy định về sử dụng thuốc lá: "*Sử dụng thuốc lá là hành vi hút, nhai, ngửi, hít, ngậm sản phẩm thuốc lá*"

Khoản 3 quy định về khái niệm nguyên liệu thuốc lá: "*Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tằm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá*".

Tuy nhiên, tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) quy định:

“Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu; xì gà; thuốc lá sợi; thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác; và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”.

Việc kết hợp 3 khái niệm của Luật PCTHTL thành 1 khái niệm thuốc lá trong dự thảo Luật thuế TTĐB¹ là không thống nhất về mặt ngữ nghĩa với Luật PCTHTL, cụm từ *“chế phẩm khác từ cây thuốc lá”* cũng chưa được xác định trong Luật PCTHTL.

Do đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật, đề nghị sửa điểm a khoản 1 điều 2 dự thảo Luật như sau: *“Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác”.*

Bên cạnh đó, tại phần biểu thuế xuất hiện tính thuế thuốc lá trên đơn vị tính trên minilit (ml) của thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác là không phù hợp với mô tả sản phẩm thuốc lá trong khái niệm thuốc lá. Các Luật thuế tiêu thụ đặc biệt từ trước đến nay cũng chỉ tính thuế trên đơn vị tính là bao, điếu hoặc gam. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo không bổ sung đơn vị tính trên ml đối với thuốc lá tại Dự thảo thuế lần này.

b) Về mức thuế tiêu thụ đặc biệt:

Dự thảo Luật đã đề xuất 2 phương án áp mức thuế tuyệt đối trên bao thuốc lá bên cạnh thuế suất theo tỷ lệ như hiện nay. Bộ Y tế ủng hộ và thống nhất cao về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá như đề xuất của Bộ Tài chính.

Tại Việt Nam, mặc dù tỷ lệ hút thuốc lá ở nam giới trưởng thành đã giảm từ 47,4% năm 2010¹ xuống còn 45,3% năm 2015² nhưng mức giảm còn tương đối chậm và vẫn còn rất cao. Để đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 36% đến năm 2030 theo Quyết định số 568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Phòng, chống tác hại của thuốc lá ban hành đến năm 2030, Việt Nam cần phải tăng thuế ở mức đủ lớn để giá bán lẻ không quá rẻ so với thu nhập bình quân đầu người.

Theo phân tích của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê, từ năm 2010 đến 2022 thu nhập đầu người tăng 203% (từ 31.5 triệu VNĐ lên 95.6 triệu VNĐ) trong khi giá thuốc lá (nhãn hiệu phổ biến nhất, Vinataba) chỉ tăng 56% (từ 14.000 VNĐ lên 21.900 VNĐ/bao). Thuế thuốc lá ở Việt Nam hiện nay còn rất thấp so với thế giới và khu vực. Năm 2023, tỷ trọng thuế thuốc lá ở Việt Nam chỉ chiếm 34.3% giá bán lẻ thuốc lá, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của các quốc gia có thu nhập thấp (56.5%) và thu nhập trung bình (59.1%) và thấp hơn đa số các nước trong khu vực Đông Nam Á (Thái Lan

¹ Bộ Y tế Việt Nam. Khảo sát thuốc lá dành cho người lớn toàn cầu năm 2010.

² Bộ Y tế Việt Nam. Khảo sát Thuốc lá Người lớn Toàn cầu năm 2015.

81.3%, Indonesia 72.9%, Singapore 66.3%)³; thấp hơn nhiều nước khác trong khu vực và trên thế giới (*xin gửi kèm tài liệu tham khảo - bảng tổng hợp số liệu về mức thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá của các nước trên thế giới*). Thuế thấp và lộ trình tăng thuế chậm khiến cho giá thuốc lá đang ngày càng rẻ so với thu nhập, dẫn đến sức mua thuốc lá ngày càng tăng trong thời gian qua.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị, tỷ trọng thuế thuốc lá cần đạt ít nhất 70% - 75% giá bán lẻ để tác động được đến giảm cầu.

Dự thảo thuế đang đưa ra 2 phương án, tuy nhiên cả 2 phương án thì mức thuế tuyệt đối tính đến năm 2030 mới là 10.000 đồng/1 bao, chiếm tỷ trọng khoảng 59,38% giá bán lẻ. Do đó, để đạt được tỷ trọng thuế theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới, Bộ Y tế đề xuất mức thuế tuyệt đối đến năm 2030 là 15.000 đồng/1 bao (20 điếu/1 bao), tương đương 65% giá bán lẻ và lộ trình tăng thuế từ năm 2026 đến 2030 như sau:

- Từ 2026: 5.000 đồng/bao
- Từ 2027: 7.500 đồng/bao
- Từ 2028: 10.000 đồng/bao
- Từ 2029: 12.500 đồng/bao
- Từ 2030: 15.000 đồng/bao

Phương án này sẽ giúp tăng tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá lên mức tương đương 65%, gần đạt khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới và giúp giảm được tỷ lệ sử dụng thuốc lá xuống 36% vào năm 2030, đạt mục tiêu Chiến lược Quốc gia về Phòng chống tác hại thuốc lá đặt ra vào năm 2030.

3. Về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng nước giải khát:

a) Về đối tượng chịu thuế:

Bộ Y tế nhất trí và ủng hộ bổ sung nước giải khát, một trong những loại đồ uống có đường phổ biến và được tiêu thụ mạnh mẽ trong những năm gần đây, đặc biệt là giới trẻ, có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe (*xin gửi kèm theo báo cáo tác động của đồ uống có đường đối với sức khỏe*). Do đó, việc áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nước giải khát có đường là một trong những biện pháp được WHO khuyến cáo giúp giảm tiêu thụ đồ uống có đường.

Thuế đối với đồ uống có đường đang được áp dụng rộng rãi, phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Theo Cơ sở dữ liệu toàn cầu về thuế đồ uống có đường của Ngân hàng Thế giới, tính đến tháng 8/2023 đã có 117 quốc gia/vùng lãnh thổ đã ban hành chính sách thuế trên toàn quốc nhằm tăng giá đồ uống có đường vì mục tiêu sức khỏe, trong đó 104 quốc gia (chiếm 88%) đã áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường. Do vậy, việc đưa đồ uống có đường vào danh mục chịu

³ WHO, Report on the global tobacco epidemic 2023

thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam là phù hợp với xu hướng quốc tế ở các mức độ khác nhau.

Trong Báo cáo toàn cầu năm 2023 của WHO về thuế đồ uống có đường, áp thuế đồ uống có đường là một giải pháp can thiệp hiệu quả nhằm giảm nhu cầu tiêu thụ đồ uống có đường và giảm sức mua do giá bán tăng⁴. Giải pháp này hỗ trợ giảm lượng đường tự do nạp vào cơ thể. Trong kế hoạch hành động toàn cầu của WHO về phòng ngừa và kiểm soát bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2013–2030⁶, WHO khuyến nghị áp thuế đồ uống có đường là một trong các chính sách có hiệu quả về chi phí và dựa trên bằng chứng. Báo cáo này của WHO cũng nêu rõ, tính đến tháng 7/2022, thuế TTĐB đã được áp dụng ở cấp quốc gia đối với ít nhất một loại đồ uống có đường tại 108 quốc gia. Trong đó, 6 quốc gia tại khu vực ASEAN (bao gồm: Thái Lan, Cam-pu-chia, Lào, Philippines, Brunei và Malaysia) đã ban hành chính sách thuế tại cấp quốc gia đối với mặt hàng đồ uống có đường.

Về đối tượng chịu thuế, tại điểm 1 khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật thuế TTĐB có quy định: “1) Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml”.

Theo khái niệm nước giải khát được ban hành theo Tiêu chuẩn Việt Nam số 12828:2019 thì: *Nước giải khát là sản phẩm pha sẵn để uống với mục đích giải khát, được chế biến từ nước, có thể chứa đường, phụ gia thực phẩm, hương liệu, có thể bổ sung các thành phần nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên, vitamin và khoáng chất, có ga hoặc không có ga.*

Nước giải khát bao gồm các loại:

- Nước giải khát có ga
- Nước uống tăng lực
- Nước uống điện giải
- Nước uống thể thao
- Nước giải khát có chứa chè
- Nước giải khát có chứa cà phê
- Nước giải khát có chứa trái cây.

Như vậy dựa vào khái niệm trên có thể xác định: Nước giải khát có thể chứa đường hoặc không chứa đường, có ga hoặc không có ga. Nhằm giảm lượng tiêu thụ đường, Bộ Y tế nhất trí áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nước giải khát chỉ với loại có chứa đường theo Tiêu chuẩn Việt Nam.

⁴ Andreyeva, T., Marple, K., Marinello, S., Moore, T.E. & Powell, L.M. (2022) Outcomes Following Taxation of Sugar-Sweetened Beverages: A Systematic Review and Meta-analysis. *JAMA Network Open*. 5 (6), e2215276. doi:10.1001/jamanetworkopen.2022.15276.

⁵ World Health Organization (2023) Global report on use of SSB taxes.

⁶ World Health Organization (2011) Global action plan for the prevention and control of noncommunicable diseases 2013-2020. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/94384>.

Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, bổ sung theo lộ trình các loại đồ uống có đường khác để phù hợp với định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới, gồm các loại đồ uống có chứa đường tự do: Nước ngọt có ga hoặc không có ga; Nước ép và đồ uống từ trái cây/rau củ; Chất cô đặc dạng bột và lỏng; Nước có pha chế hương liệu; Nước tăng lực và đồ uống cho người chơi thể thao; Trà pha sẵn; Cà phê pha sẵn; và Đồ uống sữa có pha chế hương liệu, theo định nghĩa này thì còn một số loại chưa được bao hàm trong khái niệm nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam.⁷

Về hàm lượng đường trong nước giải khát, cần cân nhắc nếu chỉ quy định 1 mức từ 5g/100ml trở lên. Theo kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy cần phải chia hàm lượng đường theo các mức độ khác nhau, hàm lượng đường càng cao thì tỷ lệ thuế càng cao, mục tiêu là giảm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có lượng đường cao hơn. Ví dụ: tại Ireland, áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng: từ 5g-8g/100ml và > 8g/100ml; Tại Vương quốc Anh: áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng từ 5g-8g/100ml và > 8g/100ml; Tại Bồ Đào Nha: áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng: từ 5g-8g/100ml và > 8g/100ml; Tại Tây Ban Nha: áp thuế đối với đồ uống có đường theo 2 ngưỡng: đồ uống có hàm lượng đường 0-8g/100ml và đồ uống hàm lượng đường > 8g/100ml.⁸

Như vậy, theo kinh nghiệm phổ biến có thể chia hàm lượng đường theo 2 mức: từ 5g-8g/100ml và trên 8g/100ml.

b) Về mức thuế tiêu thụ đặc biệt:

Dự thảo đưa ra mức thuế suất 10% trên giá bán ra của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, theo tính toán với mức thuế suất này chỉ làm tăng 5% giá bán lẻ. Mức tăng giá bán lẻ như vậy là không đáng kể, chưa đủ để tác động làm thay đổi hành vi tiêu dùng. Ví dụ: sản phẩm nước giải khát đang có giá 10.000 đồng/ 1 chai sau khi áp thuế TTĐB có giá bán là 10.500 đồng/1 chai.

Theo khuyến cáo của WHO, để giảm tiêu thụ đồ uống có đường, giá bán lẻ đồ uống có đường cần phải tăng 20% trở lên⁹, trong đó với thuế suất tiêu thụ đặc biệt trên giá bán ra của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phải là 40%.

Do đó, Bộ Y tế đề nghị áp thuế suất 40% đối với nước giải khát có đường (hoặc 30% sau tăng lên 40% theo lộ trình) và có thể chia theo hàm lượng đường để có mức thuế khác nhau tương tự như nhiều nước đang áp dụng.

4. Về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng rượu, bia

a) Về đối tượng chịu thuế:

⁷ Theo WHO, đồ uống có đường (ĐUCD) là tất cả các loại đồ uống có chứa đường tự do, bao gồm: Nước ngọt có ga hoặc không có ga; Nước ép và đồ uống từ trái cây/rau củ; Chất cô đặc dạng bột và lỏng; Nước có pha chế hương liệu; Nước tăng lực và đồ uống cho người chơi thể thao; Trà pha sẵn; Cà phê pha sẵn; và Đồ uống sữa có pha chế hương liệu; World Health Organization, Global report on the use of sugar-sweetened beverage taxes 2023.

⁸ Nguồn: Implementing sugar-sweetened beverage taxes: Considerations for European policymakers, World Obesity Federation

⁹ WHO - Fiscal Policies for Diet and Prevention of Noncommunicable Diseases - Page 24

Đề nghị rà soát lại tên hàng hóa đối với rượu, cần dẫn chiếu toàn bộ định nghĩa về rượu theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa 2 Luật.

b) Về mức thuế tiêu thụ đặc biệt:

Bộ Y tế nhất trí với phương án 2 về mức thuế và lộ trình tăng thuế đối với mặt hàng rượu và bia như dự thảo Luật.

Trong thời gian qua, mặc dù mặt hàng bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2018. Tuy nhiên, sức mua rượu, bia của người Việt Nam vẫn tăng do thu nhập tăng nhanh trong khi giá rượu, bia tăng rất chậm. Do vậy, tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao. Điều tra của Tổ chức Y tế thế giới năm 2021 cho thấy có 64.2% nam giới và 9.8% nữ giới hiện đang sử dụng rượu bia trong 30 ngày qua. Tỷ lệ uống rượu bia ở mức nguy hại cũng đang rất phổ biến, đặc biệt ở nam giới (28,3% năm 2021).¹⁰ Hiện nay, thuế và giá rượu, bia ở Việt Nam còn ở mức thấp, theo tính toán của Tổ chức Y tế thế giới, thuế rượu, bia của Việt Nam mới chiếm khoảng 30% giá bán lẻ, trong khi ở nhiều nước tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm từ 40-85% giá bán lẻ. Do vậy, lộ trình tăng thuế TTĐB đối với rượu và bia từ năm 2016-2018 chưa đủ mạnh để tác động đến giảm tiêu dùng rượu bia. Trước mắt, cần tiếp tục tăng thuế để tăng giá bán lẻ rượu, bia lên mức ít nhất tỷ trọng thuế rượu, bia chiếm 40% giá bán lẻ.

5. Về quy định trường hợp áp thuế đối với sản phẩm thuốc lá mới:

Tại Điều 12 Dự thảo Luật về tổ chức thực hiện có quy định: “*Giao Chính phủ quy định việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt cụ thể đối với từng loại sản phẩm thuốc lá mới trong trường hợp được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam*”.

Việc đề xuất quy định dự phòng áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá mới hiện nay là không phù hợp với Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Quốc hội trong thời gian vừa qua.

Thứ nhất, hiện nay chưa có quy định về thuốc lá mới tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (được quy định tại Điều 2 và toàn bộ nội dung Luật nên quy định thành đối tượng chịu thuế tại Luật thuế TTĐB là không phù hợp).

Thứ hai, liên quan đến các sản phẩm thuốc lá mới, Ủy ban xã hội đã có Thông báo Kết luận số 2513/KL-UBXH15 ngày 04/5/2024 về Phiên giải trình trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống tác hại của thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và Theo công điện số 47/CD-TTg ngày 13/5/2024 về tăng cường quản lý thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Y tế “Nghiên cứu, đề xuất ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành giải pháp quản lý thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng”.

¹⁰ Tổ chức Y tế thế giới (2021), Báo cáo điều tra quốc gia các yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm ở Việt Nam năm 2021.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Quốc hội, Bộ Y tế đang báo cáo đề xuất Chính phủ và Quốc hội xây dựng Nghị quyết quy định cấm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo đối với các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và các sản phẩm thuốc lá mới khác để đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp bách trong việc ngăn chặn tác hại của các sản phẩm thuốc lá mới trong giai đoạn hiện nay và đã được hầu hết các bộ, cơ quan nhất trí, đồng thuận. Việc đưa điều khoản quy định việc áp dụng thuế TTĐB với các sản phẩm thuốc lá mới là mâu thuẫn với đề xuất của Bộ Y tế và có thể gây ra những hiểu lầm về định hướng cho phép sản xuất, kinh doanh, lưu hành các loại sản phẩm này.

Do đó, Bộ Y tế đề nghị bỏ quy định dự phòng tính thuế đối với thuốc lá mới trong phần tổ chức thực hiện tại Điều 12 dự thảo Luật. Luật thuế TTĐB chỉ áp dụng đối với các sản phẩm, dịch vụ đang lưu hành và Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá chưa điều chỉnh đối với thuốc lá mới, gây mâu thuẫn, xung đột giữa các cơ quan trong việc đề xuất chính sách quản lý chung.

6. Về đối tượng không chịu thuế (Điều 3)

Ngoài xe ô tô cứu thương, đề nghị xem xét bổ sung 02 loại xe chuyên dụng thuộc lĩnh vực y tế theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, gồm:

- Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế;
- Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế.

7. Về lộ trình xây dựng, ban hành và hiệu lực áp dụng:

Bộ Y tế thống nhất với lộ trình xây dựng, trình thông qua của Bộ Tài chính đề Luật thuế TTĐB (sửa đổi) bắt đầu được áp dụng từ ngày 01/01/2026.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tích cực phối với hợp các Bộ, cơ quan trong việc hoàn thiện dự thảo Luật để kịp thời đáp ứng tiến độ trình Chính phủ, Quốc hội vì dự án Luật này đã bị chậm đưa vào chương trình 1 kỳ họp Quốc hội so với Nghị quyết của Chính phủ trước đây.

Trên đây là ý kiến của Bộ Y tế về dự án Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), kính gửi Quý Bộ để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để p/h);
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
Y THỨ TRƯỞNG *lll*



lll

Lê Đức Luận

Phụ lục: BÁO CÁO TÁC ĐỘNG CỦA ĐỒ UỐNG CÓ ĐƯỜNG ĐỐI VỚI SỨC KHỎE

(Kèm theo Công văn số 3918/BYT-PC ngày 10 tháng 7 năm 2024)

Nhiều nghiên cứu có quy mô lớn trong thời gian dài đã cho thấy sử dụng đồ uống có đường (ĐUCĐ) bất hợp lý được xác định là **một trong những nguyên nhân chính gây ra thừa cân, béo phì** và các rối loạn chuyển hóa cả ở người trưởng thành và trẻ em, làm tăng nguy cơ bị rối loạn đường huyết, mỡ máu và huyết áp, từ đó, **gia tăng tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu cũng như các biến chứng về tim mạch, đột quỵ và tử vong**; đồng thời là một trong những nguyên nhân chính gây ra các bệnh về răng miệng và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

1. Đồ uống có đường là một trong những nguyên nhân gây thừa cân, béo phì với cả trẻ em và người lớn

✓ **Sử dụng ĐUCĐ gây tăng cân, thừa cân và béo phì bởi một số lý do sau:**

Thứ nhất, một trong những loại đường phổ biến được nhà sản xuất cho vào các loại ĐUCĐ là fructose. Đường fructose sẽ làm tăng quá trình sinh nhiệt, tăng triglyceride, kích thích tiêu thụ oxy nhiều hơn so với glucose, nhưng lại tạo ra các kích thích insulin nhỏ hơn rất nhiều so với glucose, làm cản trở quá trình chuyển hóa glucose, gây tăng tích tụ mỡ ở cơ thể và tình trạng thừa cân béo phì^{1,2,3}. Chính vì vậy, phần lớn các nghiên cứu về vấn đề này đều tìm thấy mối liên quan thuận chiều giữa việc tiêu thụ các loại ĐUCĐ với hàm lượng mỡ cơ thể hay tình trạng béo phì⁴.

Hơn nữa, do ĐUCĐ là dạng lỏng nên được cơ thể dung nạp một cách nhanh chóng khiến cơ thể không kịp ghi nhận lượng calo vừa nạp vào và gửi tín hiệu no đến não bộ giống như cách cơ thể phản ứng theo cơ chế điều khiển ngược của cơ thể với lượng calo từ thức ăn dạng đặc^{5,6}. Điều này có thể khiến một người tiếp tục ăn ngay cả khi đã uống ĐUCĐ với hàm lượng calo cao. Do đó, nếu không giảm năng lượng ăn vào từ các nguồn thực phẩm khác thì lượng calo dư thừa từ ĐUCĐ

¹ Bray, G.A. Soft drinks and obesity: the evidence. *CMR Journal*. 2009; 2(2):10-14.

² Bunting, H., A. Baggett, and J. Grigor. Adolescent and young adult perceptions of caffeinated energy drinks. A qualitative approach. *Appetite*. 2013; 65:132-138.

³ Rath, M. Energy drinks: what is all the hype? The dangers of energy drink consumption. *Journal of the American Academy of Nurse Practitioners*. 2012; 24(2):70-76.

⁴ Whitlock, G., et al. Prospective Studies Collaboration: Body-mass index and cause-specific mortality in 900 000 adults: collaborative analyses of 57 prospective studies. *Lancet*. 2009; 373(9669):1083-1096.

⁵ Pan A, Hu FB. Effects of carbohydrates on satiety: differences between liquid and solid food. *Current Opinion in Clinical Nutrition and Metabolic Care*. 2011; 14(4):385-90.

⁶ Bachman CM, Baranowski T, Nicklas TA. Is there an association between sweetened beverages and adiposity? *Nutrition Reviews*. 2006; 64(4):153-174.

này sẽ góp phần gây ra thừa cân và béo phì, bởi chúng dễ dàng chuyển hóa thành chất béo trong cơ thể và được lưu trữ trong các mô khác nhau^{7, 8}. Kết quả là một người trưởng thành ăn uống bình thường nhưng lại uống thêm mỗi ngày một lon nước soda có đường (350ml cung cấp 150 kcal và 40-50g đường) có thể gây tăng 6,75kg trọng lượng cơ thể, nếu sử dụng liên tục trong vòng 1 năm⁹.

Bên cạnh đó, ĐUCĐ bất kể là được tạo ngọt bằng đường hay chất tạo ngọt nhân tạo (đường hóa học) đều kích thích cảm giác thèm ăn các thức ăn ngọt, nhiều carbohydrate và làm gia tăng cảm giác đói, giảm ngưỡng cảm giác no^{10, 11}. Chính vì vậy, khi một người tiêu thụ ĐUCĐ lâu ngày, “ngưỡng ngọt” của người đó tăng dần lên, khiến cho họ có xu hướng ăn các thực phẩm khác ngọt hơn bình thường^{12, 13}. Việc tăng tiêu thụ đường và ĐUCĐ dẫn đến việc tăng năng lượng nạp vào cơ thể, từ đó dẫn tới thừa cân, béo phì.

Thừa cân, béo phì ở người trưởng thành

Căn nguyên gây nên bệnh béo phì rất phức tạp, trong đó có nguyên nhân từ tình trạng gia tăng tiêu thụ đường tự do, đặc biệt là từ ĐUCĐ ở cả trẻ em và người lớn^{14, 15, 16}. Đường được tìm thấy tự nhiên trong nhiều loại thực phẩm, bao gồm trái cây và sữa, vì vậy, việc bổ sung đường vào các sản phẩm thực phẩm sẽ làm tăng tổng hàm lượng năng lượng của sản phẩm. Trong khi đó thừa cân, béo phì làm tăng các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không lây nhiễm (NCDs) (BKN) bao gồm ung thư, bệnh tim, trẻ hóa độ tuổi mắc nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp, đột quỵ, đái tháo đường type 2 và tử vong sớm liên quan.

Việc tăng tiêu thụ ĐUCĐ dẫn đến việc tăng năng lượng nạp vào cơ thể, từ đó dẫn tới thừa cân, béo phì. Trong một phân tích gộp kết quả từ 88 nghiên cứu cho thấy mối liên hệ giữa việc sử dụng nước ngọt với việc tăng năng lượng và trọng

⁷ Malik, V.S., et al. Sugar-sweetened beverages, obesity, type 2 diabetes mellitus, and cardiovascular disease risk. *Circulation*. 2010; 121(11):1356-1364.

⁸ Vartanian, L.R., M.B. Schwartz, and K.D. Brownell. Effects of soft drink consumption on nutrition and health: a systematic review and meta-analysis. *American journal of public health*. 2007; 97(4):667-675.

⁹ Apovian, C.M. Sugar-sweetened soft drinks, obesity, and type 2 diabetes. *Jama*. 2004; 292(8):978-979.

¹⁰ Cassady, B.A., R.V. Considine, and R.D. Mattes. Beverage consumption, appetite, and energy intake: what did you expect? *AJCN*. 2012; 95(3):587-593.

¹¹ Pan, A. and F.B. Hu. Effects of carbohydrates on satiety: differences between liquid and solid food. *Current Opinion in Clinical Nutrition & Metabolic Care*. 2011; 14(4):385-390.

¹² Cassady, B.A., R.V. Considine, and R.D. Mattes. Beverage consumption, appetite, and energy intake: what did you expect? *AJCN*. 2012; 95(3):587-593.

¹³ Pan, A. and F.B. Hu. Effects of carbohydrates on satiety: differences between liquid and solid food. *Current Opinion in Clinical Nutrition & Metabolic Care*. 2011; 14(4):385-390.

¹⁴ Malik VS, Pan A, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and weight gain in children and adults: a systematic review and meta-analysis. *American Journal of Clinical Nutrition*. 2013; 98(4):1084-102.

¹⁵ Mattes RD, Shikany JM, Kaiser KA, Allison DB. Nutritively sweetened beverage consumption and body weight: a systematic review and meta-analysis of randomized experiments. *Obesity Reviews*. 2011; 12(5):346-65.

¹⁶ Te Morenga L, Mallard S, Mann J. Dietary sugars and body weight: systematic review and meta-analyses of randomised controlled trials and cohort studies. *BMJ*. 2013; 346:e7492.

lượng cơ thể¹⁷. Một phân tích tổng hợp từ 22 nghiên cứu nguy cơ béo phì ở trẻ tiêu thụ nhiều ≥ 1 khẩu phần ĐUCĐ (khoảng 236ml) hàng ngày thì nguy cơ có chỉ số khối cơ thể (BMI) cao nhiều hơn 1,55 lần so với nhóm không uống¹⁸. Nghiên cứu thử nghiệm trên quy mô lớn ở nhóm thanh thiếu niên đã cho thấy việc tiêu thụ ĐUCĐ góp phần mạnh mẽ hơn vào việc tăng cân nặng¹⁹. Một phân tích gộp và phân tích meta từ hơn 60 nghiên cứu cho thấy việc giảm lượng đường ăn vào có liên quan tới việc giảm 0,8kg trọng lượng và tăng lượng đường có liên quan tới tăng 0,75kg cân nặng²⁰. Việc tăng hoặc giảm tiêu thụ đường tự do dù nhiều hay ít đều có liên quan thuận chiều với thay đổi về cân nặng²¹. Một nghiên cứu trên 33.097 người cho thấy, trong số những người có nguy cơ béo phì do di truyền, những người uống ĐUCĐ dễ bị béo phì hơn những người không uống²². Kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy, nguy cơ bị béo phì do di truyền sẽ không thành hiện thực nếu tuân thủ các thói quen lành mạnh như hạn chế ĐUCĐ. Ngược lại, nguy cơ này sẽ tăng lên nếu không kiểm soát được việc tiêu thụ ĐUCĐ.

✓ Thừa cân, béo phì ở trẻ em

Nhiều nghiên cứu trên thế giới về trẻ em và thanh thiếu niên đã phát hiện ra mối liên hệ đáng kể giữa việc tiêu thụ ĐUCĐ và tình trạng thừa cân hoặc béo phì^{23, 24, 25, 26, 27}. Việc tiêu thụ ĐUCĐ được cho là một yếu tố góp phần vào mức độ gia tăng tỷ lệ thừa cân, bệnh béo phì ở trẻ em đang được ghi nhận ở nhiều quốc gia trên toàn thế giới. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy có mối liên hệ đáng kể giữa việc

¹⁷ Vartanian LR, Schwartz MB, Brownell KD. Effects of soft drink consumption on nutrition and health: a systematic review and meta-analysis. *American journal of public health*. 2007 Apr; 97(4):667-75.

¹⁸ Te Morenga L, Mallard S, Mann J. 2013. Dietary sugars and body weight: systematic review and metaanalyses of randomised controlled trials and cohort studies. *BMJ* 346:e7492.

¹⁹ Ebbeling CB, Feldman HA, Osganian SK, Chomitz VR, Ellenbogen SJ, Ludwig DS. 2006. Effects of decreasing sugar-sweetened beverage consumption on body weight in adolescents: a randomized, controlled pilot study. *Pediatrics* 117: 673-80.

²⁰ Te Morenga L, Mallard S, Mann J. Dietary sugars and body weight: systematic review and meta-analyses of randomised controlled trials and cohort studies *BMJ* 2013; 346 :e7492 doi:10.1136/bmj.e7492

²¹ WHO, Guideline: Sugars intake for adults and children

²² Qi Q, Chu AY, Kang JH, Jensen MK, Curhan GC, Pasquale LR, Ridker PM, Hunter DJ, Willett WC, Rimm EB, Chasman DI. Sugar-sweetened beverages and genetic risk of obesity. *New England Journal of Medicine*. 2012 Oct 11; 367(15):1387-96.

²³ Berkey CS, Rockett HR, Field AE, Gillman MW, Colditz GA, Sugar-added beverages and adolescent weight change. *Obes Res*. 2004; May; 12(5):778-88.

²⁴ Ariza AJ, Chen EH, Binns HJ, Christoffel KK. *Risk factors for overweight in five- to six-year-old Hispanic-American children: a pilot study*. *J Urban Health*. 2004 Mar; 81(1):150-61.

²⁵ Giammattei J, Blix G, Marshak HH, Wollitzer AO, Pettitt DJ. Television watching and soft drink consumption: associations with obesity in 11- to 13-year-old schoolchildren. *Arch Pediatr Adolesc Med*. 2003 Sep; 157(9):882-6.

²⁶ Gillis LJ, Bar-Or O. Food away from home, sugar-sweetened drink consumption and juvenile obesity. *J Am Coll Nutr*. 2003 Dec; 22(6):539-45.

²⁷ Nicklas TA, Yang SJ, Baranowski T, Zakeri I, Berenson G. Eating patterns and obesity in children. The Bogalusa Heart Study. *Am J Prev Med*. 2003 Jul; 25(1):9-16.

tiêu thụ ĐUCĐ và tăng cân ở trẻ em và người lớn^{28,29,30}. Kết quả từ nghiên cứu mang tên Lớn lên Ngày nay (Growing Up Today-GUT) theo dõi trên 10.000 trẻ cho thấy, ở trẻ em gái, việc tiêu thụ ĐUCĐ có liên quan đến việc tăng cân³¹. Nghiên cứu Các cuộc Khảo sát về dinh dưỡng và sức khỏe I, II và III – gọi tắt là NHANES (National Health and Nutrition Examination Surveys) cho thấy, việc tiêu thụ nước ngọt đóng góp một tỷ lệ năng lượng cao hơn ở những đối tượng có cân nặng bình thường ở mỗi nhóm tuổi và giới tính³². Nghiên cứu theo dõi 11654 trẻ em trong 3 năm cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa tiêu thụ soda và tăng cân ở cả trẻ gái và trẻ trai. Tiêu thụ 236 ml soda hàng ngày khiến BMI trẻ trai tăng 4% trong năm tiếp theo; tiêu thụ soda nhiều hơn 472ml/ngày sẽ khiến BMI trẻ trai tăng 14% và trẻ gái tăng 10%³³. Trẻ em ở những nhóm tuổi lớn hơn, các nghiên cứu cũng cho thấy việc tăng tiêu thụ ĐUCĐ có tỷ lệ thuận với tăng chỉ số BMI. Dữ liệu nghiên cứu cho thấy, lượng tiêu thụ ĐUCĐ là yếu tố đóng góp lớn nhất vào tổng năng lượng ăn vào và góp phần làm trẻ tăng cân³⁴. Một nghiên cứu khác cũng cho thấy trẻ em uống 355ml (khoảng 1 lon) soda mỗi ngày, tỷ lệ mắc bệnh béo phì tăng lên 60% trong suốt 1 năm rưỡi theo dõi³⁵. Nghiên cứu tại Hy Lạp ở trẻ từ 7-15 tuổi cho thấy trẻ em và thanh thiếu niên tiêu thụ ĐUCĐ có nguy cơ bị béo phì cao hơn 2,57 lần so với những trẻ em và thanh thiếu niên không tiêu thụ loại đồ uống này³⁶. Hơn nữa việc tiêu thụ các loại ĐUCĐ có nhiều năng lượng rỗng nhưng lại không có lợi ích về dinh dưỡng này sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của trẻ³⁷. Các nghiên cứu ở trẻ em và người lớn đã chỉ ra rằng, ở những người thừa cân, việc giảm tiêu thụ ĐUCĐ có thể

²⁸ Malik VS, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and BMI in children and adolescents: reanalyses of a meta-analysis. *The American journal of clinical nutrition*. 2009 Jan 1;89(1):438-9

²⁹ Te Morenga L, Mallard S, Mann J. Dietary sugars and body weight: systematic review and meta-analyses of randomised controlled trials and cohort studies. *BMJ*. 2013; 346:e7492.

³⁰ Malik VS, Pan A, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and weight gain in children and adults: a systematic review and meta-analysis. *American Journal of Clinical Nutrition*. 2013; 98(4):1084-102.

³¹ Berkey CS, Rockett HR, Field AE, Gillman MW, Colditz GA. Sugar-added beverages and adolescent weight change. *Obes Res*. 2004 May; 12(5):778-88.

³² Troiano RP, Briefel RR, Carroll MD, Bialostosky K. Energy and fat intakes of children and adolescents in the united states: data from the national health and nutrition examination surveys. *Am J Clin Nutr*. 2000 Nov; 72(5 Suppl):1343S-1353S.

³³ Berkey CS, Rockett HR, Field AE, Gillman MW, Colditz GA. Sugar-added beverages and adolescent weight change. *Obes Res*. 2004;12:778-88.

³⁴ Wang YC, Bleich SN, Gortmaker SL. Increasing caloric contribution from sugar-sweetened beverages and 100% fruit juices among US children and adolescents, 1988-2004. *Pediatrics*. 2008 Jun; 121(6):e1604-14.

³⁵ Ludwig DS, Peterson KE, Gortmaker SL. Relation between consumption of sugar-sweetened drinks and childhood obesity: a prospective, observational analysis. *The Lancet*. 2001 Feb 17;357(9255):505-8.

³⁶ Papatreou, D., Andreou, E., Heraclides, A., & Rousso, I. Is beverage intake related to overweight and obesity in school children?. *Hippokratia*, 2013; 17(1), 42-46.

³⁷ Briefel RR, Wilson A, Gleason PM. Consumption of low-nutrient, energy-dense foods and beverages at school, home, and other locations among school lunch participants and nonparticipants. *J Am Diet Assoc*. 2009 Feb; 109(2 Suppl):S79-90.

giúp kiểm soát cân nặng tốt hơn^{38, 39}. Thừa cân ở trẻ em cũng làm tăng nguy cơ béo phì, các BKLN, tử vong sớm và tàn tật ở tuổi trưởng thành⁴⁰.

2. ĐUCĐ có mối liên hệ trực tiếp tới sâu răng và các bệnh về răng miệng

Sâu răng, hạn chế chức năng răng, mất răng vĩnh viễn... xảy ra từ thời thơ ấu và ảnh hưởng đến tuổi trưởng thành. Tổng hợp từ các nghiên cứu có giá trị khoa học cao cho thấy tiêu thụ thường xuyên ĐUCĐ có mối liên hệ trực tiếp tới các bệnh về răng miệng như sâu răng, xói mòn răng,.... Nghiên cứu phân tích từ 104 bài báo cho thấy tiêu thụ nước ngọt có hàm lượng đường cao và nồng độ axit có thể góp phần gây hại cho sức khỏe răng miệng⁴¹. Một phân tích tổng hợp cũng cho thấy, tiêu thụ nước tăng lực có liên quan đến gia tăng khoảng 2,4 lần xói mòn răng bởi độ pH thấp và lượng đường cao của nước tăng lực⁴². Một nghiên cứu cho thấy, nguy cơ sâu răng ở trẻ em sẽ tăng 22% nếu trẻ tiêu thụ ĐUCĐ hàng ngày⁴³.

3. ĐUCĐ làm gia tăng tỷ lệ mắc các bệnh rối loạn chuyển hóa

Gia tăng nguy cơ mắc đái tháo đường tuýp 2: Những người tiêu thụ ĐUCĐ thường xuyên (1 - 2 lon mỗi ngày hoặc nhiều hơn) có nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2 cao hơn 26% so với những người hiếm khi sử dụng⁴⁴. Một nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng, tiêu thụ 340ml (khoảng 1 lon) ĐUCĐ/ngày sẽ tăng nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2 lên 22% so với những người uống ít hơn 1 lon/tháng; nguy cơ thậm chí còn cao hơn ở nhóm thanh niên và người gốc Á⁴⁵. Trong một nghiên cứu dịch tễ học (Framingham Heart Study), nam giới và phụ nữ trung niên uống từ một ly (one drink) nước ngọt trở lên mỗi ngày có nguy cơ mắc tiền đái tháo đường hoặc đái tháo đường cao hơn từ 25% đến 32% và có khả năng mắc hội chứng chuyển hóa cao hơn gần 45% so với những người không uống⁴⁶. Một nghiên cứu (năm 2019) sử dụng dữ liệu của 3 nghiên cứu (the Nurses' Health Study, the

³⁸ Chen L, Appel LJ, Loria C, Lin PH, Champagne CM, Elmer PJ, Ard JD, Mitchell D, Batch BC, Svetkey LP, Caballero B. Reduction in consumption of sugar-sweetened beverages is associated with weight loss: the PREMIER trial. *The American journal of clinical nutrition*. 2009 Apr 1; 89(5):1299-306.

³⁹ Ebbeling CB, Feldman HA, Osganian SK, Chomitz VR, Ellenbogen SJ, Ludwig DS. Effects of decreasing sugar-sweetened beverage consumption on body weight in adolescents: a randomized, controlled pilot study. *Pediatrics*. 2006 Mar 1; 117(3):673-80.

⁴⁰ <https://www.who.int/elena/titles/free-sugars-children-ncds/en/>.

⁴¹ Tahmassebi, J. F., & BaniHani, A. (2020). Impact of soft drinks to health and economy: a critical review. *European archives of paediatric dentistry : official journal of the European Academy of Paediatric Dentistry*, 21(1), 109-117. <https://doi.org/10.1007/s40368-019-00458-0>

⁴² Li H, Zou Y, Ding G. Dietary factors associated with dental erosion: a meta-analysis. *PLoS One*. 2012; 7(8):e42626. [PMC free article] [PubMed] [Google Scholar].

⁴³ Wilder JR, Kaste LM, Handler A, McGruder T C, Rankin KM. The association between sugar-sweetened beverages and dental caries among third-grade students in Georgia. *J Public Health Dent*. 2015

⁴⁴ Malik VS, Popkin BM, Bray GA, Després JP, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and risk of metabolic syndrome and type 2 diabetes: a meta-analysis. *Diabetes care*. 2010 Nov 1; 33(11):2477-83.

⁴⁵ The InterAct Consortium. Consumption of sweet beverages and type 2 diabetes incidence in European adults: results from EPIC-InterAct. *Diabetologia* PMID, 2013.

⁴⁶ Dhingra R, Sullivan L, Jacques PF, Wang TJ, Fox CS, Meigs JB. D, Agostino RB, Gaziano JM, Vasan RS: Soft drink consumption and risk of developing cardiometabolic risk factors and the metabolic syndrome in middle-aged adults in the community. *Circulation*. 2007; 116:480-8.

Nurses' Health Study II, and the Health Professionals' Follow-up Study), chỉ ra rằng, nếu uống nhiều hơn 118ml ĐUCĐ (bao gồm cả nước trái cây nguyên chất 100%) mỗi ngày trong 4 năm có liên quan đến nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2 cao hơn 16% trong 4 năm tiếp theo⁴⁷. Nghiên cứu này cũng cho thấy, sử dụng nhiều đồ uống có chất tạo ngọt nhân tạo (đường hóa học) thay vì ĐUCĐ dường như không làm giảm nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường. Tuy nhiên, thay thế một khẩu phần ĐUCĐ hàng ngày bằng nước, cà phê hoặc trà không đường có liên quan đến việc giảm nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường từ 2–10%⁴⁸.

4. Gia tăng nguy cơ mắc các bệnh tim mạch như tăng huyết áp, bệnh mạch vành,... Các nghiên cứu trên quần thể rộng, cỡ mẫu lớn và theo dõi trong thời gian dài cho thấy tiêu thụ thường xuyên ĐUCĐ làm gia tăng nguy cơ mắc tăng huyết áp, bệnh mạch vành, và các biến chứng tim mạch khác. Một nghiên cứu tổng quan hệ thống và phân tích từ 14 nghiên cứu với gần 94.000 người tham gia cho thấy việc tiêu thụ ĐUCĐ thường xuyên có nguy cơ bị tăng huyết áp cao hơn 1,36 lần, huyết áp tâm trương tăng 1,67mmHg ở trẻ em và thanh thiếu niên. Một nghiên cứu ở Hàn Quốc trên gần 2000 người cho thấy tiêu thụ ĐUCĐ có nguy cơ tăng huyết áp cao hơn 21% so với những người ít tiêu thụ loại đồ uống này, đồng thời nguy cơ này đặc biệt cao ở những người có BMI ≥ 25 kg/m²⁴⁹. Đối với lứa tuổi nhỏ hơn, một nghiên cứu ở Trung Quốc với sự tham gia của hơn 10.000 học sinh tiểu học và THCS cho thấy sử dụng thường xuyên ĐUCĐ có nguy cơ mắc tăng huyết áp cao hơn 40% so với những trẻ ít tiêu thụ đồ uống này⁵⁰. Một nghiên cứu theo dõi 40.000 nam giới trong 20 năm cho thấy, những người uống trung bình 1 lon ĐUCĐ mỗi ngày có nguy cơ bị mạch vành hoặc tử vong do bệnh mạch vành cao hơn 20% so với những người hiếm khi uống ĐUCĐ⁵¹. Một nghiên cứu khác theo dõi sức khỏe của gần 90.000 phụ nữ trong 24 năm cho thấy việc tiêu thụ ĐUCĐ thường xuyên có liên quan đến nguy cơ mắc bệnh mạch vành cao. Những phụ nữ uống hơn 2 phần (two servings) ĐUCĐ mỗi ngày có nguy cơ bị bệnh mạch vành hoặc tử vong do

⁴⁷ Drouin-Chartier JP, Zheng Y, Li Y, Malik V, Pan A, Bhupathiraju SN, Manson JE, Tobias DK, Willett WC, and Hu FB. Changes in Consumption of Sugary Beverages and Artificially Sweetened Beverages and Subsequent Risk of Type 2 Diabetes: Results from Three Large Prospective U.S. Cohorts of Women and Men. *Diabetes Care*. online 2019 Oct 3.

⁴⁸ Drouin-Chartier JP, Zheng Y, Li Y, Malik V, Pan A, Bhupathiraju SN, Manson JE, Tobias DK, Willett WC, and Hu FB. Changes in Consumption of Sugary Beverages and Artificially Sweetened Beverages and Subsequent Risk of Type 2 Diabetes: Results from Three Large Prospective U.S. Cohorts of Women and Men. *Diabetes Care*. online 2019 Oct 3.

⁴⁹ Kwak, J. H., Jo, G., Chung, H. K., & Shin, M. J. (2019). Association between sugar-sweetened beverage consumption and incident hypertension in Korean adults: a prospective study. *European journal of nutrition*, 58(3), 1009–1017. <https://doi.org/10.1007/s00394-018-1617-1>

⁵⁰ Qin, Z., Xu, F., Ye, Q., Zhou, H., Li, C., He, J., Wang, Z., Hong, X., & Hou, X. (2018). Sugar-sweetened beverages and school students' hypertension in urban areas of Nanjing, China. *Journal of human hypertension*, 32(6), 392–396. <https://doi.org/10.1038/s41371-018-0030-9>

⁵¹ De Koning L, Malik VS, Kellogg MD, Rimm EB, Willett WC, Hu FB. Sweetened beverage consumption, incident coronary heart disease, and biomarkers of risk in men. *Circulation*. 2012 Apr 10; 125(14):1735-41.

bệnh mạch vành cao hơn 40% so với những phụ nữ hiếm khi uống loại đồ uống này⁵². Một nghiên cứu trên 4000 nam giới ở Hàn Quốc cũng cho thấy việc tiêu thụ ĐUCĐ ≥ 3 lần/tuần có liên quan đến nguy cơ mắc bệnh tim mạch cao (nguy cơ mắc bệnh tim mạch sau 10 năm $\geq 10\%$)⁵³.

5. Gia tăng nguy cơ mắc bệnh gút ở cả nam và nữ.

Một nghiên cứu kéo dài 22 năm trên 80.000 phụ nữ cho thấy những người uống một lon ĐUCĐ mỗi ngày có nguy cơ mắc bệnh gút cao hơn 75% so với những phụ nữ hiếm khi uống đồ uống như vậy⁵⁴. Các nhà nghiên cứu nhận thấy nguy cơ tương tự cũng tăng ở nam giới⁵⁵.

6. Gia tăng nguy cơ ung thư và tỷ lệ thuận với nguy cơ tử vong

Sử dụng thường xuyên ĐUCĐ làm gia tăng nguy cơ ung thư đại trực tràng, có mối liên quan đặc biệt với nguy cơ ung thư vú, ung thư tiền liệt tuyến,... Một nghiên cứu phân tích số liệu từ 95.000 phụ nữ tham gia trong vòng 15 năm cho thấy **nguy cơ ung thư đại trực tràng cao gấp đôi** ở những người tiêu thụ ≥ 708 ml ĐUCĐ/ngày⁵⁶. Nghiên cứu này cũng cho thấy với mỗi 354ml ĐUCĐ/ngày uống thêm thì nguy cơ ung thư đại trực tràng sẽ tăng thêm 16%. Đặc biệt ở nhóm tuổi 13-18 tuổi, với mỗi 354ml ĐUCĐ/ngày tăng thêm thì nguy cơ ung thư tăng gấp đôi so với nhóm người trưởng thành, tức tăng nguy cơ thêm 32%. Một nghiên cứu thuần tập khác ở Châu Âu từ 2009-2019 trên 101.000 người cho thấy tổng lượng đường tiêu thụ có **mối liên quan với nguy cơ ung thư cao (ung thư vú và ung thư tiền liệt tuyến)**⁵⁷. Một nghiên cứu khác ở Anh trên 200.000 nam giới từ 40-69 tuổi trong 10 năm (2006-2016) cũng cho thấy mối liên hệ đặc biệt giữa tiêu thụ ĐUCĐ và tỷ lệ tử vong⁵⁸.

⁵² Fung TT, Malik V, Rexrode KM, Manson JE, Willett WC, Hu FB. Sweetened beverage consumption and risk of coronary heart disease in women. *The American journal of clinical nutrition*. 2009 Feb 11;89(4):1037-42

⁵³ Kim, S. O., Bae, E. M., Lee, Y. N., & Son, J. S. (2021). Association between Consumption of Sugar-Sweetened Beverages and Risk of Cardiovascular Disease in Korean Men: Analysis Based on the Korea National Health and Nutrition Examination Survey 2014-2016. *Korean journal of family medicine*, 42(3), 212-218. <https://doi.org/10.4082/kjfm.20.0114>

⁵⁴ Choi HK, Willett W, Curhan G. Fructose-rich beverages and risk of gout in women. *JAMA*. 2010 Nov 24; 304(20):2270-8

⁵⁵ Choi HK, Curhan G. Soft drinks, fructose consumption, and the risk of gout in men: prospective cohort study. *BMJ*. 2008 Feb 7; 336(7639):309-12

⁵⁶ Hur, J., Otegbeye, E., Joh, H. K., Nimptsch, K., Ng, K., Ogino, S., Meyerhardt, J. A., Chan, A. T., Willett, W. C., Wu, K., Giovannucci, E., & Cao, Y. (2021). Sugar-sweetened beverage intake in adulthood and adolescence and risk of early-onset colorectal cancer among women. *Gut*, 70(12), 2330-2336. <https://doi.org/10.1136/gutjnl-2020-323450>

⁵⁷ Debras, C., Chazelas, E., Srouf, B., Kesse-Guyot, E., Julia, C., Zelek, L., Agaësse, C., Druet-Pecollo, N., Galan, P., Hercberg, S., Latino-Martel, P., Deschasaux, M., & Touvier, M. (2020). Total and added sugar intakes, sugar types, and cancer risk: results from the prospective NutriNet-Santé cohort. *The American journal of clinical nutrition*, 112(5), 1267-1279. <https://doi.org/10.1093/ajcn/nqaa246>

⁵⁸ Anderson, J. J., Gray, S. R., Welsh, P., Mackay, D. F., Celis-Morales, C. A., Lyall, D. M., Forbes, J., Sattar, N., Gill, J., & Pell, J. P. (2020). The associations of sugar-sweetened, artificially sweetened and naturally sweet juices with all-cause mortality in 198,285 UK Biobank participants: a prospective cohort study. *BMC medicine*, 18(1), 97. <https://doi.org/10.1186/s12916-020-01554-5>

Tần suất sử dụng ĐUCĐ tỷ lệ thuận với nguy cơ tử vong. Ở Hoa Kỳ, một nghiên cứu thuần tập với 37.716 nam giới và 80.647 phụ nữ cho thấy những người càng uống nhiều ĐUCĐ càng tử vong sớm; so với việc uống ĐUCĐ ít hơn 1 lần/tháng thì người uống 1- 4 lần/tháng có nguy cơ tăng 1%; uống 2 - 6 lần/tuần tăng 6%; uống 1-2 lần/ngày tăng 14%; và uống >2 lần/ngày tăng 21%; sự khác biệt có ý nghĩa thống kê rõ hơn ở ở phụ nữ so với ở nam giới⁵⁹. Bằng chứng gần đây cho thấy mối liên quan giữa tiêu thụ ĐUCĐ với tỷ lệ tử vong. Theo đó, giảm ĐUCĐ có thể dự phòng tử vong do góp phần làm giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, rối loạn đường máu, mỡ máu và tăng huyết áp, là các yếu tố nguy cơ gây tử vong phổ biến tại các nước có thu nhập thấp và trung bình^{60,61,62,63}.

⁵⁹ Malik V, Li Y, Pan A, De Koning L, Schernhammer E, Willett W, Hu F. Long-Term Consumption of Sugar-Sweetened and Artificially Sweetened Beverages and Risk of Mortality in US Adults. *Circulation*. 2019 Mar 18

⁶⁰ Malik VS, Popkin BM, Bray GA, Després JP, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and risk of metabolic syndrome and type 2 diabetes: a meta-analysis. *Diabetes care*. 2010 Nov 1;33(11):2477-83.

⁶¹ Malik V, Li Y, Pan A, De Koning L, Schernhammer E, Willett W, Hu F. Long-Term Consumption of Sugar-Sweetened and Artificially Sweetened Beverages and Risk of Mortality in US Adults. *Circulation*. 2019 Mar 18

⁶² Fung TT, Malik V, Rexrode KM, Manson JE, Willett WC, Hu FB. Sweetened beverage consumption and risk of coronary heart disease in women. *The American journal of clinical nutrition*. 2009 Feb 11;89(4):1037-42.

⁶³ Malik VS, Schulze MB, Hu FB. Intake of sugar-sweetened beverages and weight gain: a systematic review-. *The American journal of clinical nutrition*. 2006 Aug 1;84(2):274-88.



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3925/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH
Vấn đề dự thảo Luật
Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)
ĐẾN Số: ...006.25.75
Ngày 17-07-2024
Chuyên: ...CST...
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) (sau đây gọi là dự thảo Luật), căn cứ vào tài liệu được cung cấp và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

Ngày 28/7/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023. Chính phủ đã cơ bản thống nhất với 07 chính sách mà Bộ Tài chính trình Chính phủ gồm: (1) Hoàn thiện các quy định về đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; (2) Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; (3) Hoàn thiện quy định về căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt; (4) Hoàn thiện quy định về giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt; (5) Hoàn thiện quy định về thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt; (6) Hoàn thiện quy định về hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt; (7) Hoàn thiện quy định về điều khoản thi hành. Đồng thời, ngày 27/2/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP về đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), theo đó, Chính phủ cơ bản thống nhất với nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) tại Tờ trình số 25/TTr-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính. Qua nghiên cứu, nội dung dự thảo Luật cơ bản phù hợp với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua.

II. Về nội dung dự thảo Luật

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, chuyên gia, người làm thực tiễn rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật đảm bảo sự phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và tính khả thi. Trong đó đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau:

1. Về đối tượng chịu thuế (Điều 2 dự thảo Luật)

1.1. Điểm a, b khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định đối tượng chịu thuế

đối với thuốc lá và rượu như sau:

"a) Thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá lòn hoặc các dạng khác; và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm.

b) Rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, bao gồm cả các loại đồ uống có cồn thực phẩm khác được lên men từ trái cây, ngũ cốc; đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm".

Tuy nhiên, quy định trên chưa hoàn toàn thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống tác hại thuốc lá và khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống tác hại rượu bia giải thích từ ngữ về thuốc lá và rượu. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý nội dung trên cho phù hợp với pháp luật chuyên ngành khi đã có quy định cụ thể thể nào là thuốc lá, rượu. Để đảm bảo tính thống nhất, đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có thể liệt kê cụ thể hoặc dẫn chiếu đến pháp luật chuyên ngành, không nên vừa quy định theo pháp luật chuyên ngành vừa liệt kê sẽ không đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định bia là đối tượng chịu thuế nhưng không dẫn chiếu theo quy định của Luật Phòng chống tác hại rượu bia. Do đó, để đảm bảo tính nhất quán trong việc dẫn chiếu văn bản chuyên ngành tương tự như đối với thuốc lá và rượu, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý nội dung trên cho thống nhất.

1.2. Điểm 1 khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định: *"Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN),) có hàm lượng đường trên 5g/100ml"*. Đây là đối tượng mới được bổ sung so với quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ đối với trường hợp nhập khẩu nước giải khát theo tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tiêu chuẩn khác TVCN có hàm lượng đường trên 5g/100ml vào Việt Nam thì có thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hay không? đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung trên để đảm bảo tính công khai, minh bạch.

1.3. Hiện nay, đối tượng chịu thuế tại dự thảo Luật cơ bản kế thừa đối tượng chịu thuế quy định tại Luật hiện hành. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá toàn diện hơn để có cơ sở đề xuất việc loại bỏ một số mặt hàng đang chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành ra khỏi đối tượng chịu thuế. Ví dụ như: (1) xăng E5-E10 là loại xăng có hàm lượng 5%, 10% cồn sinh học là đầu vào của nhiều ngành sản xuất nên việc đánh thuế tiêu thụ đặc biệt có thể sẽ không còn hợp lý và chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội hiện nay (mục đích của thuế tiêu thụ đặc biệt là định hướng tiêu dùng nhưng do chưa có mặt hàng khác thay thế

xãng cho ngành sản xuất nên không có lựa chọn để thay thế); (2) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống, hiện nay điều hòa nhiệt độ đã trở thành mặt hàng phổ thông và được sản xuất với công nghệ investor nên cần thiết có đánh giá tác động nếu tiếp tục đưa vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp cần thiết đánh thuế điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống vì mục tiêu bảo vệ môi trường, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chia nhiều mức công suất tương ứng với mức thuế suất tương ứng (thực tế hiện nay điều hòa công suất 9.000 BTU và 12.000 BTU đã trở thành mặt hàng thông dụng trong các gia đình) để đảm bảo tính công bằng khi xác định mục tiêu bảo vệ môi trường.

2. Về thuế suất (Điều 8 dự thảo Luật)

Biểu thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định cụ thể đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ. Đây là vấn đề kinh tế - kỹ thuật nên Bộ Tư pháp không có ý kiến. Tuy nhiên, việc điều chỉnh tăng thuế suất đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể cần có đánh giá tác động kỹ lưỡng và tính toán cụ thể đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước và doanh nghiệp, đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến chuyên gia, các nhà khoa học và đối tượng chịu sự tác động về nội dung này để đảm bảo tính khả thi.

3. Về hoàn thuế, khấu trừ thuế (Điều 9 dự thảo Luật)

3.1. Điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật quy định: "*Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài*". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật thì hàng hóa nêu trên thuộc đối tượng không chịu thuế nên việc quy định hoàn thuế là chưa đảm bảo tính thống nhất.

3.2. Điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật quy định: "*Quyết toán thuế khi giải thể, phá sản có số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết*".

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp nhận thấy: (1) quy định như dự thảo Luật thu hẹp đối tượng được hoàn thuế so với quy định hiện hành (dự thảo Luật đã bỏ đối tượng: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động) (2) nguyên tắc của việc tổ chức lại doanh nghiệp quy định từ Điều 198 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp là công ty được chia, tách, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập, công ty chuyển đổi "*... đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp...*" của công ty bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, công ty được chuyển đổi, nhưng phải tuân thủ nghị quyết, quyết định của công ty và hợp đồng tương ứng; tuy nhiên, trong trường hợp việc phân chia quyền được hoàn thuế giữa các công ty bị chia, tách chưa được quy định rõ ràng tại nghị quyết, quyết định của

công ty, việc dự thảo Luật chưa dự liệu cho tình huống này có thể dẫn đến cơ quan thuế từ chối hoàn thuế, doanh nghiệp bị mất quyền hoàn thuế (trong khi không thể sửa đổi, bổ sung nghị quyết, quyết định của công ty bị chia, tách để bổ sung nội dung này); (3) trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì việc hoàn thuế trong trường hợp này sẽ như thế nào chưa được quy định rõ. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung trên cho phù hợp và thống nhất với pháp luật về doanh nghiệp và hợp tác xã.

4. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó có yêu cầu không được: “*chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ*” - điểm d khoản 2 Điều 9); (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỷ hợp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*” - Mục 3); (iii) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*” - Mục 2.1); (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; (v) Quyết định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

III. Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại dự thảo Luật để đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật theo quy định tại điểm b1 khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật theo quy định tại Nghị định

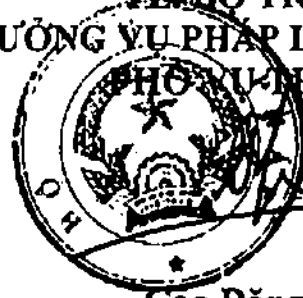
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), xin gửi Bộ Tài chính tham khảo, thực hiện đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật././

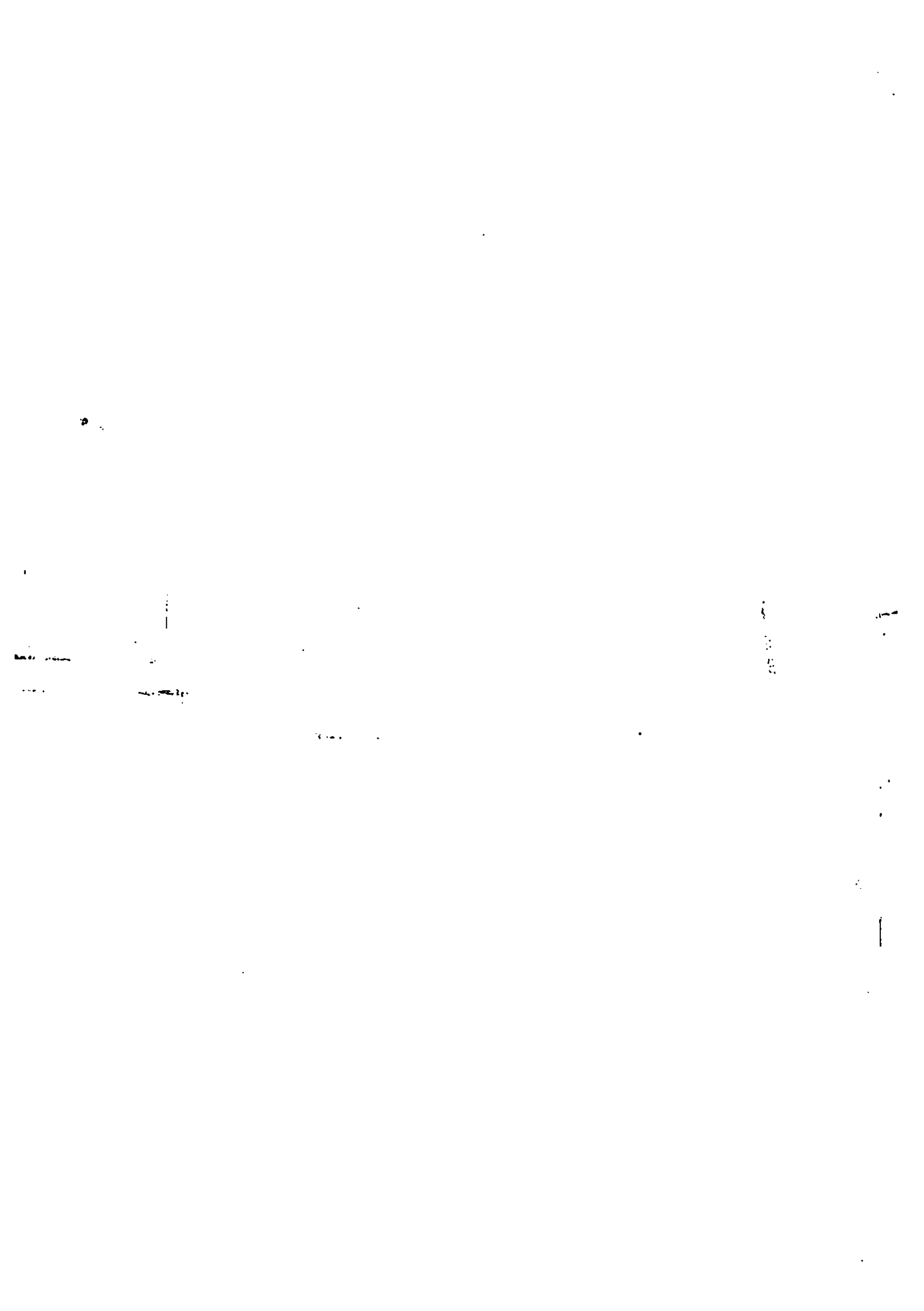
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ PLDSKT (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ DSKT (KTTH, Thuytt).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ
HỒ VỤ TRƯỞNG



Cao Đăng Vinh



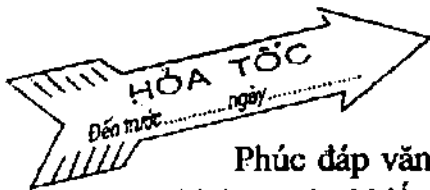
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5599 /BKHĐT-TCTT
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính



Phúc đáp văn bản số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến về hồ sơ xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

- Việc đề xuất xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, luật hóa những vấn đề đã được kiểm nghiệm thực tế, kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tiễn là cần thiết. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính tổng kết đầy đủ tình hình thực hiện các quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) trong thời gian qua, đánh giá tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân, đề xuất giải pháp xử lý tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi).

- Đề nghị Bộ Tài chính tham vấn kỹ ý kiến của các đối tượng chịu tác động của chính sách điều chỉnh thuế TTĐB, cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề và các địa phương. Đồng thời, đề nghị có đánh giá đầy đủ tác động của chính sách điều chỉnh thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế đến việc phát triển ngành nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung, trong đó lưu ý tác động đến các chỉ tiêu phát kinh tế - xã hội, cân đối NSNN; tác động đến môi trường đầu tư kinh doanh, tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút vốn FDI; phản ứng của người tiêu dùng, doanh nghiệp.

- Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật, đảm bảo: (i) tuân thủ nguyên tắc điều chỉnh thuế đã được UBTVQH nhất trí thông qua và phù hợp với chiến lược cải cách thuế; (ii) đáp ứng nguyên tắc nuôi dưỡng nguồn thu; (iii) quy định đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan; (iv) quy định đủ các nội dung chuyên tiếp để không tạo khoảng trống pháp lý trong tổ chức thực hiện.

2. Ý kiến cụ thể về dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi)

2.1. Đối với mặt hàng thuốc lá (điểm a khoản 1 Điều 2)

Đề nghị Cơ quan soạn thảo thuyết minh cơ sở đưa ra mức thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá; đánh giá ưu, nhược điểm khi áp dụng thu thuế TTĐB để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới nêu tại Điều 2.7 dự thảo Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, đề nghị làm rõ khái niệm "các dạng khác" tại điểm a

khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật là chế phẩm từ thuốc lá hay thuốc Lào để có cơ sở áp dụng thống nhất.

2.2. Đối với mặt hàng rượu, bia (điểm b, c khoản 1 Điều 2)

- Đề nghị Bộ Tài chính tham khảo ý kiến của các Hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng này để đưa ra lộ trình tăng thuế suất phù hợp với sự phát triển của ngành, đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu NSNN.

- Đề nghị sửa khái niệm về “rượu”, “bia” tại Điều 2 Dự thảo Luật, đảm bảo phù hợp với Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; bổ sung thuyết minh lý do đề xuất các phương án tăng thuế đối với rượu, bia và phân tích về ưu, nhược điểm của các phương án tại dự thảo Tờ trình.

2.3. Đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ (điểm h khoản 1 Điều 2)

Đề nghị Bộ Tài chính tham vấn ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để xem xét giữ lại hay bỏ mặt hàng điều hòa nhiệt độ ra khỏi danh sách đối tượng chịu thuế TTĐB, đặc biệt đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất dưới 18.000 BTU là mặt hàng bình dân, hiện đang được sử dụng phổ biến. Trường hợp tiếp tục đề xuất áp thuế TTĐB, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung đánh giá mức độ phát thải khi sử dụng mặt hàng này, đề xuất phương án giảm thuế suất xuống mức phù hợp.

2.4. Đối với mặt hàng nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml (điểm l khoản 1 Điều 2)

Dự thảo Tờ trình chưa đưa ra căn cứ chứng minh việc đưa mặt hàng này vào đối tượng chịu thuế TTĐB sẽ đạt được mục tiêu bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Việc áp thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường có thể không đạt mục tiêu tăng thu ngân sách, mà ngược lại có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong ngành nước giải khát và các ngành công nghiệp phụ trợ như mía đường, bán lẻ, bao bì, logistic, vùng nguyên liệu...

Để đảm bảo mục tiêu bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng¹, đề nghị Bộ Tài chính tham khảo kinh nghiệm quốc tế, phối hợp với Bộ Y tế có nghiên cứu sâu và lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các loại nước giải khát đến sức khỏe người tiêu dùng, đưa ra căn cứ thuyết phục để đề xuất mức thuế TTĐB phù hợp đối với các sản phẩm nước giải khát có hàm lượng đường vượt ngưỡng quy định và có hại đối với sức khỏe người tiêu dùng.

2.5. Đối với mặt hàng ô tô (điểm d khoản 1 Điều 2)

- *Đối với xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (xe pick-up)*: Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải tham vấn ý kiến các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách tăng thuế TTĐB; có đánh giá tổng thể tác động của chính sách đối với hoạt động sản

¹ Khoản 5 Mục V Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: “b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường... để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe”.

xuất kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra mức thuế suất và lộ trình tăng thuế phù hợp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

- Về xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp với năng lượng điện: Đề nghị bổ sung ưu đãi thuế TTĐB đối với loại xe sử dụng đồng thời động cơ đốt truyền thống kết hợp thêm động cơ điện (HEV) và quy định mức thuế suất theo mức độ phát thải của xe².

2.6. Đối với mặt hàng xăng sinh học (khoản 2 Điều 9)

Nhất trí với đề xuất của Bộ Tài chính về bổ sung quy định hoàn thuế đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và luật hóa quy định phù hợp của văn bản dưới Luật³.

2.7. Về giá tính thuế (khoản 1 Điều 6)

Đề nghị quy định rõ khái niệm "giá giao dịch thông thường trên thị trường", tránh gây vướng mắc trong việc xác định đối tượng chịu thuế và người nộp thuế.

2.8. Về hoàn thuế, khấu trừ thuế (điểm b khoản 1 Điều 9)

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp sau sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp phải kế thừa các quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp trước đó. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư và doanh nghiệp, đề nghị cơ quan soạn thảo giữ quy định hiện hành về việc hoàn thuế trong trường hợp *sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp* đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với hồ sơ dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (*sửa đổi*), kính gửi Quý Bộ để nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: ĐKKD, ĐTNN, KHGD; PTDN, KTCNDV, PC; L&VHXH;
- Lưu: VT, TCTK. 02

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

² Theo dự báo của Tổ chức Bloomberg New Energy Finance (BNEF) và Tổ chức phi chính phủ Transport and Environment, trên toàn cầu trong vòng 10 năm tới, xe ô tô sử dụng động cơ đốt trong vẫn sẽ chiếm phần lớn và các xe HEV, PHEV được đánh giá là có nhiều tiềm năng phát triển cho đến năm 2035. Do đó, ngoài các chính sách hỗ trợ phát triển xe BEV (xe điện chạy pin), cần bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho việc phát triển xe HEV và PHEV tại Việt Nam.

³ Hiện đang được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.



BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2305 /BCA-V03

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật
Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: ...6.1.162....
Ngày:	12-07-2024
Chuyên:	Quản lý Thuế
Số và ký hiệu HS:

Trả lời Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/06/2024 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật về đối tượng chịu thuế là xe có động cơ dưới 24 chỗ, đề nghị bổ sung cụm từ “không bao gồm xe ô tô dưới 24 chỗ phục vụ an ninh”.

2. Tại Điều 3 dự thảo Luật về đối tượng không chịu thuế, đề nghị chỉnh lý một số điểm như sau:

a) Tại điểm b khoản 2 về hàng hóa quá cảnh không thuộc đối tượng chịu thuế, đề nghị chỉnh lý cụm từ “hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật thương mại” thành “hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương”.

b) Tại điểm c khoản 2 về hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu... không thuộc đối tượng chịu thuế, đề nghị chỉnh lý như sau cho rõ ràng, đầy đủ: “*Trường hợp quá thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hoặc trong thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập mà thay đổi mục đích thành mua vào hoặc bán ra, nếu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.*”

c) Đề nghị cân nhắc bỏ quy định đối tượng không chịu thuế là hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu (điểm đ); nên quy định loại hàng hóa này thuộc đối tượng được hoàn thuế thì phù hợp hơn.

d) Tại khoản 3, đề nghị giữ nguyên quy định là “tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” thay vì chỉ quy định “máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng” như dự thảo Nghị định để bảo đảm các phương tiện bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng đều thuộc đối tượng không chịu thuế do Luật Hàng không dân dụng Việt Nam quy định tàu bay bao gồm máy bay, trực thăng, tàu lượn, khí cầu và các thiết bị bay khác.

3. Tại Điều 8 về thuế suất, đề nghị chọn các phương án thuế suất như sau:



CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 115/NQ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở thảo luận của các Thành viên Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, tổ chức vào ngày 26 tháng 7 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

I. Nội dung, yêu cầu:

Chính phủ tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược theo Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII. Từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã tổ chức các Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật để cho ý kiến, thông qua nhiều đề nghị xây dựng Luật, dự án Luật, dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, tạo không gian và động lực cho phát triển, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

1. Nội dung:

Tại Phiên họp này, Chính phủ tập trung thảo luận, cho ý kiến 08 nội dung quan trọng, phức tạp, có phạm vi điều chỉnh rộng, tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, doanh nghiệp và đời sống Nhân dân, gồm: (1) Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu giá tài sản; (2) Dự án Luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi)¹; (3) Đề nghị xây dựng Luật phòng, chống mua bán người (sửa đổi); (4) Đề nghị xây dựng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); (5) Đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); (6) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc quy định tại một số Luật liên quan

¹ Ban hành nghị quyết riêng

tới đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ; (7) Báo cáo đề xuất việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và (8) Báo cáo đề xuất về cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế.

2. Yêu cầu:

a) Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; rà soát các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tham khảo kinh nghiệm các nước; tiếp tục làm việc với các địa phương để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ, hoàn thiện các chính sách, giải pháp nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra, phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Hoàn thiện các quy định theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các khâu trung gian, quy trình, thủ tục hành chính; quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, minh bạch trong thực hiện nhằm hạn chế tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, bảo đảm tạo thuận lợi, đơn giản thủ tục cho người dân, doanh nghiệp.

c) Nghiên cứu, xây dựng chính sách cho các lĩnh vực ưu tiên phát triển như kinh tế xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, các hoạt động kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế như kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số...

d) Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các cấp, các ngành, gắn với phân bổ nguồn lực hiệu quả; tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, bảo đảm có sự phối hợp, kiểm soát quyền lực chặt chẽ.

đ) Cần quan tâm, ưu tiên đầu tư nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm, làm việc chất lượng, hiệu quả, bố trí kinh phí phù hợp đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng pháp luật. Đây là công việc rất quan trọng, rất cấp bách, cần đáp ứng các yêu cầu mới về phát triển kinh tế - xã hội.

e) Các cơ quan chủ trì soạn thảo tập trung tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực thi pháp luật; nghiên cứu, xây dựng các chính sách; tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động, ý kiến tham vấn của các tổ chức, hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân.

g) Chủ động truyền thông chính sách để tạo sự đồng thuận cao từ khi đề xuất chính sách đến quá trình soạn thảo và ngay sau khi ban hành văn bản. Trong quá trình soạn thảo, chú ý nghiên cứu đánh giá đầy đủ tác động của các chính sách, lấy ý kiến về những vấn đề khó, nhạy cảm, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ; chủ động phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan của Quốc hội; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách.

II. Chính phủ quyết nghị các nội dung cụ thể như sau:

Chính phủ đánh giá cao các cơ quan chủ trì soạn thảo đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cơ quan liên quan chuẩn bị nghiêm túc, trách nhiệm, cơ bản bảo đảm chất lượng các nội dung trình Chính phủ theo quy định của Luật ban

hành văn bản quy phạm pháp luật.

1. Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản:

Chính phủ thống nhất về sự cần thiết xây dựng dự án Luật nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong xử lý tài sản công; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành Luật đấu giá tài sản năm 2016.

Chính phủ cơ bản thống nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu tối đa ý kiến của Thành viên Chính phủ với các yêu cầu sau:

a) Nghiên cứu, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, quản lý sử dụng tài nguyên, đất đai, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự án Luật.

b) Tổng kết kỹ lưỡng việc thi hành Luật đấu giá tài sản năm 2016, thuyết minh rõ các quy định còn phù hợp để kế thừa; các quy định không còn phù hợp với thực tiễn, chưa phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Nội dung thuyết minh cần phân tích kỹ lưỡng cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc kế thừa, sửa đổi, bổ sung từng quy định cụ thể.

c) Rà soát dự thảo Luật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các Bộ luật, Luật hiện hành và các dự án Luật đang được Chính phủ trình Quốc hội như: Bộ luật dân sự, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật cạnh tranh, Luật tấn số vô tuyến điện, Luật giá (sửa đổi), Luật hợp tác xã (sửa đổi), Luật khoáng sản, Luật xử lý vi phạm hành chính, dự án Luật đất đai (sửa đổi), dự án Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi)...

d) Quy định của dự thảo Luật phải thể hiện rõ nguyên tắc, chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về đấu giá tài sản, các cơ quan trung ương tập trung xây dựng cơ chế, chính sách, thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm thi hành pháp luật; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động đấu giá.

đ) Trình tự, thủ tục đấu giá phải bảo đảm tính minh bạch, khả thi trong thực tiễn, bảo đảm quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động đấu giá tài sản; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, quy trình thực hiện đấu giá, đẩy mạnh áp dụng đấu giá trực tuyến.

e) Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước, trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu giá, cuộc đấu giá nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp

trong hoạt động đấu giá; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, hành vi vi phạm quyền của chủ sở hữu tài sản, người tham gia đấu giá, các biểu hiện “quân xanh, quân đỏ” và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực đấu giá tài sản.

g) Rà soát các quy định về đấu giá các tài sản đặc thù (như quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản, quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, biển số xe...), bảo đảm nguyên tắc các quy định của Luật đấu giá tài sản về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, các vấn đề trước và sau khi đấu giá như: giám định tài sản đấu giá, định giá, xác định giá khởi điểm, điều kiện của người tham gia đấu giá, phê duyệt kết quả đấu giá, ký hợp đồng mua bán, nộp tiền trúng đấu giá, bàn giao tài sản đấu giá... thực hiện theo quy định của Luật chuyên ngành; nghiên cứu việc đấu giá một số tài sản đặc thù khác như quyền khai thác đường cao tốc, cổ phần của Nhà nước, mua bán nợ...; nghiên cứu xây dựng quy định chung về đấu giá các tài sản đặc thù để bảo đảm sự ổn định, hiệu lực lâu dài của Luật, có cơ sở để xử lý khi phát sinh các loại tài sản đặc thù khác trong thực tiễn.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Thành viên Chính phủ, Bộ Tư pháp hoàn thiện hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Quốc hội dự án Luật này tại Kỳ họp thứ 6, tháng 10 năm 2023.

Giao Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang chỉ đạo việc hoàn thiện dự án Luật này.

2. Về Đề nghị xây dựng Luật phòng, chống mua bán người (sửa đổi):

Chính phủ cơ bản thống nhất với 03 nội dung chính sách, gồm: (1) Hoàn thiện quy định về căn cứ xác định nạn nhân; (2) Quy định chế độ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; (3) Hoàn thiện quy định để nâng cao chế độ, chính sách hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan tiếp thu tối đa ý kiến của Thành viên Chính phủ với một số yêu cầu sau:

a) Thể chế hóa đầy đủ, đồng bộ chủ trương, quan điểm của Đảng về phòng, chống mua bán người; tiếp tục tổng kết các quy định pháp luật liên quan về phòng, chống mua bán người; rà soát, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các Bộ luật, Luật liên quan như: Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật trợ giúp pháp lý... và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; nghiên cứu bổ sung các quy định để xử lý những bất cập, vướng mắc phát sinh trên thực tiễn.

b) Tăng cường phân cấp, quy định rõ trách nhiệm, bảo đảm phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành, cơ quan; phát huy vai trò phòng, chống mua bán người từ cơ sở. Bổ sung quy định về công tác phòng ngừa; đa dạng hóa nguồn lực hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hoạt động mua bán người.

Giao Bộ Công an hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp vào Đề nghị của Chính phủ bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp

lệnh năm 2024 của Quốc hội theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).

3. Về Đề nghị xây dựng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi):

Chính phủ cơ bản thống nhất với 07 nhóm chính sách, gồm: (1) Hoàn thiện các quy định về đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; (2) Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; (3) Hoàn thiện quy định về căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt; (4) Hoàn thiện quy định về giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt; (5) Hoàn thiện quy định về thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt; (6) Hoàn thiện quy định về hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt; (7) Hoàn thiện quy định về điều khoản thi hành.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu tối đa ý kiến của Thành viên Chính phủ với các yêu cầu sau:

a) Nghiên cứu thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm điều tiết tiêu dùng phù hợp xu hướng tiêu dùng trong xã hội theo hướng bảo vệ sức khỏe Nhân dân và bảo vệ môi trường, bảo đảm huy động hợp lý nguồn lực cho ngân sách nhà nước và phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế. Việc sửa đổi Luật cần bảo đảm khắc phục vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành Luật.

b) Đối với chính sách, giải pháp liên quan đến bổ sung đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, cần phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng, bổ sung thêm cơ sở khoa học, cơ sở thực tế để tăng tính thuyết phục và thống nhất với các luật liên quan.

c) Đối với chính sách hoàn thiện quy định về căn cứ tính thuế và thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt, xây dựng phương pháp tính thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thuế tuyệt đối) đối với rượu, bia theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với xu hướng cải cách thuế của quốc tế; xây dựng giải pháp điều chỉnh tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt với rượu, bia, thuốc lá ở mức thuế suất phù hợp, theo lộ trình trên cơ sở bảo đảm mục tiêu thuế tiêu thụ đặc biệt góp phần định hướng sản xuất, hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.

d) Đối với các chính sách, giải pháp khác về đối tượng không chịu thuế, căn cứ tính thuế, giá tính thuế, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt..., cần căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định này, bám sát Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm giải pháp đề xuất có tính khả thi, tháo gỡ được các vướng mắc, thống nhất, đồng bộ với các luật liên quan.

đ) Trong giai đoạn xây dựng dự án Luật, Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng các nội dung đề xuất, bổ sung các đánh giá có tính khoa học, thực tiễn, nhất là về đề xuất bổ sung đối tượng chịu thuế, sửa đổi phương pháp tính thuế, điều

chính tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt...; lấy ý kiến rộng rãi, nhất là đối tượng chịu tác động của chính sách; tích cực tham vấn các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học; phối hợp hiệu quả với các bộ, cơ quan liên quan; đẩy mạnh truyền thông chính sách để tạo sự đồng thuận cao của người dân, doanh nghiệp.

Giao Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 8 năm 2023 để tổng hợp vào Đề nghị của Chính phủ bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).

Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ trước ngày 25 tháng 8 năm 2023 để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Đề nghị của Chính phủ bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024 nêu trên theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Giao Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chỉ đạo việc xây dựng Luật này.

4. Về Đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Chính phủ cơ bản thống nhất với 05 nhóm chính sách, gồm: (1) Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; (2) Hoàn thiện các quy định về giá tính thuế giá trị gia tăng; (3) Hoàn thiện các quy định về thuế suất thuế giá trị gia tăng; (4) Hoàn thiện các quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào; (5) Hoàn thiện các quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu tối đa ý kiến của Thành viên Chính phủ với các yêu cầu sau:

a) Nghiên cứu thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách thuế giá trị gia tăng theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với mở rộng cơ sở thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý, bảo đảm minh bạch, công bằng, góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

b) Nghiên cứu hoàn thiện các chính sách về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để thu hẹp hơn nữa phạm vi áp dụng nhằm bảo đảm tính liên hoàn của sắc thuế này, tránh tạo ra kẽ hở để người nộp thuế lợi dụng gian lận, trốn thuế. Đối với một số giải pháp sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (như ban hành Danh mục về sản phẩm tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu; tỷ lệ nguồn vốn khác trong hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân; hàng hóa nhập khẩu để ủng hộ, tài trợ; dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích...) cần bổ sung cơ sở thuyết phục; giải pháp đề xuất bảo đảm minh bạch, khả thi, quản lý thu thuế được chặt chẽ.

c) Nghiên cứu hoàn thiện các chính sách về giá tính thuế và khấu trừ thuế giá trị gia tăng (như giá đất được trừ, định mức đối với chứng từ thanh toán không

dùng tiền mặt...) trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý, thống nhất với các luật chuyên ngành liên quan, bảo đảm tính ổn định của Luật.

d) Nghiên cứu hoàn thiện chính sách về thuế suất thuế giá trị gia tăng theo hướng giữ mức thuế suất theo quy định hiện hành; tiếp tục nghiên cứu thu hẹp nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất 5% nhằm bảo đảm bình đẳng giữa các hoạt động kinh doanh, minh bạch; kế thừa quy định hiện hành về thuế suất đối với dịch vụ xuất khẩu và quy định cụ thể các trường hợp dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

d) Nghiên cứu chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng để có đề xuất giải pháp phù hợp, bảo đảm nguyên tắc xử lý thống nhất về khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng, phù hợp với pháp luật có liên quan (như quy định về hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư...); tiếp tục rà soát quy định về hoàn thuế tại Luật thuế giá trị gia tăng cùng với rà soát quy định về thủ tục, hồ sơ hoàn thuế tại pháp luật về quản lý thuế, trường hợp cần thiết, kịp thời có giải pháp sửa đổi pháp luật về quản lý thuế phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân, rõ ràng về trách nhiệm và xử lý vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Giao Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 8 năm 2023 để tổng hợp vào Đề nghị của Chính phủ bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).

Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ trước ngày 25 tháng 8 năm 2023 để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Đề nghị của Chính phủ bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024 nêu trên theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Giao Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chỉ đạo việc xây dựng Luật này.

5. Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc quy định tại một số Luật liên quan tới đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ

Chính phủ cơ bản đồng ý với nội dung, dự thảo Tờ trình, Báo cáo và dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 5894/BC-BKHĐT và Tờ trình số 5895/TTr-BKHĐT ngày 26 tháng 7 năm 2023.

Các Bộ, cơ quan, địa phương nghiên cứu, cho ý kiến đối với các nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và danh mục dự án thí điểm theo đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản nêu trên, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của Thành viên Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023, ý kiến của các Bộ, cơ quan, địa phương để hoàn thiện hồ sơ, trong đó lưu ý: (1) Bổ sung nội dung kiến nghị Quốc hội cho phép Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (trong thời gian giữa 2 kỳ họp Quốc hội) xem xét, quyết định áp dụng các cơ chế, chính sách thí điểm quy định tại Nghị quyết khi phát sinh thêm các dự án mới tương tự cần áp dụng thí điểm và báo cáo Quốc hội kết quả tại kỳ họp gần nhất; (2) Rà soát kỹ lại danh mục các dự án thí điểm, trong đó lưu ý rà soát dự án Chơn Thành - Gia Nghĩa, dự án Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng; (3) Thực hiện áp dụng thí điểm trong vòng 5 năm; (4) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thưa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội theo quy định; gửi đầy đủ tài liệu Ủy ban Thường vụ Quốc hội đúng tiến độ.

Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ trước ngày 05 tháng 8 năm 2023 để báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc quy định tại một số Luật liên quan tới đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và cho phép xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội thông qua theo quy trình một kỳ họp Quốc hội (tại Kỳ họp thứ 6, tháng 10 năm 2023).

Giao Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chỉ đạo việc xây dựng Nghị quyết này.

6. Về Báo cáo đề xuất việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và Báo cáo đề xuất về cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế

Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khẩn trương nghiên cứu, có ý kiến góp ý trực tiếp vào Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của Thành viên Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng các Nghị quyết theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp gửi đầy đủ tài liệu cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo đúng tiến độ.

Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ trước ngày 05 tháng 8 năm 2023 để báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói

mòn cơ sở thuế toàn cầu và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và cho phép xây dựng các dự thảo Nghị quyết nêu trên theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội thông qua theo quy trình một kỳ họp Quốc hội (tại Kỳ họp thứ 6, tháng 10 năm 2023).

Giao Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chỉ đạo việc xây dựng các Nghị quyết này.

7. Giao Văn phòng Chính phủ thường xuyên phối hợp, đôn đốc, kiểm tra không để chậm tiến độ gửi hồ sơ đến các cơ quan của Quốc hội theo yêu cầu./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc,
TGD Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, PL (3b).

406

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Phạm Minh Chính

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/NQ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chính phủ cơ bản thống nhất với nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) tại Tờ trình số 25/TTr-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính và hồ sơ liên quan kèm theo, cụ thể:

1. Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO;

2. Tiến độ trình dự án Luật như sau: (i) Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung dự án Luật vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024 tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2024); (ii) Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến đối với dự án Luật tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024) và thông qua dự án Luật tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2025).

Điều 2. Giao Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật và gửi

Bộ Tư pháp tiến hành các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025, điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024 theo quy định của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Khoản 1 và khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này thay thế nội dung “xây dựng phương pháp tính thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thuế tuyệt đối) đối với rượu, bia theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với xu hướng cải cách thuế của quốc tế” tại điểm c và điểm d khoản 3 Mục II của Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các đồng chí Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: các PCN, Trợ lý TTg,
các Vụ: KTTH, CN, TH;
- Lưu: VT, PL (2) 09

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Ê Minh Khải